

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
-------------	---

PHẦN 1:	TIẾNG VIỆT
---------	------------

LỜI TỰA:	TƯỞNG NHỚ ĐẾN THIỀN SƯ HƯ VÂN	3
----------	-------------------------------	---

NHỮNG BÀI GIẢNG CỦA NGÀI HƯ VÂN

CHƯƠNG 1:	MỞ ĐẦU	19
CHƯƠNG 2:	THIỀN TẬP	25
CHƯƠNG 3:	CHỨNG NGỘ	39
CHƯƠNG 4:	BÀI THUYẾT GIẢNG VỀ HOA CỦA ĐỨC PHẬT	67
CHƯƠNG 5:	CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN	69
CHƯƠNG 6:	CHƯƠNG NGẠI	73
CHƯƠNG 7:	CÁCH THỜ VÀ TƯ THẾ	77
CHƯƠNG 8:	SỰ BỀN CHÍ VÀ TÀI ỨNG BIẾN	83
CHƯƠNG 9:	SỰ TRUYỀN THÔNG KHÔNG LỜI	93
CHƯƠNG 10:	CƯ SĨ BÀNG	97
CHƯƠNG 11:	ĐẠO TRƯỜNG SINH BẤT TỬ	103
CHƯƠNG 12:	MẠC SƠN	109
CHƯƠNG 13:	KẾT LUẬN	113
PHẦN 2:	TIẾNG ANH - ENGLISH	117
DANH SÁCH QUÝ ĐẠO HỮU PHÁT TÂM ẨN TỔNG		219

Lời Nói Đầu

Do một cơ duyên chúng tôi thỉnh được cuốn sách này tại Chùa Hư Vân ở Hawaii. Sau khi đọc và nhận thấy đây là một cuốn sách rất hữu ích qua các bài giảng của Hoà Thượng Hư Vân về Phật Pháp và Thiền Tập nên chúng tôi đã cố gắng bỏ công phiên dịch. Với lòng thành tâm, chúng tôi hy vọng những bài giảng này sẽ tiếp tục gieo thêm những mầm Pháp, và làm sáng tỏ thêm con đường Thiền Tập của một số người đang trên đường tu tập.

Trong lúc chuyển dịch, chúng tôi đã gặp một số trở ngại khó khăn, vì sự đồng âm của các chữ trong tiếng Hán, khi cố gắng dịch những tên phát âm qua tiếng Anh đã được chuyển âm từ tiếng Hán. Chúng tôi cũng thường xuyên liên lạc với Ni Sư Chuan Yuan Shakya (sau đổi Pháp Danh lại là Ming Zhen Shakya - Thích Minh Chân) là người viết văn bản tiếng Anh để tham khảo cho rõ ý.

Chúng tôi cố gắng tránh dùng những từ mơ hồ lung để những ai chưa bao giờ có dịp tìm hiểu Đạo Phật, vì cơ duyên khi sách này tới tay, đều có thể hiểu một cách tương đối dễ dàng mà không cần phải tốn nhiều công sức tra cứu thêm.

Phần Hai của cuốn sách được in lại bằng tiếng Anh để cho những người trẻ tuổi tại hải ngoại, không rành tiếng Việt, có thể đọc và hiểu những bài giảng này của ngài Hư Vân.

Và sau hết, chúng tôi xin chân thành tri ân tới tất cả các thành viên Hoa Lư và một số quý bạn hữu đã giúp đỡ phương tiện, phát tâm ấn tống cuốn sách, để Đạo Pháp được tiếp tục hoằng dương, cứu vớt chúng sinh ra khỏi bể khổ.

Mùa Thu Phật Lịch 2547 (Tháng 11 Năm 2003)

Nguyễn Xuân Đầu
Trần Dzũng Minh Dân

LỜI TỰA

TƯỞNG NHỚ ĐẾN THIỀN SƯ HƯ VÂN

Thích Tri Định

Tên của Thầy, Hư Vân, khi dịch qua tiếng Anh có nghĩa là "Mây Không", một sự diễn dịch thường làm người ta khó hiểu. Tất cả chúng ta biết đám mây là gì, nhưng cái gì, chúng ta tự hỏi, nghĩa là "không"?

Trong văn chương Thiền hay Zen, chữ "không" thường được thấy với nhiều cách định nghĩa mà tôi sẽ bắt đầu cố làm rõ nghĩa của nó.

Đề là "không" có nghĩa không còn bản ngã (cái tôi), không còn bất cứ ý niệm về mình, không phải cảm quan theo kiểu một người trong tình trạng không hay biết gì hay một con thú hoang dại - những vật sống chỉ đơn thuần qua tiến trình nước, thực phẩm và ánh nắng để phát triển và sinh sản - nhưng theo cảm quan của một người đã không còn đánh giá các sự kiện, người ta, nơi chốn, và những điều thuộc về môi trường của ta trong những chữ "tôi" hay "của tôi". Một người "không còn bản ngã" rất ít dịp nào dùng những đại danh từ này.

Cho phép tôi nói rõ hơn. Tất cả chúng ta đều đã nghe về bậc cha mẹ, hay bạn bè, hay tình nhân tuyên bố hoàn toàn không vị lợi trong tình yêu của anh ta với người nào đó. Một người chồng sẽ nói, "Tôi chẳng giữ gì cho tôi. Tôi đã cho nàng, vợ của tôi, tất cả." Ông này thì không phải đã được "không". Ông ta chỉ đơn thuần phóng chiếu một phần của mình trên người khác.

Một người thật sự "không" chẳng sở hữu một cái gì cả, ngay cả ý thức về cái tôi cũng không có. Điều quan tâm của ông ta không nằm ở trong những nhu cầu và lòng ham muốn của ông ta, mà quả thực ông ta không cả biết đến những suy nghĩ đó, nhưng chỉ với hạnh phúc của người khác. Ông ta không đánh giá người ta theo kiểu thích hay không thích, đáng hay không đáng, hay hữu dụng hay không hữu dụng. Ông ta cũng không đánh giá cao hay đánh giá thấp bất kỳ người nào. Ông ta hiểu một cách đơn giản rằng Đại Đức Phật A Di Đà (the

Great Buddha Amitabha), Vô Lượng Quang Phật (Buddha of Infinite Light and Goodness) có trong mọi chúng sinh, và vì sự chú tâm vào bản Tánh Phật này mà chính ông ta bỏ công phu vào.

Để chứng đắc cái "không" đó không phải là điều dễ. Một câu chuyện xưa về Thiền diễn tả cảnh tượng này:

Một vị Thiền Sư đảm trách việc dạy dỗ một môn đồ có nhiều khó khăn trong việc vứt bỏ những nhân cách cũ của mình trong cuộc sống trần thế ngày xưa. "Anh không thể phụng sự Pháp cho tới khi anh cắt đứt những liên lạc này," vị Thầy nói. "Anh phải phá tan những mối liên hệ tình cảm này! Giết chúng! Coi như chúng không hiện hữu!"

Người môn đồ hỏi, "Nhưng còn cha mẹ con thì sao? Con có phải giết họ luôn không?"

Vị Thầy trả lời, "Họ là ai mà phải tha chứ?"

"Và còn Thầy nữa," người môn đồ nói, "Con cũng phải giết Thầy luôn không?"

Vị Thầy cười và nói, "Đừng lo. Chẳng còn một tí tôi nào cho anh đụng tay tới được đâu."

Vị Thầy đó chính là ngài Hư Vân. Chẳng còn tí nào của Ngài để bất cứ ai có thể nắm được. Năm 1940, Không Quân Hoàng Gia Nhật bỏ bom Thiền Viện Nam Hoa (Nan Hua) mà Ngài đang ngồi thiền; nhưng họ chẳng đụng được tới Ngài. Năm 1951, khi Ngài già 93 tuổi, một bọn cán bộ cộng sản đánh Ngài liên tục; mặc dù chúng đánh gãy xương Ngài và đã thành công trong việc giết những vị sư trẻ, mạnh khoẻ hơn, nhưng chúng cũng không thể đụng đến Ngài. Chẳng còn tí nào của Ngài để bất cứ ai có thể nắm được. Làm sao Tánh Phật có thể bị giết? Ngài Hư Vân không thể chết cho tới khi ngài sẵn sàng để chết, cho tới khi Ngài đã hoàn tất những công tác mà Ngài đã đề ra cho chính mình.

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe về nhân vật phi thường này, sự hiện hữu của Ngài Mây Không đã định rõ cuộc đời tôi. Tôi sẽ kể cho các bạn những điều mà tôi nhớ và tôi sẽ làm hết sức mình để chuyển tới các bạn lời giảng Pháp của Ngài. Dĩ nhiên, nếu các bạn học từ Ngài, các bạn sẽ có thể cảm nhận được những sự vui sướng mà tôi đã có từ sự biết đến Ngài.

Ở trước mặt Ngài Hư Vân như đang ở trong một vùng sương buổi sáng của một ngày nắng ấm, hay đang ở trong một

đám mây trôi ở đỉnh của một ngọn núi. Một người có thể với tay ra để nắm bụi sương, song lẽ không cần biết anh ta đã cố gắng làm sao để mà chộp nó, tay anh ta luôn luôn là bàn tay không. Tuy nhiên, không cần biết lòng anh ta khô khan thế nào, đám Mây Không sẽ bao trùm nó với những hơi ẩm mang sự sống; hay không cần biết lòng anh ta đang đốt cháy bởi tức giận hay thất vọng, một luồng dịu mát sẽ lắng đọng trên anh ta, giống như những giọt sương nhẹ nhàng.

Đây chính là đám Mây Không của ngài Hư Vân hãy còn nấn ná lại với chúng ta. Thời gian và vàng Thái Dương không thể làm nó tiêu tan, vì nó chính là vàng Thái Dương, và nó cũng chính là bất diệt.

Giờ đây tôi sẽ kể cho các bạn nghe một số điều mà Ngài và tôi đã cùng chia sẻ trong quá khứ.

Trong thập niên 20, khi tôi còn là một đứa trẻ, ngài Hư Vân chưa đến Tu Viện Nam Hoa, tu viện mà ngài Huệ Năng, Lục Tổ của Thiền Tông, đã thành lập gần phố Thiệu Quan (Shao Guan), nơi tôi sinh sống. Thiệu Quan (Shao Guan) nằm khoảng 100 dặm về hướng Bắc của Quảng Châu (Canton) trong tỉnh Quảng Đông về phía nam của nước Trung Hoa.

Trong tất cả thế kỷ từ ngày thiền viện được thành lập năm 675 AD, Tu Viện Nam Hoa đã trải qua những chu kỳ lãng quên và trùng tu; nhưng khi tôi là một đứa trẻ, tu viện rõ ràng ở một trong những thời kỳ bị bỏ quên. Như tôi nhớ rõ ràng, tu viện thì giống như một sân chơi nhiều hơn là nơi thờ phượng như ngày hôm nay.

Trong những ngày đó, Thiệu Quan là một quận lỵ nhỏ bé yên tĩnh với một dòng sông, nơi mà trẻ con chẳng có gì để chơi cả. Ra thiền viện Nam Hoa đối với chúng tôi giống như được đi chơi ở Disneyland.

Điều làm sân chơi tu viện này thích thú hơn hết là hình như chẳng ai coi sóc nó cả. Khoảng một trăm ông sư và vài tá ni cô sống ở đó, nhưng hầu như họ bận rộn với việc cãi lộn hàng ngày. Ni cô cãi lộn với ni cô. Sư cãi lộn với sư. Ni cô cãi lộn với sư. Và những tòa nhà của trung tâm tôn giáo to lớn này đơn thuần chỉ là những nơi mà các cuộc cãi vã xảy ra. Nó hình như chẳng sao cả khi gỗ đang bị mục và những bức tường đá đang sụp đổ và những thanh sắt của ngôi chùa trắng đỏ đang han rỉ. Sự hư hoại đơn thuần theo mức độ suy đồi kỷ luật của tu viện.

Những người Phật Tử thuần thành, như cha mẹ tôi, đi chùa và đặt tiền vào thùng Cúng Dường; và nếu những đứa trẻ phá phách mà họ mang theo, giống như anh tôi và tôi, trèo lên những kiến tạo cổ kính, hay chơi trốn bắt sau những bức tượng linh thiêng, hay chạy qua những sảnh đường tôn nghiêm, chẳng ai phản đối gì cả. Nghiêm cấm chúng tôi nô đùa vui vẻ có thể gây hạn chế việc cúng dường. Tôi đoán, những vị sư nghĩ là họ đã phải chịu đựng những toà nhà đồ sộ, thì sao họ phải thử may rủi để vấn đề trở nên tệ hơn vì thiếu hụt tài chánh.

Vì thế chúng tôi luôn luôn có những lúc vui thích bất cứ khi nào chúng tôi đi Nam Hoa.

Chúng tôi chạy qua cầu Sông Tào Kê (Caoxi, Ts'ao Xi) và trèo lên một ngọn núi gần đó có một hốc tường đá thiên nhiên. Người ta nói Lục Tổ đã ngồi thiền ở hốc tường này. Chúng tôi ngồi vào trong đó cười giỡn, bắt chước dáng điệu thiền liêng của ngài.

Thảo nào Lục Tổ đã phải hiện ra trong một giấc mộng của ngài Hư Vân và nhờ ngài đi đến Tu Viện Nam Hoa để giải quyết tình trạng hỗn độn ở đó.

Tôi không được gặp ngài Hư Vân cho đến mãi năm 1934 khi tôi được bảy tuổi và ngài thì khoảng sáu mươi. Ngài nhìn giống hệt như bức hình mà tôi in lại ở đầu cuốn sách. Tôi sẽ kể các bạn nghe về cuộc gặp gỡ này. Nhưng để tăng giá trị, các bạn cần biết một chút về cuộc đời tôi.

Tên họ của tôi là Phong (Feng). Gốc gác gia đình tôi từ tỉnh Phúc Kiến (Fujian), nhưng cha tôi dời về Thiệu Quan, anh tôi và tôi đã ra đời và lớn lên ở đó. Theo tiêu chuẩn ở địa phương đó, gia đình tôi thuộc loại giàu có. Cha của tôi là chủ của hai cơ sở kinh doanh: một tiệm bán đồ xây cất nhà cửa và một tiệm bán thực phẩm khô như nấm, hành và những loại rau trái khác.

Tôi giả định mỗi hy vọng từ đầu của cha mẹ tôi là một ngày nào đó anh của tôi sẽ cai quản một cơ sở và tôi sẽ cai quản cơ sở kia. Nhưng tài năng của anh tôi không thể theo học ngành nào và chẳng bao lâu sau cha mẹ tôi bắt đầu lo lắng về khả năng của ông anh. Khi tôi được bốn tuổi và bắt đầu học với những vị thầy dạy riêng mà cha mẹ tôi đã mượn để dạy ông anh tôi. Lúc đó anh tôi học trước tôi hai năm. Nhưng tôi học rất nhanh và bắt đầu học "nhảy" lớp vượt qua cả ông anh. Vì thế,

ở cuối năm thứ sáu của tiểu học, mặc dù tôi kém hơn anh tôi hai tuổi, tôi đã học xong hai năm trước người anh.

Sau đó tôi nhập học trung học Đệ Nhất Cấp hay trường trung học Trung Cấp. Trường tôi học tên là Li Qun, có nghĩa là trường "khuyến khích người ta". Đó là một trường Công Giáo và tất cả các vị thầy là cha hay sơ Công Giáo. Đó là một ngôi trường được coi là tốt nhất ở vùng đó. Tuy nhiên học hỏi về Thiên Chúa Giáo thì không bắt buộc; và với trường hợp của tôi, chắc chắn thì ít hơn là nhiều. Tôi chỉ thích chơi banh. Nếu các bạn có thể liệng nó, đá nó, làm nẩy tung nó, hay đập nó, tôi thích liền. Ở trường Trung Cấp, đó là điều mà tôi cảm thấy rất "khuyến khích" để làm.

Tuy thế tôi học chăm đủ để được nhận vào trường Đại Học Sư Phạm ba năm. Tôi không muốn bán rau trái khô và tôi nghĩ mình sẽ trở thành một thầy giáo.

Và tôi đó, năm 1934, một đứa trẻ 17 tuổi... một đứa trẻ giỏi mà các bạn có thể gọi... trong một ngày lễ đã đi chơi tới Tu Viện Nam Hoa với những thiếu niên và thiếu nữ khác để vui đùa. Tôi chưa bao giờ nghe đến tên Hư Vân và tôi chắc chắn đã không ngờ để khám phá ra rằng có một vị thánh nhân vừa mới đến Nam Hoa. Và kìa, Ngài kìa...

Có một cái gì đó đã xảy đến với tôi khi tôi nhìn thấy mặt Ngài. Tôi thỉnh linh quỳ gối, trán chạm đất, lạy Ngài. Tất cả các bạn của tôi đều sững sờ. Tôi chưa bao giờ quỳ lạy bất cứ ai trong cuộc đời... và tôi đang quỳ, không thể giải thích được, chẳng ai bảo tôi làm như vậy cả, khúm núm trước mặt Ngài. Đầy sự kính sợ và kỳ lạ, tôi quỳ lạy Ngài Hư Vân ba lạy liền. Vị Đại Sư mỉm cười với tôi và hỏi, "Anh là ai và ở đâu đến?" Tôi cố sức thăm thì, "Con là Phong Quốc Hoa (Feng Guo Hua), và con đến từ Thiếu Quan." Ngài Hư Vân lại mỉm cười và nói, "Hãy tự nhiên vui vẻ ở chùa Nam Hoa." Nhiều vị sư khác bao xung quanh Ngài yên lặng nhìn. Tôi nghĩ là họ cũng chẳng biết chuyện chi xảy ra.

Giờ thì tôi nóng lòng chờ ngày trở lại Nam Hoa... không phải để vui chơi... tôi muốn gặp Ngài Hư Vân lần nữa.

Lần thứ hai tôi gặp Ngài, Ngài hỏi tôi có muốn chịu các Giới Phật Tử hay không, có nghĩa là chính thức trở thành một người Phật Tử. Tôi trả lời, "Vâng, đương nhiên rồi." Và như thế

tôi nhận các giới luật từ Ngài Hư Vân. Ngài đặt pháp danh Quán Tú (Kuan Xiu) cho tôi, có nghĩa "thực hành rộng lớn."

Chẳng còn đá banh, banh rổ, hay ngay cả banh bàn ping pong. Giờ thì, trong mùa hè nghỉ học, tôi đi khoảng độ hai chục dặm mỗi tuần hai lần để đến Tu Viện Nam Hoa. Tôi đáp xe lửa đi núi Ma Ba, một nơi toàn là đá, rồi đi bộ bốn dặm tới tu viện. Ngài Hư Vân trao cho tôi những cuốn sách về Đạo Phật để học; và đó là cách tôi nghỉ hè. Lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi có niềm tin tôn giáo trong tâm. Tôi có lòng muốn trở thành một người tu hành.

Song le sự thay đổi về niềm tin tôn giáo bất thành linh của tôi đã gây bối rối trong nhà. Sự việc không đơn giản như vậy. Thứ nhất, khi tôi vừa chào đời, cha mẹ tôi đã đến nhờ một ông thầy chiêm tinh nổi tiếng lấy cho tôi một lá số tử vi với ngày sinh. Vị chiêm tinh gia này thấy rõ ràng qua các ngôi sao là tôi sẽ trở thành một viên sĩ quan quân đội cao cấp và tôi sẽ chết khi được 30 tuổi. Có một vị anh hùng tử trận trong gia đình là một niềm hãnh diện mà cả nhà mau chóng để qua một bên. Vì vậy mọi người đều sung sướng khi tôi học quá khá ở trường. Điều đó có nghĩa cơ sở buôn bán của gia đình sẽ được an toàn dưới bàn tay của tôi, nhất là từ khi điều đó ngày càng rõ ràng là công việc buôn bán sẽ không khá nổi dưới bàn tay của ông anh tôi. Khi cha mẹ tôi, cuối cùng, biết được lòng mong muốn của tôi trở thành một nhà tu hành, là Phật Tử, họ rất sung sướng đón nhận tin đó; nhưng là người buôn bán, họ rất e sợ. Lộn đưa con có lòng muốn thành nhà tu!

Tuy nhiên trước khi tôi thật sự cảm nhận được tiếng gọi đời sống đi tu, tôi đã có những ý định khác cho tương lai của mình. Tôi chưa bao giờ tin vào những lời tiên đoán của ông chiêm tinh, vì thế, do hơi chán với viễn tượng thành một nhà giáo, tôi đã quyết định là sau khi tôi hoàn tất Đại Học Sư Phạm, tôi sẽ gia nhập trường Võ Bị (Hoàng Phố - Whampao) của Trường Giới Thạch ở Quảng Châu. Ông Tường là vị Chỉ Huy trưởng Hoàng Phố trong những ngày đó.

Bởi vì ước vọng này của tôi, ông anh tôi đã bị bắt buộc sửa soạn hết sức mình để đảm nhận các cơ sở kinh doanh của gia đình. May mắn thay, hay thật không may, anh ấy không bao giờ phải chứng minh khả năng của mình trong thế giới buôn

bán. Sau cuộc xâm lăng của người Nhật là cuộc cách mạng Cộng Sản và chẳng còn cơ sở kinh doanh nào để đảm nhận.

Nhưng năm 1934, khi tôi được 17 tuổi, và trong năm đầu tiên của Đại Học Sư Phạm, cuộc chiến tranh với Người Nhật vẫn chưa bắt đầu. Ngài Hư Vân, với sự nhìn xa và hiểu rộng, ngay lập tức làm thối chí ý định võ bị của tôi. Thật ra, tôi đã từ bỏ tư tưởng đó ngay ngày tôi gặp Ngài. Tôi muốn trở thành một vị tăng nhưng tôi đã không nói điều mong muốn này với bất cứ ai vì tôi nghĩ nó nghe giống như là hão huyền và không đáng kể. Đối với tôi, xem ra ít tự phụ để nói rằng tôi muốn trở thành một vị tướng hơn là nói rằng tôi muốn trở thành một vị tăng. Nhưng sau này trong một buổi trò chuyện riêng tư của tôi với ngài Hư Vân, tôi đã thú nhận với Ngài về sự hy vọng của tôi trở thành một vị tăng trong một ngày nào đó. Ngài đơn giản nói rằng Ngài muốn tôi tiếp tục học đại học và hoàn tất việc học của mình. Sau đó chúng tôi nói chuyện về việc tu hành.

Năm 1937, tôi ra trường Đại Học Sư Phạm. Mùa Thu đó, vào mùa lễ hội rằm tháng Tám trong giữa tháng 9, hay rằm tháng 8 qua lịch người Trung Hoa, tôi đã cạo đầu xuống tóc. Ngay tức khắc, tôi dời vào trong Tu Viện Nam Hoa sống như một môn sinh mới và đợi ngày Lễ Thụ Phong sẽ cử hành vào khoảng 3 tháng. Và đúng như thế, tôi và hai trăm vị sư khác đã được thụ phong trong một buổi lễ vào giữa tháng 12, năm 1937.

Trong dịp này Thầy Hư Vân đã đặt pháp danh cho tôi là Tri Định (Jy Din), có nghĩa "thông suốt và đạt được sự an lành". Ngài cũng đã cho tôi nhiều áo cũ của Ngài khiến tôi cảm thấy như là một đặc ân được mặc.

Chẳng bao lâu sau khi tôi trở thành một vị sư, quân Nhật xâm chiếm Trung Hoa và tôi bắt đầu nghi ngài Hư Vân đã có một linh cảm trước - Ngài đã cố tình khuyên ngăn tôi gia nhập trường Võ Bị vì Ngài sợ rằng nếu tôi trở thành một Sĩ Quan Quân Đội tôi cũng sẽ trở thành một thương vong của quân đội. Ngài có những việc khác cho tôi để hoàn thành. Và ngài Hư Vân thuộc loại người mà chữ "thất bại" không có hiện hữu. Ngài có những mục đích; và với Ngài, tôi là một trong những dụng cụ mà Ngài sẽ dùng để đạt mục đích.

Đời sống ở tu viện Nam Hoa rất cực khổ. Các vị sư và ni cô phải tự trồng rau, tự nấu nướng và giặt giũ, và ngay cả may vá

quần áo của mình. Họ ngủ trên những tấm ván gỗ được phủ bằng một tấm đệm cỏ mỏng. Tiền có từ cúng dường và tiền cho thuê đất của tu viện tới những nông dân.

Khi ngài Hư Vân đến Nam Hoa năm 1943, Ngài biết rằng chẳng có một sự an vui nào ở đó cả cho đến khi kỷ luật được trùng lập. Vì vậy Ngài đã đặt những quy luật nghiêm khắc. Lần đầu ai phạm luật, sẽ bị phạt. Lần thứ hai phạm luật, sẽ bị đuổi.

Ngài Hư Vân chia thành ban cho các công việc và phận sự khác nhau và thiết lập một hệ thống tôn ti, càng lên cao càng nhiều trách nhiệm, để trông nom mỗi ban. Mọi người phải làm công việc của mình, và ngài Hư Vân không nhân nhượng. Ngài có một cây gậy cứng thường xách theo mình tới bất cứ chỗ nào, và Ngài không chùn tay để dùng nó. Thật kỳ lạ, tất cả những cuộc cãi vã và hạnh kiểm hư đốn đều chấm dứt. Luật và Trật tự đã mang lại sự bình an.

Tuy nhiên, vẫn chưa đủ để chỉ trùng lập lại kỷ luật. Ngài Hư Vân biết rằng những dãy nhà của tu viện cũng phải được trùng tu. Mặc dù cha của tôi không cung cấp các vật liệu xây cất - một hãng khác đã trúng thầu - nhưng ông cúng dường tiền bạc để giúp chương trình trùng tu. May mắn thay, dãy nhà ngủ được trùng tu lại đầu tiên và mọi người sống tại Nam Hoa đều cảm kích được việc cải tiến chỗ ăn ở.

Năm 1938, Thầy Hư Vân được mời đến Hồng Kông, nơi nói tiếng Quảng Đông, để thuyết một loạt những bài pháp và lễ nghi. Vì Ngài nói tiếng Hải Nam, một tiếng địa phương miền bắc, và tôi nói cả hai thứ tiếng Hải Nam và Quảng Đông, nên đó là điều cần thiết tôi phải đi theo Ngài để làm một người thông dịch.

Khi chúng tôi đến đó, quân Nhật đã tấn công Thượng Hải ở phương bắc, và Nam Kinh ở phương nam. Thương vong ở Thượng Hải thì chồng chất và, về phần Nam Kinh, những cuộc tấn công nơi đó quá hãi hùng mà tới ngày nay cuộc tấn công đó được gọi là cuộc cưỡng chiếm Nam Kinh một cách bỉ ổi, vì sự cố tình giết quá nhiều thường dân vô tội.

Bởi vì chỉ có vài con đường ra khỏi Nam Kinh và chúng đều nguy hiểm, nhiều người chạy nạn đã cố trốn thoát khỏi quân xâm lăng Nhật Bản bằng đường sông. Dĩ nhiên vì thành phố Thiệu Quan ở vị trí chỗ gặp của hai dòng sông, nhiều chiếc thuyền đầy người chạy nạn đã đến đó.

Khi ngài Hư Vân hay tin những cuộc tấn công Thượng Hải và Nam Kinh, Ngài đã dự đoán được cuộc khủng hoảng của những người chạy nạn nên ngay lập tức chấm dứt những bài thuyết pháp ở Hồng Kông. Ngài và tôi quay trở về Nam Hoa và bắt đầu một chương trình cứu giúp những người chạy loạn.

Ngài Hư Vân ra thông cáo những vị sư ở Nam Hoa tuân theo truyền thống cổ của Phật Giáo, mà hãy còn được theo bởi các Bậc Trưởng Lão (Nam Tông - Nguyên Thủy), chỉ ăn hai bữa một ngày, ăn sáng và trưa. Không được ăn bất cứ thứ gì sau 12 giờ trưa. Những thực phẩm để ăn sau bữa trưa được trao cho các người chạy nạn và, khi cần thiết, cho những người lính Trung Hoa. Bởi vì nỗi đau khổ tột cùng của dân chúng, ngài Hư Vân đã làm thêm nhiều buổi lễ tôn giáo cho những người chết và bị thương. Những buổi lễ này giúp mang lại niềm hy vọng và an ủi cho nhiều tâm hồn đau khổ.

Nhưng đối với Ngài Hư Vân, mục đích là mục đích, và ngay cả cuộc xâm lăng của quân Nhật không thể ngăn cản được việc trùng tu Tu Viện Nam Hoa. Chương trình trùng tu vì thế được tiếp tục.

Năm 1939 những bức tượng Vua cai quản (Directional King) nổi tiếng được tạo dựng và ngôi chùa để chứa những bức tượng được xây. Buổi lễ chính thức xây đặt được cử hành năm 1940. Nỗ lực trùng tu đã có ảnh hưởng bổ ích đến tinh thần mọi người. Nó đưa đến một nhận thức có mục đích và hướng tới tương lai.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn về cuộc bỏ bom tu viện Nam Hoa mà tôi đã nhắc đến trước đó:

Sau khi quân Nhật đánh Thượng Hải và Nam Kinh, các vị thủ hiến của 14 tỉnh (vùng) Trung Hoa đã liên tục họp tại Tu Viện Nam Hoa trong sự cố gắng phát triển một chính sách và chiến lược phòng thủ đồng loạt để chống quân xâm lăng Nhật Bản. Những buổi họp này đúng ra thuộc về tối mật; nhưng người Nhật, đã thiết lập một căn cứ không quân ở Quảng Châu (thành phố Canton), đã biết một cách nhanh chóng về những buổi họp này.

Dĩ nhiên, dù rằng sau đó mọi người đã cố đổ lỗi việc an ninh rỉ ra do các gián điệp nằm một trong những ban tham mưu của các vị thủ hiến, sự thật là, theo cách các nhà chính trị thường làm, chẳng một ai cố sức bảo mật những buổi họp này cả.

Những vị thủ hiến và đoàn tùy tùng đến bằng những chiếc xe limo sang trọng. Những chất chromium lóa mắt ở bãi đậu xe Nam Hoa đủ để gây sự chú ý của ai đó trên tận Hỏa Tinh. Quân Nhật ở Quảng Châu, đương nhiên, chẳng khó khăn gì để nhắm đến chỗ họp chính trị bí mật này.

Vì vậy, trong nỗ lực tiêu diệt nhiều nhân vật lãnh đạo quan trọng như thế qua một cuộc đánh, quân Nhật đã cho ba chiếc phản lực cơ chiến đấu bỏ bom khu bắc để đánh tu viện Nam Hoa.

Khi những chiếc máy bay bắt đầu bỏ bom và oanh tạc khu vực tu viện, ngài Hư Vân ngay tức khắc ra lệnh mọi người kiểm chỗ trú ẩn và giữ bình tĩnh. Ngài đưa các vị thủ hiến vào ngôi Chùa Lục Tổ và các vị sư vào trong ngôi Chùa Nhà Minh lớn hơn. Còn chính Ngài điềm đằm đi vào chỗ mục tiêu rõ nhất, Sảnh Đường Thiền, để cầu nguyện cho sự an nguy của mọi người.

Trong cuộc bỏ bom đầu tiên, một trong hai người được cất đặt để canh giữ những chiếc xe hơi của các vị Thủ Hiến, bị tử thương. Ông ta đã rời chỗ của mình để trốn trong một cái ống cống lớn mà định để dùng cho dự án trùng tu, và một trái bom rớt trúng ống cống gây tử thương cho ông ta. Thật trớ trêu, người bảo vệ kia không rời vị trí ở trong căn nhà gác trống rỗng mồm một của mình, và ông ta tránh được tổn thương.

Một trái bom khác kêu rít khi rơi xuống đất và rớt ngay bên ngoài bức tường tu viện, phá hủy cây tuyết tùng Joshu to lớn và tạo một cái hố lớn trên mặt đất mà hãy còn tới ngày nay, chứa đầy nước, như một cái ao nhỏ.

Nhưng rồi, sau khi ngài Hư Vân vào Sảnh Đường Thiền và bắt đầu cầu nguyện, một phép lạ đã xảy ra. Hai trong ba chiếc máy bay bỏ bom đã đụng nhau và rớt xuống đất ở núi Ma Ba. Chiếc máy bay còn lại lập tức bay trở về căn cứ ở Quảng Châu.

Đương nhiên, vụ đụng máy bay trên không được nói là do sức mạnh thiêng liêng của ngài Hư Vân. Tất cả các người Trung Hoa biết Ngài, họ không một chút nghi ngờ về điều này; nhưng điều quan trọng hơn cả, quân Nhật rõ ràng cũng bắt đầu tin. Thủ hiến hay chả thủ hiến, họ không bao giờ thử bỏ bom Nam Hoa lần nào nữa cả.

Quân Nhật đẩy cuộc chiến sâu vào nội địa và cuối năm 1944 họ cuối cùng thành công trong việc chiếm thành phố Thiệu Quan. Nhưng ngay cả thế, mặc dù rất gần với Nam Hoa, họ đã không tấn công Nam Hoa. Chúng tôi tin rằng họ sợ sức mạnh thiêng liêng của ngài Hư Vân. Trong suốt cuộc chiếm đóng, họ không bao giờ cho phép quân lính chiếm đóng gây phiền nhiễu khu tu viện thiêng liêng này.

Nhưng trở lại câu chuyện của tôi - năm 1940, Pháp Ấn (Wei Yin), người mà một ngày sẽ thay thế ngài Hư Vân làm Phương Trượng Tu Viện Nam Hoa, trở thành một vị sư. Đó là niềm hạnh diện của tôi được cạo đầu xuống tóc cho ông ấy và đặt pháp danh cho ông là Pháp Ấn (Wei Yin), có nghĩa Pháp Ấn của Nhân Quả. Pháp danh thứ hai của ông là Tri Qua (Zhi Gua), có nghĩa "biết kết quả". Nói cách khác, xác định nguyên nhân và kết quả của một hành động và bạn sẽ được kết quả mong muốn. Sư Pháp Ấn ở lại tu viện Nam Hoa để phụ giúp ngài Hư Vân gánh việc giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh. Cũng trong năm đó, biết rằng tình trạng hư nát và hỗn loạn mà Đại Tu Viện Vân Môn (Yun Men) đã bị, ngài Hư Vân gửi tôi đến đó để giúp tái lập kỷ luật và trông coi việc trùng tu các gian nhà. Bởi do công việc này, ngài Hư Vân đã cất nhắc tôi lên hàng vị Thầy.

Đó là điều cần thiết mà tôi phải đi qua mặt nhiều lính Nhật trong suốt hai ngày đi bộ đến tu viện Vân Môn. Nhưng lại lần nữa, sự ảnh hưởng của ngài Hư Vân lớn đến độ lan cả sang tới tôi và chẳng có một tên lính nào dám ngăn cản tôi trên quãng đường. Sau khi đến nơi an toàn, tôi trú ngụ tại chùa Vân Môn.

Ở Đan Hà Sơn (Dan Xia Shan), tu viện lớn thứ ba ở vùng Thiệu Quan, chẳng có trở ngại gì với quân Nhật cả. Vị trí hẻo lánh của tu viện này không có những hoạt động quân sự và Thầy Bạch Văn (Ben Wen) đã duy trì được phong thái bình an của tu viện và kỷ luật.

Tôi ở tại tu viện Vân Môn cho đến năm 1944 khi ngài Hư Vân quyết định thành lập một viện Đại Học Phật Giáo ở Nam Hoa để dạy Luật Tu Viện (Vinaya) cổ xưa cho những người muốn trở thành sư và ni cô. Giờ đây tôi mới hiểu mục đích của ngài Hư Vân và lời khuyên của ngài bảo tôi ở lại đại học. Văn bằng dạy học của tôi đã khiến tôi đủ điều kiện trông coi tổ chức

của Trường Luật Nghi (Vinaya) mới này và cũng trở thành một trong những vị thầy dạy học.

Bởi vì ngài Hư Vân tin tưởng vào điều cần thiết trong việc cung cấp một nền học vấn tốt cho các trẻ, Ngài cũng quyết định mở một trường mẫu giáo ở Nam Hoa. Ngài muốn ngôi trường này là một cơ sở hàng đầu và, không đủ để cung cấp, học sinh từ nhiều nơi trên Trung Hoa đến Nam Hoa để được dạy dỗ. Đương nhiên, những bậc cha mẹ giàu có tặng tiền cho việc học, sách vở, các vật dụng đi học và tiền ăn ở. Nhưng ngài Hư Vân tin rằng tất cả các trẻ, giàu hay nghèo, đều xứng đáng được dạy dỗ và vì thế những trẻ nhà nghèo đều được phép đến học ở ngôi trường tốt này mà không phải trả bất cứ khoản phí tổn nào. Ngài Hư Vân cung cấp sách vở, các vật dụng đi học và bất cứ khoản ăn ở nào mà các em cần. Tôi xem trách nhiệm của tôi ở trường là một điều thiêng liêng và làm hết sức mình để thi hành bổn phận của mình với sự tận tụy to tát và chăm lo. Mọi người làm việc cho trường đều cảm thấy y như tôi, và vì tất cả sự cố gắng không mỏi mệt của chúng tôi nên ngôi trường nhanh chóng tạo danh tiếng là xuất sắc.

Khi Thầy Pháp Ấn và tôi sống ở Nam Hoa, ngài Hư Vân đã đến sống ở Chùa Vân Môn để tiếp tục trông nom việc trùng tu ngôi chùa.

Vào rồi Đạo Pháp của tôi đã chuyển qua một hướng khác.

Đặc biệt trong những năm chiến tranh, nhiều người Trung Hoa đã di chuyển tới Hawaii. Nhưng mặc dù có nhiều Phật Tử Trung Hoa sống ở Hawaii, lúc đó chỉ là một lãnh thổ dưới sự bảo hộ của Hoa Kỳ, ở đó không có ngôi Chùa Phật nào hay không có cả một vị sư để dạy và thực hành các nghi thức. Những người Hawaii gốc Tàu này liên tục gửi các phái đoàn đến Hồng Kông để xin đưa một vị sư sang Hawaii phục vụ dân chúng và cũng để trông nom việc xây cất một ngôi chùa. Đương nhiên là họ muốn ngài Hư Vân đến Honolulu để tạo một ngôi chùa mới, nhưng ngài Hư Vân đã dành hết mình cho việc trùng tu Tu Viện Vân Môn và Ngài quyết định gửi tôi thế chỗ cho Ngài.

Năm 1949, tôi đã hoàn tất giai đoạn đầu của sứ mệnh này khi tôi đến Hồng Kông và điền những thủ tục cần thiết để nhập cư. Mãi tới năm 1956 tôi mới đến Honolulu. Hawaii trở thành một tiểu bang năm 1959; nhưng ngôi chùa của chúng tôi mà tôi

đặt tên Hư Vân Tự đã là ngôi chùa Phật Giáo đầu tiên ở Hawaii.

Chẳng bao lâu sau khi tôi đến Hồng Kông năm 1949, cuộc nội chiến Trung Hoa chấm dứt, và Cộng Sản giết được chính phủ. Đám cán bộ ác ôn Cộng Sản, tưởng rằng những ngôi Chùa và Nhà Thờ là những kho báu vàng và đồ quý giá, hành quân tới những gian nhà tôn giáo vô tự vệ và ra lệnh những vị tu sĩ phải trao các kho tàng tượng tượng cho chúng.

Năm 1951, khi tôi còn ở Hồng Kông, một bọn cán bộ ác ôn đã đến Tu Viện Vân Môn và ra lệnh ngài Hư Vân phải đưa vàng và những vật quý giá của chùa cho chúng. Ngài Hư Vân đã cố giải thích là làm gì có những vật quý giá như vậy ở Tu Viện Vân Môn. Nhưng chúng nhất định không tin Ngài và rồi từng người một, chúng đánh đập các nhà sư trong nỗ lực bắt khai địa điểm của kho tàng. Một nhà sư đã bị đánh đến chết; nhiều nhà sư mất tích và thân xác không bao giờ được tìm thấy. Nhiều người chịu đựng những vết thương nghiêm trọng như gãy tay và gãy xương sườn. Trong suốt thời gian ba tháng lũ ác ôn chiếm tu viện, chúng thường xuyên thẩm vấn và đánh đập ngài Hư Vân và rồi quăng ngài trong một phòng tối nhỏ hàng nhiều ngày, không cho ăn uống. Nhiều lần ngài bị đánh bất tỉnh và để cho chết. Nhưng mặc dù bị nhiều vết nội thương và gãy xương, vị sư già 93 tuổi này vẫn sống, Ngài vận dụng ý chí kinh khủng của Ngài và nhất định không từ bỏ kiếp sống cho tới khi Ngài đã hoàn tất sứ mệnh của mình. Ngài biết rằng đời sống hiện hữu của mình, nếu dù chỉ ở mức độ nhỏ, đang được dùng để cản trở những kẻ đánh đập mình. Ngài cũng biết rằng chỉ khi Ngài còn sống, Ngài mới có thể phát động tinh thần những người theo mình; và trong thời gian khó khăn đó họ cần tất cả những sự khích động họ có thể có.

Nhất quyết rằng ý chí sống của mình phải lớn hơn ý chí của những kẻ đánh đập tiêu diệt mình, ngài Hư Vân, mặc dù thân thể yếu đuối, nhưng không thể khuất phục; và mặc dù Ngài là đối tượng của những trận đòn tra tấn của chúng, Ngài đã phục hồi.

Tuy lũ ác ôn đã cố giữ bí mật việc đối xử của chúng với vị thánh nhân này, tin Ngài bị tra tấn chẳng bao chốc đã ra đến bên ngoài, và dân chúng Trung Hoa khắp nơi trên thế giới than phiền một cách cay đắng tới chính phủ Bắc Kinh. Điều không thể tưởng được là những kẻ xâm lăng Nhật Bản tôn trọng giới

tu sĩ và những tu viện, nhưng quân đội Trung Hoa lại xâm phạm họ.

Các nhà cầm quyền Bắc Kinh ngay lập tức gửi một phái đoàn đến Vân Môn nhưng vì ngài Hư Vân sợ bị trả thù nên Ngài từ chối không chính thức thừa kiến. Tuy thế, ngay sau khi Ngài phục hồi sức khoẻ, Ngài đã thực hiện một cuộc hành trình đầy gian nan tới Bắc Kinh và đích thân làm đơn xin chính quyền kiểm chế những người cán bộ này. Ngài yêu cầu họ ban lệnh tất cả các cơ sở tôn giáo được tôn trọng, và tu sĩ không bị quấy nhiễu, và dân chúng Trung Hoa được tự do tôn giáo. Nhà cầm quyền, dĩ nhiên sợ sức mạnh bởi danh tiếng thần kỳ của Ngài, đã bớt nghiêm khắc; và đây là thời gian, ít ra trong suốt những năm còn lại của cuộc đời ngài Hư Vân, chính sách của chính phủ trở nên dễ chịu hơn đối với tôn giáo.

Chính phủ, tuy nhiên, nhất định không chịu bất cứ lời chỉ trích nào từ các nguồn bên ngoài, và vì vậy tất cả những đường giây giao thiệp với bên ngoài đều bị cắt đứt. Ở Hồng Kông, tôi đã cố gắng trong tuyệt vọng để biết tin tức về số phận ngài Hư Vân, nhưng không thể biết được bất cứ điều gì. Tôi viết rất nhiều thư, nhưng chẳng có bức nào được trả lời.

Tuy nhiên, như là một tục lệ, tôi tiếp tục gửi tới ngài Hư Vân những bản copy của tất cả những bài luận và bài báo về Phật Giáo mà tôi viết. Trong những ngày an lạc, theo truyền thống, tôi sẽ nhận được những lời phê bình từ ngài. Nhưng trong những ngày buồn khổ đó, chẳng có một sự đệ trình nào của tôi tới Ngài được nhận cả.

Rồi đến năm 1952, tôi viết một bài nghị luận về Tâm Kinh và được đón nhận một cách đặc biệt. Chính quyền Bắc Kinh quyết định cho phép phát hành. Tôi ngay lập tức viết cho nhà xuất bản ở Bắc Kinh tỏ lòng mong muốn lớn lao của tôi để được biết câu trả lời của Thầy tôi về bài nghị luận. Quả là một phép màu, một trong những người thư ký của văn phòng nhà xuất bản quyết định mang tận tay bức thư của tôi và bài nghị luận trực tiếp tới ngài Hư Vân và chờ Ngài trả lời. Ngài Hư Vân đọc cả hai rồi Ngài nói với viên thư ký rằng Ngài chấp thuận bài nghị luận và chúc lành cho tôi. Những lời của Ngài được chuyển đến tôi; và đây là lần cuối cùng tôi được liên lạc gián tiếp với vị thầy yêu quý của tôi.

Ngày 13 tháng 10 năm 1959, được 101 tuổi, Thầy Hư Vân đã nhập Niết Bàn. Tin qua đời của Ngài đã làm tôi buồn không thể tả được. Trước công chúng, tôi đã làm một lễ thật đặc biệt và viết một văn mộ chí cho Ngài; nhưng một cách riêng tư, tôi đau buồn vô cùng. Nhiều ngày tôi khóc và đã không thể ăn uống. Tôi biết tôi nợ Ngài rất nhiều. Tôi biết rằng với sự thông thái của Ngài, Ngài đã thấy sự đe dọa nền Phật Pháp Trung Hoa của chúng ta, Giáo Pháp của Huệ Năng (Hui Neng) và Lâm Tế (Lin Ji) và Hàn Sơn (Han Shan). Ngài muốn Giáo Pháp này được cấy ở Hoa Kỳ nơi mà nó được an toàn, và Ngài đã cho tôi cái vinh dự để làm điều này.

Cách ngài Hư Vân qua đời cũng khiến tôi cảm kích sức mạnh đại từ tâm của Ngài nhiều hơn. Tôi hiểu rất rõ là Ngài đã vượt qua cuộc sống hiện hữu và dời ngày nhập Niết Bàn của Ngài cho tới khi Ngài sẵn sàng làm cuộc hành trình cuối cùng này... cho tới khi Ngài đã làm đủ những bổn phận thiêng liêng của Ngài, dùng sự ảnh hưởng của Ngài để bảo vệ tất cả những tu sĩ ở Trung Hoa.

Tôi và những tu sĩ Phật Giáo khác, cùng với nhiều người tu sĩ của những đức tin tôn giáo khác, nợ mạng của chúng tôi với sự thành tâm của ngài Hư Vân tới Đức Phật A Di Đà (Buddha Amitabha) và với lòng tin tưởng không thoái chuyển rằng Sự Hiện Hữu Rực Rỡ có ở trong tâm của tất cả nhân loại.

Shanti. Sahnti. Shanti. Amitofo! (Amitabha)



NHỮNG BÀI GIẢNG CỦA NGÀI HƯ VÂN

Kết tập từ những ghi chép và nhớ lại của Hòa Thượng
Thích Tri Định

Tường thuật bởi Chuan Yuan Shakya và Richard Chung.

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

Thưa các bạn, tôi xin phép kể một câu chuyện nhỏ mà tôi được nghe từ một người thông thái. Ông ta kể:

"Có một lần tôi thấy tôi đang đi bộ trên một con đường lạ lùng ở một vùng đồng quê xa lạ. Tôi nhìn xung quanh để xem mình đang ở đâu, và thấy có hai người đàn ông đang đứng gần đó, tôi đi lại gần họ và hỏi: "Tôi đang ở đâu vậy? Và các ông là ai?"

"Người đàn ông thứ nhất trả lời, 'Đây là thế giới luân hồi, và trong thế giới này tôi là người lùn cao nhất ở đây!' Và người đàn ông khác trả lời, 'Đúng, và tôi là người khổng lồ thấp nhất ở đây!'

"Cuộc gặp gỡ này làm tôi bối rối khôn cùng bởi vì, ông biết không, cả hai người đàn ông đó đều cao bằng nhau."

Tôi mở đầu câu chuyện với các bạn bằng câu chuyện nhỏ này bởi vì tôi muốn nhấn mạnh ở lúc bắt đầu rằng nó là điều rất quan trọng khi suy xét về sự cảm nhận các vật.

Lục tổ Huệ Năng (Hui Neng) và cũng là vị Tổ cuối cùng của Thiền Đạo có một lần gặp hai ông sư đang cãi nhau về một lá phướn tung bay trong gió.

Vị sư thứ nhất nói: "Phướn động."

Vị sư kia nói: "Không phải! Gió động."

Lục tổ mới khuyến cáo cả hai ông, "Thưa quý ngài, tâm của quý ngài động thì có!"

Trong thế giới luân hồi, chúng sinh phân biệt tất cả mọi thứ. Mọi vật đều có thể so sánh được. Mọi vật đều thay đổi. Chỉ có trong thế giới thật, thế giới của Niết Bàn, mới không thay đổi.

Trong Thiền Tông, công việc của chúng ta là phân biệt - không phải giữa hai cái sai mà giữa cái sai và cái thật. Sự khác

biệt hình dáng ở bên ngoài thì không đáng kể. Thế giới thật ở trong chúng ta. Nó ở ngay trong tâm trí chúng ta.

Bây giờ tôi rất vui sướng làm công việc giúp các bạn tìm được cửa đi vào thế giới thật đó, thế giới không có những người lùn và những người khổng lồ và những cuộc tranh cãi vô nghĩa. Trong thế giới thật chỉ có sự an lành, sung sướng, và chân lý, và thoát khỏi lòng ham muốn những hư cảnh rắc rối.

Thưa các bạn, tất cả mọi người đều có hai bản tánh: một cái thấy được và một cái thật. Cái thấy được là tiểu ngã (cái tôi nhỏ bé) hay lòng vị kỷ của chúng ta khác với các tiểu ngã khác ở khắp mọi nơi; còn cái thật là Đại Tánh Phật giống nhau ở khắp mọi nơi. Tiểu ngã của chúng ta hiện hữu trong thế giới thấy được, thế giới của luân hồi. Tánh Phật của chúng ta hiện hữu trong thế giới thật, thế giới của Niết Bàn.

Cả hai thế giới đều ở cùng một chỗ. Trong Tâm Kinh (Heart Sutra) chúng ta đọc, "Sắc chẳng khác không và không chẳng khác sắc." Ai cũng muốn biết, "Làm sao mà Luân Hồi và Niết Bàn lại là một? Làm sao mà cảnh giả và thật lại là một? Làm sao tôi vừa là tôi và cũng vừa là Phật?" Đây là những câu hỏi thật hay. Mọi Phật tử cần nên biết câu trả lời cho những câu hỏi này.

Câu trả lời dựa trên cách chúng ta cảm nhận sự thật. Nếu chúng ta thấy sự thật trực tiếp, chúng ta thấy nó trong trạng thái Niết Bàn tinh khiết. Nếu chúng ta thấy nó gián tiếp - qua lòng vị kỷ của chúng ta - chúng ta thấy nó trong dạng bóp méo của Luân Hồi. Tại sao sự nhận biết của chúng ta về sự thật bị sai lầm?

Luân Hồi là thế giới mà cái tôi nhỏ bé của chúng ta nghĩ nó thấy và hiểu bằng những giác quan của nó. Đôi khi chúng ta làm những điều lầm lỗi. Nếu một người đang đi bộ trong rừng và thấy một sợi dây thừng trên đường mà ông ta tưởng sợi dây thừng là con rắn, ông ta sẽ bỏ chạy tức thì. Với ông ta, sợi dây thừng đó là con rắn và ông ta phản ứng tự nhiên. Khi về tới nhà, ông ta phần nhiều có lẽ sẽ kể cho mọi người rằng ông ta suýt bị một con rắn độc cắn trong rừng. Lòng sợ hãi của ông ta là thật. Lý do làm ông ta sợ thì không thật.

Tiểu ngã cũng cảm nhận sai lầm về sự thật bất cứ khi nào nó đặt sự đẹp đẽ hoặc phán đoán đạo đức lên nó. Nếu một người đàn bà thấy một người đàn bà khác đội một chiếc mũ

xanh và nói, "Tôi thấy một người đàn bà đang đội một chiếc mũ xanh," chẳng có vấn đề gì cả. Nhưng nếu bà ta nói, "Tôi thấy một người đàn bà đang đội một chiếc mũ xanh xấu xí," bà ấy đang làm một phán đoán của Luân Hồi. Ai đó có thể thấy chiếc mũ đẹp. Nhưng sự thật, nó chẳng xấu mà cũng chẳng đẹp. Nó chỉ là chiếc mũ.

Cũng giống như vậy, khi một con cáo giết một con thỏ, sự kiện này, với những con thỏ con sẽ bị chết đói bởi vì mẹ chúng đã bị giết, thì là một hành động độc ác. Nhưng với những con cáo nhỏ ăn thịt thỏ do mẹ chúng tha về thì cũng cùng một sự kiện nhưng chắc chắn là tốt. Trong sự thật, sự kiện này chẳng tốt mà cũng chẳng ác. Nó chỉ là vậy.

Sự thật cũng bị hiểu một cách sai lầm bởi vì cả hai người quan sát lẫn vật bị quan sát thay đổi một cách đều đặn.

Không có một khoảng chính xác nào mà một cái nụ trở thành một bông hoa, hay một bông hoa trở thành một trái, hay một trái trở thành một hạt giống, hay một hạt giống trở thành một mầm cây. Tất cả những sự thay đổi này khó thấy và có tính cách liên tục.

Chúng ta không thể bước vào cùng một giòng sông hai lần vì nước lúc nào cũng chảy. Chúng ta cũng không thể là cùng một người từ phút này qua phút khác. Lúc nào chúng ta cũng tiếp nhận những dữ kiện mới và kinh nghiệm mới cùng một lúc chúng ta quên biến những dữ kiện cũ và kinh nghiệm cũ. Hôm qua chúng ta có thể nhớ đã ăn gì trong bữa cơm chiều của ngày hôm trước. Ngày mai, chúng ta sẽ không còn cái đặc ân để nhớ bữa ăn đó, dĩ nhiên là trừ phi nó là một bữa ăn thật thịnh soạn... nếu không, chúng ta luôn luôn ăn một thứ và có thể nói chắc chắn rằng, "Nó là cơm và đậu hũ."

Cảnh giả của đời sống thì ngược lại hoàn toàn với cảnh giả của cuốn phim. Trong phim, những bức hình được ghép lại chạy để tạo ra cảnh giả di động. Trong đời sống, chúng ta chặn những sự di động liên tục này, ngăn biệt và cô đọng một hình ảnh xong đặt tên và nhất định coi nó như là một vật hay sự kiện cụ thể cá nhân. Chúng ta không phải lúc nào cũng đồng ý khi nhất định một khoảng cách thời gian. Thế nào là một người đàn bà trẻ? Với một người đàn ông 90 tuổi thì có rất nhiều người đàn bà là đàn bà trẻ.

Có lẽ chúng ta đã có một ý niệm khá hơn tại sao tiểu ngã của chúng ta cảm nhận sai lầm về sự thật, nhưng chúng ta cũng tự hỏi, tại sao chúng ta có tới hai bản ngã?

Câu trả lời rất đơn giản là tại vì chúng ta là con người.

Tiểu ngã của chúng ta cung cấp giác quan nhận thức (biết) một cách liên tục về tôi là ai khiến mỗi người chúng ta ai cũng biết, "Cái tôi của ngày hôm nay là cái tôi của hôm qua và cũng sẽ là cái tôi của ngày mai." Không có nó, chúng ta không thể xếp đặt những dữ kiện của cảm giác tấn công chúng ta. Không có nó, chúng ta sẽ không biết thuộc về ai hoặc liên hệ với những người khác. Chúng ta sẽ không có cha mẹ hay gia đình của chính mình, không người phối ngẫu hay con cái, không thầy hay bạn hướng dẫn hay khuyến khích chúng ta. Tiểu ngã của chúng ta cho chúng ta bản tính của con người.

Ngày càng trưởng thành, chúng ta khám phá là sợi chỉ đời sống của chúng ta không phải là một sợi chỉ dài liên tục với những sự kiện bám trên nó một cách biệt lập như những hạt trên chuỗi hạt. Không, sợi chỉ tự nó đan thành một cái lưới, một mạng nút kết dựa trên nhau. Chúng ta không thể tháo một nút kết mà không ảnh hưởng tới những nút kết khác. Chúng ta không thể xóa bỏ một đường giây lịch sử của chúng ta mà không thay đổi cả lịch sử. Hệ thống tài liệu và kinh nghiệm này, của những điều kiện và liên đới, của trí nhớ và hiểu lầm, nhanh chóng trở nên phức tạp và hoang mang rối rắm; và chúng ta trở nên mù mờ về vị trí của chúng ta trong sự phối hợp của mọi vật. Khi chúng ta còn trẻ, chúng ta nghĩ chúng ta là cái rốn của vũ trụ, nhưng khi chúng ta già đi, chúng ta không còn chắc chắn về vị thế của chúng ta hay chúng ta là ai. Chúng ta nghĩ, "Tôi không phải là người khi tôi 10 tuổi, nhưng tôi cũng chẳng phải là người khác." Chúng ta mau chóng tự hỏi, "Tôi là ai?" Cái tôi vị kỷ của chúng ta đã dẫn chúng ta tới sự hỗn loạn này.

Sự hỗn loạn dẫn đến tai họa, và đời sống - như Đức Phật nói trong đề đầu tiên của Tứ Diệu Đế - trở nên cay đắng và đau khổ.

Làm sao chúng ta có thể làm sáng tỏ sự hỗn loạn này? Chúng ta quay nhận thức của chúng ta trở lại. Chúng ta chối bỏ cái thế giới phức tạp bên ngoài để thay bằng cái thế giới đơn giản bên trong. Thay vì tìm kiếm quyền lực và danh vọng cho tiểu ngã của chúng ta, chúng ta quay sự nhận thức vào

bên trong để khám phá hào quang rực rỡ của Phật Tánh. Thay vì làm khổ chính mình khi tìm cách làm chủ người khác, chúng ta sẽ được sung sướng và bằng lòng trở thành Một với Phật Tánh của chúng ta và phục vụ những người khác.

Thưa các bạn, mục đích của việc tập Thiền là để làm sáng tỏ cái nhìn của chúng ta khiến chúng ta có thể nảy sinh trí huệ thấy chân tướng của chúng ta. Thiền có thể giúp chúng ta vượt lên trên bản tánh con người và nhận biết Tánh Phật của chúng ta.

Cách đây nhiều thế kỷ, tông phái Thiền Tông được thành lập bởi hai vĩ nhân Nhất Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã đến Trung Hoa từ phương Tây, và Lục Tổ Huệ Năng người Trung Hoa.

Nhờ vào hai vị này, Thiền Tông thăng hoa, rộng lan ra khắp nơi trong nước Trung Hoa và đến nhiều đất nước xa xôi khác. Bây giờ, cái gì là lời dạy quan trọng nhất của Nhất Tổ Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng? "Vứt bỏ lòng vị kỷ trong đầu! Giải thoát nó từ những ý nghĩ vẩn đục!"

Nếu những điều hướng dẫn này không được theo, Thiền Tập sẽ không có kết quả. Thiền Đạo nằm trước mặt bạn! Theo nó! Nó sẽ đưa bạn đến sự an lành, sung sướng, chân lý và giải thoát.



Chân Dung Hoà Thượng Hư Vân Hồi Trẻ

CHƯƠNG 2: THIỀN TẬP

Nhiều người bắt đầu tập Thiền qua cách nghĩ, "Vì tất cả là cảnh tượng Ma (Maya) hay vọng tưởng Luân Hồi, những gì tôi làm hay cách tôi làm đều không đáng kể. Chỉ có một điều quan trọng nhất là đến được Niết Bàn. Như vậy, vì chẳng có cái gì thiện hay ác, tôi sẽ làm những gì tôi muốn." Những gì chúng ta làm đều đáng kể. Thiền là một nhánh của Phật Giáo, và là người Phật Tử, chúng ta phải bám chặt vào các giới luật đạo đức. Luân Hồi hay chẳng Luân Hồi, chúng ta tuân theo Giới Luật. Và thêm vào đó, chúng ta cũng đi theo những kỷ luật khắc khe khổng chế việc luyện tập của chúng ta. Hãy bắt đầu với những quy luật thực tập.

Mặc dù có rất nhiều phương pháp có thể theo, trước khi bắt đầu bất cứ phương pháp nào, một hành giả phải hội đủ bốn điều đòi hỏi căn bản:

Ông ta hay bà ta phải:

1. Thông hiểu Luật Nhân Quả
2. Chấp nhận những nguyên tắc kỷ luật
3. Giữ một đức tin không thối chuyển về sự hiện hữu của Phật Tánh.
4. Nhất định thành công bằng bất cứ phương pháp nào mà mình chọn.

Tôi sẽ giải thích từng điều của bốn điều phải có trước hết này.

Thứ nhất, Luật Nhân Quả nói một cách đơn giản rằng cái xấu tạo cái xấu và cái tốt tạo cái tốt. Một cái cây độc sinh trái độc, trong khi một cái cây lành mạnh sinh trái ngon.

Theo tính cách khái niệm thì điều này có vẻ đơn giản; nhưng trong thực tế thì nó phức tạp hơn.

Những việc làm xấu là một sự đầu tư cực kỳ xấu. Chúng bảo đảm một kết quả đau đớn, cay đắng, lo lắng và ăn năn. Chẳng có một điều lợi lộc gì từ những hành động trôi nổi từ lòng tham, dục vọng, nóng giận, kiêu mạn, lười biếng, hay ghen tức. Những động lực đó chỉ phục vụ cho những tham vọng vị kỷ. Những việc làm xấu không thể nào đáp ứng được những thăng hoa về tinh thần. Chúng chỉ bảo đảm có một tâm hồn nghèo nàn.

Ở mặt khác, những việc làm tốt, với điều kiện là chúng không được làm như một sự đầu tư để cầu sinh lợi cho tương lai, sẽ mang lại cho người làm sự bình an và tâm hồn yên đủ.

Một việc làm tốt không vị kỷ thì rất khác xa với một việc làm tốt đã được trừ tính. Trên bề mặt, công hiệu có thể xem giống như nhau; sự cứu giúp hay lòng nhân hậu cần có đã được cho. Nhưng người giúp người khác với sự che dấu một tấm lòng cầu lợi trong tương lai, thường là một điều xấu, không phải tốt. Cho phép tôi diễn tả điểm này.

Ngày xưa ở Trung Hoa có một vị Hoàng Tử rất yêu quý loài chim chóc. Bất cứ khi nào chàng thấy một con chim bị thương, chàng sẽ nuôi nấng và săn sóc cho tới khi nó khoẻ lại; và rồi, khi con chim đã lấy lại sức khoẻ, chàng trả tự do cho nó với một niềm vui sướng.

Đương nhiên, chàng trở nên nổi tiếng với biệt tài như là một người chữa trị và yêu quý loài chim muông bị thương. Bất cứ khi nào một con chim bị thương được thấy ở trong giang sơn của chàng, con chim này liền được đưa đến cho chàng một cách nhanh chóng, và chàng sẽ biểu lộ lòng biết ơn của mình với người quan tâm đã mang con chim đến cho mình.

Nhưng sau đó, để cầu cạnh sự quý mến của chàng Hoàng Tử, người ta chẳng mấy chốc bắt những con chim và cố tình gây thương tích cho chúng để họ có thể mang chúng tới cung điện.

Quá nhiều loài chim bị giết chết trong lúc bắt và gây thương tật đến nỗi giang sơn của chàng trở thành địa ngục cho loài chim muông.

Khi chàng Hoàng Tử thấy sự tai hại vì lòng tốt của mình gây ra, chàng tuyên bố rằng không một con chim thương tích nào sẽ được cứu nữa.

Khi người ta thấy chẳng có lợi lộc gì trong việc cứu giúp những con chim, họ ngưng không gây hại đến chúng nữa.

Thỉnh thoảng điều đó đã xảy ra trong đời của chúng ta giống như của chàng Hoàng Tử này. Đôi khi chúng ta nghĩ chúng ta đang làm điều tốt nhất, chúng ta chán nản để biết rằng chúng ta thật ra thì đang gây hại nhiều hơn.

Hãy làm một việc làm tốt trong sự im lặng và không ai biết tới! Hãy quên đi sự vui sướng. Một việc làm tốt nên có một kiếp ngắn ngủi, và một khi đã mất, nên được chôn đi một cách

nhANH chóng. Hãy để nó yên nghỉ. Đừng cố làm nó sống dậy. Rất nhiều lúc, chúng ta cố biến một việc làm tốt thành một bóng ma hù dọa người ta, cứ nhắc họ về những việc làm tốt đẹp của mình khi họ bắt đầu quên.

Nhưng khi chúng ta là kẻ nhận lòng tử tế của những người khác thì sao? Thế thì chúng ta phải giữ những việc làm tốt đó trở nên bất tử. Giữ những việc làm tốt của người khác sống thì khó hơn là để việc làm tốt của mình mất đi. Cho phép tôi nói một thí dụ về điều này.

Xưa có một người bán hàng, một người tử tế và tốt, quý trọng tất cả khách hàng của mình. Ông săn sóc họ và muốn tất cả đều khoẻ mạnh và ăn uống đầy đủ. Ông giữ giá thấp đến nỗi ông chẳng có lời là bao nhiêu, không cả đủ để mướn người giúp ông trong cửa tiệm nhỏ của mình. Ông làm việc rất siêng năng trong sự nghèo nàn và thiện tâm của mình, nhưng ông rất sung sướng.

Có một ngày, một người khách đến và kể ông nghe một câu chuyện thương tâm. Chồng của bà ta vừa bị thương và không thể làm việc trong nhiều tháng. Bà không có cả tiền để mua thực phẩm cho chồng và con. "Không thực phẩm," bà khóc, "chúng tôi sẽ chết."

Người bán hàng thông cảm với bà và chấp thuận gia tăng khoản tín dụng của bà. "Mỗi tuần tôi sẽ cung cấp gạo 7 ngày và rau 4 ngày," ông nói, "và như vậy chắc chắn sẽ đủ để giữ sức khoẻ gia đình của bà; và rồi, khi nào chồng của bà đi làm lại, bà có thể giữ thực đơn y như vậy để trả hết nợ của mình., Chẳng mấy chốc, cả nhà bà sẽ ăn rau 7 ngày một tuần trở lại."

Người đàn bà quá cảm kích. Hàng tuần bà ta nhận gạo cho 7 ngày và rau cho 4 ngày.

Nhưng khi chồng bà đi làm trở lại, bà ta phải quyết định nếu trả hết nợ thì phải tiếp tục ăn rau 4 ngày một tuần hay đi cửa tiệm mới và được ăn rau 7 ngày một tuần. Bà ta chọn cái sau và biện minh cho sự không trả nợ của mình bằng cách nói với người ta là người bán hàng cũ của bà đã bán cho bà toàn những rau thối.

Đã bao nhiêu lần, khi chúng ta muốn cái gì quá, chúng ta hứa rằng nếu chúng ta được những gì chúng ta muốn, chúng ta sẽ dâng hiến đời mình để chứng tỏ lòng biết ơn của chúng ta? Song 1e, sau khi chúng ta được những gì mình sôi nổi

kiếm, hầu như một cách máy móc, lời thề của chúng ta yếu dần đi rồi mất hẳn. Chúng ta nhanh chóng chôn nó, không cả lễ nghi. Đây không phải là phương cách của Thiền Tông.

Và như thế, giống như một bác nông phu trồng đậu nành không kỳ vọng để hái được dưa, chúng ta không được kỳ vọng, bất cứ khi nào chúng ta phạm điều vị kỷ hay vô đạo đức hay những hành động gây hại, để gặt được một tâm thần tinh khiết. Chúng ta cũng không thể hy vọng che dấu những tội ác của chúng ta qua cách dời đi khỏi chỗ chúng ta đã phạm tội, hay giả định là thời gian sẽ xóa bỏ các lý lịch đó. Đừng bao giờ chúng ta nghĩ rằng nếu chúng ta cứ phớt lờ tội ác của chúng ta cho đến một lúc nào đó, những người mà chúng ta đã gây tổn thương sẽ chết một cách thuận lợi, mang xuống dưới mộ với họ những điều chúng ta cần phải chuộc lỗi vì sự thiệt hại mà chúng ta đã gây ra. Nó là những việc làm tốt chúng ta cần phải chôn... chứ không phải những nạn nhân hay những lời hứa không giữ của chúng ta.

Chúng ta có thể không nghĩ rằng vì chẳng có một chứng nhân nào ở đó để hạch hỏi chúng ta, chúng ta sẽ không phải trả lời về những tội lỗi của chúng ta. Nhiều câu chuyện nhà Phật đã nói lên nguyên lý này. Cho phép tôi kể cho các bạn vài truyện mà tôi thích:

Trong thời đại tiền kiếp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni Buddha) trên trái đất, nhiều người trong dòng họ Thích của Ngài đã bị tàn sát một cách tàn nhẫn bởi vị vua hung bạo, Virudhaka, mệnh danh là "Vua Lưu Ly".

Tại sao sự kiện kinh khủng này đã xảy ra?

Nó xảy ra gần Thành Ca Tỳ La (Kapila), thành phố của dòng họ Thích, nơi mà Đức Phật đản sinh ra đời, ở đó có một cái ao lớn và, bên bờ hồ, là một làng nhỏ. Chẳng ai nhớ tên của ngôi làng đó.

Có một năm hạn hán xảy ra. Mùa màng khô héo và dân làng không thể nghĩ gì khác hơn là giết và ăn những con cá sống trong cái ao đó. Họ bắt tất cả cá trừ một con. Con cá cuối cùng này bị một đứa trẻ bắt và nghịch với con vật khốn khổ này bằng cách đập lên đầu của nó. Đó là điều mà nó đang làm khi dân làng giết con cá từ đứa trẻ nhỏ và giết con cá.

Thế rồi trời lại mưa và mọi nơi trong vương quốc đời sống trở lại bình thường. Người ta lấy nhau và sinh con đẻ cái. Một

trong những đứa trẻ đó là Tất Đạt Đa (Siddhartha), Đức Phật, người sinh ra tại Thành Ka Tỳ La, gần ngôi làng và cái ao.

Ngài Tất Đạt Đa lớn lên và thuyết Pháp, có nhiều người theo. Một trong những người theo là vua nước Shrivastī, Vua Prasenajit. Vị vua này đã lấy một người con gái dòng họ Thích và họ sinh được một đứa con trai: Hoàng Tử Virudhaka, "Vua Lưu Ly". Đới hoàng tộc này quyết định nuôi hoàng tử lớn lên ở Ka Tỳ La, thành phố của Đức Phật.

Mới đầu, mọi việc đều tốt đẹp. Hoàng Tử Virudhaka là ấu nhi khoẻ mạnh trước khi trở thành một đứa trẻ mạnh mẽ đẹp đẽ. Nhưng trước khi hoàng tử chưa cả đến tuổi để đi học, một sự kiện đáng nhớ xảy ra.

Nó xảy ra vào một ngày, trong suốt thời gian Đức Phật vắng mặt ở Ka Tỳ La, vị hoàng tử nhỏ tuổi trèo lên chiếc Ghế Danh Dự của Đức Phật và chơi đùa ở đó. Hoàng tử chẳng có ý hại gì cả - chỉ là một đứa nhỏ đang nô đùa. Thế nhưng - khi những người dòng họ Đức Phật thấy hoàng tử nô đùa ở nơi thiêng liêng này họ trở nên rất tức giận và quở trách hoàng tử, kéo hoàng tử xuống khỏi ghế, làm nhục và trừng phạt hoàng tử.

Làm sao một đứa trẻ có thể hiểu được nỗi ngu dốt của những kẻ cuồng tín? Người lớn không thể tiên đoán được. Nó thật sự rất bí ẩn. Cách đối xử cộc cằn chỉ làm vị hoàng tử cay đắng và là nguyên nhân khiến vị hoàng tử thù ghét tất cả những người dòng họ Thích. Cách đối xử thô bạo của họ đã khởi đầu việc theo đuổi lòng ác độc và trả thù của vị hoàng tử.

Cuối cùng, vị hoàng tử, giết chính cha của mình, như được kể, đã tiến lên ngai vàng của nước Shrivastī. Giờ đây, là Vua Virudhaka, Vua Lưu Ly, ông ta cuối cùng có thể trả thù dòng tộc họ Thích. Dẫn đám quân của mình, ông ta bắt đầu tấn công Thành Ca Tỳ La.

Khi những người dòng họ Đức Phật đến nói cho Ngài biết về việc tàn sát sắp xảy ra, họ thấy Ngài đang chịu đựng một cuộc nhức đầu kinh khủng. Họ lạy lục Ngài ngăn cản và cứu dân chúng Thành Ca Tỳ La từ cuộc tấn công tàn bạo của Vua Lưu Ly, nhưng Đức Phật, đang rên rỉ vì đau đớn, từ chối không giúp. "Không thể thay đổi được một định Nghiệp." Ngài nói.

Những người thân thuộc bèn quay qua Ngài Mục Kiền Liên (Maudgalyayana), một trong những người học trò thần thông nhất của Đức Phật, và năn nỉ Ngài trợ giúp. Ngài Mục Kiền

Liên lắng nghe lời than phiền sầu não của họ, chuyển lòng thương hại, quyết định giúp dân chúng của Thành Ca Tỳ La đang bị vây hãm.

Dùng khả năng thần thông của mình, Ngài Mục Kiền Liên đưa ra chiếc bình bát huyền diệu của mình đến những người họ Thích Ca đang bị đe dọa và để 500 người trèo vào chiếc bát. Xong, Ngài đưa chiếc bát cao lên trên không trung, nghĩ rằng Ngài đã đưa họ đến chỗ an toàn. Nhưng khi Ngài cho chiếc bát hạ xuống, 500 người đã biến thành một hồ máu.

Cảnh tượng kinh khiếp đã gây sợ hãi tới mọi người đến nỗi Đức Phật quyết định kể ra câu chuyện về tổ tiên của Ngài, những người dân làng đã giết tất cả những con cá trong thời kỳ hạn hán đó.

"Đạo quân cướp bóc đang tấn công Thành Ka Tỳ La là những con cá đó," Ngài giải thích. "Dân chúng Thành Ka Tỳ La đang bị tàn sát là những người giết những con cá đó. Chính Vua Lưu Ly là con cá lớn cuối cùng. Và ai là người, theo các người nghĩ," Đức Phật hỏi, đang cầm một miếng vải lạnh đắp trên trán, "đã là đứa trẻ nhỏ đập đầu con cá đó?"

Thế đó, vì giết những con cá, dân chúng bị giờ phải chịu chết. Và vì đánh trên đầu con cá đó, Đức Phật giờ đây bị họa nhức đầu ghê gớm.

Và còn Virudhaka, Vua Lưu Ly thì sao? Đương nhiên, ông ta bị đầu thai dưới địa ngục.

Như thế đó, các bạn thấy, luật nhân quả thì không bao giờ dứt. Một nhân sinh ra một quả mà chính nó trở thành nhân của quả khác. Tác dụng và phản tác dụng. Ác lai thì ác báo. Đây là luật Nhân Quả. Chẳng bao lâu sau những việc làm xấu của chúng ta sẽ bắt kịp chúng ta. Cách duy nhất để chặn quả là chặn nhân. Chúng ta phải học tha thứ, bỏ qua sự làm hại và sỉ nhục, và đừng bao giờ tìm cách trả thù hay chứa chất bất cứ lòng căm hận nào. Chúng ta đừng bao giờ trở nên quá khích, tự cho mình là đúng và kiêu hãnh trong những quan điểm mập mờ về sự tôn sùng và trách nhiệm, và hơn hết cả, chúng ta phải luôn luôn nhẹ nhàng, nhất là với các trẻ.

Cho phép tôi kể cho các bạn một câu chuyện nhân quả khác. Câu chuyện này liên quan đến Thiền Sư Bá Trượng, người thật ra đã giải thoát được hương hồn của một con chó sói rừng. Rất ít người làm được điều đó.

Dường như là vào một buổi chiều, sau một buổi họp mặt Thiền và tất cả các môn sinh của ông đã đi nghỉ. Thầy Bá Trượng thấy một ông lão nấn ná ở ngoài Thiền Sân.

Thầy Bá Trượng đến gần người đàn ông và hỏi, "Cho tôi biết, thưa Ngài, Ngài đang tìm ai hay cái gì vậy?"

Ông già trả lời, "Không, đừng gọi con bằng Ngài. Con không phải là người. Con là một con sói rừng đang ở trong thân thể của một người đàn ông."

Thầy Bá Trượng đương nhiên là rất ngạc nhiên và tò mò: "Làm sao mà ông ở trong tình trạng này?" Ngài hỏi.

Con sói già trong thân xác của người đàn ông giải thích, "Cách đây năm trăm năm, con là vị sư trưởng của tu viện này. Có một ngày, một vị sư trẻ đến hỏi con, "Khi một người đạt giác ngộ, ông ta có còn là đối tượng của luật nhân quả hay không?" Và con trả lời anh ta một cách mạnh dạn là, "Không, người ấy không còn phải chịu luật nhân quả." Sự trừng phạt cho câu trả lời sai lầm và hợm hĩnh này của con là anh linh con biến thành anh linh của một con sói rừng và con chạy mất vào những dãy núi. Là một hồ ly tinh, con không thể chết, và lâu dài cho đến khi nào sự ngu dốt của con còn, con phải tiếp tục sống ở trong tình trạng khốn khổ này. Cả năm trăm năm, con đã lang thang qua những khu rừng tìm kiếm sự thông thái để giải thoát mình. Thưa Thầy, con năn nỉ Thầy có lòng thương hại với con và làm con giác ngộ sự thật."

Thầy Bá Trượng nói nhỏ nhẹ với con hồ ly tinh. "Hỏi tôi câu hỏi mà nhà sư trẻ đã hỏi ông, và tôi sẽ cho ông câu trả lời đúng."

Hồ ly tinh nghe theo. "Con muốn hỏi Thầy điều này: Khi một người đã giác ngộ, ông ta có còn đối tượng của luật Nhân Quả hay không?"

Thầy Bá Trượng trả lời: "Còn. Ông ta thì không bao giờ được thoát từ luật Nhân Quả. Ông ta không bao giờ có thể nhầm lẫn trước những nhân quả có thể xảy ra. Ông ta phải còn nhận biết tất cả những hành động hiện tại và quá khứ của mình."

Đột nhiên hồ ly tinh giác ngộ và được giải thoát. Ông ta phủ phục trước vị Thầy và nồng nhiệt cảm ơn. "Cuối cùng", ông nói, "con đã được giải thoát!". Thế rồi, khi ông sửa soạn đi, ông quay lại hỏi Thầy Bá Trượng, "Thưa Thầy, vì con là một vị

tăng, Thầy có thể vui lòng cho con nghi thức thường ma chay cho một vị tăng không? Con sống ở gần đây, trong một cái hang động trên núi đằng sau tu viện, và bây giờ con sẽ lại đó để chết."

Thầy Bá Trượng đồng ý, và ngày hôm sau Thầy đi lên núi và tìm đến hang động đó. Nhưng thay vì thấy một vị sư già ở đó, Thầy Bá Trượng thấy một đồng bầy nhầy trên mặt đất trong hang động. Thầy dùng cây gậy của mình thọc vào đồng bầy nhầy đó thì thấy xác của một con chó sói đã chết.

Lời hứa là lời hứa! Thầy Bá Trượng thực hành nghi lễ ma chay cho thân xác con chó sói mà Ngài thường cử hành cho các vị sư. Mọi người nghĩ Thầy Bá Trượng đã khùng, nhất là khi chính Thầy dẫn đầu đám ma trang trọng này... với một tử thi của con chó sói trong quan tài!

Các bạn thân quý thấy không, ngay cho dù đã đạt được Phật Tánh cũng không miễn mình khỏi với luật Nhân Quả. Khi mà ngay cả Đức Phật chịu đựng cơn đau đầu vì đã ác độc với một con cá, chúng ta cần tới mức nào để nghe biết nguyên lý là một hành động tàn ác, chẳng sớm thì muộn, cũng sẽ mang lại cho chúng ta một quả báo tàn ác. Cẩn thận với những lời mình nói và làm! Đừng có mạo hiểm thành anh linh của con chó sói!

Về điều đòi hỏi thứ hai, những điều lệ giới luật được tuân theo một cách nghiêm khắc, tôi sẽ nói cho các bạn nghe một cách chân thành là không có một sự tiến triển nào về tâm linh mà không có đạo đức và trách nhiệm tôn giáo đã được hoàn tất đầy đủ cả.

Giới luật là nền tảng mà sự giác ngộ dựa vào. Giới luật điều hành bản tính của chúng ta và khiến nó không thay đổi. Sự điều đặn trở thành tính kiên định và đây là điều tạo ra trí huệ.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Surangama Sutra) dạy chúng ta rõ ràng rằng chỉ đặc thiền sẽ không tẩy được những bất tịnh của chúng ta. Ngay cho dù chúng ta đã có thể chứng tỏ thiền một cách rất thông thạo, tuy nhiên, không giữ giới chúng ta dễ dàng rơi vào vương quốc độc ác của Ma Ba Tuần (Mara) của loài quỷ và ma quái.

Một người nam hay người nữ giữ nghiêm khắc giới luật phẩm hạnh và trách nhiệm tôn giáo được bảo vệ và cổ vũ bởi

các thiên long và chư thiên, giống như anh ta được tránh và sợ bởi loài quỷ dưới địa ngục và ma quái khắp nơi.

Có một lần ở vương quốc Kashmir, một con địa long độc sống ở một cái hang gần tu viện của 500 vị A La Hán (Arhat) thuộc Thượng Tọa Bộ (Theravada). Con rồng này đã gây khiếp hãi trong vùng và làm đời sống của người dân khổ cực. Mỗi ngày các vị A La Hán tập hợp lại, và cùng nhau tập trung thiền lực để đuổi con rồng đi chỗ khác. Nhưng họ luôn luôn thất bại. Đơn giản là con rồng không muốn đi.

Rồi một ngày, một vị tăng Thiền Tông Đại Thừa (Mahayana) ngẫu nhiên dừng chân tại tu viện. Những vị A La Hán than phiền về con rồng kinh khiếp này và xin vị tăng nhập chung với họ để thiền, cộng thêm sức mạnh thiền định của vị tăng này với họ. "Chúng ta phải cưỡng bức con quái vật này đi!" Họ thét lên. Vị tăng Thiền Tông chỉ mỉm cười với họ và đi thẳng đến hang động của con độc long này.

Đứng trước cửa hang động, vị tăng gọi con rồng, "Thưa Ngài hiền triết, xin ngài vui lòng rời khỏi hang động và tìm chỗ ở một nơi cách xa đây được không?"

"Được", con rồng nói, "vì ông hỏi tôi rất lịch sự, tôi sẽ chấp nhận lời yêu cầu của ông và tôi sẽ rời ngay tức khắc." Con rồng, như các bạn thấy, có một ý thức xã giao cao. Như thế đó, nó bỏ đi!

Từ tu viện của họ, những vị A La Hán theo dõi tất cả điều này trong sự bàng hoàng cùng cực. Chắc chắn vị tăng này đã có định lực nhiệm màu!

Ngay khi vị tăng trở về, các vị A La Hán vây xung quanh ông và năn nỉ ông cho họ biết về những quyền năng phi thường này.

"Tôi đâu có dùng bất cứ loại thiền đặc biệt hay chánh định nào," vị tăng nói, "tôi đơn thuần giữ giới luật và những luật này quy định rằng tôi phải giữ những điều luật nhỏ bé về phép lịch sự cẩn trọng như những điều luật lớn lao khác về đạo đức."

Như thế chúng ta thấy sức mạnh thiền chánh định tập trung của năm trăm vị A La Hán đôi khi không bằng sự tôn trọng triệt để những giới luật của một vị tăng.

Và nếu các bạn hỏi, "Tại sao nên cần thiết chú ý nghiêm khắc đến kỷ luật nếu tâm đã đạt được trạng thái không phán đoán? Tại sao một người hiền lương và ngay thẳng vẫn cần

tiếp tục tập Thiền?" Tôi sẽ hỏi người đó, "Tâm của anh có đảm bảo nếu cô tiên Hằng Nga kiêu diễm đến với anh và ôm anh với thân thể lửa lò của mình, anh có chắc là tim anh vẫn không bị rối loạn không?" Và các bạn... nếu có ai đó chẳng vì một nguyên nhân nào nhục mạ hay đánh các bạn, các bạn có cảm thấy tức giận hay bức mình không? Các bạn có thể chắc là lúc nào cũng giữ được mình không phán đoán ai không? Các bạn có thể chắc rằng mình luôn luôn biết những điều đúng và sai trái? Bây giờ, nếu các bạn đã tuyệt đối chắc chắn rằng mình sẽ không bao giờ bị quyến rũ, rằng mình sẽ không bao giờ làm gì sai, vậy hãy há miệng bạn ra và nói to và rõ! Còn không, đừng cả thăm thì một lời nói dối.

Về điều đòi hỏi thứ ba có một lòng tin vững chắc vào Phật Tánh của mình, xin nhớ rằng đức tin là mẹ, là nguồn nuôi dưỡng sự quyết tâm của chúng ta để cam chịu tập luyện và thực hành những bổn phận tôn giáo của mình.

Nếu chúng ta tìm sự giải thoát từ sự vất vả của thế giới này, chúng ta phải có một đức tin kiên quyết trong sự đảm bảo của Đức Phật rằng mỗi chúng sinh trên quả đất có trí huệ Như Lai và, vì thế, có khả năng chứng đắc thành Phật. Cái gì đã ngăn trở chúng ta nhận biết trí huệ này và chứng đắc thành Phật? Câu trả lời là chúng ta đơn thuần không có niềm tin vào sự đảm bảo của Ngài. Chúng ta muốn ở mãi trong sự không nhận biết sự thật này, nhận sự sai trái là chân chính, và dâng cuộc đời của mình để thỏa mãn những ham muốn ngu xuẩn.

Không nhận biết sự thật là một căn bệnh. Giờ đây, như Đức Phật đã dạy, Pháp thì giống như một bệnh viện có nhiều cửa vào. Chúng ta có thể mở bất cứ cánh cửa nào và vào nơi chữa trị. Nhưng chúng ta phải có niềm tin vào những vị y sĩ và vào sự hiệu quả của cách chữa trị.

Những khi Ngài muốn miêu tả vấn đề nào đó mà nguyên nhân là sự ngờ vực và thiếu niềm tin, Đức Phật thường dẫn đến câu chuyện ngụ ngôn về người lương y. Ngài sẽ hỏi, "Giả sử anh bị thương bởi một mũi tên độc và một người bạn đưa một vị bác sĩ tới để giúp anh. Anh có nói với người bạn như thế này không, "Không! Không! Không! Tôi không chịu người này đụng tới người tôi tới khi tôi tìm ra kẻ bắn tôi! Tôi muốn biết tên của thủ phạm, địa chỉ vân vân... Đó là điều quan trọng, phải không? Và tôi muốn biết thêm về cái mũi tên này. Cái đầu mũi

tên bằng đá, sắt, xương hay sừng? Còn cái mũi tên bằng gỗ? Nó là gỗ sồi hay gỗ đu hay gỗ thông? Loại gân gì được dùng để buộc đầu mũi tên với thân tên? Nó là gân bò, gân khỉ, hay gân nai? Và loại lông chim nào ở trên thân tên? Chúng nó là lông của con diệc hay lông con điều hâu? Và còn loại độc được dùng thì sao? Tôi muốn biết nó thuộc loại nào. Thêm nữa, người này là ai? Anh có chắc ông ta là bác sĩ đủ khả năng? Rốt cuộc, tôi không muốn một tên lang băm chữa trị cho tôi. Tôi nghĩ tôi có quyền biết những điều này, phải không? Vì thế, vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi hay tôi sẽ không để người này đụng đến người tôi.' Như vậy," Đức Phật nói, "trước khi anh có những câu trả lời thỏa đáng cho những câu hỏi của mình, anh chắc chắn sẽ chết."

Thế đó, các bạn yêu quý, khi các bạn thấy mình bị đau khổ từ căn bệnh của trần thế, hãy tin vào vị Đại Lương Y. Ngài đã chữa cho hàng triệu người khác. Đã có người tín đồ nào bỏ mạng dưới sự săn sóc của ngài chưa? Đã có người tín đồ nào thất bại trong việc phục hồi lại sự sống đời đời và sung sướng khi theo tăng đoàn của Ngài chưa? Chẳng có một ai cả. Tất cả đều hưởng lợi lạc. Và các bạn cũng sẽ vậy nếu các bạn có tín tâm vào những phương pháp của Ngài.

Tín tâm là một loại tài năng mà các bạn có thể phát triển. Nếu, thí dụ như, các bạn muốn làm đậu hũ, các bạn bắt đầu bằng cách luộc và xay những hạt đậu nành và rồi các bạn cho thêm nước bột thạch cao hay nước chanh vào với đậu luộc. Các bạn biết rằng các bạn có thể đứng đó, nếu các bạn muốn, xem đậu hũ thành hình. Các bạn có niềm tin vào phương pháp của các bạn vì nó luôn luôn đúng. Vì vậy các bạn tạo được cảm giác chắc chắn không mấy may nghi ngờ. Dĩ nhiên, lần đầu tiên các bạn làm đậu hũ, giả sử rằng các bạn hoàn toàn không biết kết quả ra sao, các bạn có thể đã thiếu niềm tin vào phương pháp. Các bạn có thể đã có đầy sự nghi ngờ điều thạch cao hay nước chanh sẽ tạo đậu luộc trở thành đậu hũ. Nhưng một khi các bạn đã thành công và thấy bằng chính mắt mình rằng cái công thức đó là đúng và cách làm là đúng, các bạn chấp nhận không cả một sự e dè với phương pháp đã được kê ra. Niềm tin của các bạn vào phương pháp đó đã được kiến lập.

Vì vậy, tất cả chúng ta phải có tín tâm rằng mỗi người chúng ta đều có một Phật Tánh và chúng ta đều có thể thấy được bản Tánh Phật này nếu chúng ta cần cù theo đuổi một đạo Pháp thích hợp.

Nếu chúng ta sợ, chúng ta nên nhớ những lời của của Thiền Sư Vĩnh Gia ghi trong Chứng Đạo Ca của Ngài.

"Trong Thế Giới Chân Như của Như Lai chẳng có sự hiện hữu của bản ngã, giới luật, hay địa ngục. Không có điều xấu nào của thế giới luân hồi có ở đó. Nếu tôi nói dối, bạn có thể cắt lưỡi tôi ra và tống cát đầy vào miệng tôi, và để như vậy cho đến muôn kiếp."

Chẳng ai có thể cắt được lưỡi của Thiền Sư Vĩnh Bảo cả.

Về điều kiện thứ tư, chúng ta nhất định kiên quyết thành công qua bất cứ phương pháp nào mà chúng ta đã chọn, xin hãy cho phép tôi cảnh báo các bạn về hành động điên rồ nhảy từ phương pháp này qua phương pháp khác. Xem Pháp như là một ngọn núi mà các bạn phải trèo. Có nhiều đường dẫn tới đỉnh núi. Chọn một và đừng bỏ nó! Nó sẽ dẫn các bạn đến nơi! Nhưng các bạn sẽ không bao giờ tới đỉnh nếu các bạn chạy vòng quanh quả núi, thử con đường này và rồi bỏ nó vì con đường khác nhìn có vẻ dễ hơn. Các bạn sẽ lòng vòng ở quả núi nhiều lần, nhưng các bạn sẽ không bao giờ trèo nó. Đừng bỏ phương pháp mà các bạn đã chọn. Hãy trung thành một cách tuyệt đối với nó.

Trong Thiền Tông, chúng ta luôn luôn kể những chuyện về việc mua bán những con quỷ. Có chuyện này rất thích hợp ở đây:

Có một ngày, một người đang tản bộ qua khu chợ khi anh ta tới một cái chuồng có đề chữ, "Bán: Quỷ Hạng Nhất." Dĩ nhiên, người đó ngạc nhiên. Nếu là các bạn thì có ngạc nhiên không? Tôi thì chắc chắn ngạc nhiên rồi. "Cho tôi xem một đứa trong lũ quỷ này," anh ta nói với người lái buôn.

Con quỷ là một giống vật nhỏ bé kỳ lạ... nhìn giống như là con khỉ. "Nó rất là thông minh," người lái buôn nói. "Và anh chỉ phải làm mỗi công việc bảo nó mỗi buổi sáng những gì anh muốn nó hoàn tất trong ngày đó, và nó sẽ làm."

"Bất cứ điều gì?" người đó hỏi.

"Vâng", người lái buôn nói, "Bất cứ điều gì. Tất cả những công việc nhà sẽ xong trong khoảng thời gian anh đi làm về."

Người đàn ông còn sống độc thân và con quỷ có vẻ như là một việc đầu tư tốt. "Tôi mua nó," anh ta nói. Và anh ta trả tiền người lái buôn.

"Chỉ có một điều nhỏ này," người lái buôn nói - luôn luôn có một điều nhỏ, phải không các bạn? - "Anh phải, một cách trung kiên, nói nó làm cái gì mỗi ngày. Đừng bao giờ quên xốt điều này! Cho nó những lời chỉ thị của anh mỗi buổi sáng và mọi việc sẽ tốt đẹp. Nhớ giữ lệ thường này!"

Người đó đồng ý và mang con quỷ của mình về, và mỗi buổi sáng anh ta nói nó rửa chén bát và giặt giũ quần áo và dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn; và khi anh ta đi làm về, mọi việc đều hoàn tất một cách tuyệt vời nhất.

Nhưng rồi ngày sinh nhật của người đó tới và bạn bè của anh ta ở chỗ làm quyết định mở tiệc đãi anh ta. Anh ta uống say mèn và ở lại nhà một người bạn dưới phố qua đêm và đi thẳng đến chỗ làm ngày hôm sau. Anh ta không bao giờ quay trở về nhà để dặn con quỷ làm những gì. Và khi anh ta trở về nhà tối hôm đó, anh ta thấy con quỷ đã đốt cháy rụi căn nhà và đang nhảy múa xung quanh đống gạch đổ nát còn bốc khói.

Và điều này thì thường xảy ra mà, phải không? Khi chúng ta bắt đầu tập, chúng ta thề đến máu mình đổ rằng chúng ta sẽ giữ nó một cách trung kiên. Nhưng rồi lần đầu tiên chúng ta bỏ nó đi và sao lãng nó, chúng ta mang tai ách đến cho nó. Làm như là chúng ta chưa bao giờ tập một lần nào cả.

Vì thế, không cần biết xem các bạn chọn con đường Mật Chú, hay Pháp Chú, hay Đếm Hơi Thở, hay một câu Thoại Đầu, hay trì niệm tên Phật, đừng bỏ phương pháp của các bạn! Nếu nó không giải thoát các bạn ngày hôm nay, thử lại ngày mai. Tự nói với chính các bạn rằng các bạn sẽ quyết tâm dù nếu các bạn phải tiếp tục sự tu tập của mình trong kiếp tới, các bạn sẽ làm như thế để thành công. Thiền Sư Quy Sơn xa xưa đã nói, "Đừng bỏ sự tu tập mà bạn đã chọn. Cho dù trải qua nhiều kiếp đầu thai mà bạn cần để thành Phật."

Tôi biết nó rất dễ trở nên chán nản khi chúng ta nghĩ chúng ta chẳng có sự tiến triển nào. Chúng ta cố và cố nhưng khi giác ngộ không đến, chúng ta muốn chịu thua cuộc phần đầu. Sự bền lòng tự nó đã là một thành quả.

Tự kiên định và nhẫn nại. Chẳng phải chỉ có một mình các bạn đang tranh đấu. Theo lời dạy của người xưa, "Chúng ta tu

tập hàng niên kỷ thì lương chỉ để sự giác ngộ xảy ra trong một khoảng chớp."



CHƯƠNG 3: CHỨNG NGỘ

Thiền Tông có hai vị Thiền Sư nổi tiếng tên Hàn Sơn: một người sống ẩn dật ở thế kỷ thứ 9 mà tên nghĩa là Núi Lạnh và một người thầy giáo sống trong thế kỷ 16 mà tên nghĩa là Ngu Sơn. Hàn Sơn là nhà thơ hay nhất của Thiền Tông Phật Giáo. Ngu Sơn là một nhà thơ cũng rất hay. Ngài có lẽ là nhà thơ hay thứ nhì của Thiền Tông.

Hàn Sơn cầu xin thiên nhiên dẫn dắt mình tới sự bình an và thông hiểu. Trong việc tìm cái đẹp của thế giới thiên nhiên ông đã tìm được cái đẹp trong chính mình. Đó là cách mà những người ẩn dật hoạt động. Họ tìm; họ cân nhắc; họ biến tình trạng cô đơn thành cảnh tránh xa hồng trần.

Ngu Sơn vượt qua chính mình bằng cách giúp người khác. Ông đã cố gắng để giúp những người tầm thường chứng ngộ. Điều đó thì khó hơn là sống sót trong cơn đông giá và đói khổ.

Hàn Sơn, Núi Lạnh, nói:

Cao trên đỉnh núi

Mọi phương vô tận

Trắng độc nhìn xuống

Từ lâu nửa đêm

Ngắm bóng trong hồ lạnh

Lạnh run, tôi ca tụng trắng

Chẳng Thiền trong thơ

Nhiều trong âm điệu

Hàn Sơn, Ngu Sơn, đã cố đặt những gì không thể nói vào chữ mà mọi người ai cũng hiểu: Đặt con cá trên đất và nó sẽ nhớ đại dương tới khi nó chết. Đặt một con chim trong lồng, nhưng nó sẽ không quên bầu trời. Mỗi con vẫn nhớ nơi thật sự của nó, nơi mà thiên nhiên đã ra lệnh nó thuộc về. Con người được sinh trong trạng thái vô tư. Bản tính tự nhiên của con người là yêu, là duyên dáng và là tinh khiết. Song le con người đã dời chỗ ở một cách ngẫu nhiên, chẳng cá bao giờ nhớ đến căn nhà xưa của mình. Điều này thì buồn hơn cả những con cá và con chim phải không?

Tất cả chúng ta muốn phản chiếu khuôn Trăng của Giác Ngộ. Tất cả chúng ta muốn trở về căn nhà xưa của Vô Tư. Làm thế nào chúng ta có thể đạt được điều này? Chúng ta theo Pháp.

Đức Phật thấy sự ngu tối của đời sống không giác ngộ như là một căn bệnh. Tứ Diệu Đế của Ngài có một ẩn ý lượng ý: Một, đời sống trong cõi Luân Hồi thì cay đắng và đau khổ. Hai, ham muốn là nguyên nhân của sự cay đắng và đau khổ này. Ba, có cách chữa trị căn bệnh này. Bốn, cách chữa là theo Bát Chánh Đạo.

Thứ nhất, chúng ta phải nhận biết rằng chúng ta đang đau bệnh. Thứ hai, chúng ta cần chẩn bệnh. Thứ ba, chúng ta cần được bảo đảm rằng chúng ta đau bệnh gì sẽ có công hiệu bởi cách điều trị. Bốn, chúng ta cần một đoàn trị bệnh.

Cõi Luân Hồi là cõi nhìn qua bản ngã. Nó là một thế giới phiền não và bệnh hoạn bởi vì những ham muốn không ngừng nghỉ của bản ngã.

Cổ thoả mãn những đòi hỏi của bản ngã thì giống như cổ đặt tên số cho con số lớn nhất. Không cần biết con số lớn cỡ nào mà chúng ta có thể nghĩ tới, một con số nữa luôn luôn có thể được cộng với nó để thành một con số lớn hơn. Không có cách nào đạt được con số cuối cùng.

Các bạn thân quý, có phải là điều không đúng rằng không cần biết một người có bao nhiêu tiền, anh ta luôn luôn nghĩ anh ta cần hơn nữa, và rằng không cần biết căn nhà của một người thoải mái thế nào, anh ta luôn luôn muốn một chỗ nguy nga hơn, và rằng không cần biết có bao nhiêu người ái mộ anh ta, anh ta luôn luôn cần nghe nhiều tiếng vỗ tay hơn, phải không?

Kết quả của sự liên tục tranh đấu là liên tục xung đột.

Vậy thì chúng ta phải làm gì? Trước hết chúng ta phải hiểu rằng những vấn đề mà bản ngã tạo ra không thể giải quyết trong cõi Luân Hồi của những vọng tưởng thay đổi liên tục. Tại sao? Vì chính bản ngã luôn luôn thay đổi, cái cá tính tưởng tượng đơn thuần hành động và phản ứng theo những điều kiện thay đổi của đời sống - những điều kiện mà nó không bao giờ có thể hiểu được.

Nó giống như là cố chơi banh trên một sân chơi mà chiều dài cứ thay đổi; và thay vì chỉ một trái banh trong cuộc chơi, có tới hai chục trái banh; và những cầu thủ thì một là đang chạy trong hay ngoài sân chơi hai là đang nằm ngủ trên bãi cỏ. Chẳng ai chắc chắn đang chơi trò chơi nào và mọi người chơi bởi những quy luật khác nhau. Lúc này, bất cứ ai là cầu thủ hay trọng tài sẽ không bao giờ tìm thấy sự vui thích trong một

trò chơi như thế. Anh ta sẽ thấy đời sống của mình trên sân chơi là một sự tập luyện vô tận trong sợ hãi, hỗn loạn, thất vọng và kiệt lực.

Bát Chánh Đạo hướng dẫn, phân ranh, và thiết lập những quy luật rõ ràng. Mọi người có thể theo chúng.

Bước đầu là Hiểu Đúng (Right Understanding - Chính Kiến)

Sự thông hiểu đòi hỏi cả việc học hỏi lẫn tham khảo với một vị Thiền Sư.

Những tài liệu học được chỉ qua sách vở thì không bao giờ đủ. Cuốn sách có chính xác không? Nếu nó đúng, chúng ta có thật sự hiểu những gì chúng ta đọc không? Chúng ta không thể trải nghiệm chính chúng ta. Thử nghĩ xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu học sinh tự đặt bài thi cho mình và tự cho điểm chúng? Mọi người chắc chắn sẽ được điểm A! Nhưng bao nhiêu người thật sự biết rõ môn học của mình?

Nhiều môn sinh của Thiền Tông đọc một cuốn sách và rồi, qua cách trải nghiệm sự hiểu biết của mình, giao chiến với bạn bè của mình trong những cuộc tranh luận non nớt hay mỉa mai họ với những lời công bố ngạo mạn. Những vị thầy gọi những cuộc tranh luận như vậy là "Trong thế giới của người mù kẻ chốt làm vua."

Không thể thay thế được một vị thầy giỏi. Một người thầy giỏi đối chất với chúng ta để xem nếu chúng ta hiểu những gì chúng ta đã học được.

Nếu chúng ta không hiểu một đoạn văn trong một cuốn sách, chúng ta không thể hỏi cuốn sách. Nếu chúng ta không đồng ý với một số quan điểm nào đó của vị thầy, chúng ta không thể bỏ những lời chỉ bảo của ông như cách chúng ta bỏ lướt qua những đoạn văn rắc rối. Tham khảo với một vị thầy giỏi là điều cần thiết. Không có một cái gì có thể thay thế cho những cuộc khảo luận mặt đối mặt thường xuyên được.

Các bạn biết không, xưa có một chàng thủy thủ, khi đi phép, đã gặp người con gái lý tưởng của mình. Anh ta yêu cô một cách điên cuồng. Bất hạnh thay, anh ta phải trở về tàu để hoàn tất hai năm đăng lính của mình. Vì thế anh ta nghĩ, "Mình sẽ không để nàng quên mình. Mỗi ngày mình sẽ viết thư cho

nàng. Nếu chẳng có điều gì khác, nàng sẽ yêu mình vì lòng trung thành của mình."

Mỗi ngày, dù bất cứ ở đâu, anh ta viết thư cho cô ta; và khi anh ta trở về sau hai năm, anh ta được biết vào khoảng bức thư thứ hai trăm, cô ta đã lấy người phát thư!

Các bạn quý mến, đừng có giống như chàng thủy thủ tội nghiệp đó dựa trên những chữ viết để đạt được sự thông hiểu. Tìm một vị thầy người sẽ gặp các bạn hàng ngày. Hãy mở tấm lòng mình ra với ông ta. Ông ta biết các bạn càng nhiều bao nhiêu thì ông ta lại càng có thể khuyên bảo hay chỉ dạy các bạn nhiều bấy nhiêu.

Bước thứ hai là Nghĩ Đúng (Right Thought - Chính Tư Duy).

Nghĩ Đúng đòi hỏi chúng ta trở nên nhận biết những động lực thúc đẩy chúng ta. Luôn luôn chúng ta phải hỏi tại sao chúng ta muốn có một cái gì đó hay tại sao chúng ta muốn làm một cái gì đó, và chúng ta phải mạnh bạo trong việc hỏi chính chúng ta. Nếu một người bạn muốn mua một cái gì đó mà anh ta không đủ tiền mua hay làm một điều gì đó không tốt cho anh ta, chúng ta sẽ có lời khuyên tốt với anh ta, cảnh báo anh ta, giúp anh ta thấy được những hậu quả có thể xảy ra vì những ham muốn ngu muội của anh ta. Chúng ta có thể là người bạn như vậy cho chính bản thân chúng ta không? Chúng ta có thể áp dụng những ý thức thông thường cho chính những ham muốn của chúng ta không?

Kiểm tra cẩn thận sẽ tỏ rõ trạng thái của chúng ta:

Lãnh chúa Thiên Chí (T'ien Chi) và Vua Chi (Ch'i) rất thích môn thể thao đua ngựa. Họ thường gặp nhau để đua ngựa của mình.

Mỗi người có ba loại ngựa. Loại hạng ba là ngựa kéo. Đây là những con ngựa kéo xe. Chúng lớn và khỏe nhưng rất chậm.

Loại hạng hai là loại ngựa chiến, đây là loại ngựa mà những chàng kỵ binh đánh thương, cung thủ và kiếm sĩ cưỡi. Loại ngựa này khỏe và khá nhanh; nhưng chúng lại già hơn vì chúng cần nhiều năm để huấn luyện.

Loại ngựa hạng nhất là loại chính giống và trẻ mà những nhà quyền quý và các viên chức cao cấp cưỡi. Loại ngựa này nhẹ và rất nhanh.

Vì thế, mỗi khi nhà Vua và vị Lãnh Chúa lập những cuộc đua ngựa, họ sẽ đua tất cả những loại ngựa hạng ba với nhau, rồi họ đua loại ngựa hạng hai của mình, và cuối cùng, họ đưa loại ngựa hạng nhất chính giống.

Bấy giờ, nhà Vua rất giàu và có nhiều ngựa hay hơn là vị Lãnh Chúa. Vì thế đương nhiên là ông thắng tất cả những cuộc đua.

Trong sự tức tối của mình, Lãnh Chúa Thiên Chí cầu cứu với Tôn Bình (Sun Ping), một người con cháu khôn ngoan của Tôn Tử (Sun Tzu) - Tôn Tử viết cuốn sách nổi tiếng "Nghệ Thuật Chiến Tranh". Thiên Chí hỏi Tôn Bình, "Xin chỉ bảo tôi. Làm thế nào tôi có thể thắng nhà Vua?"

Nhà thông thái ngẫm nghĩ một chốc. Rồi ông nói, "Thưa ngài, tôi đề nghị là khi nhà vua đưa loại ngựa hạng ba của mình để đua, ngài đưa ra loại ngựa hạng hai của ngài để đua với chúng nó. Khi nhà vua đưa ra loại ngựa hạng hai của mình để đua, ngài đưa ra loại ngựa hạng nhất của ngài; và khi nhà vua đưa ra loại ngựa hạng nhất của mình, ngài đưa ra loại ngựa hạng ba của ngài. Có ba cuộc đua thì ngài sẽ thắng hai."

Câu trả lời thì quá đơn giản, nhưng tại sao vị lãnh chúa đã không thể nghĩ ra cho chính mình? Bởi vì lòng kiêu ngạo của ông ta đã khiến ông ta quá xúc động khi tham gia vào cuộc đua. Ông ta đã không bước lại một bước từ hiện trạng của mình để nhìn nó một cách khách quan. Ông ta đã không áp dụng sự Nghĩ Đúng.

Các bạn thân mến, hãy kiểm xét một cách mạnh bạo về những ham muốn của mình. Áp dụng cho chính mình những ý thức thông thường mà mình dùng để khuyên bảo một người bạn.

Bước thứ ba là Nói Đúng (Right Speech - Chính Ngữ).

Chúng ta thường gán lời nói vào việc phục dịch bản ngã. Để chiếm thế thượng phong, chúng ta bàn chuyện văn, hay chúng ta phóng đại, hay chúng ta quên nói cả câu chuyện, hay chúng ta nói bóng gió tội của những người khác trong khi nể nang

cho mình vô tội. Đôi khi, chỉ vì muốn được mọi người chú ý đến, nhiều người trong chúng ta sẽ kể những chuyện dơ dáy hay những câu đùa cợt dâm ô.

Chúng ta nghĩ rằng lời nói không phải những hành động, chúng chỉ có một chút quyền năng và không giữ được lâu, và rằng lời nói biến mất ngay qua làn hơi sau khi nói. Nhưng lời nói thật ra có quyền năng và chúng có thể tồn tại mãi mãi; và, hơn thế nữa, chúng có thể làm lành hay gây hại.

Không những Nói Đúng ngăn chúng ta thốt lên những điều sai trái, những lời sỉ nhục, những lời buộc tội, hay khoe khoang về những sự thành đạt của chúng ta, nó cũng khuyến khích chúng ta nói những lời an ủi, nói ra những lời tha thứ, diễn tả sự công nhận và cảm kích về những thành đạt của người khác.

Đừng bao giờ coi thường quyền năng của lời nói. Cho phép tôi kể với các bạn một câu chuyện xưa để làm rõ ý quyền năng của lời nói.

Đó là một ngày đẹp trời của mùa Xuân và nhiều người đến công viên để thấy màu cỏ xanh và cây trổ hoa và các thảo mộc. Trong số những người đó có hai người ăn xin.

Người ăn xin thứ nhất có một tấm bảng đọc "Tôi là kẻ mù lòa". Hầu hết mọi người đi qua ông ta và tiếp tục thường lăm cảnh vật.

Người mù thứ hai thì khác hơn. Hầu hết mọi người đi ngang qua ông ta đặt một đồng cắc vào cái ly của ông ta. Có vài người đã đi qua ông ta, không cho, lại quay vòng lại để cho ông ta đồng cắc.

Tấm bảng của ông ta đọc "Trời tháng Năm - và tôi là kẻ mù lòa!"

Các bạn thân mến, khi quyết định nói hay không nói, hãy nghĩ đến người mù lòa đó đã thấy sự khác biệt lớn lao của một cùm từ nhỏ bé có thể tạo nên!

Bước thứ tư là Làm Đúng. (Right Action - Chính Nghiệp)

Làm Đúng chứa những Giới Luật.

1. Người Phật Tử nguyện không bạo động. Điều này không có nghĩa anh ta không thể chống đỡ bảo vệ mạng sống của mình, hay mạng sống của những người mà anh ta chăm sóc

coi dưỡng; nhưng có nghĩa anh ta không thể tự gây ra những hành động thù địch với người khác.

Nhưng còn chính anh ta thì sao? Anh ta, cũng vậy, là một trong những người mà anh ta không nên có những hành động thù địch với chính mình.

Sự bình an không hẳn chỉ là sự thiếu vắng chiến tranh. Lo lắng tuy không phải là một hiện trạng hung hãn, nhưng nó cũng không phải là sự bình an. Người bị hôn mê đâu có ở trong trạng thái chiến tranh, nhưng anh ta cũng chẳng phải ở trong trạng thái bình an. Sự bình an là trạng thái cố ý để đạt được và duy trì.

Nó không hẳn là chỉ không bạo động; chúng ta cũng phải hành động để khuyến khích sự hài hòa, sống vui, và sức khỏe tốt.

Hút thuốc lá, cho thí dụ, không những độc hại sức khỏe cho người hút mà cho cả sức khỏe của tất cả người xung quanh mình. Về cả hai mặt, như vậy, hút thuốc bị cấm bởi giới luật chống bạo động.

Bất cứ khi nào nếu có thể, một người Phật Tử nên tránh ăn thịt. Tôi nói "bất cứ khi nào nếu có thể" vì điều luật này không là một sự tuyệt đối. Nhiều người, cho thí dụ, sống ở những vùng băng hàn mà họ chẳng có sự chọn lựa nào khác ngoài việc ăn cá và những sinh vật khác sống dưới biển. Họ không thể trồng rau trái ở vùng lãnh nguyên; và chúng ta không thể phủ nhận Pháp tới những người chỉ vì họ sống ở môi trường không dẫn đến việc ăn chay. Nhưng ở những nơi mà rau trái trù phú, chẳng có một lý do gì để ăn thịt cả.

Ở mặt tích cực, một bữa ăn chay làm tăng tiến sức khỏe tốt và cũng vì lý do này, nó nên được theo.

Thể dục, nhất là Thái Cực Quyền (Tai Ji Quan) hay Khí Công (Qi Gong), làm giảm sự hung hãn, tức giận và cũng có ảnh hưởng tốt cho thân thể. Yoga thì cũng có rất nhiều ích lợi.

2. Người Phật Tử thệ nguyện thành thật, không chỉ những trong đời sống xã hội của mình, mà ngay cả đời sống thương mại của mình nữa. Tất cả những hình thức lừa gạt và mách khoé kiện tụng được bao gồm trong giới cấm này. Bất cứ khi nào chúng ta hy sinh sự thật để được vài điều hơn nhau tưởng tượng, chúng ta lao vào một thế giới rối bời, xoắn lại với nhau.

Ở Đông Kinh có hai nhà buôn sau những năm thông đồng cạnh tranh và lường gạt đã hoàn toàn không tin lẫn nhau.

Một ngày kia họ gặp nhau ở trạm xe lửa. Nhà buôn thứ nhất hỏi, "Ông đi đâu vậy?"

Nhà buôn thứ hai nghĩ một chốc và trả lời, "Tới Kobe."

Nhà buôn thứ nhất thờ hốt hển, "Ông là tên nói sạo! Ông bảo tôi ông đang đi tới Kobe bởi vì ông muốn tôi nghĩ là ông đang đi tới Osaka; nhưng tôi đã điều tra, và tôi biết là ông đang đi tới Kobe!"

Các bạn thân thương, đây là trạm đến ngay dù của một sự dối gạt nhỏ nhất. Danh tiếng của chúng ta giống như là bằng nhãn trên một cái thùng được gửi đi. Một khi chúng ta được biết tới như những tên dối trá và lường gạt, chúng ta ký thác những ý định của chúng ta, không cần biết trong sạch thể nào, tới chốn của nghi ngờ và bất tín nhiệm.

3. Người Phật Tử thề nguyện không chiếm đoạt tài sản làm của riêng mà không phải của mình. Đây là Giới Luật chống ăn cắp.

Một số người nghĩ là Giới Luật này chỉ liên quan đến những tên trộm và móc túi. Miễn là họ không "đào tường khoét vách" hay giật ví, họ nghĩ là họ không cần phải quan tâm đến Giới Luật này. Và vì lý do này, họ không cảm thấy sự cần rút của hối hận về những hành động ăn cắp vặt hay những sự tham ô tài sản khác.

Nhưng một cái nợ chưa trả là gì? Cái này không là ăn cắp à? Mượn đồ và không trả lại là cái gì? Cái này cũng không là ăn cắp à? Dùng tài sản của người khác rồi làm hư và không bồi thường sự hư hại cho người ta là cái gì? Cái này không là ăn cắp à?

Đôi khi chúng ta hành động như là chúng ta có quyền chiếm đoạt tài sản của người này làm của riêng vì người khác đã chiếm đoạt tài sản của chúng ta làm của riêng. Luật Vàng nói rằng chúng ta nên đối xử với người khác những gì chúng ta muốn họ đối xử với mình. Nó không có nói rằng chúng ta có thể đối xử với người này qua những gì mà người khác đã đối xử với chúng ta.

Bởi vì chúng ta bào chữa hay không để ý đến những hành động ăn cắp của chính chúng ta mà chúng ta cảm thấy không cần phải ăn năn cho những việc làm này.

Theo các cụ ngày xưa, "Kẻ cấp buồn đau vì hấn sắp sửa bị treo cổ - không phải vì hấn là một tên ăn cắp."

Nếu, trước khi chúng ta định làm bất cứ điều gì, chúng ta xem xét đến việc luân thường đạo lý và những kết quả có thể xảy ra, chúng ta sẽ không bao giờ cần phải lo lắng đến cái giá dùng treo cổ.

4. Người Phật Tử thế nguyện không tà dâm, khiêm tốn và có tinh thần trách nhiệm.

Trong điều Giới Luật này chúng ta có thể thấy nó là điều rất dễ dàng để phá tất cả các giới luật khác. Nguyên nhân vì sự dâm dục của mình, một người sẽ ăn cắp. Nguyên nhân vì sự dâm dục của mình, anh ta sẽ dụ người đàn bà mà anh ta ham muốn uống nhiều rượu và dối gạt cô ta với những lời hứa cuội. Và khi anh ta lợi dụng và lạm dụng thân thể của cô ta như thế, anh ta không đang hại cô ấy à?

Và khi chúng ta nguyện rửa sự vô đạo đức một cách mạnh mẽ, chúng ta cũng tán dương đạo đức một cách hết mình. Sự kính trọng đi theo với người đầy đức hạnh, người không tà dâm trong cuộc đời độc thân của mình hay trung thành với lời thề hôn phối thiêng liêng của mình!

Vì không giữ được Giới Luật đạo đức nên chúng ta thấy những người đạo đức giả tệ hại nhất. Chúng ta thường gặp một người cha canh chừng các cô con gái mình một cách hung tợn, trong khi đó lại thông đồng để làm sa ngã con gái người khác phải không? Hay, người canh chừng vợ mình một cách nghiêm nhặt trong khi đó lại coi thường việc dụ vợ của người khác? Nếu anh ta giết người đã làm như nhuốc con gái hay vợ mình, anh ta trông chờ ở tòa coi anh ta như là một nạn nhân và tuyên bố anh ta vô tội. Song le, khi chính anh ta là người dụ cho sa ngã và quyến rũ, anh ta tự xem mình như là một anh hùng. Đây không là sự thật rất buồn và ghê tởm ư?

Đó không phải là điều dễ dàng cho người ta chế ngự được sự dâm dục. Những cám dỗ có mặt ở khắp mọi nơi và thiên hình vạn trạng. Song le, nếu bất cứ người nào chuyển một ít năng lực mà anh ta phí phạm trong việc đi chinh phục tình dục vào việc chế ngự sự dâm dục của mình, anh ta thật sự sẽ thăng tiến về tinh thần.

Tất cả những vị tôn kính đều đồng thuận trên sự tranh đấu gay go này. Ngay chính Đức Phật đã nói, "Nếu tôi có một

chương ngại khó khăn khác, để vượt qua như tình dục của mình, tôi sẽ không bao giờ đạt được."

Lời nói vui và lời thật thà tự xem thường mình của Đức Phật cho tất cả chúng ta một niềm khích lệ.

5. Người Phật Tử thệ nguyện không dùng rượu hay những chất say nào khác.

Có nhiều người nói, "Thỉnh thoảng uống rượu thì chẳng hại ai." Nhưng một người thỉnh thoảng uống rượu thì vẫn là người uống rượu. Nó giống như là tình trạng đang bị "có bầu một tí thôi." Một là có bầu, hai là không có bầu.

Việc mô tả "thỉnh thoảng" là một cái cửa không khóa mà bất cứ tên trộm nào cũng có thể vào được. Một là cánh cửa của tỉnh táo đóng, hai là không. Kinh nghiệm cho chúng ta biết cách hay nhất để giải quyết vấn đề là tránh né nó. Hoàn toàn không đụng đến là cách hay nhất để giữ và canh chừng Giới Luật này.

Người thỉnh thoảng uống rượu có thể giữ được sự tỉnh táo khi anh ta không bị vây quanh bởi những rắc rối; nhưng ngay khi anh ta bị dưới những tâm trạng căng thẳng nghiêm trọng, anh ta sẽ chịu thua một cách dễ dàng với con đường cùng không lối thoát của rượu. Một khi anh ta bị rượu chiếm ngự, anh ta khám phá ra rằng uống một ly thì quá nhiều và uống một trăm ly lại không đủ.

Rượu làm giảm những kiểm chế của chúng ta đến nỗi chúng ta có thể chiều theo những bản ngã của chúng ta. Nó khiến chúng ta bất chấp những phép lịch sự và đứng đắn và rồi đổ lỗi cho hành động bê bối của chúng ta vào những ly rượu - không phải vào việc chúng ta uống rượu từ lúc ban đầu. Dĩ nhiên, chúng ta tự nói với mình rằng mình uống ly rượu đó chỉ để vui; nhưng khi chúng ta uống và làm mờ yếu đi những cảm giác, làm sao chúng ta có thể hưởng sự vui sướng đó? Và ngay cho dù là có đi, giá trị gì đâu để hưởng cảm giác vui sướng mà chúng ta không thể cả nhớ hay thưởng thức sau đó?

Chúng ta thường thấy một người say sưa làm một hành động vô đạo đức sẽ ghê tởm chính mình khi tỉnh táo sau đó; nhưng rồi chính người này sẽ dùng cơ ghê tởm mình để lại uống nữa.

Thay vào đó, hãy để anh ta trở nên nhận biết cái tánh thật của mình, Bản Tánh Phật Rực Rỡ của mình. Thay vào đó, hãy

để anh ta biết rằng ngay trong chính mình, anh ta sẽ tìm thấy chân lý, bình an, vui sướng và giải thoát. Khẳng định với anh ta rằng nếu người ta có thể trồng những điều này trên một giàn nho và cắt chúng trong chai, tất cả chúng ta sẽ là những người bán rượu vang và là những người say bí tỉ.

Các bạn quý mến, người xưa nói rằng, "In Vino Veritas" có nghĩa "Trong rượu có chân lý" nếu chúng ta uống đủ. Nhưng điều chân lý duy nhất mà chúng ta tìm thấy được khi chúng ta quá say mê rượu là đời sống trong cõi Luân Hồi thì đầy cay đắng và đau đớn.

Bước thứ năm là Sống Đúng (Right Livelihood - Chính Mệnh).

Rõ ràng, nếu chúng ta không thể tham gia vào những sinh hoạt bất hợp pháp để tìm vui, chúng ta nhất định không thể tham gia vào chúng để sinh lời.

Tuy thế bất cứ đời sống nào lương thiện là đời sống đáng tôn quý. Công việc lương thiện là công việc lương thiện. Chẳng có một nghề nào không cao quý và không nghề nào ti tiện cả. Nhưng không hiểu vì sao điều này thì không là một khái niệm sơ đẳng như được thấy.

Ở Ấn Độ, cho thí dụ, theo truyền thống có một hệ thống đẳng cấp. Có giai cấp giáo sĩ, và một giai cấp lãnh chúa, và một giai cấp thương gia, và một giai cấp công nhân, và, dưới mãi tận cùng, một giai cấp không thể đụng tới hay loại bỏ của xã hội. Trong bất cứ đẳng cấp nào mà một người được sinh vào, anh ta giữ nguyên tình trạng đó. Anh ta không thể nhảy từ việc này qua việc khác. Không cần biết anh ta có tài hay thông minh thế nào, nếu anh ta sinh vào một gia đình công nhân làm nông nghiệp, đó là công việc duy nhất anh ta được phép làm. Anh ta không được cả phép quen biết ngoài đẳng cấp của mình. Hệ thống này thì không còn cứng nhắc ngày hôm nay, nhưng trong thời gian Đức Phật thì quy luật này không được vi phạm.

Bất chấp điều này, Đức Phật từ chối tham dự vào một hệ thống bất công như thế. Ngài nhất định không theo một quy luật nào cả. Người ta thích điều đó về Ngài. Ngài là một vị hoàng tử, nhưng Ngài không kỷ thị với những người sinh ra ở

giai cấp thấp hơn. Và thật ra thì hầu hết những người mà Ngài gặp sinh ra ở giai cấp thấp hơn. Khi các bạn là một vị hoàng tử, các bạn không có nhiều người trong xã hội cao hơn mình.

Thế đó, Đức Phật chẳng bị ảnh hưởng tí nào bởi nghề nghiệp hay địa vị trong xã hội của một người. Đức Phật, các bạn thấy đó, có "Huệ Nhãn". Không một sự sùng đạo giả tạo nào có thể gạt được Ngài. Ngài chỉ cần nhìn một người để thấy người đó thánh thiện thế nào. Không mấy người có tài năng này.

Nó xảy ra gần thị trấn Shravasti, ở đó có một người vô giai cấp tên Sunita, một người quá thấp trên cán cân xã hội đến nỗi anh ta không được phép làm việc để sống. Anh ta là một người không được đụng đến và không một ai dám phá gãy quy luật đẳng cấp để mướn anh ta. Vì thế Sunita kiếm tiền mua thức ăn bằng cách đi bới, lượm hoa trong đồng rác. Hàng ngày, anh ta đi tới đồng rác của thị trấn và lục lọi những bó hoa vứt bỏ để tìm một vài đóa hoa không giải thích được tại sao hãy còn tươi trong khi những đóa hoa khác đã bị khô héo.

Sunita xếp tất cả những đóa hoa bới được từ đồng rác này thành một bó hoa và bán nó cho khách qua đường.

Có lẽ có những người khác ở thị trấn Shravasti nghèo như Sunita, nhưng chắc chắn không một ai nghèo hơn. Song le bất kể sự nghèo nàn của mình, Sunita đã chứng ngộ. Ông là một người nhẹ nhàng và dễ mến. Không cần phải nói, ông đã nghe Đức Phật thuyết pháp và là một tín đồ sùng kính.

Có một ngày, trong một đoàn người, Đức Phật trên đường đi xuống gần bãi rác nơi Sunita đang soi mói đồng rác.

Ngay khi Sunita thấy đoàn người đến gần, ông nhanh chóng núp sau một phiến đá. Nhưng Đức Phật đã thấy Sunita, và với Huệ Nhãn của mình, Ngài đã thấy một người giác ngộ.

"Chào ông!" Ngài gọi người đàn ông đang núp. "Xin hãy đứng lên để tôi thấy ông."

Luống cuống, Sunita từ từ đứng lên, giữ đầu mình gục xuống và đôi bàn tay chấp chặt lại với nhau trước mặt.

"Tại sao ông lại núp sau tảng đá đó?" Đức Phật hỏi.

"Lạy Ngài," Sunita nói, "Con không muốn hình ảnh con làm dơ mắt của Ngài. Con không xứng được Ngài liếc mắt đến."

Nhiều người trong đoàn người của Đức Phật đồng ý. Họ giật tay áo của Ngài, cố gắng kéo ngài tiếp tục tránh đi kẻ vô

giai cấp. "Nó không sạch," họ nói, "Nó chỉ là đũa lược rác, không thể đựng đến!"

"Vậy à?" Đức Phật nói, bước qua những đồ phế thải đặt cánh tay của ngài ôm lấy bờ vai của Sunita. "Xem này! Tôi sờ anh ta, và anh ta còn sống."

Rồi Đức Phật hỏi Sunita, "Thưa ông, nếu ông không thích công việc lao động này, tôi có thể thuyết phục ông vào giúp tôi trong tăng đoàn không? Tôi có thể dùng một người làm việc giỏi như ông."

Với hàng nước mắt chảy dài xuống mặt, Sunita đồng ý. Và người ta nói rằng cả cuộc đời của ông, theo lòng ước muốn của Đức Phật, Sunita luôn luôn ở bên cạnh của Đức Phật, để Đức Phật có thể đưa tay ra và đựng vào người của ông.

Bước thứ sáu là Nỗ Lực Đúng (Right Effort - Chính Tinh Tấn).

Chúng ta dùng Nỗ Lực Đúng khi chúng ta ngưng những thói quen xấu và việc làm xấu và phát triển những cái tốt. Điều này nói thì dễ nhưng làm thì khó.

Chúng ta biết rằng tài đi với với sự tập dợt, nhưng để tập những bài học tâm linh mà chúng ta đã học, chúng ta cần có những cơ hội. Trong Thiền Tông chúng ta phải trở nên nhận thức được rằng mỗi lần hơi mà chúng ta thở tạo cho chúng ta một cơ hội để tập.

Người ta nghĩ thiên hạ xâm phạm đến họ. Họ không hiểu rằng họ là người giữ cổng của tâm trí mình, rằng họ có thể dễ dàng đóng và khóa những cánh cửa vào tâm của họ. Nếu người ta xâm phạm, đó là bởi vì người giữ cổng đã để cửa mở.

Có vài người không thể kiểm chế được tâm trí của mình lại cố gắng thay vào đó kiểm chế tâm trí người khác. Họ thấy ít nản chí hơn để cố điều khiển tư tưởng của hàng trăm người hơn là tư tưởng của chính họ. Hiện trạng này là những gì Đức Phật muốn nói đến khi Ngài nói rằng người chinh phục mười ngàn người trong trận chiến thì không lớn bằng một vị anh hùng người đã chinh phục được chính mình.

Hàng ngày, trong tất cả sự giao tế của chúng ta, chúng ta phải xúc tiến xa hơn nữa mục đích giác ngộ và tự tỉnh thức.

Nếu chúng ta có những người quen mà với sự bầu bạn dễ dàng dẫn chúng ta đến lỗi lầm, chúng ta nên tránh giao thiệp với những người quen này. Nếu chúng ta không có đủ thời gian để thiền bởi vì chúng ta quá bận rộn với các hội đoàn hay những sở thích hay thể thao, chúng ta nên cắt lại những hoạt động này.

Nó đòi hỏi nỗ lực ý thức để được sự yên tĩnh của Thiền. Sự trầm tĩnh tâm linh có được qua sự tập luyện. Một nhà thông thái có lần ghi rằng tâm một người đúng của Thiền Tông không thể bị đau buồn hay khó chịu bởi vì, dù lúc vui hay buồn, nó đơn thuần tiếp tục ở những bước đều đặn của chính nó, giống như tiếng tích tắc của cái đồng hồ trong một trận bão. Tôi thích câu đó. Tất cả chúng ta nên cố gắng giống như chiếc đồng hồ mà ngày dù trong trận bão cứ tiếp tục kêu tích tắc.

Bước thứ bảy là Chú ý Đúng (Right Mindfulness - Chính Niệm)

Để giúp đầu óc của chúng ta chú ý đến những câu chú của mình bất cứ khi nào chúng ta đã nguyện theo phương pháp này và để giữ những luồng tư tưởng kỷ luật đòi hỏi việc phân biệt cái thật với cái giả mà chúng ta đã chọn phương pháp này, chúng ta cũng phải nhớ những nguyên nhân và hậu quả của tất cả những hành động của chúng ta.

Các bạn thân mến, chúng ta không bao giờ nên cho phép một ngày đi qua mà không tưởng nhớ lại hạnh kiểm của mình. Chúng ta đã làm hết sức mà chúng ta có thể tử tế và giúp đỡ những người khác để họ được thanh thản chưa? Chúng ta đã có hành động theo phương cách nào trái ngược với Phật Pháp không? Chúng ta có nhỏ mọn hay hung tợn không? Hãnh diện hay lười biếng? Háu ăn hay tham lam? Ganh tỵ hay tức giận? Chúng ta có bôi nhọ chính mình hay người khác với những tư tưởng dâm dăng hay lời nói hay hành động không?

Đó không phải là điều dễ để thấy lỗi của chính mình. Đôi khi chúng ta hết sức tìm lỗi nhưng không thể thấy.

Lúc buổi tối, nếu chúng ta đứng trong một căn phòng sáng rực và cố nhìn cảnh vật tối bên ngoài cửa sổ, chúng ta chỉ thấy được hình ảnh phản chiếu của chính mình trên mặt kính. Chúng ta sẽ chẳng thấy gì khác ngoài những gì chúng ta đã

biết - hình ảnh của chính mình và khoảng không gian giới hạn nhỏ hẹp đó mà chúng ta bị đóng kín. Nếu chúng ta muốn thấy vượt trên mình, chúng ta phải tắt đèn đi. Chúng ta phải làm mờ nhạt bản ngã của mình hay dẹp bỏ nó hoàn toàn. Chỉ khi đó chúng ta sẽ có thể thấy qua cửa kính.

Bước thứ tám là Tập Trung Tư Tưởng Đúng (Right Meditation - Chính Định)

1. Câu Thoại Đầu

Các bạn thân mến, theo lời nói của người xưa: Nếu một người muốn được hạnh phúc một giờ, anh ta ăn một bữa ăn ngon; nếu anh ta muốn được hạnh phúc một năm, anh ta lấy vợ; nếu anh ta muốn hạnh phúc cả đời, anh ta làm một thửa vườn; nếu anh ta muốn hạnh phúc vĩnh viễn, anh ta khấn câu Thoại Đầu.

Vậy thì câu Thoại Đầu là gì?

Câu Thoại Đầu có nghĩa "chữ đầu" và chúng ta có thể so sánh câu Thoại Đầu với câu Thoại Vĩ có nghĩa "chữ đuôi". Nếu một con chó đi ngang qua chúng ta, thì, trước khi chúng ta thấy cái thân của con chó chúng ta sẽ thấy cái đầu của nó; và sau khi chúng ta thấy cái thân chúng ta sẽ thấy cái đuôi của nó. Tới đây chưa có vấn đề. Như thế chữ đầu hay câu Thoại Đầu là điểm khởi thủy của ý nghĩ - điểm mà trước khi nó đi vào cái "thân" của sự nhận thức bản ngã. Cái đuôi là một ý nghĩ tiếp theo. Chúng ta sẽ nói tới cái đuôi sau.

Vào thời xưa, nó được coi là đủ chỉ phải chỉ tới cái tâm yên lặng để nhận biết Phật Tánh. Ngài Bồ Đề Đạt Ma nói về "an trụ Tâm" và Lục Tổ nói về "kiến Tánh Phật". Cả hai cổ võ một sự nhận biết đơn giản của trạng thái thanh tịnh của tâm. Nhưng chỉ rõ ra thì không đơn giản như là nói.

Nhiều năm trôi qua và Thiền trở nên phổ biến, người ta với những trình độ khả năng không đồng đều bị nó hấp dẫn. Nhiều người tập thiền tuyên bố đã tìm thấy những đường lối dễ dàng để đạt tới tình trạng tán dương của giác ngộ. Họ khoác lác đã được những Pháp bảo quý báu, nhưng những bảo vật mà họ miêu tả họ đơn thuần đã nhìn thấy từ ở người khác có được.

Những vị Thiền Sư chân chính, dĩ nhiên, thấy ngay những lời tuyên bố sai lạc này; nhưng những người mới bắt đầu

không phải luôn luôn nhận biết được những điều dối trá sự thật. Các vị thầy, lo lắng về các hậu quả rối loạn từ những tài liệu xấu tới những người mới tập, đã quyết định đặt ra những phương pháp xác thực và tiêu chuẩn hóa sự thành đạt.

Một trong những phương pháp mà họ đặt ra là câu Thoại Đầu.

Như thế, một câu Thoại Đầu là cái gì? Nó là một câu được thảo hoạch để tập trung những tư tưởng của chúng ta trên một điểm đơn độc, một điểm hiện hữu trong Bản Lai Diện Mục (Bản Mặt Nguyên Thủy), một điểm ngay tức khắc trước khi tư tưởng đi vào ý thức bản ngã của chúng ta. Nó là nơi "phát xuất" tư tưởng.

Chúng ta hãy xem xét câu Thoại Đầu, "Ai là người hiện giờ đang trừ niệm danh hiệu Đức Phật?" Trong tất cả các câu hỏi Thoại Đầu, đây là câu mạnh bạo nhất. Giờ đây, câu Thoại Đầu này có thể được nói bằng nhiều cách, nhưng tất cả các cách đều chỉ rõ một câu hỏi căn bản, "Tôi là ai?" Không cần biết câu hỏi được đặt thế nào, câu trả lời phải được tìm thấy ở cùng một nơi mà nó khởi thủy: nơi phát xuất, bản Tánh Phật. Bản ngã không thể trả lời nó.

Rõ ràng, những câu trả lời nhanh chóng và trôi chảy chẳng có giá trị gì cả. Khi hỏi, "Ai là người hiện giờ đang trừ niệm danh hiệu Đức Phật?" chúng ta không thể trả miếng lại, "Đó là tôi, bản Tánh Phật!" và xong đó rồi thôi. Vì chúng ta rồi lại phải hỏi, "Ai là cái tôi này?" Chúng ta tiếp tục sự tra vấn và đối chất. Một cuộc nội chiến tiếp diễn trong đầu của chúng ta. Bản ngã xung đột với bản ngã. Đôi khi bản ngã thắng và đôi khi bản ngã thua. Cứ như thế chúng ta tiếp tục cuộc chiến. Cái gì là cái đã khiến cái tâm của tôi nhận thức là tôi? Và cái gì là tâm? Cái gì là nhận thức?

Những câu hỏi của chúng ta ngày càng ngày trở nên tinh tế và chẳng bao lâu bắt đầu ám ảnh chúng ta. Tôi là ai? Làm thế nào tôi biết tôi là ai? Những câu hỏi này cứ chạy vòng vòng trong đầu của chúng ta như là những võ sĩ mệt mỏi và giận dữ. Đôi khi, chúng ta có thể muốn không nghĩ ngợi gì nữa về câu Thoại Đầu, nhưng chúng ta thấy rằng chúng ta không thể lấy nó ra khỏi đầu. Tiếng chuông sẽ không được đánh để chúng ta được nghỉ. Nếu các bạn không thích ẩn dụ về bộ môn quyền Anh, các bạn có thể nói rằng câu Thoại đầu bắt đầu ám ảnh

chúng ta như là một dòng nhạc mà chúng ta không thể khiến nó ngừng vang trong đầu.

Vì thế chúng ta - luôn luôn thách đố, luôn luôn đánh đố. Không cần phải nói, một câu Thoại Đầu không bao giờ nên thoái hóa thành một sự diễn tả trống không. Nhiều người nghĩ họ có thể đầu tưởng tượng với câu Thoại Đầu của họ và chỉ phải đi qua cuộc giao chiến một cách máy móc. Trong khi cái tâm của họ ở đâu đâu, cặp môi của họ nói, "Ai là người đang trì niệm danh hiệu Đức Phật? Ai là người đang trì niệm danh hiệu Đức Phật? Ai là người đang trì niệm danh hiệu Đức Phật?" Đây là cách của những con két hăm hờ, không phải của những người tập Thiền.

Câu Thoại Đầu có ý nghĩa. Nó là một câu hỏi có câu trả lời và chúng ta phải nhất định tìm được câu trả lời đó.

Tôi biết rằng "Tôi là ai?" nghe giống như một câu hỏi đơn giản, câu hỏi mà chúng ta có thể trả lời không khó khăn. Nhưng nó không phải là một câu hỏi dễ có câu trả lời. Thường thì nó là một câu hỏi nan giải cực cùng.

Nói đúng ra, nhiều người đã tới một điểm nào đó trong đời khi, tách rời từ bất cứ phương pháp thiền nào, họ thật sự bắt đầu tự hỏi họ là ai.

Chúng ta, cho một thí dụ, hãy xét một người đàn bà trung niên, người đã đạt được tới điểm mà bà ta không còn chắc chắn biết bà ta là ai. Bà ta đạt được cái mà những nhà tâm lý học ngày nay gọi là "khủng hoảng cá tính". Dĩ nhiên con cái của bà đã trưởng thành và xa gia đình và chồng bà không còn thấy bà hấp dẫn nữa. Bà ta thì buồn bã và lẫn lộn.

Thình lình bà ta nhận ra rằng trong suốt đời mình, bà đã biết mình qua những tương quan của mình với người khác. Bà luôn luôn là con hay chị hay nhân viên hay bạn hay vợ hay mẹ của người nào đó. Người đàn bà này giờ đây bắt đầu tự hỏi, Tôi Là Ai khi tôi không là con, vợ, mẹ vân vân...? Tôi chính là ai?

Dĩ nhiên bà xem lại cuộc đời mình và thấy rằng khi bà đang săn sóc cho những nhu cầu của người nào đó, bà không rảnh để thỏa mãn nhu cầu của người khác và những người cảm thấy bị bà bỏ quên, trách móc bà, trong khi những người tiếp nhận sự giúp đỡ của bà, nhận nó như là họ có quyền mặc

nhiên được. Một mặt bị trách móc, và mặt kia thì coi như đó là bổn phận phải làm, đã gây cho bà nhiều đau khổ.

Tệ hơn nữa, bà có thể nhận ra rằng khi thỏa mãn những đòi hỏi của những sự liên hệ xã hội bên ngoài này, bà ta đã lơ là những đòi hỏi cho cuộc sống tâm linh bên trong của mình. Giờ đây bà cảm thấy tâm linh sụp đổ và tự hỏi tại sao mình đã đầu tư chính mình quá nhiều vì người khác, tại sao bà không giữ một cái gì cả cho bản Tánh Phật của mình.

Nhưng một sự kết nối giữ hai người lại với nhau. Nó không phải là sự ràng buộc một chiều. Có phải vì chúng ta thêm muốn được yêu thương hay kính trọng, sợ hay quý đến nỗi chúng ta cho phép hay khuyến khích những sự trói buộc này, phải không? Có phải vì chúng ta thêm muốn người, địa vị, và vật trong thế giới luân hồi này mà cuối cùng gây cho chúng ta những cay đắng và đau khổ, phải không? Dĩ nhiên là nó rồi.

Ngày xưa có một người làm việc ở chợ bán thực phẩm. Hàng ngày ông ta ăn cắp đồ ăn và mang về nhà cho gia đình mình. Vợ con ông ta trở nên mạnh khỏe và dùng những đồng tiền mua quần áo và các vật dụng khác mà đúng ra dùng để mua thực phẩm. Họ nói ông là người chồng và là người cha tốt mà ai cũng muốn có.

Chẳng bao lâu sau đó, anh của ông, nhìn thấy sự thịnh vượng này, bảo ông ăn cắp thực phẩm cho ông ta; và ông ta nghe lời. Anh của ông khen ông "Chú là người em tốt nhất mà ai cũng mong có".

Kế tới, một người bạn hàng xóm đang có những khó khăn về tiền bạc năn nỉ ông giúp đỡ; và ông ăn cắp thực phẩm nhiều hơn nữa. Người hàng xóm của ông quá cảm kích, "Ông là người bạn tốt nhất trên đời ai cũng mong có."

Ông ta cảm thấy mình quan trọng và và được mang ơn. Trong sự mong muốn được yêu thương và kính trọng, ông không thấy rằng ông đã trở nên là một tên ăn cắp tầm thường.

Chẳng bao lâu sau đó ông bị bắt, bị xử và kết án vì ăn cắp. Ông bị kết án nhiều năm tù.

Người nào được ông ta giúp đã tình nguyện ở tù thế ông cho dù chỉ một đêm của bản án? Chẳng có ai cả.

Ai đã tình nguyện bồi thường lại dù chỉ bằng một nửa những gì ông ta cho? Chẳng một ai.

Buồn thay, ông ta được biết rằng gia đình ông quá xấu hổ để nhận là có liên hệ với một tên ăn cắp. Buồn thay, ông ta được biết rằng người bạn mình đã nói với sự nhẹ nhõm là một người hàng xóm với tư cách thấp kém như vậy nay đã ở yên trong tù.

Và thế đó, khi chúng ta tự hỏi chúng ta thật sự là ai, chúng ta phải xem lại những ước muốn ngu muội của bản ngã của chúng ta và những cách lâm ly thống thiết mà nó sẽ khom lưng quỳ gối để được thương quý.

Khi chúng ta hỏi, "Tôi là ai?" chúng ta cũng phải hỏi xem có phải là chúng ta nhận biết chúng ta qua sự giàu sang hay địa vị trong xã hội của chúng ta. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta mất tất cả tiền bạc hay bị loại bỏ ra khỏi xã hội vì một vết nhơ nào đó trong phả hệ của mình? Chúng ta có phải chính là những chương mục nhà băng của mình, của giới cấp xã hội, của dòng tộc mình?

Thế còn công việc của chúng ta? Chúng ta chính là nghề nghiệp của chúng ta? Nếu một nhạc công bị thương ở tay mình và không thể chơi nhạc cụ của mình, ông ta không còn hiện hữu? Ông ta có bị tước đi lòng nhân đạo vì ông đã bị lấy đi tước hiệu là một nhạc sĩ không?

Chúng ta nhận mình qua quốc tịch, thành phố, hàng xóm, ngôn ngữ mà mình nói, hay đội thể thao mà mình ủng hộ phải không? Chúng ta có mất đi một phần của mình nếu chúng ta di chuyển qua một địa phương mới không?

Thân chúng ta có phải là chúng ta không? Nếu một người có một cái đầu, và tứ chi, nếu ông ta mất hai chi thì sao? Ông ta chỉ còn là hai phần ba con người à? Thử nghĩ điều thật ngu ngốc này, nếu ông ta và em mình được chia gia tài một cách đồng đều, và người em đòi rằng vì ông ta mất một cánh tay và một cái chân nên ông ta chỉ có quyền được hưởng hai phần ba phần chia của mình!

Chúng ta có thể định nghĩa chính mình như là những bản ngã của chúng ta, cảm giác ý thức của chúng ta về "Tôi" (chủ tự) hay "tôi" (túc tự) hay "của tôi" (sở hữu tự) không? Chuyện gì xảy ra khi chúng ta ngủ? Chúng ta có thôi hiện hữu không? Chuyện gì xảy ra khi chúng ta hoàn toàn tập trung chú ý vào một vấn đề hay một vở kịch hay vài bài nhạc tuyệt vời nào đó? Chuyện gì xảy ra khi chúng ta thiền và mất hoàn toàn cảm giác

cái tôi của mình? Những vị thánh đạt được trạng thái vô ngã, thôi không hiện hữu? Và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni Buddha), người đã mất đi nhân cách (cái tôi) Tất Đạt Đa (Siddhartha) đến nỗi ngài chỉ còn được gọi là "Như Lai" (Tathagata) - Chân Như - Ngài có ngừng hiện hữu vì ngài đã không còn bản tánh ngã không?

Để cố gắng trả lời câu Thoại Đầu, "Tôi là ai?" hay "Ai đang trừ niệm danh hiệu Đức Phật?" chúng ta phải xem xét những bản ngã vọng tưởng của chúng ta, những bản ngã vô minh thay đổi và phụ thuộc của chúng ta. Câu Thoại Đầu rồi sẽ biểu lộ ra nhiều cho chúng ta thấy.

Các bạn thân mến, hãy phá những chấp trước quen thuộc! Hãy làm tan biến đi những hình ảnh tự tôn và những quan hệ đặc biệt và thay vào đó tạo nên lòng khiêm nhường, đặc điểm chung của những sự đa dạng!

Không cần phải có bạn bè. Hãy thử một cách đơn giản thành một người thân thiện, một người kính trọng tất cả mọi người và đối xử với họ với tất cả lòng tử tế và tôn kính.

Đừng giới hạn lòng yêu thương của con cái chỉ với cha mẹ mình, mà ước ao tới tất cả những bậc bề lão, vân vân...

Một khi chính chúng ta rời bỏ một quan hệ tình cảm riêng biệt và mở rộng chính lòng chúng ta tới tất cả nhân loại, một nhân vật mạnh mẽ mới bắt đầu hiện lộ.

Câu Thoại đầu, "Tôi là ai" là một lưỡi Kiếm Pháp (Vajra) vận dụng đúng cách sẽ cắt đi cái bản ngã phiền nhiễu đó.

Một câu Thoại Vĩ, hay chữ đuôi, dò một ý nghĩ lại nơi nó khởi thủy. Cái này, cũng vậy, có thể rất hữu dụng. Cho thí dụ, một đứa trẻ nhỏ, cùng với sự hiện diện của chúng bạn, hỏi cha mình một câu hỏi, tỷ như, "Mình có thể đi chơi bãi biển cuối tuần này không?" Và cha của nó trả lời cộc cằn, "Đừng có quấy tao!" rồi đẩy đứa trẻ đi chỗ khác làm nó cảm thấy ngượng nghịu và đau đớn bị hắt hủi.

Câu trả lời đó có thể là một câu Thoại Vĩ. Người đàn ông đó nên hỏi chính mình, Tại sao tôi trả lời con tôi kiểu này? Tại sao tôi thành linh quá bức mình? Ông ta biết rằng trước khi đứa trẻ đến gần ông, ông đang vui vẻ. Vậy thì cái gì trong câu hỏi đã làm ông ta bức mình?

Ông ta bắt đầu dò theo mỗi chữ. Có phải là chữ "cuối tuần" không? Cái gì khiến ông liên tưởng với chữ đó? Nếu ông ta

không tìm thấy gì, ông thử chữ "bãi biển". Ông ta bắt đầu nhớ lại những kinh nghiệm của mình ở bãi biển. Ông nghĩ tới nhiều sự kiện và bất thành linh ông nhớ lại điều đã khiến ông khó chịu. Ông ta không muốn nghĩ về nó, song le luật Thoại Vĩ đòi hỏi ông ta kiểm điểm lại sự kiện đó. Tại sao ký ức này làm phiền não ông ta? Cái gì khiến có cảm giác quá khó chịu về nó? Ông ta tiếp tục điều tra sự kiện này cho tới khi ông tới tận gốc của nguyên nhân gây cho mình đau đớn.

Các bạn quý mến, cái gốc của nguyên nhân đó sẽ chắc chắn làm lụy hại đến lòng tự ái của ông ta, lòng tự trọng của mình. Và như thế người đó nhớ lại và, trong một cách, sống lại cái kinh nghiệm đó, chỉ khi đó ông ta mới có thể thấy nó từ một cái nhìn khác, trưởng thành hơn. Có lẽ cái kinh nghiệm cay đắng đó thật ra có liên quan đến cách đối xử thô bạo mà ông ta nhận từ chính người cha của mình! Ở bất cứ mức độ nào, ông ta sẽ chắc chắn thấy rằng ông đang chuyển sự đau đớn thời thơ ấu trên bãi biển của mình tới đứa con vô tội của chính ông ta. Ông ta sẽ có thể làm điều cải thiện cực tuyệt hành động thô bạo của mình, và theo cách này, cá tính của ông ta sẽ phát triển.

Có trường hợp xảy ra là nếu người ta tập trung vào câu Thoại Vĩ một cách đầy đủ, con chó có thể cắn đuôi của nó; và ông ta thật ra có thể đi từ đuôi tới đầu chỉ trong một ngậm nuốt.

Đôi khi một câu Thoại Đầu có chức năng như một lời chỉ dẫn, loại hướng dẫn giúp chúng ta đối xử với những vấn đề của đời sống. Câu Thoại Đầu như thế trợ sức cho chúng ta và hướng dẫn chúng ta khi chúng ta đi trên con đường khó khăn dẫn tới giác ngộ.

Các bạn biết không, cách đây đã lâu, Thiền Sư Huệ Giác (Hui Jue) ở núi Long Trì (Lang Ye) có một người nữ đệ tử đến gặp ông xin chỉ dẫn. Thiền sư cho bà ta câu Thoại Đầu, "Kệ nó". Ông nói với bà ta rằng nếu bà ta dùng câu Thoại Đầu này một cách trung thành như là một lưỡi hái, bà ta sẽ cắt bỏ những vọng tưởng và gặt được giác ngộ.

Người đàn bà đó tin cần vị thiền sư của mình và, kiên quyết nhất định thành công, bà ta dũa và mài câu Thoại Đầu này. Kệ nó. Kệ cái gì? Ai kệ nó? Cái gì đang được kệ? Cứ như thế bà ta mài lưỡi dao. Nhà bà ta bị cháy đổ và người ta chạy đến nói cho bà biết, bà nhẹ nhàng nhắm mắt mình lại và nói khẽ, " Kệ

nó". Con trai bà chết đuối và khi người ta chạy đến nói cho bà biết, bà nhẹ nhàng nhắm mắt lại và nói khẽ, " Kệ nó".

Một ngày, bà bắt đầu sửa soạn những món đồ ăn rán cho bữa cơm chiều. Bà đã nhào bột sẵn và dầu thì nóng. Rồi khi bà đổ một môi bột xuống dầu nóng, nó kêu xèo xèo. Và tiếng kêu xèo xèo này vang lại trong tâm bà, và bà đạt được sự giác ngộ! Ngay tức khắc, bà ném cái chảo đầy dầu nóng xuống đất và bắt đầu cười liên tục, vỗ tay nhảy tưng tưng. Chồng của bà đương nhiên nghĩ là bà bị mất trí. Ông ta la lên: "Tai họa gì đây!" "Tôi phải làm gì đây?" Vợ ông quay lại nói với ông, "Kệ nó. Hãy mặc kệ nó." Rồi bà đi gặp Thiền sư Huệ Giác và ngài kiểm chứng rằng bà đúng là đã gặt được Quả Thánh.

Luôn luôn tập trung vào câu Thoại Đầu của bạn bất cứ khi nào bạn đang làm cái gì mà không cần phải chia trí của bạn. Đương nhiên, nếu đang lái máy bay, bạn không nên nghĩ đến câu Thoại Đầu của bạn. Để khám phá xem con chó có Tánh Phật hay không, sẽ chẳng có ích gì cho bạn nếu bạn rút máy bay. Lái xe hơi thì cũng là việc đòi hỏi mình phải chú ý hết sức. Bạn không nên rủi ro giết cái tôi nhỏ bé của người khác chỉ bởi vì bạn đang cố tự kết liễu đời mình.

Nhưng có nhiều lúc trong ngày mà bạn có thể tập câu Thoại Đầu của mình một cách an toàn. Thường thì chúng ta cố làm đầy những khoảng thời gian này với những việc vô tích sự. Chúng ta chơi những trò chơi vớ vẩn hay ráp những khúc hình rời lại với nhau hay nghe radio hay nói chuyện vãn hay dự khán những trận thể thao. Đây là những lúc chúng ta nên đóng chặt tâm của chúng ta trên những câu Thoại Đầu. Không ai có thể biết khi nào giây phút kỳ diệu đó sẽ đến.

Ở Trung Hoa, chúng ta gọi một miếng thịt là "thịt nạc". Nó không trộn lẫn với những thứ khác như, cho thí dụ, một khúc thịt nhồi. Đôi khi "thịt nạc" có nghĩa miếng thịt ngon nhất. Người ta luôn luôn bảo người bán thịt đó là cái họ muốn. Nạc hay miếng thịt ngon nhất.

Xưa có một người đang quán câu Thoại Đầu, "Ai có Tánh Phật?" Hàng ngày, ông ta phải đi qua tiệm bán thịt trên đường đi làm. Ông ta luôn luôn nghe người ta kêu to đòi "thịt nạc" nhưng ông không bao giờ chú ý đến họ.

Có một ngày, một bà mua thịt và, theo thói quen, bà ta nài nỉ người bán thịt chỉ đưa cho bà thịt nguyên chất. Đó là điều bà ta

la lớn. "Chỉ đưa cho tôi thịt nạc." Sự kẻo nài của bà đã làm người bán thịt bực mình và ông ta la lại, "Miếng nào là miếng không nạc?"

Ông ta nghe tiếng quát giận dữ này và bất chợt ông nhận thấy rằng tất cả thịt đều là thịt nạc, có nghĩa, mọi người chứa Tánh Phật tinh khiết. Ai có Tánh Phật? A! Ai không có tánh Phật?

Ông ta đặt giác ngộ ngay lúc đó! Ông quá khích động nhảy cõn lên và nói huyền thuyên, "Miếng nào thì không nạc? A, ha! Miếng nào thì không nạc?" cứ như thế. "Miếng nào thì không nạc?" Sự điên đảo này chúng ta gọi là Bệnh Thiền. Nó không tồn tại lâu, có lẽ chỉ vài ngày trước khi nạn nhân trầm tĩnh lại; nhưng nó là một cơn bệnh tuyệt vời để bị. May mắn thay, chẳng có thuốc nào chữa được nó cả.

Một vị tăng có lần hỏi Thiền Sư Triệu Châu, "Chuyện gì xảy ra sau khi một người cuối cùng nắm được tình trạng vô cảm giác?" Thiền Sư Triệu Châu trả lời, "Ông ta đặt nó xuống." Vị tăng không hiểu. Vì thế sự khó khăn này trở thành câu Thoại Đầu của ông. "Làm thế nào mà một người có thể đặt xuống một vật mà không có?" Ông quán về điều này và quán và quán và vẫn không hiểu. Vì thế ông quay trở lại Thiền Sư Triệu Châu và hỏi, "Làm thế nào mà một người có thể đặt xuống một vật mà không có?" Thiền Sư Triệu Châu trả lời một cách đơn giản, "Cái gì mà ông không thể đặt xuống được, hãy mang nó theo." Ngay lập tức, vị tăng liền ngộ.

Các bạn thấy không, Thiền Sư Triệu Châu biết rằng vật duy nhất mà chúng ta không thể đặt xuống là Tánh Phật của chúng ta. Điều này và điều duy nhất mà chúng ta có thể mang theo với chúng ta. Đôi khi bạn nghe lời diễn tả, "Ông không thể mang nó theo ông." Thường thường người ta muốn nói rằng bạn phải để lại tiền bạc hay danh vọng hay quyền lực khi bạn đi xuống tuyến đài. Bản ngã, cũng vậy, không thể mang theo với bạn khi bạn nhập Niết Bàn.

Thiền Sư Triệu Châu cũng đã chỉ vị tăng rằng đắc ngộ chẳng là gì để có thể lớn lối. Không ai có thể nói, "Tôi đã chứng ngộ" bởi vì cảm giác chứng ngộ thì chính là cảm giác vô ngã. Bản ngã bị diệt và Tánh Phật tinh khiết được cảm nhận. Không còn cái "Tôi" ở đó để xác nhận đã được đắc ngộ. Đây là cảm giác hồ hởi và bồ ích nhất. Bất cứ ai đau khổ vì bất cứ căn

bệnh nào của bản ngã nên thử một liều thuốc của giác ngộ. Bệnh lành vĩnh cửu.

2. Thiền Trên Âm Thanh

Trước khi bắt đầu sự chỉ dẫn này, nó là điều quan trọng, tôi nghĩ, để hiểu sự khác biệt giữa Chủ và Khách.

Trong Kinh Thủ Lăng nghiêm (Surangama Sutra), Kiều Trần Như (Arya Ajnatakaundinya) hỏi, "Cái gì là sự khác biệt giữa thường trú và tạm trú?" Ông trả lời bằng cách cho thí dụ một người lữ hành dừng chân tại một quán trọ. Người lữ hành ăn và ngủ và rồi tiếp tục đi. Ông ta không ngừng và ở luôn ở quán trọ, ông ta trả tiền và khởi hành, tiếp tục cuộc hành trình của mình. Nhưng còn người giữ quán trọ? Ông ta chẳng đi đâu cả. Ông ta tiếp tục ở tại quán trọ vì đó là nơi ông ta sống.

"Tôi nói, vì thế, tạm trú là người khách và người giữ quán trọ là người chủ," Tôn Giả Kiều Trần Như (Arya Ajnatakaundinya) nói.

Và chúng ta cũng nhận diện vô số các tư tưởng của bản ngã nổi lên và mất trong dòng ý thức như là tạm trú, những người lữ hành đến và đi và là những người không nên bị giữ lại với những sự khám xét rời rạc. Tánh Phật của chúng ta là chủ, là người cho phép những người lữ hành đi qua không trở ngại. Một người chủ tốt không giữ những người khách của mình với những lời nói làm nhảm trong lúc rỗi việc khi mà họ đã sẵn sàng đi.

Vì vậy, cũng giống như là người chủ không xếp đồ và đi với những người khách của mình, chúng ta không nên đuổi theo những tư tưởng tạm thời của mình. Chúng ta nên đơn giản để chúng đi qua, không ngăn trở.

Nhiều người cố gắng làm trống đầu mình, không nghĩ gì cả. Đây là cách thực tập thiền của họ. Họ cố không nghĩ. Họ nghĩ và nghĩ, "Tôi sẽ không nghĩ." Đây là một cách rất khó và không nên giới thiệu cho những người mới bắt đầu. Thật ra, trạng thái "vô tâm" mà họ tìm là một trạng thái tâm linh cao cấp. Có nhiều trạng thái tâm linh mà phải đi trước.

Sự tiến triển trong Thiền Tông thì giống như là đang cố trèo một ngọn núi cao. Chúng ta bắt đầu ở chân núi. Nơi đến chúng ta là gì? Không phải đỉnh núi mà chỉ là chỗ trại chính, Trại 1. Sau khi chúng ta nghỉ ngơi ở đó, chúng ta tiếp tục chuyện đi

lên của mình. Nhưng lại một lần nữa, nơi chúng ta đến không phải là đỉnh núi, mà chỉ là Trại 2. Chúng ta thử tới đỉnh núi chỉ từ căn trại cuối cùng của mình.

Chẳng một ai mơ tới chuyện thử trèo ngọn núi Everest trong một chuyến trèo lên thật nhanh. Và đỉnh núi Thiên thì cao hơn cả đỉnh Everest! Song le trong Thiên Tông, mọi người muốn bắt đầu ở mức cuối. Chẳng một ai muốn bắt đầu ở mức khởi hành. Nếu những kẻ mới bắt đầu có thể đi máy bay tới đỉnh, họ sẽ làm điều đó, nhưng thế nó lại không phải là một cuộc trèo núi nữa, phải không? Sự náo nức đi đến thành công là điều khiến người ta cố đi đường tắt. Nhưng cuộc hành trình mới chính là điều thành công thật sự.

Một cách khác, hay hơn sự cố gắng trong việc cố tình làm đầu óc trống rỗng qua cách ngăn chặn tư tưởng trôi dạt, là thiền trên âm thanh. Trong cách này, chúng ta ngồi trầm tĩnh và để bất cứ một âm thanh nào mà chúng ta nghe, một cách nói, vào lỗ tai này và đi ra lỗ tai kia. Chúng ta giống như người giữ nhà trọ không cản trở những tư tưởng khách với những lời lảm nhảm lan man. Nếu chúng ta nghe một chiếc xe hơi bấm còi, chúng ta chỉ đơn giản ghi nhận cái tiếng ồn đó mà không cần phải nói với chính chúng ta, "Cái còi đó kêu giống như xe Bentley của ông Wang! Tôi tự hỏi ông ấy đi đâu!" Hay, nếu chúng ta nghe một đứa trẻ kêu la bên ngoài, chúng ta hãy để tiếng la đi qua đầu (tâm) của mình mà không cần phải nói, "Ồ, cái thằng con nít ồn ào đó! Ước chi mẹ nó dậy dỗ nó hạnh kiểm khá hơn."

Các bạn biết không, trong một số kiểu của Thiên Tông, nó là một thói quen để đánh vài người bằng một cây gậy nếu anh ta bắt đầu cho thấy những dấu hiệu buồn ngủ. Đi lên đi xuống giữa hàng canh chừng là người với một cây gậy. Không ai được phép di động hay thở lớn hay, Trời ơi!, ngủ gật. Người với cây gậy sẽ đánh anh ta! Đây là điều ngu xuẩn và, trong sự thật, vi phạm Giới Luật Đầu Tiên về không bạo động.

Chúng ta phải làm gì khi mà một vị ni cô già hay thầy tu bắt đầu ngủ trong Thiên Đường? Chúng ta có nên đánh anh ta bằng gậy không? Chúng ta có lẫn lộn giữa lười biếng và buồn ngủ không? Có lẽ người buồn ngủ đó đã thức cả đêm để săn sóc người bệnh. Chúng ta có nên trừng phạt anh ta nếu, vì mình kiệt sức, anh ta bắt đầu trôi vào giấc ngủ? Không. Chúng

ta nên cho anh ta uống trà đậm. Nếu anh ta muốn tươi tỉnh lên, anh ta uống trà đổ. Nhưng nếu anh ta ngủ một chút, chúng ta nên để anh ấy ngồi nghỉ. Có lẽ hơi thở ồn ào hay dồn dập của một người thật ra là triệu chứng của sự đau yếu. Chúng ta có nên trừng phạt người ốm và cộng thêm sự khó chịu trong mình cho anh ta không? Không. Đây không phải là đường lối của Thiền Tông.

Chúng ta phải làm gì một khi, dĩ nhiên, chúng ta chắc chắn là sự ồn ào của anh ta không phải đến từ mệt mỏi hay bệnh hoạn? Chúng ta nên dùng cái âm thanh thở của anh ta hay sự di động của anh ta như là chúng ta sẽ dùng âm thanh của cái còi xe hơi hay đưa trẻ la hét. Chúng ta nên chỉ ghi nhận tiếng động đó mà không nghĩ ngợi tí gì về nó cả. Chúng ta không nên để bản ngã của chúng ta mắc nứu với tiếng ồn đó. hãy để nó đi qua tâm của mình không ngăn trở, giống như là một người khách ở quán trọ. Một người khách đến và đi. Chúng ta đừng lục lọi đồ vật của khách. Chúng ta đừng cầm chân nó lại bằng chuyện văn hay những lời lảm nhảm trong lúc rối rang.

Các bạn biết không, Đức Phật có lần hỏi Văn Thù Sư Lợi (Manjushri) chọn giữa các phương pháp khác nhau để đắc ngộ. "Cái nào hay nhất?" ông hỏi. Văn Thù Sư Lợi (Manjushri) dễ dàng chọn phương pháp của Bồ Tát Quán Thế Âm dùng khả năng nghe là hay nhất.

Luôn luôn nhớ rằng khi thiền trên âm thanh nó là điều thiết yếu để dời đi cái bản ngã trong tiến trình lắng nghe và để bản Tánh Phật không phán đoán ghi nhận những âm thanh đi vào lỗ tai của chúng ta. Ở bất cứ nơi nào chúng ta làm điều này, chúng ta biến nơi đó thành Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhimandala), một nơi thiêng liêng mà giác ngộ có thể đạt được.

Chúng ta không cần phải ở thiền đường để tập luyện phương pháp này. Hàng ngày, trong tất cả những hoạt động bình thường của chúng ta, bất cứ nơi nào chúng ta ở, chúng ta có thể tập nó. Chúng ta không nên cố giới hạn sự tập luyện Thiền của mình chỉ khi chúng ta ở trong Thiền Đường. Thật ra, nhiệm vụ của một thiền đường thì đúng là chỉ cung cấp một nơi ít làm xao lãng cho những người khó khăn tập trung sự chú ý trên những gì họ đang làm.

Đôi khi người ta thích đi đến thiền đường bởi vì họ cần bị ép ngồi thiền. Họ không thể tập ở nhà một mình. Tại sao một

người phải bị ép để có một cảm nhận tuyệt vời? Thật là một điều ngu xuẩn!

Đôi khi người ta đi đến thiền đường bởi vì họ muốn gặp những người bạn ở đó. Đây là một sự dùng Thiền Tông sai lạc. Nó đổi Thiền Tông từ một Con Đường Đến Giác Ngộ đến một ngõ cụt khác, đường mòn Vô Minh; và đó là điều thật tội nghiệp phải không?

3. Thiền Trên Một Vật Cụ Thể

Đôi khi có một người khách không phải tạm trú. Đôi khi một người khách đến quán trọ với ý định ở đó khá lâu. Vậy thì người chủ phải đặc biệt để ý đến ông ta.

Người giữ quán trọ không điều tra vật cụ thể của người khách trước khi người chủ để ông ta ký vào sổ ghi danh. Đây là cách nói khác mà trước khi ngồi xuống thiền, chúng ta đừng có đi nghiên cứu vật thể nào đó mà chúng ta sẽ tập trung tinh thần vào.

Giả sử chúng ta chọn một đóa hoa hồng là vật thể cho chúng ta. Đây là một vật thể hay một cách đặc biệt cho Thiền Tông vì, sau hết, những đóa hoa hồng là một trong những quà tặng của nước Trung Hoa với thế giới làm vườn.

Một đóa hoa hồng có thể lôi kéo những cảm giác của chúng ta qua nhiều cách.

Sau khi chúng ta đã đạt được sự trầm tĩnh và điều khiển hơi thở của mình, chúng ta bắt đầu nhắm mắt lại một cách từ tốn và cố vẽ một đóa hoa hồng trong tâm tưởng của mình. Chúng ta đừng cho phép chính mình đi lạc vào những tưởng nhớ cá nhân về hoa hồng.

Chúng ta thấy một cái cuống - nó dài thế nào, đầu ra sao, xanh thế nào, và cứ như thế. Chúng ta thấy những cái gai, hình dáng của chúng, góc nhọn của chúng, vị trí của chúng trên cái cuống. Một lần nữa, chúng ta đừng đi lạc vào ý nghĩ về những trường hợp nào đó khi chúng ta bị gai nhọn đâm. Có lẽ chúng ta cảm cái gai một cách thận trọng, nhưng chỉ ở trong tâm tưởng của mình. Rồi chúng ta nghĩ đến những phần khác của cành hoa. Tuỳ vào kiến thức hiểu biết của mình về thực vật học, chúng ta ráp cành hoa lại với nhau... nhụy hoa, nhị hoa, cánh hoa cứ như thế. Cánh hoa thì mềm mại. Chúng màu gì? Phần hoa thì màu vàng và bột. Chúng ta thấy bụi vàng trên

những cánh hoa bên cạnh. Một đóa hoa hồng có hương thơm. Cái gì là mùi hương đặc biệt của đóa hồng của mình? Chúng ta thật sự bắt đầu ngửi được nó.

Đây là cách chúng ta thiền trên một đóa hoa hồng hay bất cứ một vật thể nào. Nhớ rằng chúng ta đừng bao giờ cho phép chính mình đi lạc vào "Những đóa hoa hồng mà tôi đã biết...", hay những lúc trong quá khứ khi những đóa hoa hồng được tặng hay nhận. Không được nghĩ gì cả! Chúng ta vừa mới nhận biết một đóa hoa trong tất cả phần của nó và những cảm nhận.

Chẳng bao lâu sau đó, đóa hoa hồng sẽ tỏa sáng trong tâm tưởng của chúng ta. Đóa hoa hồng sẽ đẹp một cách trang nhã mà chúng ta sẽ biết là chúng ta thấy nó chính là một Đóa Hoa Hồng Tuyệt Bích của Tiên Giới. Sau đó, chúng ta có thể la hét mừng rỡ. Ít người được phép thấy một trong những vật quý của Thiên giới.

4. Thiền Trên Danh Hiệu Phật.

Trong Phật Giáo Đại Thừa, Đức Phật A Di Đà, Đức Phật của cõi Tây Phương, thì rất quan trọng. Dân Trung Hoa đọc là A Di Đà Phật. Và vì thế trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật là một phương pháp tuyệt hảo.

Trước hết, chúng ta giữ trong tâm mình một hình ảnh của Đức Phật A Di Đà. Chúng ta cũng nhận biết mình nợ ngài rất lớn. Bồ Tát Quán Thế Âm (Bodhisattva Avalokitesvara-Guan Yin) phóng ra từ chân mày của Ngài mà phải không? Việc phổ độ chúng sinh của Đại Thừa đến đâu nếu không có Ngài Quán Âm kính yêu của chúng ta? Vì thế chúng ta giữ Đức Phật trong tâm tưởng khi chúng ta trì niệm danh hiệu thiêng liêng của Ngài.

Cách nào sai trái để trì niệm danh hiệu Đức Phật? Điều đó thì quá dễ để diễn tả. Hãy nghĩ đến một người bệnh được cho một hộp thuốc trụ sinh. Hãy tưởng tượng ông ta ngồi cầm giữ hộp thuốc chưa khai, miệng đọc "trụ sinh, trụ sinh, trụ sinh". Ông ta sẽ được chữa khỏi bệnh? Không. Ông ta phải chính mình uống thuốc. Ông phải nuốt và tiêu hóa nó. Chỉ đọc tên của thuốc sẽ không chữa được bệnh cho ông ta.

CHƯƠNG 4: BÀI THUYẾT GIẢNG VỀ HOA CỦA ĐỨC PHẬT

Một vị thầy tốt thì hay hơn là bất cứ cuốn sách thánh nào. Sách chứa những chữ, và Thiên Tông không thể truyền dạy chỉ bằng chữ. Tôi giả định bạn sẽ nghĩ, "Ừm, nếu ông già này nói rằng chữ nghĩa thì vô ích, tại sao ông ta nói nhiều quá vậy?" Tôn giáo có rất nhiều điều bí mật và tại sao các vị thầy nói rằng chữ nghĩa không bao giờ có thể đủ và rồi nói và nói cho tới khi những lỗ tai của các môn sinh của họ trở thành đá có lẽ là điều bí mật nhất trong các điều bí mật.

Đức Phật đứng cạnh một cái hồ bên ngọn núi Grdhakuta và sửa soạn thuyết pháp cho các môn đồ của Ngài mà họ đã vây quanh để nghe Ngài nói.

Khi vị Thánh Nhân đợi các môn sinh của mình yên lặng, Ngài chú ý đến một cánh sen vàng nở trong vùng nước bùn bên cạnh. Ngài nhổ cái cây đó ra khỏi nước - hoa, cuống dài, và rễ. Rồi Ngài cầm đưa nó lên cao cho tất cả các học trò của mình thấy. Ngài đứng đó một khoảng thời gian thật lâu, chẳng nói gì, chỉ cầm cành sen và nhìn thẳng vào những khuôn mặt đang ngậy ra của đại chúng.

Đột nhiên vị môn sinh của Ngài, Ma Ha Ca Diếp (Mahakashyapa), mỉm cười. Ông đã hiểu!

Ngài Ma Ha Ca Diếp đã hiểu cái gì? Mọi người đều muốn biết. Hàng nhiều thế kỷ mọi người đã hỏi, "Thông điệp gì mà Đức Phật đã trao cho Ngài Ma Ha Ca Diếp?"

Có người nói rằng rễ, cuống, và hoa tượng trưng cho Ba Cõi: địa ngục, trần gian, và thiên giới, và Đức Phật đã nói rằng Ngài có thể nắm tất cả chúng sinh trong lòng bàn tay của mình. Có lẽ.

Có người nói Ngài đang đổi ngược câu Đại Chú, Ấn Ma Ni Bát Mê Hồng (Mani Padme Hum.) Viên Ngọc trong đóa Hoa Sen. Khi Đức Phật cầm cành hoa trong tay của mình, đóa Hoa Sen ở trong Viên Ngọc. Ừmmm...

Có người nói rằng cái rễ, cuống, và hoa tượng trưng cho chân đế, cột xương sống, và hàng ngàn cánh hoa sen vương niệm của hệ thống Luân Xa Yoga và khi đưa cao cành cây

Ngài đang tán dương giáo phái đó. Người khác nói nó cho thấy một cách dễ dàng kết quả của giáo phái đó, hoàn tất Ba Ngôi, mà Đức Phật là Cha và Mẹ, Ngài cũng là Con - Phật Di Lặc (Maitreya) Sinh Hoa Sen và Cầm Hoa Sen, Đức Phật Tương Lai, Đức Như Lai (Julai)! Ừmmm... Đó chắc chắn là điều để suy nghĩ!

Trong Thiền Tông, chúng ta không chắc về rất nhiều điều. Chúng ta chỉ biết thật một điều là Giác Ngộ không đến bằng một cuốn tự điển! Chiếc cầu tới Niết Bàn (Nirvana) không tạo dựng bởi những nhóm từ. Như xưa Thầy Lão Tử (Lao Zi) viết, "Đạo Giáo (Dao) mà chúng ta có thể nói bàn thì không phải là Đạo Giáo mà ý chúng ta muốn nói đến."

Như thế Đức Phật nói bằng cách im lặng, nhưng Ngài đã nói gì?

Có lẽ Ngài đã nói, "Từ chỗ nhơ bẩn của cõi Luân Hồi, Hoa Sen mọc tinh khiết và không ô uế. Vượt qua ý thức của bản ngã! Hãy trở thành Một với đóa hoa!"

Đó! Đức Phật cho một bài giảng và không ai phải ghi chép.

CHƯƠNG 5: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

Trên tiến trình đi đến giác ngộ, chúng ta trải qua các giai đoạn nào?

Thứ nhất, khi thiền định, có lúc chúng ta có thể chứng nghiệm giây phút hoàn toàn nhẹ nhàng và tinh sạch. Chúng ta có cảm giác như toàn thân mình bắt đầu bay bổng lên hoặc hồn mình nâng lên cao xuất ra khỏi thân xác đến độ có thể nhìn xuống và nhận ra mình đang ngồi bên dưới. Các kinh nghiệm này hết sức lạ lùng khi thấy biết, và còn lạ hơn, khi thể nghiệm được. Lạ lùng nhất là có nhiều người đã chứng nghiệm qua.

Thứ nhì, chúng ta có thể chứng nghiệm một trạng thái thanh thoát vô ngã, ở đó chúng ta chỉ chứng kiến các vật thể và các sự kiện trong môi trường của mình mà không bị ảnh hưởng bởi chúng (vô trước). Các dữ kiện ghi nhận bởi giác quan không xâm nhập được ta. Chúng ta ở trong trạng thái vô trước như thể hòn đá ngồi yên trong nước. Khi nào đạt tới trạng thái này, chúng ta hãy cố tỉnh thức để ghi nhận cho rõ chứng nghiệm.

Thứ Ba, chúng ta có thể một mình nghe tiếng sấm nổ như rung chuyển cả ngôi nhà mà người khác không nghe thấy gì. Âm thanh chúng ta nghe được cũng có thể như tiếng vo ve của ong hoặc tiếng nhạc của kèn trumpet vang vọng từ xa lại. Các kinh nghiệm về âm thanh này đối với người thường thì hơi lạ nhưng với người thực tập thiền quán thì rất bình thường.

Khi nào trải qua kinh nghiệm lạ lùng khó giải thích được, như cảnh tượng lạ chẳng hạn, chúng ta nên thảo luận với Thầy, chứ đừng nói với người khác vì người đó, do chính vô minh hay ác tâm của họ, có thể làm cho mình lạc lối. Thường thường người thực tập thiền quán không đi tới đâu trong sự tu tập của mình họ, hay gièm pha chứng nghiệm của người khác.

Chúng ta phải làm gì nếu chúng ta ngồi thiền mà tâm cứ luôn giao động? Chúng ta nên xử sự thật nhẹ nhàng với chúng ta như thể chúng ta còn bé. Khi học chơi một loại nhạc cụ nào, người ta thường không dạy cho đứa bé về lý thuyết âm nhạc, ký âm, đặc điểm khí cụ và cả nhạc bản cùng một lúc. Không; người ta chỉ dạy đứa bé từ từ bằng những phần chỉ dẫn ngắn kèm theo là phần thực hành. Cách này hiệu quả nhất. Một

nhạc sĩ tài danh có thể tập luyện dễ dàng tám tiếng mỗi ngày, chứ người mới tập chơi thì không thể được. Còn mới, người đó cần đạt được một số thành công nho nhỏ và liên tục cái đã. Nhờ vậy, anh ta mới trau dồi được sự kiên nhẫn, tự tin và hăng say. Một chuỗi dài của những thành đạt nhỏ tốt hơn là đôi ba sự thất bại. Chúng ta nên đặt cho mình những mục tiêu nhỏ; và chớ nên tự giao phó cho mình những mục tiêu lớn hơn cho đến khi nào chúng ta rành rọt được các mục tiêu nhỏ kia.

Ngoài thiền tập, còn có vấn đề thái độ. Người mới cần phải học cách trau dồi cái gọi là: "Tư thái của người hấp hối". Tư thái này là gì? Đó là cách cân nhắc để biết việc gì quan trọng, việc gì không, việc gì cần chấp nhận và việc gì nên bỏ qua. Ai có ở bên cạnh giường của người hấp hối sẽ thấu hiểu được tư thái này. Nếu có ai đã kích, người hấp hối sẽ làm gì? Không làm gì hết. Nếu có ai đánh đập, người đó có hành động ra sao? Không có hành động nào hết. Nằm đó, người đó có mưu đồ tìm cách cho mình nổi tiếng hoặc giàu có không? Không. Nếu có người đã từng xúc phạm đến người đó và đến xin người đó tha thứ, liệu người đó có bỏ qua hay không? Chắc chắn là có. Người hấp hối biết được sự vô nghĩa của việc thù hằn. Lòng căm ghét luôn luôn là một cảm nghĩ đáng chê trách. Ai là người muốn về bên kia thế giới mà lòng còn mang nặng hận thù? Không ai cả. Người hấp hối là người đang tìm tình thương và an bình.

Có dạo người hấp hối ấp ủ trong mình những cảm nghĩ đầy cao ngạo, tham, sân si, nhưng giờ đây, tất cả cảm nghĩ đó không còn nữa. Có một thời người đó theo đuổi những việc làm xấu xa, nhưng giờ đây người đó đã thoát khỏi chúng. Anh ta không mang theo mình một thứ gì nữa. Anh ta đã đặt gánh nặng xuống. Anh ta bình an.

Các bạn thân mến, khi trút hơi thở cuối cùng, thân thể của ta sẽ trở thành xác chết. Nếu ta cố tập xem thân này như thân ma, sự an lạc sẽ đến với chúng ta nhanh hơn.

Nếu chúng ta xem ngày nào trong cuộc sống cũng là ngày cuối của cuộc đời, chúng ta sẽ không phung phí một phút giây quý báu nào để theo đuổi những chuyện viển vông hoặc giận hờn căm tức một cách vô bổ đâu. Chúng ta sẽ không thờ ơ trong việc bày tỏ tình thương và lòng biết ơn đối với những người tử tế với chúng ta. Chúng ta sẽ không từ chối việc tha

thứ cho kẻ xúc phạm chúng ta, dù sự xúc phạm đó nhỏ hay lớn. Và nếu chúng ta phạm lỗi, chẳng lẽ chúng ta không xin người tha thứ cho chúng ta, dù chúng ta đang thờ hơi thờ cuối cùng, hay sao?

Thôi được, nếu điều này thật khó làm đối với người mới, vậy trở ngại nào mà người ở trình độ khá hơn hay gặp phải? Kết quả! Sau khi tu tập thấm nhuần Phật pháp, người này cần tiếp tục chăm sóc khu vườn của mình trong khi chờ đợi cho quả Thánh chín muồi! Tuy nhiên, sự chờ đợi phải mang tính cách thụ động. Người đó không được có lòng mong cầu hoặc định ngày cho mùa gặt. Theo nghề nông, người ta có thể ước tính được khi nào đậu sẽ lớn và táo sẽ chín. Nhưng sự giác ngộ chỉ đến khi nào nó đến.

Khi nó đến, hành giả sẽ đột nhiên trực nghiệm được Thực Tánh của mình. Hành giả nhận rõ bản ngã của mình được tạo dựng bởi ảo tưởng có tính cách hư cấu và tai hại. Bây giờ, khi sự nhầm lẫn đã hết, hành giả trở nên thanh tịnh. Hành giả sẽ đi dần đến sự nhất tâm, một trạng thái nhất như trong sáng và thanh tịnh. Khi đạt đến cảnh giới này, hành giả tự nhiên sẽ có hành động phù hợp để bảo tồn Con Mắt Kim Cương Trí Tuệ. Hành giả phải thận trọng không cho bản ngã trở lại vì nếu để xảy ra như vậy chẳng khác nào hành động ngu xuẩn thắp thêm cái đầu vô dụng thứ hai vào cổ mình.

Khi đạt đến trạng thái vô ngã hoàn toàn tỉnh thức, thật khó cho chúng ta diễn tả thành lời. Tình trạng giống như một người quan sát người kia uống nước. Nước ấm hay lạnh? Người quan sát vô phương biết được, chỉ có người uống nước mới rõ thôi. Nếu người quan sát không đồng ý, anh ta có thể cãi không? Không. Chúng ta có nên bàn cãi về sự giác ngộ với người chưa giác ngộ không? Không nên. Sự thảo luận chỉ vô ích. Thiền sư Lâm Tế (Lin Ji) thường nói, "Đấu kiếm, đấu với kiếm sư. Bàn thơ, bàn với thi sĩ". Người đạt đến trạng thái vô ngã chỉ có thể nói lên chứng nghiệm của mình với người đã thành tựu quả vị này.

Nhưng giác ngộ rồi, thì sao?

Giác ngộ rồi, chúng ta thấy rõ được hạnh nguyện của Đại Bồ Tát (Great Bodhisattva). Khi tham thiền, chúng ta bước vào lãnh vực của Quán Âm (Guan Yin.) Đây là thế giới kỳ diệu nhất.

Nhưng sau cảnh chứng này rồi, hành giả vừa đạt đạo cần phải tách mình ra khỏi thiền, coi như tốt nghiệp xong, và trở thành người mà hành giả bao năm học hành để trở thành: một người dường như rất bình thường, một gương mặt khác trong đám đông. Ai dám đoán gương mặt này là gương mặt nguyên thủy (bản lai diện mục)? Ai dám bảo người này đã từng là một người, hai người, ba người, rồi bây giờ thành một người đang sống cuộc sống theo Phật Tánh? Không ai có thể đoán bằng cách chỉ nhìn qua dung mạo.

Và vấn đề cuối cùng mà hành giả gặp phải là thực sự bước vào tánh Không mà những hành giả sơ tâm thích lý thuyết hóa. Hành giả phải chứng đạt tình trạng "vô tâm". Thay vì đi theo một hướng nhất định, hành giả phải trải ra nhiều hướng, hay như Hàn Sơn (Han Shan) từng nói, là "vào cõi vô cùng". Trong Thiền, chúng ta gọi cảnh trạng này là "Buông bỏ chiếc sào trăm đốt"

Thiền quán là cây sào trăm đốt trơn trượt. Hết sức khó leo. Nhưng khi hành giả leo lên được tới đỉnh sào, hành giả sẽ làm gì kế tiếp? Hành giả sẽ buông thả. Hành giả sẽ bước vào khoảng không. Hành giả không thể nào cứ bám chặt vào Thiền mãi được. Hành giả đã khám phá được vô ngã có nghĩa là gì rồi, nên giờ phải sống thực với kết quả hành giả tìm ra. Hành động của hành giả không thể cứ mãi cân nhắc và thận trọng. Và nhờ đó hành giả đạt được sự giải thoát, thành một với thực tại. Không cần phải phấn đấu nữa.

Vì vậy, chúng nghiệm được Thiền là công việc rất khó cho người sơ tâm; và buông xả Thiền là điều không dễ làm đối với người đạt đạo.

Hành giả Thiền, bất kể nam, nữ, không phải ngồi yên trên đỉnh cây sào trăm đốt mà nhìn chòng chọc vào văn bằng Giác Ngộ của mình đâu. Hành giả đọc văn bằng, la to: "Kwatz!" rồi ném mảnh bằng vào gió tứ phương. Đoạn hành giả nhảy khỏi sào, bước vào cõi vô cùng.

Các bạn thân mến, mặc dù giác ngộ có thể đến từ nhiều cửa Pháp, Đức Phật, sáu vị Tổ, và tất cả các thiền sư thuở trước đều đồng ý rằng cửa kỳ diệu nhất của các cửa vẫn là cửa Thiền.

CHƯƠNG 6: CHƯỞNG NGẠI

Đôi khi sự giảng dạy về Thiền quán cũng dễ nản như học nó.

Xưa có một Thiền Sư nhận dạy ba thiền sinh mới vào. Ông giải thích cho họ sự cần thiết của kỷ luật tâm linh và dặn rằng, kể từ giây phút này, họ phải tuân theo luật im lặng tuyệt đối. Đoạn, để tay trên môi, ông ra lệnh cho họ về phòng.

Thiền sinh thứ nhất nói, "Bạch sư phụ, cho phép đệ tử bày tỏ với sư phụ lòng tri ân của đệ tử đối với những lời dạy dỗ của sư phụ!"

Nghe thế, thiền sinh thứ nhì nói, "Anh khùng kia! Bộ anh không biết nói như vậy là anh đã phạm luật yên lặng hay sao?"

Thiền sinh thứ ba đưa hai tay lên trời, than, "Trời đất, chỉ có ta là người duy nhất ở đây biết tuân lệnh hay sao chứ?"

Đôi khi chúng ta nhìn quanh và nghĩ là không có ai so được với những tiêu chuẩn của mình. Chúng ta như ba anh thiền sinh mới này vậy. Thường thì như thiền sinh thứ nhất, chúng ta nói chúng ta muốn học nhưng rồi chúng ta không thực sự chú tâm vào những điều sách vở hay thầy chúng ta chỉ bảo. Hoặc như thiền sinh thứ nhì, chúng ta hiểu luật nhưng lại nghĩ chúng chỉ áp dụng cho kẻ khác. Và như thiền sinh thứ ba, chúng ta ồn ào đòi sự ca ngợi mỗi lần chúng ta làm những gì mà chúng ta phải làm.

Đôi khi chúng ta cũng chia sẻ sự thất vọng của Thiền Sư kia.

Có lẽ chúng ta thấy nào là sự thiếu chú tâm, lười biếng, bông lông, hay tính tự mãn của người thiếu tri thức. Tệ hơn nữa, chúng ta có thể thấy những người đạo đức giả tài tình - những người giả vờ như sự quan tâm của họ chỉ thuần túy tâm linh trong khi thực tế họ hết chín mươi chín phần trăm bao gồm tính tự cao, tham lam và ham muốn. Và rồi chúng ta đưa hai tay lên trời trong sự tuyệt vọng đoạn kết luận rằng thời đại vàng son của Thiền đã qua. Chúng ta tới trễ rồi. Không còn hy vọng gì về Thiền nữa cả. Chúng ta đến đúng lúc để đưa đám ma thôi. Mọi thời đại đều nghĩ là mình đã trễ, không còn thuộc thời kỳ vàng son của sự chứng ngộ nữa.

Thiền sư Vĩnh Gia (Yong Jia), theo học với Lục Tổ Huệ Năng (Hui Neng), lo lắng cho tương lai của Thiền. Ông thất

vọng về việc có quá nhiều người đời và quá ít người tín tâm theo Phật Pháp. "Trời ơi!" Ông thốt lên trong Chứng Đạo Ca của ông, "Trong thời đại của suy đồi và tội lỗi thế gian này, không ai thêm tuân theo giới luật nữa. Thời Kỳ Thánh đã qua và kỷ nguyên đồi trụy bắt đầu."

Nhưng rồi, Thiền sư Vĩnh Gia, với những lo lắng phải ở trong thời đại đen tối, đã đắc đạo trong thời gian rất ngắn. Ông là người mà các bạn gọi là "Thành đạt trong một đêm". Thực ra đó là cách Huệ Năng đã gọi ông. "Người Đắc Đạo Trong Một Đêm". Ngọn đèn của Thiền sư Vĩnh Gia cháy sáng thật lâu trong thời đại đáng lẽ là đen tối.

Thiền sư Quy Sơn (Wei Shan), sinh năm 771 và mất năm 863, trông thấy cuộc đời thế tục của mình chấm dứt như thời đại vàng son của Thiền vào đời Đường cáo chung. Thiền sư Quy Sơn thường than van, "Chúng ta sinh ra đời vào thời kỳ Giác Ngộ cáo chung, không đáng tiếc ru?" Ông thất vọng về việc có quá nhiều người đời và quá ít người tín tâm theo Phật Pháp. Ông ước rằng phải chi ông sinh ra sớm hơn! Ông thực sự lo sợ rằng sẽ không còn ai theo Phật như ông nữa.

Nhưng chúng ta hãy tạm ngưng một lát để hồi tưởng lại tại sao Quy Sơn có tên là Quy Sơn.

Tên thật của Quy Sơn là Linh Hựu (Ling You) và ông đến từ tỉnh Phúc Kiến (FuJian). Ông học Thiền với Thiền sư Bá Trượng Hứa Hải (Bai Zang Huai Hai).

Lúc bấy giờ Thiền sư Bá Trượng Hứa Hải mặc dù sinh vào giữa triều đại nhà Đường; nhưng ông cũng thất vọng về việc có quá nhiều người đời và quá ít người tín tâm theo Phật Pháp.

Bá Trượng Hứa Hải vì bức mình về tình trạng của Thiền đến nỗi ông quyết định giải tỏa vấn đề bằng cách lập một tu viện mới trên núi Quy Sơn, ở tỉnh Hồ Nam (Hunan). Dĩ nhiên vì ông nghĩ là có quá ít người chứng đạo có thể kiếm được, nên ông in trí rằng mình phải là người đích thân làm công việc này.

Một hôm trong khi ông đang tính toán sao cho thành tựu công việc khó khăn kia, nhà tiên tri khổ hạnh Thạch Mã (Si Ma) đột nhiên ghé thăm.

"Xin ông giúp ý kiến tôi với", Bá Trượng Hứa Hải hỏi. "Trước tiên, ông nghĩ gì về việc xây dựng một tu viện mới trên ngọn Quy Sơn?"

"Ý kiến tuyệt vời," Thạch Mã nói. "Đó là nơi lý tưởng có thể yểm trợ một tăng đoàn một ngàn năm trăm vị sư".

Bá Trượng Hứa Hải rất vui khi nghe lời này. Nhưng Thạch Mã nói thêm, "Ông đừng có ý định đích thân ông đến đó nghe. Núi thì trẻ và tráng vĩ còn ông thì già và yếu. Ông nên sai người khác đi."

Nhưng sai ai? Bá Trượng Hứa Hải không thể tưởng đến người nào có thể thế vai ông.

Thạch Mã cố giúp. "Để xem người ông hiện có là những ai," Ông nói.

Vì vậy, Bá Trượng Hứa Hải cho gọi các sư, từng người một đến. Dĩ nhiên, ông bắt đầu với vị sư trưởng tràng của ông.

Thạch Mã đưa mắt nhìn vị sư trưởng tràng và lắc đầu, loại ông ta ra. Ông tiếp tục loại từng vị một trong số các ứng viên cho đến cuối cùng tới phiên Linh Hựu được gặp riêng. Khi Thạch Mã thấy Linh Hựu, ông gật đầu chấp thuận ngay. "Đây đúng là người!", Ông nói. "Đưa anh ta tới Quy Sơn đi."

Vị sư trưởng tràng không thích cách chọn lựa này chút nào, bèn yêu cầu Thầy Bá Trượng Hứa Hải duyệt lại quyết định bằng cách cho thi, nghĩa là, cho mỗi ứng viên mặc sức bày tỏ mức thông hiểu thâm sâu về Thiền của mình.

Vì vậy Bá Trượng Hứa Hải mở cuộc thi. Ông đặt một cái bình giữa sân nhà rồi tuần tự ông mời từng vị sư bước vào phòng trả lời câu hỏi: "Không được gọi vật này là cái bình, vậy gọi là cái gì?"

Vị sư trưởng tràng bước vào, nhìn cái bình, suy nghĩ một phút đoạn trả lời. "Nó không thể gọi là cái nệm." Bá Trượng Hứa Hải thất vọng. Câu trả lời vừa nghĩ ra cho thấy rõ ràng vị sư trưởng tràng giải quyết vấn đề một cách quá lý trí. Ông ta còn vướng bận nhiều về Danh Sắc.

Mỗi ứng viên đều trả lời rất xoàng cho đến cuối cùng tới phiên Linh Hựu. Linh Hựu bước vào phòng và khi Bá Trượng Hứa Hải hỏi, "Không được gọi vật này là cái bình, thì gọi là cái gì?" Linh Hựu tự động đá cái bình một cái văng vào tường vỡ tan. Bá Trượng Hứa Hải ngả đầu ra phía sau cười ha hả. Thạch Mã quả không sai. Linh Hựu đúng là người đó. Cái bình à? Nghe Danh quá! Nghe Sắc quá!

Các bạn thấy không, các bậc thầy đôi khi cũng cần học một bài học. Bá Trượng Hứa Hải nghĩ rằng những ngày vàng son

của Thiền đã thuộc về quá khứ. Ông sai Linh Hựu lên núi dựng tu viện; và đó là nguyên nhân tại sao Linh Hựu trở nên nổi danh là Đại Thiền Sư Quy Sơn.

Đã hơn một ngàn năm qua kể từ cuộc thi đó và các thiền sư vẫn còn thất vọng về việc có quá nhiều người sống theo thế gian và quá ít người tín tâm theo Phật Pháp.

Hãy xem trường hợp riêng của tôi. Khi tôi còn trẻ, hầu hết thiền viện thuộc khu vực phía Nam của ba con sông bị phá hủy trong suốt các cuộc nổi loạn. Nhiều vị sư từ núi Chung Nam (Zhong Nan) xuống miền Nam, bằng đường bộ, giúp trùng tu lại các tu viện. Họ đã có gì? Chẳng có gì cả. Họ mang theo trên lưng cái bầu đựng nước, cái giỏ nhỏ và quần áo. Chỉ bao nhiêu đó. Mọi người tự hỏi họ có thể hoàn tất được cái gì. Vậy mà họ làm được. Họ tái tạo lại được các tu viện.

Sau đó khi những tu viện này hưng thịnh và cần thêm quý sư, các vị sư mới, khởi sự tìm tới. Họ đến bằng xe bò, có đòn gánh và sào để mang theo đồ vật sở hữu và mọi người nghĩ, "Chao ôi! Họ thật là trần tục. Họ sẽ không làm xong việc gì đâu." Thế mà họ làm được, đúng không?

Và bây giờ, khi tôi đi đến vài nơi, thấy các sư đi xe lửa, máy bay với những xách hành lý bằng da cùng bộ với nhau, tôi thấy chính tôi nói, "Chao ôi! Họ thật là trần tục. Họ sẽ không thành tựu được việc gì đâu. " Nhưng mà họ sẽ làm được, phải không?

Các bạn cũng sẽ làm được mà, phải không?

CHƯƠNG 7: CÁCH THỜ VÀ TƯ THẾ

Mặc dù chúng ta có thể thiền tập trong khi đi và làm việc, nhưng khi chúng ta chính thức ngồi thiền, chúng ta phải thật cẩn thận giữ thái độ cung kính và ngồi thờ cho thật đúng.

Các bạn thân mến, tuy có nhiều lợi ích có thể tiếp thụ được từ những nỗ lực của chúng ta, thiền là sự luyện tập tâm linh chứ không phải là phương thức điều dưỡng trị. Chúng ta không phải tập luyện nhằm điều hòa lại sự xáo trộn tâm lý hay giúp chúng ta thích nghi với sự thất vọng của bản ngã. Chúng ta thiền tập để vượt trên ý thức của bản ngã và nhận ra Phật Tánh của chúng ta. Mục đích của chúng ta là nhập Niết Bàn chứ không phải làm cho cuộc sống Luân Hồi dễ chịu hơn.

Tôi biết, lời chỉ dẫn này có thể gây bối rối. Nhiều người nghĩ rằng khi họ đạt được trạng thái an bình và yên lặng là họ đang thiền. Họ mong muốn tập là vì họ thích thú khoảng một giờ đồng hồ an lạc và yên tĩnh mang lại cho họ. Nhưng sự yên tĩnh đó không phải là thiền định. Nhốt được con ngựa hoang vào trong rào không làm cho nó thuần tính hoặc chịu theo dây cương. Nó có thể nghỉ ngơi giây lát và trông có vẻ yên lặng đấy. Nó còn có thể bắt đầu ăn cỏ nữa kia. Nhưng khi cửa mở là nó trốn chạy ngay - man dã y như xưa.

Quý vị biết không, ở Nam Hoa Tự (Nan Hua Si), tu viện của Lục Tổ, có một ông sư mỗi ngày ngồi hàng giờ yên lặng trên cái đệm hưởng cảm giác thích thú do sự an lạc và yên tĩnh từ cách ngồi mang lại. Ông ta tưởng ông ta đang thiền định. Lục Tổ Huệ Năng thấy được lỗi lầm của ông sư, bèn tiến lại phía ông, nói. "Sao mỗi ngày con bỏ hết thì giờ vào chiếc đệm vậy?"

Ông sư nhìn lên, lộ vẻ kinh ngạc, đáp: "Vì con muốn thành Phật"

Huệ Năng mỉm cười, nói. "Con ơi, con có thể mài gạch thành gương nhanh hơn là ngồi trên cái đệm mà thành Phật con ạ!"

Chúng ta nên ghi nhớ câu chuyện trao đổi giữa vị đại sư tổ và nhà tu hành sai lạc này.

Trước khi chúng ta vào thiền chúng ta luôn luôn tỉnh táo và tỉnh thức. Tâm trí chúng ta, không còn bận bịu với sự việc bên ngoài, chú tâm vào thiền tập. Sau khi chúng ta vào được thiền chúng ta thường có cảm giác ngây ngất. Cảm giác vui sướng

đánh lừa này thường được hành giả mọi giáo phái trải qua. Nó được gọi là Bệnh Thiền hay một thứ say sưa của Trời hoặc sự cuồng dại của Thần thánh. Sự yên tĩnh không tạo ra cảm giác ngất ngây. Nó tạo ra cảm giác vô tri giống như quỷ nhập tràng không liên quan gì tới Thiền Phật giáo hay tôn giáo khác, ngoại trừ ma thuật.

Chúng ta không nên khởi sự buổi thiền tập nếu chúng ta bị kích động hoặc xúc động. Thân và tâm phải cùng ở trạng thái thư giãn. Nếu chúng ta nổi giận, hãy dùng phương pháp nội quán và áp dụng các nguyên tắc Phật giáo, đặc biệt là sự tha thứ và nhẫn chịu, chúng ta có thể lấy lại bình tĩnh; nhưng nếu điều khổ não đó cứ đeo đuổi mãi, chúng ta nên cầu xin sự chỉ bảo hoặc hỏi ý kiến người khác để có thể giải quyết vấn đề trước khi ngồi xuống thiền.

Nếu sự xúc động chỉ có tính cách tạm thời, có thể vì nhiều việc gấp quá hoặc vì mệt mỏi, chúng ta nên theo cách "cây nhang nửa phân Anh". Chúng ta chỉ cần ngồi yên lặng và nhìn cây nhang cháy từ từ hết nửa phân Anh. Nếu đến lúc đó mà chưa phục hồi được bình tĩnh, chúng ta nên chấm dứt buổi thiền tập. Chúng ta luôn luôn có thể thử lại một lát sau.

Cũng vậy, hơi thở nên nhẹ và nhịp nhàng. Thỉnh thoảng khi thiền tập, tư tưởng thường phát sinh quấy rầy chúng ta hoặc chúng ta thở hỗn hển như thiếu không khí, vì chúng ta không thực hành đúng phương pháp thở. Chúng ta lại phải áp dụng cách "cây nhang nửa phân Anh" giữ cho tâm trí và hơi thở đều hòa trở lại trước khi tiếp tục tập.

THẾ NGỒI:

Thế ngồi tự nhiên, thư giãn nhưng thẳng lưng là thế ngồi tốt nhất. Chúng ta không nên ngồi cứng ngắc hay làm đau mình. Điều này rất quan trọng. Sự đau đớn khởi động một phản ứng hoảng sợ, được hiểu như là một tình trạng nguy cấp khiến áp suất máu của thân thể và nhịp tim tăng cao lên; và trong trường hợp như vậy, không thể nào thiền được. Tuy nhiên, nếu người nào dễ dàng ngồi đúng thế như thế ngồi kiết già, thì thế ngồi đó sẽ mang lại nhiều thuận lợi hơn.

Dĩ nhiên, chúng ta phải ngồi thẳng để phổi có thể căng phồng hết cỡ. Chúng ta không nên ngồi cúi tới trước hoặc nghiêng qua một bên. Nếu chúng ta cảm thấy bị buồn ngủ, chúng ta có thể tự đánh thức mình bằng cách hóp vài ngụm

trà, đưa người từ bên này qua bên kia vài lần, và hít vài hơi thở thật sâu.

Nếu không điều thân, tâm, và tức (hơi thở) có thể bị tổn hại nhỏ như sự bất an về thể chất và cảm xúc, hoặc tổn hại lớn như trặc bắp thịt, hay gặp cảnh khiếp đảm với hình ảnh ma quái tạo nên bởi ảo giác, mà tôi nghĩ tất cả chúng ta đều đồng ý, là những trường hợp gây khổ não nhiều nhất.

ĐIỀU TỨC (TẬP THỞ)

Trước khi bắt đầu bất cứ phương pháp thiền chính thức nào người ta tuyệt đối cần phải kiểm soát cho được hơi thở của mình.

Có hai phương cách căn bản trong việc kiểm soát hơi thở: có cấu trúc và không cấu trúc. Trong cả hai phương pháp, phổi được so sánh với ống bơm không khí. Khi muốn hút không khí vào đầy ống bơm, chúng ta tách hai tay cầm ra. Tương tự như vậy, khi chúng ta muốn hít không khí vào ngực, chúng ta phình bụng ra, uốn bụng về phía trước cho cách xa xương sống như thể chúng ta tách hai tay cầm ống bơm vậy. Khi thở ra, chúng ta trước hết cho không khí thoát ra dần dần và từ từ co bụng lại, ép phần không khí còn lại ra khỏi phổi như thể chúng ta đóng ống bơm lại.

Luôn luôn mục tiêu của chúng ta là làm thế nào cho hơi thở nhẹ nhàng không gấp rút đến nỗi để lông chim Đà Điểu ngay mũi, khi thở ra thở vô cũng không làm cho lông dao động.

1) Trong cách thở không theo cấu trúc, chúng ta bớt nhìn chăm chăm và theo dõi hơi thở, đếm liên tục theo thứ tự mười lần thở. Nếu đếm lộn, chúng ta cứ đếm lại từ đầu. Khi đếm đủ mười lần thở, chúng ta lại bắt đầu đếm mười lần khác.

Chúng ta bắt đầu bằng cách trập trung vào hơi thở vô, để ý không khí vào mũi, xuống cổ họng và đầy phổi. Trí chúng ta ngằm quan sát thấy ngực căng ra và vai nhô lên.

Khi chuẩn bị thở ra, chúng ta nhớ đếm; và quan sát không khí thoát ra từ từ ở mũi. Chúng ta để ý hai vai khi nó thư giãn và chùng xuống lúc phổi đầy hết không khí ra. Khi thở ra xong, chúng ta để ý thấy bắp thịt bụng co rút lại. Tập luyện quen, tất cả các bắp thịt bụng, háng và mông sẽ co lại để đẩy không khí còn sót trong phổi ra.

Vì lý do nào đó, người ta đếm hơi thở theo chu kỳ thở ra để hơn khi bắt đầu thở vô. Nhưng chúng ta mỗi người đều khác nhau, nên đếm hơi thở vô hay ra là tùy theo ý thích cá nhân.

2) Theo lối thở có tính cách cấu trúc, lúc thở vô, chúng ta giữ hơi lại rồi mới thở ra, và một là bắt đầu một chu kỳ mới hoặc chúng ta giữ cho phổi trống rỗng trước khi bắt đầu một chu kỳ thở khác. Số lượng thời gian dành cho mỗi phần của chu kỳ tùy thuộc vào công thức riêng biệt mà chúng ta áp dụng. Vì dung tích phổi của mỗi người khác nhau, nên một công thức duy nhất không thể đáp ứng được. Hành giả nên chọn từ mấy tỷ lệ sau đây:

a) Tỷ lệ, 4:16:8, đòi hỏi khi thở vào đếm 4 lần, giữ hơi lại, đếm 16, và thở ra đếm 8. Tỷ lệ: 4:16:8:4 đòi hỏi thêm một thời kỳ nữa là khi phổi hoàn toàn trống trơn, đếm bốn. Cách này khó hơn, nhưng nhiều hành giả nhận thấy cách đó dễ đưa hành giả vào trạng thái đại định hơn.

Thông thường, một giây cho mỗi lần đếm là nhịp điệu được quy định. Tuy nhiên, có người khó giữ hơi thở lâu được tới 16 giây; nên những người này chỉ cần giữ 12 giây. Tập luyện dần, họ sẽ đạt tới số đếm 16 một cách mau chóng. Nếu 12 còn khó quá, họ có thể thử 8 và từ từ tập lên 12, rồi 16.

b) Tỷ lệ, 5:5:5:5 hay cách đếm bằng nhau tương tự cũng rất có hiệu quả. Người mới tập có thể thấy nó dễ dàng hơn để bỏ lần đếm cuối cùng giữ cho phổi trống rỗng.

Mục tiêu của các cách tập thở là nhằm tạo nên hơi thở nhịp nhàng, kiểm soát được.

Cưỡng Lại Sự Thúc Dục Bỏ Cuộc

Có một lý do mà chưa ai có thể xác định được, là khi ngồi thiền chúng ta thường thấy tọa cụ biến thành gò đầy kiến. Người mới tập thiền thường trải qua sự biến đổi bí mật của tọa cụ và chẳng chóng thì chày, chúng ta cũng đều nghiệm qua sự việc này. Chúng ta bắt đầu vận mình mẩy và ý nghĩ duy nhất của chúng ta là làm sao thoát khỏi chỗ ngứa ngáy này.

Khi mới ngồi, chúng ta đầy ắp các ý định tốt. Chúng ta dự trù hoàn tất cho được chương trình, ít nhất là hai mươi chu kỳ thở. Nhưng rồi, sau bốn hoặc năm chu kỳ, chúng ta khám phá rằng mình đang ngồi trên gò kiến, làm gián đoạn chương trình đã định.

Đôi khi không phải kiến, mà thành linh chúng ta nhớ tới nhiều việc quan trọng mà chúng ta quên làm: Nào là sắp xếp ngay ngắn sách vở trên các ngăn sách trong phòng đọc sách; nào là mua mì cho buổi ăn chiều ngày mai, nào là đọc báo hôm qua. Nghĩa là, các việc này cần phải làm cho xong, và rất là tiếc thay, chúng ta rời khỏi tọa cụ, đứng dậy.

Các bạn thân mến, làm thế nào để chúng ta duy trì được các ý định tốt kia đây? Làm thế nào để chúng ta giữ được cho các quyết định kia bị tiêu mất một cách mãnh liệt như vậy?

Trước tiên chúng ta phải nhận ra bằng cách nào chúng ta tự lừa chính mình? Như các bạn biết, có một câu chuyện xưa về thiền kê một người đàn ông bị mắc bệnh ngặt nghèo sắp chết. Ví vậy ông ta mới trả giá với Phật A Di Đà (Buddha Amitabha). "Lậy Phật, xin Ngài cứu con". Ông nói. "Và con sẽ bán nhà con, được bao nhiêu, đem bố thí hết cho người nghèo." Tất cả mọi người trong gia đình và bạn bè đều nghe lời phát nguyện của ông. Lạ thay, ông ta bắt đầu bình phục. Nhưng khi tình trạng sức khoẻ của ông khả quan hơn, sự quyết tâm của ông bắt đầu tiêu tán; ông tự hỏi không hiểu tại sao lúc đầu ông lại hứa như vậy. Nhưng vì mọi người đều muốn ông phải bán nhà, nên ông đành treo bảng bán. Ngoài nhà ra, ông còn bán con mèo nuôi trong nhà nữa. Ông bán căn nhà và con mèo được mười ngàn không trăm lẻ một đồng tiền vàng. Nhưng lời hứa là lời hứa, và ông ta bố thí cho người nghèo một đồng tiền vàng. Đó là trị giá căn nhà bán được. Còn con mèo, như các bạn thấy đó, lại trở thành con vật có giá trị lớn vô cùng. Khi chúng ta không muốn làm một công việc nào đó, những thứ tầm thường cũng trở thành rất quan trọng. Một con mèo nuôi trong nhà lại trị giá mười ngàn lần căn nhà.

Tất cả chúng ta cần nhớ đến người này mỗi khi chúng ta bị thôi thúc nhảy ra khỏi tọa cụ của mình. Tất cả chúng ta nên nhớ đến ông ta, bất cứ khi nào chúng ta đột nhiên quyết định bỏ dở chương trình của mình. Nhưng nếu chúng ta không cho phép mình bỏ ngang buổi tu tập thì chúng ta cũng đừng ngồi lì trên tọa cụ vì cho đây là một bồn phận.

Đôi khi người ta tỏ ra vẻ như mình đang làm một việc hy sinh rất lớn khi người ta thiền tập. "Tôi sẽ làm và cho nó xong cho rồi", họ nghĩ vậy. Nhưng đó không phải là thái độ thích

đáng. Thì giờ chúng ta thiền tập là thì giờ đẹp nhất trong ngày của chúng ta. Chúng ta nên trân quý thời gian đó.

Các bạn thân mến, hãy biết ơn Phật Pháp. Hãy tri ân Tam Bảo. Đừng bao giờ quên rằng nơi nương tựa đời đời cho chúng ta là Phật, Pháp và Tăng. Hãy biết ơn ngọn đèn đã đưa dẫn chúng ta ra khỏi bóng tối và vào vùng ánh sáng.



CHƯƠNG 8: SỰ BỀN CHÍ VÀ TÀI ỨNG BIẾN

Một chiến tướng, một hôm trên đường thắng trận trở về, dừng chân lại một tu viện. Ông ta viếng thăm vị viện trưởng vốn là thầy dạy cũ của ông.

Khi tu viện trưởng và vị tướng ngồi trong sân uống trà đàm đạo một cách tương đắc với nhau, hai người bị chi phối bởi một cuộc cãi vã giữa một người mới tu và một vị sư thâm niên. Người mới tu than phiền rằng phương pháp thiền tập vị sư thâm niên kia dạy cho anh ta không có hiệu quả và vô giá trị. "Cách đó không thể dạy tôi tập trung tư tưởng đừng nói chi tới thiền," người mới tu lớn tiếng. "Xin chỉ tôi phương pháp nào hữu hiệu hơn".

Nhận thấy cuộc cãi vã làm thầy cũ của mình bận tâm, vị chiến tướng đứng dậy nói, "Bạch thầy, cho phép đệ tử dạy anh bạn trẻ này." Khi vị thầy gật đầu chấp thuận, vị tướng lãnh cho gọi sáu cung thủ của mình lại.

Vị tướng đổ nước trà vào tách đầy lên tới miệng và cẩn thận đưa cho người mới tu kia.

"Anh hãy cầm lấy chén trà", ông ra lệnh, "và không được đổ một giọt, mang nó, đi vòng tròn chu vi cái sân".

Khi người mới tu kia đỡ lấy cái tách, vị tướng ra lệnh cho các cung thủ, "Hãy đi theo hẩn! Nếu hẩn đổ một giọt, bắn hẩn liền cho ta!" Các xạ thủ giương cung và bắt đầu đi bên cạnh gã mới chấp chứng vào đường tu kia, và chỉ trong vòng hai mươi phút, gã đã học được cách chú tâm.

Các bạn thân mến, không có cái gì thay thế được cho sự quyết tâm. Giác ngộ là vấn đề quan trọng. Người ta không thể đạt được bằng thái độ hời hợt và thiếu nghiêm túc. Các bạn phải nhất định thành công và phải biết cách xoay sở sao cho hoàn mãn trong quyết tâm của mình.

Thật lạ lùng mà nói, thành tựu trong thiền định cũng có những đòi hỏi tương tự như người bị tình nghi trong một tội ác: Người đó phải có động lực thúc đẩy, phương tiện và cơ hội. Nếu chỉ có một hay hai trong ba điều kiện kia cũng không đủ yếu tố để bị xem là một nghi can phạm pháp. Các bạn phải hội đủ cả ba: động lực thúc đẩy, phương tiện, và cơ hội.

Để giúp các bạn hiểu rõ, tôi xin kể vài câu chuyện. Chuyện thứ nhất do chính tôi chứng kiến:

Vào năm 1900, ngay sau vụ nổi loạn nổi tiếng Loạn Võ Sĩ chống lại người ngoại quốc, tám chính quyền nước ngoài, phần nộ vì tòa lãnh sự của họ bị tấn công, đã gọi quân viễn chinh tới Bắc Kinh. Hoàng đế Mãn Thanh Quang Tự (Guang Sui) và Hoàng Thái Hậu Từ Hy (Zi Xi) hỗ trợ các võ sĩ trong các cuộc tấn công vào người ngoại quốc, nên dĩ nhiên là sợ nguy đến tính mạng mình, bèn giả dạng trốn khỏi Bắc Kinh, trú ẩn tại tỉnh Sơn Kê (Shanxi). Tôi là một trong những người tù tòng.

Không ai chuẩn bị cho chuyến đi cả. Chúng tôi ra đi quá đột ngột và trong tình trạng cấp bách như vậy, nên không có thì giờ trang bị lương thực cho cuộc hành trình. Chúng tôi không có thức ăn chi hết. Chúng tôi cũng chẳng có ngựa hay tiền bạc.

Như các bạn có thể tưởng tượng, tình trạng thật là khó khăn vô cùng cho gia đình vương giả. Chẳng những họ chưa từng bị đói bao giờ, mà mỗi lần muốn ăn là họ đều được thỏa mãn bởi những món cao lương mỹ vị ngon nhất. Và dĩ nhiên, họ chưa từng đi bộ xa bao giờ. Ghế kiệu và xe ngựa luôn luôn giữ chân họ cách mặt đất một khoảng xa. Và bây giờ họ đang cố giả dạng thành những người dân dã!

Ngày đầu, chúng tôi càng đi thì cơn đói càng tăng, nhưng những chuồng ngựa và nhà bếp của vương gia chỉ còn là kỷ ức theo làm khổ họ.

Cuối cùng, quá mệt và đói lả, chúng tôi xin ăn; và một nông dân giúp đỡ chúng tôi bằng cách tặng cho một mớ giầy rau lang và lá, là thức ăn thường ngày dành cho heo.

Bấy giờ, Hoàng Đế, vốn yếu đuối và tánh hư hỏng, muốn gì được nấy, chưa từng ăn qua thức ăn của heo; nhưng vì quá đói, ông ta lại nghĩ dây lang và lá ăn rất ngon. "Thức ăn tuyệt hảo này là gì vậy?", Ông hỏi; và ông ta vô cùng kinh ngạc khi được biết. "Thêm nữa, thêm nữa". Ông vừa nói, vừa ăn ngấu nghiến một cách ngon lành.

Chúng tôi không thể kéo dài bữa ăn ngon này vì, thật không may, chúng tôi đang chạy trốn tám đội binh khác nhau. Chúng tôi phải "vừa ăn vừa chạy", như người ta nói; nên vội vã tiếp tục cuộc hành trình.

Thế đó, một vị Hoàng Đế uy quyền của nước Trung Hoa, trước đó đi đâu cũng có kiệu và không ăn bất cứ thức ăn nào ngoại trừ các món ngon, đang chạy bộ trên đường và ăn thức

ăn của gia súc. Tôi đoán các bạn có thể nói là ông ta đang tập thể dục... về cả phương diện tinh thần nữa, vì ông mất đi tất cả cung cách đế vương và dường như trưởng thành hẳn ra nhờ cách sống giản dị cùng các việc trái ý phật lòng tạo nên bởi hoàn cảnh.

Nhưng cái gì đã thúc đẩy vị Hoàng Đế đi thật nhanh và thích thú với các thức ăn thông thường kia? Và tại sao ông lại bỏ đi cung cách đế vương như vậy? Tôi xin đáp: đó là tám đội binh ngoại quốc muốn giết ông và ông rõ điều đó. Ông chạy để bảo toàn tính mạng và đột nhiên ông phát triển được thứ giác quan sắc bén để biết cái gì quan trọng cho nỗ lực đó và cái gì không quan trọng.

Sau đó, khi hòa bình vẫn hồi và các người ngoại quốc đã rút đi hết, Hoàng Đế và Hoàng Thái Hậu cuối cùng đã có thể quay trở về Bắc Kinh, và ông ta trở lại lối sống như xưa. Ông trở nên một vị chúa tể cao quý và đầy quyền năng như trước. Khi hơi xót ruột đối một chút là ông ngấu nghiến các cao lương mỹ vị; và dĩ nhiên là ông không bao giờ chịu đi bộ tới bất cứ chỗ nào nữa cả. Khi chạy trốn, thân thể ông là thép. Nhưng giờ thì ông lại mềm nhũn và hư hỏng.

Nếu ông ta cũng áp dụng cái quyết tâm chạy trốn này với kẻ thù tinh thần của mình, như ông đã biểu lộ khi chạy trốn kẻ thù bằng xác thịt thì trên đời này còn có gì mà ông không thể hoàn thành? Rất tiếc, chúng ta tất cả đều biết những gì đã xảy ra cho triều đại Mãn Thanh.

Các bạn thân mến, những con ma lười biếng, kiêu hãnh và háu ăn không bao giờ chịu nghị hòa cả. Chúng luôn luôn gây chiến. Chỉ có lòng quyết tâm mãnh liệt mới chinh phục được chúng. Và khi bị chinh phục, chúng nằm yên chờ đợi lúc chúng ta bớt quyết tâm, chần chừ với các bạn, là chúng sẽ tái xuất hiện khi chớm có cơ hội.

Sự quyết tâm và tài ứng biến. Chúng thật cần thiết. Đừng bao giờ làm nô lệ cho tiện nghi và nhàn hạ. Hãy học cách thích nghi với bất cứ hoàn cảnh nào mình vướng phải. Hãy đón nhận sự cam go hơn là dễ dàng. Gian khổ sẽ mang đến cho các bạn nhiều thử thách... và một khi vượt qua được các trở ngại này, các bạn sẽ phát triển được đặc điểm và tài khéo. Thử thách là vị thầy vĩ đại nhất của chúng ta.

Đừng sợ thất bại. Cứ cố gắng và cố gắng mãi. Có câu ngôn ngữ xưa đáng ghi nhớ là: Ốc suy xét đến từ kinh nghiệm, và kinh nghiệm đến từ sự thiếu suy xét.

Nếu các bạn không để cho các thất bại đánh gục, thì chúng sẽ trở nên nền tảng đưa đến sự thành công vững chắc cho các bạn.

Để tôi kể cho các bạn nghe chuyện một người khiêm tốn được đặt cho cái tên tuyệt hay là: "Quốc Sư Quần Rồng" (Quốc Sư Long Khố) nhé.

Ngày xưa - thực ra là nửa thế kỷ sau của thế kỷ thứ 16 - có một gã nghèo và mù chữ thành tâm muốn giác ngộ. Anh ta tin rằng anh vì quá cùng khổ và hạ tiện nên không thể trở thành tu sĩ Phật Giáo được; nhưng tuy nghĩ vậy, anh cũng tìm đến một tu viện xin được làm việc ngoài đồng.

Hàng ngày anh lặng lẽ làm việc từ rạng đông đến chiều tối. Anh ngại không dám trực tiếp nhờ người nào giúp đỡ anh cả. Anh chỉ hy vọng là nhờ quan sát quý thầy, anh sẽ thấy được một phương pháp giúp anh ta có thể đạt được giác ngộ.

Một hôm có một vị khách tăng ghé lại tu viện. Vị tăng này vốn đã xuống tinh thần tới một điểm thấp trong đời sống tâm linh của mình, nên thường đi tới các tu viện quanh vùng để tìm cách phục hồi đức tin cho mình. Ông tình cờ để ý tới gã đàn ông làm việc vui vẻ trong cánh đồng, và càng kinh ngạc trước sự nhiệt tâm của anh ta khi làm những công việc cực nhọc. Tại sao anh ta yêu đời như vậy? Bí mật của anh ta là gì?

Nghĩ đoạn, vị sư đi thẳng đến trước mặt anh ta, rồi với tất cả sự khiêm tốn và cung kính, hỏi: "Thưa ngài, xin ngài rộng lượng cho tôi biết phương pháp của ngài là gì? Cách tu tập ngài đang theo như thế nào?".

"Tôi đâu có tu tập gì đâu," Gã đáp, "Nhưng tôi rất muốn học. Thưa thầy, xin thầy rộng lượng dạy cho đệ tử một vài lời chỉ bảo nhỏ bé chăng?".

Nhìn thấy vẻ thành thật và khiêm cung của gã đàn ông, vị khách tăng vô cùng xúc động.

"Ông đã ban cho tôi điều mà nhiều vị thầy không thể làm được," vị khách tăng nói. Và với cảm hứng thực sự nhận được, vị khách tăng đã phục hồi được lời nguyện cùng sự phát tâm tu hành cho đến khi đắc đạo, ngay tại chỗ. Đoạn vị khách tăng nói với gã đàn ông. "Mặc dù không có chỉ dẫn nào tôi ban

cho ông giá trị sánh bằng những điều ông ban cho tôi qua chính gương sáng của ông, tôi cũng hết sức hoan hỉ góp ý với ông những điều tôi biết. Tôi đề nghị, thưa ông, nên gắng nhập tâm câu Thoại Đầu: "A Di Đà! Ai là người đang niệm danh hiệu Phật đây?".

Suốt cả ngày làm việc, gã nghiền ngẫm mãi câu Thoại Đầu này. Và khi mùa đông về không còn công việc đồng áng cho gã làm nữa, gã lui về ở trong một cái động trên núi và tiếp tục suy gẫm câu Thoại Đầu của gã. Gã làm giường ngủ bằng lá thông thơm phức. Thức ăn thì gã lượm hạt thông và đào một số rễ cây dưới đất. Gã dùng đất sét làm thành cái ấm và sau khi nung nóng trên lửa, gã có thể nấu tuyết làm trà và canh.

Gần động trên núi của gã có một ngôi làng nhỏ và khi mùa đông vẫn còn, dân làng dùng hết thực phẩm dự trữ, bèn kéo đến gã, xin ăn. Gã cho họ những gì có thể cho được đồng thời còn chỉ họ nơi có cây thông và rễ cây tốt nhất. Nhưng nhiều người trong bọn họ quá yếu đuối không thể tự tìm lấy thức ăn. Càng tệ hơn nữa, trong cơn đói, tất cả bọn họ đều trở nên bủn xỉn, ích kỷ và thiếu hợp tác.

Gã biết phải làm như thế nào. Gã làm một cái nồi thật to bằng đất sét rồi mang xuống đặt ở giữa làng. Đoạn gã đổ đầy tuyết vào nồi rồi châm lửa đốt phía dưới. Dĩ nhiên là dân làng tất cả đều đổ xô ra xem gã làm gì.

"Hôm nay", gã tuyên bố, "Tôi sẽ dạy quý vị cách nấu canh đá". Mọi người cười chế nhạo. Làm sao mà nấu đá thành canh được. Nhưng gã vẫn chọn vài tảng đá giọc theo triền núi và sau khi cẩn thận rửa sạch, gã ném chúng vào chậu. Đoạn từ túi áo xác xơ, gã lấy ra một số hạt thông và rễ cây khô.

Một người trong đám dân làng cất tiếng nói, "Anh cần chút muối cho nồi canh."

"Ồ!", gã nói, "tôi không có muối."

"Tôi có," người dân làng nói. "Tôi chạy về nhà lấy cho."

Người dân làng khác nói, "Anh à, tôi nhớ còn một cái bắp cải héo trong hầm. Anh có muốn cho vào nồi canh không?"

"Dĩ nhiên", gã nói. "Thật là tuyệt vời!" Và gã dân làng chạy về nhà lấy cây bắp cải héo của mình.

Một dân làng khác tặng hai củ cà rốt héo trong khi người khác nữa nhớ ra củ hành anh ta đã cất đi. Rồi những nắm gạo từ nhiều nhà mang lại. Một vài rau cải cũ, một cây cần tây dại

nhỏ, một nhúm tiêu, và rồi trước nỗi vui thích của mọi người, mùi canh ngon lành tỏa khắp không gian. Mọi người mang chén tới và ăn trong niềm hân hoan! Canh có nhiều, đủ cho tất cả mọi người. "Thật là một người hay", tất cả đều đồng lòng, "mới có thể nấu nổi canh ngon như vậy bằng mấy tảng đá".

Họ cảm ơn gã đã cho công thức nấu, mà các vị chính của nó là tình thương và sự rộng lượng. Rồi gã lại trở về hang động của mình tiếp tục suy gẫm câu thoại đầu: "A Di Đà! Ai là người đang niệm danh hiệu Phật đây?"

Gã trở nên nổi tiếng là "Đầu bếp nấu canh đá"; và khi mẹ cùng em gái hẳn nghe được quyền lực phi thường của gã, bèn lại thăm gã, mang theo vật cúng dường là một súc lụa tốt. Nhưng khi hai người bước vào động, thì gã đang nhập đại định, không đáp lại lời khen ngợi của hai người cũng như chẳng tỏ vẻ gì là mình chấp nhận phẩm vật. Thất vọng và giận, mẹ và em gã dựng súc vải vào vách tường rồi bỏ đi.

Gã sống trong hang động như vậy được 13 năm và cuối thời gian đó, mẹ gã qua đời và em gã đi một mình đến báo tin cho gã. Cô ta bối rối và chán nản cảm thấy cuộc đời không có thực nghĩa chi cả.

Khi cô ta bước vào hang cô ta hết sức kinh ngạc thấy súc lụa vẫn còn dựng đứng vào vách y như lúc cô ta bỏ đi. "Quyền năng bí mật nào giúp anh không động tâm trước vật chất thế gian vậy?" Em gã hỏi.

"Anh chẳng có quyền năng bí mật nào cả," gã nói. "Anh chỉ cố gắng sống đời sống theo Phật tánh. Anh cố gắng sống theo Đạo pháp. "

Những điều này dường như đối với cô chưa phải là câu trả lời, vì vậy, cô đứng dậy ra về. "Hãy mang súc lụa về luôn", gã nói. "Và mang thêm vật quý giá này hơn". Đoạn gã chỉ cho cô câu Thoại Đầu quý báu đó. "Mỗi ngày, từ sáng tới tối, hãy nói với chính em, 'A Di Đà! Ai là người đang niệm danh hiệu Phật đây?'"

Câu Thoại Đầu lập tức gây sự chú ý cho cô. Ngay trước khi cô rời khỏi chỗ này, cô đã bắt đầu có sự tiến triển tâm linh nhờ câu đó. Tư tưởng cô, thay vì tán loạn và khích động, đột nhiên lắng đọng, để dồn sự chú ý vào câu Thoại Đầu. Thay vì chán nản và vô mục đích, cô trở nên tích cực để tâm tới việc giải

quyết vấn đề. Cô đang tập trung tư tưởng vào sự việc ngoài các phiền muộn lo lắng của cô.

Gã đàn ông, thấy phương pháp của gã lôi cuốn và làm cho em mình vui mừng như vậy, nhận ra rằng đã đến lúc gã phải trở lại thế gian để giúp đỡ mọi người. Gã trở về tu viện nơi gã lúc trước kia làm việc ngoài đồng và nhận được bài Pháp ban cho. Nhưng gã từ chối sống trong tu viện. Ngược lại, gã đi đến Hà Môn (Xia Men), một thành phố nằm ở bờ biển phía Nam tỉnh Phúc Kiến (FuJian), cất một cái chòi bên vệ đường. Hàng ngày gã nhặt rế cây và rau dại nấu thành trà tặng không cho khách hành hương và bộ hành qua lại.

Khi có người hỏi ý kiến gã về các vấn đề tâm linh, gã lặp lại lời khuyên của vị khách tăng đã chỉ cho gã: Gã giới thiệu câu Thoại Đầu đó! Thế rồi, trong thời kỳ trị vì của Hoàng Đế Vạn Lý (Wan Li), Hoàng Thái Hậu qua đời; Hoàng Đế, hết sức đau buồn, chuẩn bị một lễ an táng thật trọng thể, để ghi nhớ bà. Nhưng vị tu sĩ nào mới xứng đáng chủ lễ đây? Cả một vấn đề! Xưa có câu nói : "Thân quá hóa nhòn", và Hoàng Đế biết quá rõ mấy ông tu sĩ Phật Giáo ở đế đô như thế nào với chứng cố đàng hoàng. Ngài không nghĩ bất cứ vị nào trong số đó có đầy đủ đạo hạnh để cử hành một nghi lễ thiêng liêng như vậy. Ngày này qua ngày khác ngài phải đương đầu với vấn đề tìm cho ra vị tu sĩ thích hợp, và một đêm nọ, mẹ ngài trong giấc mơ nói với ngài. "Ở quận Trương Châu (Chang Zhou) thuộc tỉnh Phúc Kiến (Fujian)," mẹ ngài nói, "có một vị sư xứng đáng chủ lễ ma chay cho ta." Bà không nói thêm điều gì nữa cả.

Nhà vua lập tức phái các quan thị vệ tới tỉnh Phúc Kiến để tìm cho ra vị sư thánh thiện nhất kia. Và các quan, vốn cũng không thẩm định được mức thánh thiện nào hơn họ lúc đó, nên đơn giản là chọn những tu lỗi lạc nhất mà họ tìm được. Tất nhiên, các tu sĩ cảm thấy vui mừng được chọn lựa vì niềm vinh dự, và đương nhiên các quan cũng sung sướng vì hoàn thành sứ mạng. Một đoàn đông người gồm các quan và tu sĩ hết sức vui mừng khởi hành trở lại đế đô. Trên đường về, họ ghé qua chòi tranh của gã thầy tu kia dùng trà.

"Bạch quý thầy, " gã thầy tu nói, "Xin nói cho tôi biết nguyên do nào làm quý thầy hân hoan như vậy."

Một trong những vị sư đạo cao đức trọng kia, không cưỡng lại tính khoe khoang, "Chúng ta đang trên đường về kinh đô để cử hành lễ an táng cho Hoàng Thái Hậu."

Điều này, theo gã thầy tu, dường như không phải là cái có thể mà vui. Gã rất kính trọng Hoàng Đế và Hoàng Thái Hậu cả hai vốn là những Phật tử thuận thành. "Tôi muốn phụ giúp quý thầy", gã vừa nói, vừa nài xin. "Làm ơn cho tôi theo quý thầy về kinh đô, được không?"

Tất cả các vị quan và tu sĩ cười chế giễu, cho gã là người quá ư thô lỗ. Tu sĩ khoe khoang khi này bèn hỏi một cách ngờ vực, "Bộ thầy định giúp chúng tôi cử hành lễ à?"

"Ồ, không phải thế," gã tu sĩ đáp. "Tôi chỉ mong được khuôn vác hành lý giúp cho quý thầy thôi."

"Nói vậy nghe được.", vị tu sĩ nói. "Đồng ý, vậy thầy có thể làm người khuôn vác cho chúng tôi."

Trong lúc đó, Hoàng Đế nghĩ ra được một cách khảo nghiệm để xem vị sư nào trong số được triệu thỉnh xứng đáng chủ lễ. Ngài cho khắc bộ kinh Kim Cang (Diamond Sutra) lên trên một phiến đá, và khi nghe tin các quan cùng các vị tu sĩ đang tiến về cung điện, ngài cho đặt phiến đá đó ngay ngưỡng cửa vọng gác hoàng cung.

Nhà vua cảm thấy buồn nhìn các vị quan và tu sĩ, từng người một, bước ngang qua phiến đá, vừa nói chuyện kháu với nhau về những điều khác nhau mà họ sẽ làm để buổi lễ được uy nghi hơn.

Gã thầy tu khuôn vác là tu sĩ cuối cùng đang tiến về phiến đá. Khi gã thấy phiến đá, dù không biết đọc, gã cũng có cảm giác đó là Thánh Kinh. Gã dừng lại và gọi một vị tu sĩ trong bọn, "Mấy chữ này nói gì vậy Thầy?"

Vị tu sĩ quay lại, nhìn xuống và đọc. "Sao vậy... À, đây là kinh Kim Cang!" Ông ta nói, có vẻ ngạc nhiên, nhưng lại tiếp tục bước đi, chuyện trò với các thầy khác. Tuy nhiên, gã thầy tu không chịu bước qua ngưỡng cửa, mà ngược lại, quỳ xuống trước phiến đá, và ở lại ngoài cổng cung điện.

Nhà vua quan sát thấy hết tất cả, bèn ra lệnh cho gã thầy tu bước vào.

"Bẩm Hoàng Thượng", gã thầy tu nói, "bản tăng rất tiếc không vâng lời Hoàng Thượng được, vì bản tăng không thể lẳng nhục những lời Thánh này bằng cách bước lên chúng."

"Nếu thầy đọc kinh thì thầy có thể cầm cuốn kinh trong tay mà không mất đi sự tôn kính, phải không?" Hoàng Đế hỏi.

"Nếu bàn tăng có thể đọc, thưa Hoàng Thượng, bàn tăng sẽ không đánh mất sự tôn kính lời kinh bằng cách giữ trong tay của bàn tăng."

Hoàng Đế mỉm cười. "Vậy thì thầy đi qua ngưỡng cửa bằng cách đi bằng hai tay là được rồi."

Vì thế cho nên gã thầy tu phải lộn ngược người lại và đi vào cung điện bằng cách để hai tay chạm vào tăng đá.

Hoàng Đế bèn sắc chỉ phong cho gã thầy tu khiêm cung này làm chủ lễ. Nhưng khi Hoàng Đế hỏi gã định làm như thế nào, gã thầy tu chỉ trả lời thế này, "Bàn tăng sẽ cử hành nghi lễ sáng mai. Bàn tăng cần một bàn thờ nhỏ, một tràng phang, vài cây nhang, đèn cầy, và trái cây để cúng."

Đó không phải là đại lễ Hoàng Đế nghĩ trong đầu. Vì vậy, bị thúc đẩy bởi tiếng cầu nhàu của các vị sư lỗi lạc, nhà vua bắt đầu nghi ngờ quyết định của mình đã để cho gã thầy tu cử hành cuộc lễ này. Lập tức ngài nghĩ ra cách khảo nghiệm khác. Ngài ra lệnh cho hai quý phi xinh đẹp nhất của mình đi đến phòng ngủ của gã thầy tu và giúp gã tắm gội cho cuộc lễ.

Và ngay chiều hôm đó, theo lệnh vua, hai người đàn bà này đến trước mặt gã thầy tu và tiến hành việc tắm gội cùng đám bóp cho gã. Nhưng mặc dù hai người dùng thuốc bôi và dầu thơm đồng thời làm tất cả những gì mà họ biết để khiến gã động tình, nhưng gã vẫn trơ trơ không suy chuyển trước các nỗ lực của họ. Khi cả hai xong phận sự, gã còn lễ phép cảm ơn hai người đã giúp đỡ gã tử tế và chúc hai người ngủ ngon. Hai nàng thuật lại tự sự cho nhà vua, khiến ngài hết sức an tâm. Ngài ra lệnh cuộc lễ tiến hành theo cách sắp xếp của gã thầy tu.

Trong cuộc lễ, gã thầy tu bước tới trước quan tài của Hoàng Thái Hậu và nói, "Hãy nhìn bàn tăng, thưa lệnh bà, như gương mặt đầu tiên của chính bà (bản lai diện mục). Hãy biết rằng trong thực tại không có hai chúng ta, mà chỉ có một. Mặc dù không có gì để dẫn cũng chẳng có gì để theo, nhưng xin lệnh bà nhận sự hướng dẫn của bàn tăng để bước một bước vào thẳng cung Trời."

Nhà vua nghe qua lời này, và lại mất tinh thần trước sự đơn giản của cách gã nói. "Như thế có đủ để giải thoát Mẫu Hậu

của ta chẳng?" Nhà vua hỏi. Nhưng trước khi gã thầy tu kịp trả lời, giọng nói của Hoàng Thái Hậu, âm thanh hơi inh tai một chút, vang dội khắp cả cung điện. "Ta nay đã được giải thoát rồi, Hoàng Nhi! Hãy cúi đầu đánh lễ cảm tạ vị Thánh Tăng này mau!"

Nhà vua sửng sốt, nhưng vui mừng nghe được tiếng mẹ đến nỗi ngài cười tươi một cách sung sướng. Lập tức nhà vua ra lệnh mở tiệc tôn vinh gã thầy tu.

Tại buổi tiệc, có chuyện lạ lùng này xảy ra. Nhà vua xuất hiện trong y bào lông lầy và khi gã thầy tu trông thấy chiếc quần của nhà vua, thêu thật dày con rồng vàng trên trời, gã bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của nó. Nhà vua thấy gã nhìn sửng chiếc quần của mình bèn nói, "Bạch thầy! Thầy thích chiếc quần này không?"

"Thưa thích, bẩm bệ hạ," Gã thầy tu trả lời. "Bần tăng nghĩ nó rất sáng và đẹp. Nó chiếu sáng như ánh đèn."

"Lại càng giúp nhiều người theo thầy hơn," Nhà vua nói; và ngay tại chỗ, cởi chiếc quần ra và trao cho gã thầy tu. Từ đó, gã thầy tu được nổi danh là "Quốc sư Quần Rồng".

Tôi kể cho các bạn nghe câu chuyện tuyệt diệu này vì tôi muốn các bạn luôn luôn nhớ chiếc quần rồng và gã thầy tu bần chí đã nhận nó. Các bạn thân mến, hãy tưởng tượng rằng các bạn cũng đang mặc chiếc quần sáng rỡ đó và là ngọn đèn soi chân kẻ khác, một thứ ánh sáng lập lòe cho họ theo sau. Luôn luôn nhớ rằng, như gã thầy tu kia nhanh chóng để ý đến chiếc quần của nhà vua, kẻ khác sẽ để ý thấy các bạn như vậy. Đừng để cho mình bị cám dỗ hoặc phân tâm. Luôn giữ câu Thoại Đầu trong tâm. Đừng bao giờ rời bỏ nó. Nó sẽ trở thành cội nguồn tạo nên tài ứng biến cho các bạn. Và, giống như cách các bạn luôn luôn giúp đỡ kẻ khác, các bạn đừng bao giờ cho phép mình trở nên bất lực.

Hãy nhớ: động lực, phương tiện, và cơ hội. Giữ động cơ thúc đẩy! Đi kiếm phương tiện giúp giác ngộ! Tìm cơ hội để thực tập! Rồi khi có ai hỏi, "Ai chính là người đã thành công trong Thiền?" các bạn có thể trả lời, "Chính tôi."

CHƯƠNG 9: SỰ TRUYỀN THÔNG KHÔNG LỜI

Đừng bỏ Thiền! Đây là cách hữu hiệu nhất để đạt được giác ngộ. Bạn đừng để chính mình bị lôi cuốn theo những phương pháp khác.

Ngay cả Vĩnh Gia (Yong Jia), theo sự thú nhận của chính ông, cũng đã phí nhiều thời gian lên mặt triết gia, trí thức trước khi thử thiền pháp với Lục tổ Huệ Năng. "Lúc còn trẻ," ông nói, "tôi học rất nhiều kinh luận để cố hết sức phân biệt cho được Danh và Sắc. Dường như tôi cố làm công việc đếm cát trong đại dương. Tôi quên mất lời Phật dạy, "Người mà đếm ngọc của người khác có giàu hơn được không?"

Thiền pháp thực giống y như thanh gươm của vua Vajra. Chỉ trong một nhát, nó có thể chém xuyên qua ảo tưởng để với tới Phật tánh.

Bất cứ khi nào tôi suy gẫm về những năm tu tập trước khi đạt được tiểu ngộ, là tôi nghĩ tới Thiền sư Thần Sơn (Shen Zan). Tất cả chúng ta đều học được rất nhiều từ vị thiền sư này.

Thần Sơn có một vị thầy không may chưa đắc đạo. Người ta không thể cho những gì mà mình không có; và vì vậy, tay không, Thần Sơn rời vị thầy cũ của mình để sang học với thiền sư Bá Trượng (Bai Zhang).

Bấy giờ, dưới sự chỉ dẫn của thiền sư Bá Trượng, Thần Sơn đắc đạo và với lòng yêu kính, ông trở về thăm thầy cũ của mình.

Vị sư già hỏi ông, "Con học được gì sau khi rời thầy?" Và vì đã giác ngộ, Thần Sơn thân mật trả lời, "Dạ không, tuyệt đối không có gì." Đối với vị sư già, đây là tin nửa ngọt nửa cay đắng. Ông cảm thấy buồn vì đồ đệ của mình không học được gì, nhưng vui vì đồ đệ trở về lại với ông. "Nếu muốn, con có thể ở lại đây," Ông nói.

Vì vậy Thần Sơn ở lại và hầu hạ thầy mình.

Một hôm, nhân khi tắm, vị sư già bảo Thần Sơn kỳ cọ cái lưng cẩu bẩn của mình. Khi Thần Sơn bắt đầu chà, ông nói, "Mấy cửa sổ bằng pha lê ở Phật đường của thầy trông buồn

cười quá". Thầy ông không hiểu ông muốn nói gì, bèn hỏi, "Con giải thích cho thầy nghe ý con được không".

Thần Sơn vừa tiếp tục chà sạch lớp ghét, vừa nói, "Mặc dầu thầy không thấy được bên trong, Phật tánh vẫn phát ra những tia sáng như thế." Câu trả lời làm ông thầy bối rối.

Vài hôm sau, nhân khi ông thầy già ngồi dưới cửa sổ bằng giấy có chất sếp đọc một cuốn kinh, một con ong bỗng đâu bay vo ve quanh phòng; và con ong, bị thu hút bởi ánh sáng bên ngoài, cứ đâm sầm vào giấy cửa sổ, cố tìm cách thoát ra khỏi phòng. Thần Sơn nhìn con ong đang phí công, và nói, "Thì ra, mày muốn thoát ra ngoài để đi vào cái vô cùng của không gian! Nhưng mà, mày không thể làm được bằng cách đâm xuyên qua lớp giấy cũ kia..." Đoạn ông buông thõng một câu, "Cửa thì mở nhưng con ong lại không chịu đi bằng ngã đó. Xem con ong cứ va đầu vào cửa sổ đóng chặt kia. Con ong ngu ngốc kia! Tới khi nào nó mới hiểu được con Đường đã bị giấy chặn lại chứ?"

Lúc bấy giờ chợt một tia sáng chập chờn xuyên vào óc vị thầy. Ông cảm nhận được ý nghĩa sâu xa trong lời nói của Thần Sơn. Ông kín đáo hỏi, "Con đi đã lâu. Con có chắc là con không học được gì khi còn ở xa chăng?"

Thần Sơn cười và thú nhận, "Sau khi rời khỏi thầy, con theo học với thầy Bá Trượng. Qua thầy ấy con học được cách ngưng lại cái tâm phân biệt... Ngừng không đoán xét nữa... để vượt khỏi thế giới của bản ngã. Qua thầy ấy con đạt được thánh quả của giác ngộ."

Bấy giờ, khi nghe xong những tin tức tuyệt diệu đó, vị thầy già liền triệu tập tất cả các sư lại và truyền lệnh mở tiệc mừng tuyên dương Thần Sơn. Ông hết sức vui mừng, xin phép Thần Sơn, "Xin cho phép thầy cũ của ngài làm đệ tử ngài. Xin ngài giảng Pháp cho đệ tử... nhất là chuyện về vụ tắm và con ong."

Thần Sơn cười. "Phật tánh của thầy luôn luôn chiếu sáng từ thầy mặc dù thầy không thể tự thấy. Nó luôn luôn trong sáng và không có lượng bụi nào có thể vấy bẩn nó được. Còn nữa, mắt thầy lúc nào cũng hướng ra bên ngoài, dán chặt và mấy trang giấy in; nhưng cái Không Cùng không thể nào nắm được trong chữ. Sách vở chỉ đưa chúng ta đến sự tranh cãi mà thôi. Nếu muốn giải thoát mình khỏi ảo tưởng, thầy phải nhìn vào trong. Con Đường vào cái Không Cùng nằm ở phía bên kia cái

nhìn của thầy. Hãy nhìn vào bên trong để thấy Phật tánh của mình đang chiếu sáng!"

Vị thầy cũ hoát nhiên hiểu được! Ông đột nhiên thấy rõ Phật tánh của ông! Ông vui mừng quá đến nỗi tuyên bố Thần Sơn là viện trưởng của tu viện. "Ai tin được là trong tuổi già của ta cuối cùng rồi ta cũng giác ngộ?" Ông la to.

Nhưng đó là những gì quá tốt đẹp về phút giây vĩnh cửu phải không? Hãy bước ra khỏi thời gian chỉ một lần thôi, là tất cả những năm sống trong vô minh và phiền não dần dần tan biến hết. Chúng là những thứ mà các bạn dường như nhớ rõ. Tự ngã nhỏ bé của bạn biến mất và tất cả những kẻ thù, bạn bè, bà con của nó, cùng tất cả những kinh nghiệm, cay đắng hay ngọt bùi của nó đều mất hết quyền lực đối với nó. Chúng giống như một phim xi nê... ta tin là thật khi còn trong rạp, nhưng khi bước ra ánh sáng ban ngày thì không còn tin nữa. Sự thật đánh tan ảo tưởng.

Ở Niết Bàn các bạn không trẻ cũng không già. Bạn là mình. Và bạn là ai? Thật là dễ.

Là Phật.



CHƯƠNG 10: CƯ SĨ BÀNG

Đôi khi những người thường hay có quan niệm là ý nghĩa của Thiền Quán quá cao xa đến nỗi chỉ có những vị nam hay nữ đã thọ giới Pháp mới có thể thâm nhập được. Nhưng không phải vậy. Thực ra, tu sĩ chúng tôi cũng thường cảm thấy chúng tôi lâm vào tình thế khó, quá mức hiểu biết của chúng tôi. Và có nhiều lúc khi chúng tôi đập nước, gắng hết sức để nhìn thật hay lúc bơi đứng trong bộ đồng phục đẹp đẽ, thì có một thường dân xuất hiện vượt xa chúng tôi, bơi như nhà vô địch thể vận hội. Thí dụ như cư sĩ Bàng (Pang). Ông ta chắc chắn đoạt huy chương vàng của thiền quán. Ông là một anh hùng của nhiều thế kỷ không những chỉ đối với cư sĩ không thôi đâu, mà còn, tôi xin thú nhận, đối với mọi tu sĩ nghiên cứu cách ông ta đã thành công nữa.

Cư sĩ Bàng sống vào nửa phần cuối của thế kỷ thứ Tám, thời đại vàng son của Thiền quán. Ông là người thuộc gia đình có học - ông có vợ, một trai và một gái - gia cảnh sung túc về mặt tài chánh đủ cho ông dành hết thì giờ nghiên cứu Phật Pháp.

Ông quan niệm rằng người ta cần một nơi tĩnh mịch để thiền và suy gẫm Phật pháp; nên ông cất cho ông một tu viện một phòng gần nhà gia đình ông. Hàng ngày ông đến đó tu tập.

Vợ, con trai và con gái ông cũng học Phật pháp; nhưng họ ở nhà, lo buôn bán và làm công việc vặt trong nhà, gắn liền đạo Phật vào đời sống hàng ngày của họ.

Cư sĩ Bàng ngụp lặn trong đồng kinh sách và một hôm ông nhận ra rằng chính ông cũng gặp những điều khó, quá tầm hiểu biết của ông. Ông chưa học bơi. Ngày hôm đó, ông xông ra khỏi căn chòi dùng làm thiền viện, khốn khổ trong sự bức tức, than phiền với vợ, "Khó quá! Khó quá! Khó quá! Cố nắm bắt thật nhiều sự kiện cũng giống như giữ những hột mè trong lá trên ngọn cây vậy!"

Vợ ông cãi lại, "Dễ! Dễ! Dễ! Ông học chữ, còn tôi học loài cỏ và thấy được Phật tánh phản ảnh trong từng giọt sương."

Lúc đó, Lăng Triệu (Ling Zhao), con gái cư sĩ Bàng, đang lắng nghe cuộc tạt nước bằng lời này, bèn bơi qua lại. "Hai người già này nói chuyện ngớ ngẩn không hà!", cô la lên.

"Khoan đã!", cư sĩ Bàng quát lớn. "Mi có giỏi thì nói cho chúng ta biết phương pháp của mi đi."

Lăng Triệu quay trở lại chỗ cha mẹ và ôn tồn nói, "Không khó, và cũng không dễ. Khi con đói, con ăn. Khi con mệt, con ngủ."

Lăng Triệu quả đã tinh thông môn Thiền Tự Nhiên.

Cư sĩ Bàng học được thật nhiều trong ngày hôm đó. Ông hiểu nhiều đến độ ông dẹp hết sách đi, khóa cửa chiếc chòi dùng làm tu viện, và quyết định viếng thăm các thiền sư để thử nghiệm sự hiểu biết của mình. Ông chưa thể tranh thắng nổi con gái ông, nhưng ông tiến bộ khá nhiều.

Cuối cùng rồi ông cũng đến được núi Nam Tuyền (Nan Yueh) nơi thầy Thạch Đầu (Shi Tou) có một khu tu viện ẩn dật. Cư sĩ Bàng đi thẳng tới trước thầy, hỏi, "Ở đâu tôi có thể tìm được một người không tham đắm với vật chất?" Thầy Thạch Đầu từ từ nhấc tay mình lên và bụm miệng Bàng lại. Trong động tác đó, Thiền của Bàng càng thâm sâu hơn. Ông ở lại Nam Tuyền nhiều tháng trời.

Tất cả tu sĩ ở đó quan sát ông và hết sức hiếu kỳ muốn biết về Thiền Tự Nhiên của ông, sự thanh thản hoàn toàn của ông. Ngay cả Thầy Thạch Đầu cũng lấy làm lạ hỏi ông bí quyết đó là gì. "Mọi người hết sức kinh ngạc về phương pháp của ông," Thạch Đầu hỏi. "Nói cho ta biết ông có quyền năng gì đặc biệt?"

Cư sĩ Bàng mỉm cười đáp, "Dạ không, không có quyền năng gì đặc biệt cả. Mỗi ngày của tôi đầy những hoạt động hết sức khiêm nhường và tôi chỉ giữ cho tâm trí hòa hợp với công việc thế thôi. Tôi chấp nhận những gì xảy ra, tuyệt không có sự mong muốn hoặc chán ghét. Khi gặp người khác, tôi giữ thái độ không phê phán, không bao giờ ca tụng, không bao giờ chê trách. Đối với tôi đồ là đồ chứ không phải đồ thối hay đồ tươi. Vậy phương pháp phi thường mà tôi dùng là gì? Là, khi tôi chẻ củi, là tôi chẻ củi; và khi tôi gánh nước, là tôi gánh nước."

Thầy Thạch Đầu tỏ ra hài lòng hiểu được ý câu trả lời này. Thầy muốn ông Bàng gia nhập tăng đoàn. "Một người như ông không nên mãi làm cư sĩ," Thạch Đầu nói. "Sao ông không cạo đầu thành thầy tu cho rồi".

Lời đề nghị báo hiệu sự chấm dứt thời gian lưu lại của ông Bàng với Thạch Đầu. Ông thấy rõ không còn học thêm được gì

từ vị thầy này nữa. Ông Bàng đáp bằng một lời thật đơn giản. "Tôi sẽ làm những gì tôi sẽ làm," và những gì ông đã làm là bỏ đi.

Sau đó, ông xuất hiện ở bậc thềm cửa của thầy Mã Tổ có diện mạo dữ dằn, "Ở đâu tôi có thể tìm được một người không tham đắm với vật chất?" Mã Tổ cau mày đáp, "Ta sẽ nói cho ông biết sau khi ông uống một ngụm hết sông Tây."

Hiểu được lời đó, ông Bàng có thể hoàn tất được sự chứng ngộ của mình. Ông thấy rằng tâm trí không phán đoán chưa đủ. Tâm trí của ông phải bao la như tâm Phật. Nó phải bao trùm tất cả luân hồi sinh tử và Niết Bàn, đặt mở rộng vào cái không của Vô Cùng. Tâm trí như vậy mới có thể nuốt trọn Thái Bình Dương.

Cư sĩ Bàng ở lại với Mã Tổ cho đến ngày ông thấy không còn gì để học với Mã Tổ nữa. Vào dịp đặc biệt đó, ông Bàng tiến lại phía Mã Tổ và đứng trên Mã Tổ, nói: "Người đã thành đạo yêu cầu ông nhìn lên đây nào!" Mã Tổ cố tình nhìn xuống. Cư sĩ Bàng thở dài, "Ông chơi đàn không dây tuyệt vời thật".

Ở điểm này, Mã Tổ đã chứng thực không có gì khác biệt giữa con người với nhau cả, mà họ thật là một và cùng một người. Khi ông Bàng nhìn xuống, Mã Tổ cũng nhìn xuống. Không có ai khác để nhìn lên. Nhưng sau đó, không thể giải thích được, Mã Tổ đã nhìn thẳng lên và phá vỡ phút giây huyền nhiệm đó, đại khái như vậy. Thấy thế, cư sĩ Bàng cúi đầu thật thấp và giữ như vậy trong sự kính trọng lần cuối khi Mã Tổ đứng lên và bắt đầu bước đi. Khi Thầy lướt ngang qua ông, cư sĩ thì thầm, "Thầy làm hỏng rồi phải không... cổ làm ra vẻ khôn lanh hoài."

Cư sĩ Bàng đã đạt đến địa vị tôn sư và các thầy mà ông gặp đều nhận thực như vậy. Nhưng những gì hiển nhiên đối với một vị thầy không phải lúc nào cũng rõ rệt đối với một tu sĩ thường đâu. Một ngày mùa Đông nọ, trong khi cư sĩ Bàng đang rời khỏi tu viện của thầy Nghiêu Sơn (Yao Shan), mấy vị sư trẻ, vốn có thái độ khinh thị ông vì thấy thân phận ông chỉ là cư sĩ, tiễn ông ra tới cửa trước. Khi ông Bàng nhìn ra ngoài, ông thấy trời đang tuyết rơi. "Tuyết tốt quá!" Ông nói. "Bông tuyết không rơi chỗ nào khác cả." Một vị sư tên là Quan, vốn hỗn xược cũng như ngu ngốc, hoàn toàn không thấy được sự dí dỏm trong nhận xét của ông Bàng. Anh ta chế giễu cư sĩ

Bàng, hỏi một cách châm biếm, "Vậy chớ ông mong hoa tuyết rơi ở đâu?"

Lúc đó, ông Bàng vui tính, đang ca ngợi tuyết không rơi trong nhà bếp hay thiên đường, tức là rơi nơi nào tuyết phải rơi - trong sân và cánh đồng, trên cây và đường xá. Ông Bàng biết rằng ông sẽ phải đi bộ một quãng đường dài dưới trời tuyết rét buốt, và ông đã chấp nhận điều đó không hề than khổ.

Nhưng ông Bàng không những chỉ có trí tuệ của một vị Thầy, mà ông còn có tánh nóng nữa. Khi thấy nụ cười chế nhạo trên gương mặt vị sư trẻ, ông đập anh ta liền.

"Sao ông dám đánh tôi!" vị sư nói.

"Và anh là sư đã được sắc phong phải không?" Ông Bàng hơi nghi, hỏi. "Thế tại sao anh bị đuổi tại các cổng địa ngục chớ".

"Ông muốn nói gì? " vị sư yêu cầu giải thích.

Ông Bàng đập anh ta lần nữa. "Tôi muốn nói là mặc dù anh có mắt, có tai và lưỡi, anh lại hoàn toàn mù, điếc và câm." Đoạn cư sĩ bước vào trời tuyết như thể trời đầy nắng. Ông đã cho vị sư một bài học đích đáng.

Tuy vậy, thường thường ông rất hiền và kiên nhẫn với người ông chỉ dạy.

Một hôm, khi ông lắng tai nghe một người đang cố giải nghĩa kinh Kim Cang, ông để ý thấy gã đang gắng sức tìm hiểu ý nghĩa của một dòng có liên quan đến sự không hiện hữu của bản ngã. "Có lẽ tôi có thể giúp ông," Ông Bàng nói. "Ông có hiểu là cái gì tùy thuộc vào cái khác và thay đổi thì không thực, còn cái gì không tùy thuộc cũng như không thay đổi thì có thực chăng?"

"Vâng, tôi hiểu," nhà giảng giải kinh đáp.

"Bộ không đúng là bản ngã hay tùy thuộc và thay đổi, và không bản ngã nào có thể giữ nguyên vẹn từ phút này sang phút kia sao? Bộ không đúng là cứ mỗi phút trôi qua, tùy theo tình huống và điều kiện, chúng ta lại thu thập được tin tức và kinh nghiệm mới như chúng ta quên đi tin tức và kinh nghiệm cũ sao?:

"Đúng" nhà giảng giải kinh đồng ý.

"Nhưng ở chúng ta có cái gì không phụ thuộc và không thay đổi không?" Ông Bàng hỏi.

"Phật tánh chung của chúng ta!" nhà giải nghĩa đáp, đột nhiên mỉm cười, đột nhiên lý ngộ. "Chỉ một mình nó là thật thôi! Còn các thứ còn lại chỉ là ảo tưởng!" Anh ta sung sướng quá đến độ truyền cảm hứng cho ông Bàng viết một bài thơ cho ông ta: Vì không có bản ngã cũng như cá tính vậy ai xa ai gần? Hãy nghe theo lời chỉ bảo của tôi và đừng nói về thực tại nữa. Chứng nghiệm nó trực tiếp, cho chính mình. Bản chất của trí tuệ Kim Cang là chân lý trong tất cả các sự thuần khiết phi thường của nó. Bản ngã không thực không thể nào chia cắt hay vấy bẩn nó. Những câu diễn đạt như "Tôi nghe", "Tôi tin", "Tôi hiểu", chỉ là các dụng cụ diễn đạt thiết thực trong tay của người thợ cắt kim cương. Khi xong việc rồi, anh ta đặt chúng xuống.

Cư sĩ Bàng và Lăng Triệu, con gái ông, đi chu du khắp Trung Hoa bán phẩm vật bằng tre do chính hai người làm để trang trải phí tổn sinh sống. Hai cha con cùng sống đến già, trở thành huyền thoại về sự chứng ngộ. Nơi ở sau cùng của hai người là một hang động trên núi.

Ông Bàng biết rằng đã đến lúc cho ông bỏ gánh nặng xuống. Ông rất mệt mỏi và không thể tiếp tục được nữa. Trong hang có một phiến đá đặc biệt mà ông luôn luôn ngồi lên khi tham thiền; ông ngồi xuống, và định ra đi khi mặt trời đứng bóng. Ông kêu Lăng Triệu ra ngoài canh báo cho ông khi giờ trưa đến. Tuy nhiên, chỉ mới có vài phút, Lăng Triệu trở vô hang thờ hẩn hẩn với vẻ khích động. "Ồ ba à," Cô ta la lớn, "Ba phải ra ngoài coi cái này. Nhật thực đó!"

Đây là sự cố lạ thường nếu có xảy ra. Ông Bàng không thể cưỡng lại việc ra xem cho biết. Vì thế ông đứng dậy khỏi phiến đá ngồi thiền và bước ra ngoài. Ông nhìn và nhìn nhưng có thấy Nhật thực nào đâu. Trưa đã đến, tất cả chỉ có thế. Nhưng Lăng Triệu đâu rồi? Ông Bàng trở vào trong động thì thấy cô ta đã mất, thân hình ngồi thẳng trên phiến đá thiền của ông. "Ồ, con nhỏ này!" Ông Bàng la lên. "Nó lúc nào cũng trước ta cả."

Ông an táng cô xong, tuần sau, ông cũng vậy, nhập Niết Bàn. Thân thể ông được thiêu, và tro cốt được rải xuống nước hồ cạnh bên.



CHƯƠNG 11: ĐẠO TRƯỜNG SINH BẤT TỬ

Bốn mươi ba thế hệ Thiên sư đã qua kể từ khi Lục Tổ dương cao ngọn đèn Pháp. Bốn mươi ba thế hệ của những kẻ đi tìm và đã đạt được, nhờ ở sự hướng dẫn của Ánh Sáng Ngài.

Dù kiên trì với đường tu khác đến đâu, người ta cũng có thể được sự hướng dẫn của Thiên quán. Khi ánh sáng mặt trời xuyên qua cửa sổ, nó không chiếu sáng một vài nơi trong phòng trong khi đó lại để cho các chỗ khác bị tối. Cả phòng đều được thấp sáng bởi Chân Lý của Mặt Trời. Do đó, ai, dù có chọn con đường nào để đi, cũng nhận được lợi ích từ ngọn đèn Thiên quán.

Chúng ta hãy xét trường hợp nổi tiếng của người thuộc Đạo phái Trường Sanh Bất Tử: Lữ Động Bình (Lu Dong Bin)

Lữ Động Bình là người nhỏ nhất và ít bị kiểm chế nhất trong số các môn đồ thuộc phái trường sinh bất tử Đạo Giáo. Nói cho đúng, các bạn có thể gọi anh ta là người chưa thuần thực. Ít ra, lúc đầu anh ta là như vậy.

Trong những ngày anh còn là người trần thế, anh được gọi là Quân Dương (Chun Yang)... một người sinh ra ở Giang Châu (Jing Chuan) sống vào cuối triều đại nhà Đường. Cách bây giờ hơn một ngàn năm, nhưng những ngày thời đó thật khác xa hơn chúng ta nhiều. Nếu một người trẻ muốn tiến thân, anh ta cần có học vấn. Trong thời đại của chúng ta, anh ta cần mảnh bằng đại học. Nhưng vào những ngày thuở đó, anh phải đấu cho được cuộc thi tuyển chọn học sĩ hết sức khó khăn. Nếu người nào không qua được cuộc thi này, chỉ có nước về nhà lo nghề cày cấy.

Quân Dương đã thử ba keo với cuộc thi tuyển chọn này và cả ba lần đều rớt. Anh ta chán nản và buồn bã. Anh biết rằng anh đã làm cho gia đình thất vọng và đối với bản thân anh, cũng chẳng tốt đẹp gì. Anh đã đánh mất tương lai nghề nghiệp của anh.

Vì vậy Quân Dương đã làm những gì mà các người trẻ tuyệt vọng thường làm. Anh ta bắt đầu la cà trong quán rượu, cố uống cho tới chết.

Con đường rượu chè lúc nào cũng đi theo một hướng giống nhau cho Quân Dương cũng như người khác: Là đi xuống

thắng một lèo. Như câu nói của người xưa, lúc đầu thì Thuận Ngung (Shun Yung) uống rượu, rồi rượu uống rượu, và sau cùng thì rượu uống cả Thuận Ngung. Lúc Đạo sư Bất tử Chung Lý Quan (Zhong Li Quan) gặp Quân Dương ở một trong những quán rượu, anh ta trông thật là thê thảm.

Đạo sư bất tử lại có vẻ chiếu cố anh chàng trai trẻ này. "Thay vì làm giảm tuổi thọ bằng rượu," Ông nói, "Sao anh không tăng nó lên bằng Đạo Giáo chứ!"

Thay vì một cuộc sống ngắn ngủi, khổ sở, Chung Lý Quan đã cho Quân Dương một cuộc đời hạnh phúc và trường thọ. Nghe có vẻ hấp dẫn đấy chứ. Quân Dương có thể không có điều kiện để trở thành quan chức triều đình, nhưng anh ta có đủ mọi thứ cần thiết để thử phương pháp biến hóa có tính cách tâm linh này.

Quân Dương không còn việc gì khác để làm với thì giờ của mình nên anh có nhiều cơ hội để tu tập. Anh ta rất là hứng khởi. Tôi giả sử lúc đó anh ta ý thức được mình đang bệ rạc tới mức nào, cứ cho là xuống tới đáy đi! Khi một người ý thức được mình không còn gì để mất bằng cách nhìn cuộc đời từ một quan điểm khác, người đó sẽ dễ dàng đón nhận ý tưởng mới thôi.

Do vậy, Quân Dương vừa có động cơ thúc đẩy và vừa có cơ hội. Chỉ còn chờ kiếm được phương tiện là xong. Và đó là những gì Chung Lý Quan đang hứa cung cấp cho. Ông dạy anh ta những kỹ xảo cần thiết.

Quân Dương để hết tâm can và linh hồn vào việc học cho tinh thông cái gọi là Quỹ Đạo của Tiểu Vũ Trụ, một cách thực hành Du Già (yoga) đầy thần thông dùng năng lực sinh lý để biến đổi các cận bã của bản chất con người thành Vàng bất tử. Anh thật là giỏi về môn này đến nỗi anh ta có thể tàng hình hoặc cùng một lúc hiện ra ở hai nơi... Thiệt là hay!

Một hôm anh ta quyết định bay qua Thiên Viện Hải Huệ (Hai Hui) trên núi Lư Sơn (Lu Shan). Mấy vị thánh và người tu đạo trường sinh bất tử đều làm được, các bạn biết không! Họ như những viên phi công mà không cần máy bay... hay dù.

Khi anh ta đang bay vòng vòng trên đó, anh thấy và nghe mấy vị sư Phật Giáo đang tụng kinh và chăm chỉ làm tất cả những việc thông thường mà các tu sĩ Phật Giáo hay làm. Vì vậy, để phô trương quyền năng của mình, đồng thời chế giễu

tính cần cù của các vị sư, anh ta viết lên vách tháp chuông của tu viện một bài thơ ngắn:

"Với vật quý giá bên trong kho tàng của đan điền ta
Tất cả chân lý đều trở thành khoái lạc
Khi hết ngày ta có thể nghỉ ngơi
Tâm trí ta chẳng vương bận chi tới gánh nặng nào cả.
Thiền quán không Tâm của các ông chẳng có mục đích chi hết."

Viết xong bài thơ thiết là dở, anh bay đi mất. Hàng ngày tu viện trưởng, Thiền sư Hoàng Long (Huang Long), nhìn lên tháp chuông đều phải đọc thứ thơ phát khiếp này.

Một hôm trong khi Quân Dương - bây giờ có tên là Đạo Sư Bất Tử Lữ Động Bình - đang bay chung quanh vùng tu viện, thấy một đám mây màu tím hình cây dù nổi lên trên tu viện. Đó rõ ràng là dấu hiệu có vài sự việc thuộc tâm linh đang diễn ra và Lữ Động Bình nghĩ nên xuống xem nào nhiệt.

Tất cả các tu sĩ đang đi vào Pháp đường vì vậy anh ta giả dạng thành một ông sư và nổi đuôi theo họ. Nhưng anh ta không thể nào qua mặt được tu viện trưởng già Hoàng Long.

"Tôi không nghĩ là tôi sẽ giảng Pháp hôm nay", Hoàng Long cầu nhàu. "Trong chúng ta hình như có một tên trộm Pháp đây."

Lữ Động Bình bước tới trước và gật đầu ngạo mạn chào Thiền sư. "Xin Ngài làm ơn", anh ta mỉa mai thách đố, "giảng cho tôi hiểu ý nghĩa của câu: 'Một hạt thóc vừa có thể chứa cả vũ trụ, núi, sông, lại vừa có thể nằm gọn trong cái nồi nấu ăn nhỏ' ". Lữ Động Bình không tin có trạng thái vô ngã, rỗng không. Anh ta chấp nhận quan điểm sai lầm rằng người chết, bản ngã vẫn tồn tại.

Hoàng Long nhìn anh ta, cười. "Xem đây! Cái tên ma quái canh xác chết kia!"

"Xác chết à?" Lữ Động Bình trả miếng. "Nè! Hồ lô của ta chứa đầy tiên dược trường sinh bất tử đó nha!"

"Người có thể kéo lê cái thầy ma của người cho đến muôn đời, ta không cần biết," Hoàng Long nói. "Nhưng bây giờ thì mang cái xác chết đó ra khỏi đây đi!"

"Bộ Ngài không trả lời nổi câu hỏi của ta à?" Lữ Động Bình chế nhạo.

"Ta nghĩ người đã có tất cả câu trả lời mà người cần rồi," Hoàng Long nói móc. Ông nhớ lại bài thơ.

Lữ Động Bình đáp lại bằng cơn thịnh nộ. Anh ta phóng thanh gương kính khiếp, có tên là "Sát Quỷ", vào người Hoàng Long; nhưng thiền sư chỉ đưa ngón tay chỉ vào thanh kiếm đang bay tới là nó dừng lại giữa lưng chừng rồi rơi xuống đất không gây thiệt hại nào cả. Gã Bất Tử kinh hoàng. Anh ta không bao giờ tưởng tượng được một thiền sư có thể có quyền phép đến như vậy. Anh ta ăn năn, quỳ xuống bày tỏ sự kính trọng. "Thưa Thầy," anh ta nói, "tôi thực lòng muốn hiểu."

Hư Long dịu giọng với anh ta. "Hãy quên phần thứ nhì về nồi nấu ăn đi," Ông từ bi chỉ. "Thay vào đó, chú tâm vào phần đầu. Cái tâm cấu tạo ra vật chất mà người ta gọi là 'hạt thóc' cũng chính là cái tâm cấu tạo ra vật chất người ta gọi là 'vũ trụ'. Mọi khái niệm đều ở trong tâm cả. 'Thiền vô tâm', như anh gọi trước đây, thực sự là cách tu tập để loại bỏ cái tâm chứa đầy khái niệm, phê phán, ý kiến, và cái Tôi." Đoạn ông, có lẽ nhớ lại bài thơ, nói thêm, "Nhất là ý niệm về cái Tôi!"

Lữ Động Bình nghiền ngẫm câu trả lời cho đến lúc hoát nhiên hiểu được. Khi nào anh ta còn phân biệt giữa mình và người, giữa ham muốn và không ham muốn, giữa tầm thường và quan trọng, là anh ta còn nô lệ cho thế giới ý niệm, anh ta chỉ là một ông quan tòa cho ảo tưởng thôi. Không một người sáng suốt nào muốn là vậy cả! Và chắc chắn không có đạo sư Bất Tử nào muốn dùng cả đời mình, hay đời đời, phân xử các sự dối trá, quyết định cái nào có lý hơn cái nào.

Mừng quá, Lữ Động Bình bay thẳng lên tháp, xóa bài thơ cũ của mình đi và thay bằng bài khác:

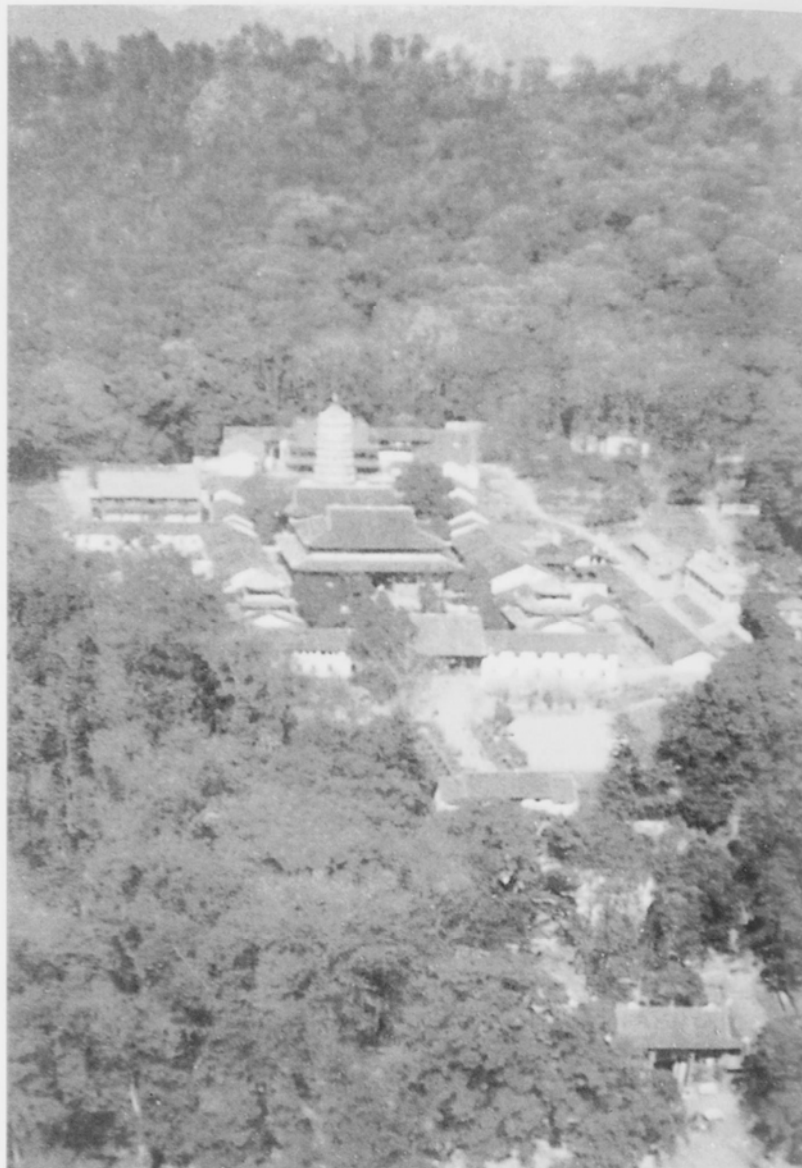
Tôi tưởng tôi đã hiểu được cái tâm nhỏ bé của mình rồi
Nhưng nó lại hoàn toàn khác với điều tôi nghĩ
Tôi tìm vàng trong thủy ngân
Nhưng tất cả cái tôi tìm được, chỉ là ảo ảnh
Gương của tôi rơi loảng xoảng xuống sàn
Khi Hoàng Long chỉ tay tới mặt trăng;
Tôi thấy ánh sáng, chân lý của ông xuyên suốt
Và cứu vớt tôi kịp thời, kịp lúc.

Đáng tiếc, sự giác ngộ vẫn không làm cho anh ta trở thành một thi sĩ khá hơn.

Tuy vậy, điểm chính ở đây là: Lữ Động Bình, dù là đạo sĩ phái Trường Sinh Bất Tử, vẫn có thể tìm được lợi ích từ thiền quán. Anh ta còn cảm kích Tam Bảo - Phật, Pháp, Tăng - đến nỗi anh đã được phú cho danh hiệu là Hộ Pháp. Dĩ nhiên, anh ta không cần phải đổi đạo để được gọi là thiền sư. Toàn thể bài học về sự giác ngộ của anh ta là danh xưng không có nghĩa gì cả, vì thế, anh vẫn tiếp tục làm Đạo sĩ phái Trường Sinh. Chỉ khác là lúc bấy giờ vì anh ta học được thêm nhiều, anh ta leo lên nhiều đẳng cấp của phái Bất Tử, và mặc dù nhỏ nhất trong tất cả, ông trở thành người lỗi lạc nhất.

Dưới sự lãnh đạo tạo nhiều cảm hứng của anh, phái đạo gia miền Bắc thực sự bắt đầu phát triển mạnh. Lữ Động Bình được gọi là Ngũ Tổ đạo gia phương Bắc.

Dưới miền Nam, một đạo sĩ khác, tên Tử Dương (Zi Yang), cũng chứng ngộ được sau khi đọc kinh Phật. Ông ta được coi như là Ngũ Tổ Đạo gia phương Nam... Nhưng đó là chuyện khác.



南華寺全景
The full view of Nan Hua Temple

CHƯƠNG 12: MẶC SƠN

Nhiều phụ nữ rất xuất sắc về việc thực tập thiền quán. Nhiều người đã đạt tới mức tinh thông lão luyện và một số trong số này, trên thực tế, đã thành công trong khi các thiền sư nam nổi tiếng lại thất bại.

Lấy trường hợp của thiền sư Mặc Sơn (Mo Shan). Theo thói quen của nhiều thiền sư, Mặc Sơn lấy tên mình từ ngọn núi mà tu viện của bà tọa lạc. Bà nổi tiếng nhờ sự thông hiểu sâu xa của bà về thiền và khả năng hướng dẫn đệ tử đến chỗ chứng ngộ.

Nhà sư Quan Kê (Quan Xi), sau trở thành Thiền sư Quan Kê, nghe tiếng về sự thành công của phương pháp bà; và sau khi trải qua vài năm với không ai khác ngoài thầy Lâm Tế (Lin Ji) - tuy trong những năm này ông học được rất nhiều, nhưng vẫn chưa chứng ngộ, bèn quyết định viếng thăm Mặc Sơn để xem phương pháp của bà có thể giúp được gì cho ông không.

Tôi thấy Quan Kê là nạn nhân của sự kiêu hãnh đã nhiễm độc nhiều môn đồ của các danh sư. Họ nghĩ rằng thà làm môn đồ không chứng ngộ của một danh sư còn hơn làm môn đồ chứng ngộ của một người không tiếng tăm. Có một số quan niệm cũng tương tự như vậy về phái tính. Họ nghĩ rằng một đệ tử nam chưa chứng ngộ vẫn trội hơn một vị thầy đã chứng ngộ thuộc phái nữ. Các bạn có thể gọi đó là tính tự tôn của phái nam trong lãnh vực thiền quán.

Dù vậy, sư đồ Quan Kê cũng có mặt tại tu viện của Mặc Sơn với thành kiến trong lòng. Ông kiêu hãnh, có vẻ coi thường mọi người, và luôn in trí rằng mình là một thiền giả đàn ông trội hơn. Ông không giận dữ đứng dậy, vỗ ngực và gầm lên trong dáng dấp của con đười ươi được, nhưng ông cũng gần giống như vậy.

Quan Kê bước vào thiền đường đúng lúc Mặc Sơn đang ngồi vào chỗ ngồi hàng ngày ở vị trí trên cao của người có thẩm quyền. Đáng lẽ ông phải cúi lạy Mặc Sơn như người tầm sư học đạo và năn nỉ bà nhận ông làm môn đồ; nhưng ông không thể hạ mình trước người đàn bà được.

Mặc Sơn quan sát ông một chặp, đoạn cất tiếng gọi thị giả hỏi, "vị này là người đi ngoạn cảnh hay người xin học đạo?"

Quan Kê nói toạc ý của mình: "Tôi không phải là du khách. Tôi là tín đồ theo Phật Pháp".

"Ồ!", Mặc Sơn, làm ra vẻ kinh ngạc, nói. "Ông theo Phật pháp! Vậy nói cho tôi biết ông đến đây bằng cách nào?"

"Tôi đi bộ từ đường chính vào".

"Ông có nghĩ là ông bỏ lại Phật pháp ở trên con đường, mà nó đã không thể theo ông đến đây hoặc tìm thấy ở chỗ này?"

Quan Kê không biết phải trả lời như thế nào. Ông cúi đầu quỳ xuống nửa chừng, cố che đậy vẻ bối rối của mình hơn là biểu lộ lòng kính trọng.

Mặc Sơn thật là khó hài lòng với vẻ ngạo mạn có chút nhường bước này. "Pháp thân Phật không có ranh giới mà ông có thể vẽ để phù hợp với tính kiêu ngạo của ông," Bà nói. "Vi Pháp thân Phật (Dharmakaya) có ở khắp nơi, nên điều lệ, quy luật, Phật Pháp cũng thế. Ông phải giữ gìn cử chỉ đặng chấp nhận các tiêu chuẩn đó. Ông nhớ phải thực hiện cho được điều kiện này."

Quan Kê miễn cưỡng quỳ lạy Mặc Sơn. Nhưng khi đứng dậy, ông không thể nào cưỡng lại việc lên tiếng hỏi, "Điều kiện để làm người đứng đầu Mặc Sơn là gì?" Ông chất vấn bà. Điều mà ông muốn biết là bà đắc đạo hay chưa.

Mặc Sơn mỉm cười trước câu hỏi xấc láo của ông. "Đệ tử nào của Đức Phật có thể thấy cái "usnisa", chỗ lồi lên có tính cách thiêng liêng trên đỉnh đầu của Ngài?" Dĩ nhiên, Bà muốn nói là phải có một người để biết rõ một người; và nếu Quan Kê không thể thấy rằng bà đã chứng ngộ là vì chính ông chưa chứng ngộ.

"Tôi muốn tìm ông trưởng tu viện Mặc Sơn thì tìm ở đâu?" Ông làm ra vẻ kẻ cả, hỏi vặn lại với ý nghĩa hàng đôi: "Đàn bà" và "Tu viện trên núi".

"Người đứng đầu Mặc Sơn không phải đàn ông mà cũng chẳng phải đàn bà," Bà trả lời, cố ý giúp thêm cho ông ta một tí nữa.

"Người đứng đầu phải đủ quyền năng hoàn thành sự biến đổi chứ," Ông thách đố, đàn ông tính lại nổi lên trong đầu ông.

Mặc Sơn chăm chú nhìn Quan Kê; đoạn chậm rãi và dịu dàng nói, "Người đứng đầu Mặc Sơn không phải là ma, không phải là quỷ và cũng chẳng phải là người. Vậy ông muốn người đó biến thành ai đây?"

Quan Kê hoát nhiên hiểu được ý câu trả lời. Ông đứng đó một chập, nổi kinh hoàng hiện ra từ sự vô minh cản trở của mình. Ông quỳ xuống thực sự cúi lạy Mặc Sơn. Lần này ông thực tình.

Ông ở lại tu viện Mặc Sơn ba năm, làm người chăm sóc vườn tược. Dưới sự chỉ giáo của Mặc Sơn, ông đã ngộ đạo.

Những năm sau đó, khi ông trở thành bậc thầy và có môn đồ riêng, ông thường nói với họ, "Chúng ngộ đòi hỏi một sự đo lường đầy đủ từ Đại Hùng Tinh (nhóm sao có hình cái Mũi để múc). Từ người cha tâm linh của ta, Lâm Tế, ta nhận chỉ một nửa cái mũi này. Chính người mẹ tâm linh của ta, Mặc Sơn, đã cho ta nửa phần còn lại, và kể từ khi Người cho ta phần đó, ta không bao giờ thấy khát nữa."



Master Xu Yun Memorial Hall in Cao Xi Nan Hua Temple.
曹溪南華寺 虛雲老和尚紀念堂



藏經閣—清康熙六年(公元1667年)建，閣分二層，四周辟廊
Sutra Tower - (The Canon, Collection of Writings) - It was built in 1667 A.D.
with two floors.

CHƯƠNG 13: KẾT LUẬN

Người xưa cũng có vấn đề về thời giờ tương tự như chúng ta. Họ nói, "Ngày trôi qua như con thoi trong khung cửi". Thoạt đầu hướng này, rồi xoay hướng kia, đi đi lại lại, bên này qua bên kia. Đôi khi họ còn nói, "Ngày trôi qua như tên xẹt trên đầu". Chúng ta đứng đó, nhìn chúng bay qua, tự hỏi không biết chúng bay về đâu.

Trong thời gian giảng dạy Thiền, thời kỳ chỉ dẫn qua rất nhanh. Như thì giờ, quan niệm và ý kiến đi hết hướng này qua hướng nọ. Không biết sợi chỉ sẽ chấm dứt ở bên nào? Những mũi tên trí tuệ bay vút qua đầu. Có mũi nào trúng đích không? Chúng ta không biết cho đến khi kiểm điểm kỹ lưỡng vào cuối khóa trình giảng dạy.

Trong Thiền, cũng như trong hầu hết các sự việc ở đời, chúng ta không bao giờ chắc hiểu những điều chúng ta vừa được dạy cho đến khi bị khảo nghiệm. Quý Thầy gọi cuộc khảo nghiệm này là, "Trả séc (check)". Vào ngày cuối cùng của khóa học, tất cả môn sinh tụ tập lại và giảng sư gọi, không thứ tự, hết người này sang người nọ, hỏi đủ loại câu hỏi rất khó trả lời. Đó là lý do tại sao chúng ta nói là: đưa séc không cho môn sinh. Anh ta phải đứng trước cả lớp, chịu sự chất vấn. "Anh học được bao nhiêu? Trả hết đi!" Giảng sư được trả công với các câu trả lời đúng.

Dĩ nhiên, trong bất cứ khóa học nào, nếu có người đạt được kết quả chứng đạo, anh ta trả giùm séc cho tất cả mọi người. Tất cả chia sẻ niềm vui khi có người đạt được chân lý.

Vậy các bạn học được gì từ những bài học này? Có thể các bạn phải trả séc giùm cho mọi người khi đạt được sự chứng ngộ. Cũng có thể các bạn chưa chắc chắn lắm và cần ít thời gian để suy nghĩ về nó, đặt nghi vấn ngẫm mấy ý niệm về Thiền quán trong tâm tưởng, cho tư tưởng yên lặng một chút trước khi các bạn thấy được điều mình lĩnh hội. Cần bao nhiêu thời gian cũng được - miễn đừng ngưng tiến trình suy gẫm là được. Giữ Thiền trong tâm trí của bạn. Sắp xếp lại ưu tiên. Trau dồi kiên nhẫn.

Một ngày mùa Hạ, Đức Phật quyết định làm một cuộc tản bộ dài. Ngài đi dạo trên đường một mình, thưởng thức vẻ đẹp

của trái đất. Ngay chỗ hai đường giao nhau, Ngài gặp một người đàn ông đang cầu nguyện.

Gã đàn ông, nhận ra Đức Phật, quỳ xuống trước mặt ngài và kêu cầu, "Bạch Phật, cuộc đời thật là đắng cay và đau đớn! Con có một đạo hạnh phúc và khá giả, nhưng với thủ đoạn và lường gạt, những người con thương đã lấy đi tất cả những thứ thuộc về con. Con bị xua đuổi và miệt thị. Xin Ngài hãy nói cho con nghe," gã hỏi, "con còn bị tái sinh vào cuộc sống khốn khổ này bao nhiêu lần nữa mới biết được hạnh phúc Niết Bàn, thưa Ngài?"

Phật nhìn chung quanh và thấy cây xoài. "Ông có thấy cây đó không?", Phật hỏi. Gã đàn ông gật đầu. Đoạn Phật nói, "Trước khi ông biết được sự giải thoát khỏi phiền não, ông phải sanh đi sanh lại nhiều lần như số xoài trên cây kia."

Cây xoài lúc đó đang sai trái với hàng tá trái xoài treo lủng lẳng. Gã đàn ông há hốc miệng, "Nhưng bạch Phật, " ông cãi lại, "Con giữ giới! Con sống đàng hoàng! Vậy tại sao con lại bị buộc phải đau khổ lâu như vậy?"

Phật thở dài. "Vì nó phải như vậy." Và ngài tiếp tục bước đi.

Đến một ngã tư đường khác, Ngài gặp một gã khác, và gã này cũng quỳ trước mặt Ngài. "Bạch Phật, cuộc đời thật là đắng cay và đau đớn," gã nói. "Con biết nỗi thống khổ đó. Khi còn bé, con mất cha mẹ; lớn lên, con mất vợ và con cái xinh xắn. Con còn bị tái sinh vào cuộc sống khốn khổ này bao nhiêu lần nữa mới biết được nơi nương tựa trong tình thương của Ngài?"

Phật nhìn chung quanh và thấy cánh đồng hoa dại. "Ông có thấy cánh đồng hoa dại đó không?", Phật hỏi. Gã đàn ông gật đầu. Đoạn Phật nói, "Trước khi ông biết được sự giải thoát khỏi phiền não, ông phải sanh đi sanh lại nhiều lần như số hoa nở trên cánh đồng kia."

Nhìn thấy hoa nhiều như vậy, gã kêu lên, "Bạch Ngài, con là người tốt. Con luôn luôn thành thật và công bình, chưa hề làm tổn hại người nào! Sao con buộc phải chịu đựng khổ đau lâu như vậy?"

Phật thở dài. "Vì nó phải như vậy." Và ngài tiếp tục bước đi.

Đến một ngã tư đường khác, Ngài gặp một gã khác, và gã này quỳ trước mặt Ngài ra vẻ cầu khẩn. "Bạch Phật, cuộc đời thật là đắng cay và đau đớn," gã nói. "Ngày thì vất vả dưới ánh

nắng mặt trời, đêm thì nằm trên đất ướt, lạnh. Đói khát và cô đơn không kể xiết! Con còn bị tái sinh vào cuộc sống khổ khổ này bao nhiêu lần nữa trước khi con có thể đi đạo với Ngài trên Trời?"

Phật nhìn chung quanh và thấy cây Me. Mỗi cành Me lúc bấy giờ có nhiều cuống và mỗi cuống có hàng tá lá non. "Ông có thấy cây Me đó không?", Phật hỏi. Gã đàn ông gật đầu. Đoạn Phật nói, "Trước khi ông biết được sự giải thoát khỏi phiền não, ông phải sanh đi sanh lại nhiều lần như số lá trên cây Me kia."

Gã đàn ông nhìn cây Me với hàng ngàn lá Me, và mắt gã ngấn đầy lệ biết ơn. "Đức Phật từ bi vô cùng! " Gã vừa nói, vừa dập trán xuống đất trước chân Ngài.

Và Phật nói, "Đứng dậy đi, người bạn tốt của ta. Đến đây với ta mau."

Và từ ngày đó hạt giống Me trở thành biểu tượng cho sự tín tâm và kiên nhẫn.

Chúng ta không thể ký giao kèo với vũ trụ. Chúng ta không thể nói, "Tôi tuân theo luật lệ và vì vậy tôi được phúc lợi." Hoặc "Tôi chịu đựng nhiều hơn số phần không may của mình; nên giờ phải nhận được may mắn." Vũ trụ không nhận ra sự đòi hỏi công bình một cách nhỏ nhặt của chúng ta. Có những anh hùng đã xả thân để làm lợi cho kẻ khác. Họ không lên tiếng than phiền. Tuy nhiên chúng ta biết vì họ có lòng vị tha, nên họ sinh về Trời.

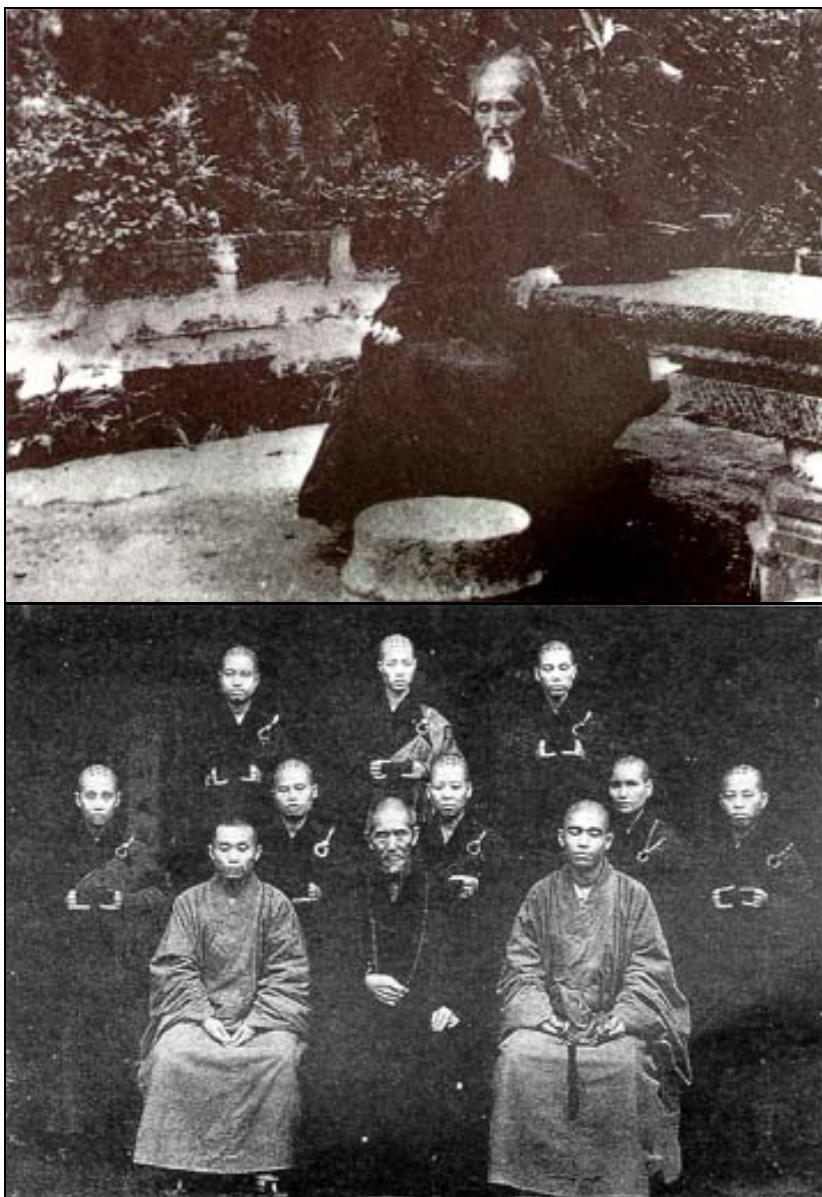
Và đó không phải là đường dẫn tới hạnh phúc hay sao? Đó không phải là cách chúng ta vào Niết Bàn à? Bỏ đi bản ngã cá nhân để đạt được Phật Tánh chung đúng không? Thiên quốc sẽ đến nếu chúng ta quên đi cái ta và hết lòng tòng phục Phật Tánh.

Vậy khi người ta hỏi các bạn, "Các bạn học được bao nhiêu?" Dù nếu bạn không thể tìm ra được câu trả lời, bạn sẽ trả séc phần bạn nếu bạn chỉ cần nói, "Cho dù bao lâu đi chăng nữa, tôi vẫn theo Thiền. Tôi sẽ cố gắng bỏ đi lòng vị kỷ và cố gắng không bao giờ quên đặt trán mình sát xuống đất trước chân Phật."

Sự khiêm tốn và kiên nhẫn là những đồng tiền vàng.

Và đây là lời mách nước: Cố gắng tìm một vị Phật trong mỗi người bạn gặp là bạn có thể trả tiền séc cho hàng ngàn người.

Khi đến với tình thương, hãy nhớ làm một người tiêu xài lớn. ♥



☞ Hư Vân Hoà Thượng: Những Bài Giảng ☜

Empty Cloud: The Teachings of Xu Yun

A Remembrance of the Great Chinese Zen Master

As compiled from the notes and recollections of Jy Din Shakya
and related to Chuan Yuan Shakya and Upasaka Richard
Cheung

Copyright 1996 by Nan Hua Chan Buddhist Society. All rights
reserved.

[HTTP://www.inter-link.com/Dharma/nanhua](http://www.inter-link.com/Dharma/nanhua)

TABLE OF CONTENTS

Preface Remembering Master Xu Yun ii

Chapter 1 Introduction 1

Chapter 2 Chan Training 5

Chapter 3 Gaining Enlightenment 16

Chapter 4 The Buddha's Flower Sermon 38

Chapter 5 Stages of Development and Difficulties 40

Chapter 6 Difficulties 44

Chapter 7 Breathing and Posture 48

Chapter 8 Perseverance and Resourcefulness 53

Chapter 9 Wordless Transmission 62

Chapter 10 Layman Pang 65

Chapter 11 The Dao Immortal 70

Chapter 12 Mo Shan 74

Chapter 13 Conclusion 77

PREFACE
REMEMBERING MASTER XU YUN
by Jy Din Shakya

The Master's name, Xu Yun, is translated into English as "Empty Cloud", a translation which often confuses people. We all know what a cloud is, but what, we wonder, is meant by "empty"?

In Chan (pronounced Jen) or Zen literature the term "empty" appears so often and with so many variations of definition, that I will begin by trying to clarify its meaning.

To be empty means to be empty of ego, to be without any thought of self, not in the sense that one functions as a vegetable or a wild animal - living things which merely process water, food and sunlight in order to grow and reproduce - but in the sense that one ceases to gauge the events, the persons, the places, and the things of one's environment in terms of "I" or "me" or "mine". A person who is "empty of self" seldom has occasion even to use these pronouns.

Let me be more specific. We have all heard about a parent, or friend, or lover who claims to be completely unselfish in his love for another. A husband will say, "I kept nothing for myself. I gave everything to her, my wife." This man is not empty. He has merely projected a part of his identity upon another person.

A person who is truly empty possesses nothing, not even a consciousness of self. His interests lie not with his own needs and desires, for indeed, he is unaware of any such considerations, but only with the welfare of others. He does not evaluate people as being likable or unlikable, worthy or unworthy, or as useful or useless. He neither appreciates nor depreciates anyone. He simply understands that the Great Buddha Amitabha, the Buddha of Infinite Light and Goodness, dwells within every human being, and it is in the interest of this Buddha Self that he invests himself.

Attaining such emptiness is never easy. An old Chan story illustrates this:

A Chan Master once undertook the instruction of a novice who was having great difficulty in detaching himself from the

persons of his former, secular life. "You cannot serve the Dharma until you sever these bonds," said the Master. "You must destroy these possessive relationships! Kill them! Regard them as if they no longer existed!"

The novice asked, "But my parents? Must I slay them, too?"

And the Master replied, "Who are they to be spared?"

"And you, Master," said the novice, "must I kill you, too?"

And the Master smiled and said, "Don't worry. There is not enough of me left for you to get your hands on."

Such a master was Xu Yun. There was not enough of him left for anyone to grasp. In 1940 the Japanese Imperial Air Force bombed Nan Hua Monastery in which he sat meditating; but they could not get their hands on him. In 1951, when he was an old man of ninety-three, cadres of communist thugs beat him repeatedly; but although they broke his bones and did succeed in killing younger, stronger priests, they could not get their hands on him, either. There was not enough of him left for anyone to grasp. How can the Buddha Self be killed? Xu Yun would not die until he was ready to die, until he accomplished the tasks which he had set for himself.

I will tell you about this remarkable man, this Empty Cloud whose presence so defined my life. I will tell you things that I remember and I will do my best to transmit to you his Dharma teachings. Perhaps if you learn from him you will be able to experience some of the joy I knew from knowing him.

To be in Xu Yun's presence was to be in the morning mist of a sunny day, or in one of those clouds that linger at the top of a mountain. A person can reach out and try to grab the mist, but no matter how hard he tries to snatch it, his hand always remains empty. Yet, no matter how desiccated his spirit is, the Empty Cloud will envelop it with life-giving moisture; or no matter how his spirit burns with anger or disappointment, a soothing coolness will settle over him, like gentle dew.

This is the Empty Cloud of Xu Yun that still lingers with us. Time and the sun cannot destroy it, for it is the sun, itself; just as it is also eternal.

Now I will tell you some of the history he and I share.

During the 1920's, when I was still a boy, Xu Yun had not yet come to Nan Hua Monastery, the monastery which Hui

Neng, the Sixth Patriarch of Chan, had founded near the town of Shao Guan, where I lived. Shao Guan lies about one hundred miles north of Guang Zhou (Canton) in Guang Dong Province, which is in the south of China.

In all the centuries since its founding in 675 AD, Nan Hua Monastery had gone through cycles of neglect and restoration; but when I was a boy, it was definitely in one of its neglected phases. As I can clearly remember, it was much more like a playground than the shrine it is today.

In those days, Shao Guan was a sleepy, little river-town, a place with not much for kids to do. Going out to Nan Hua monastery was our equivalent of a trip to Disneyland.

What made this Monastery playground even more exciting to visit was that no one seemed to be in charge of it. About a hundred monks and a few dozen nuns lived there, but mostly they busied themselves with bickering. Nuns argued with nuns. Monks argued with monks. Nuns argued with monks. And the buildings of this great religious center were merely the places in which all these arguments took place. It didn't seem to matter that the wood was rotting and the stonework was crumbling and the ironwork of the old red and white pagoda was rusting. The decay had merely kept pace with the decline in monastic discipline. Devout Buddhists, like my parents, would visit and put money in the donation boxes; and if the unruly boys they brought with them, like my older brother and me, climbed on ancient structures, or played hide and seek behind the sacred statuary, or ran through hallowed hallways, well, nobody objected. To have restrained us from enjoying ourselves might have restrained the donations. I suppose the monks figured that they already had to suffer with dilapidated buildings, so why should they risk worsening their problems with financial shortages.

So we always had a good time whenever we went to Nan Hua. We'd run across the Caoxi (Ts'ao Xi) River bridge and climb one of the nearby mountains in which there was a natural stone niche. The Sixth Patriarch was said to have meditated in this niche. We'd sit in it and laugh, imitating his pious posture.

No wonder that the Sixth Patriarch appeared to Xu Yun in a vision and begged him to go to Nan Hua Monastery to straighten out the mess it had become!

I didn't meet Xu Yun until 1934 when I was seventeen years old and he was in his sixties. He looked then just like the photograph I have reproduced at the beginning of the text. I'll tell you about this meeting. But in order to appreciate it, you'll need to know a little more of my background.

My family name is Feng. Originally my family came from Fujian Province, but my father moved to Shao Guan and that is where my older brother and I were born and raised. By local standards my family was considered rich. My father owned two businesses: a building materials and supply business and a commercial shop in which he sold dried foods such as mushrooms, scallions, and other varieties of vegetables.

I suppose my parents originally hoped that one day my brother would take over one business and I would take over the other. But my brother's talents were not in any of the academic pursuits and my parents soon began to worry about his abilities. When I was four years old I began to study with the private tutors they had engaged to educate him. He was then two years ahead of me. But I learned quickly and began "skipping" grades until I was ahead of my brother. So, at the conclusion of the Six Year Primary School education, although I was two years younger than my brother, I was graduated two years ahead of him.

I then entered Secondary or Intermediate School. The school I attended was named Li Qun which means a school that "encourages people". It was a Roman Catholic school and all the teachers were Catholic priests and nuns. It was considered the best school in the area. But the study of Christianity was more or less optional; and in my case, it was definitely more less than more. All I really cared about was ball playing. If you could throw it, kick it, bounce it, or hit it, I was interested. In Intermediate School that's what I felt most "encouraged" to do.

But I attended to my studies sufficiently to gain admittance to a three-year Education College. I didn't feel much like selling dried vegetables so I thought I'd become a teacher.

And there I was, in 1934, a cocky kid of seventeen... a smart Alec, you'd say, who one holiday went out, as usual, to Nan Hua Monastery with all the other teen aged boys and girls to have some fun. I had never even heard of Xu Yun and I certainly didn't expect to discover that a holy man had just come to Nan Hua. And there he was...

Something happened to me when I looked into his face. I suddenly dropped to me knees and pressed my forehead against the ground, kowtowing to him. My friends were all astonished. I had never kowtowed to anybody in my life... and there I was, inexplicably, with no suggestion from anyone that I do so, humbling myself before him. Filled with awe and wonder, I kowtowed to Xu Yun three times in succession. The Great Master smiled at me and asked, "Who are you and where are you from?" I barely whispered, "I'm Feng Guo Hua, and I come from Shao Guan." And Xu Yun smiled again and said, "Enjoy yourself here at Nan Hua Temple." He was surrounded by many other monks who looked on silently. I suppose they didn't know what to make of it, either.

Now I couldn't wait until I returned to Nan Hua... but not to have fun... I wanted to see Xu Yun again.

The second time I saw him he asked me if I wished to take Buddhist Precepts, that is to say, formally to become a Buddhist. I said, "Yes, of course." And so I received the Precepts from Xu Yun. He gave me the name Kuan Xiu, which means "big and wide practice".

No more soccer, basketball, or even ping pong. Now, during my summer vacation, I traveled the twenty miles or so out to Nan Hua Monastery twice each week. I'd take the train to Ma Ba Mountain, a landmark rock formation, and then I'd walk four miles to the monastery. Xu Yun gave me books about Buddhism to study; and that is how I spent my vacation time. For the first time in my life, I felt religion in my heart. I wanted to become a priest.

But my sudden religious conversion caused confusion at home. Things there were not so simple. In the first place, when I was born my parents went to a famous astrologer to have my natal horoscope cast. This astrologer clearly saw in the stars that I would become a high ranking military officer and that I

would die by the time I was thirty. Having a dead hero in the family was an honor that they'd just as soon pass up. They therefore were happy that I did so well in school. That meant that the family businesses would be safe in my hands, especially since it was becoming more and more apparent that the businesses wouldn't do too well in my brother's hands. When my parents finally learned of my desire to become a priest, as Buddhists, they received the news happily; but as businessmen, they were very apprehensive. The wrong son had desired to become a priest!

But before I actually felt called to the priesthood, I had had other intentions about my future. I had never put any credence in the astrologer's predictions, so, being a little bored with the prospect of becoming a school teacher, I decided that after I finished Education College I'd go ahead and enter Chiang Kai Shek's Military School (Whampao Academy) in Canton. Chiang was Commandant of Whampao in those days.

Because of this ambition of mine, my brother was forced to prepare himself as best he could to take over the family businesses. Fortunately, or unfortunately, he never had to prove himself in the commercial world. After the Japanese invasion came the Communist revolution and there were no businesses left to take over.

But in 1934, when I was seventeen, and in my first year of Education College, the War with Japan had not yet begun. Xu Yun, with the foresight of the truly wise, immediately discouraged my military ambitions. Actually, I had abandoned that idea the day I met him. I wanted to become a priest but I didn't communicate this desire to anyone because I thought that it would sound vain and frivolous. To me it would have seemed less conceited to say that I wanted to become a general than to say that I wanted to become a priest. But later on, in one of my many private talks with Xu Yun, I did confess to him my hope to one day become a priest. He simply said that he wanted me to stay in College and complete my education. Afterwards we'd talk about the priesthood.

In 1937, I was graduated from Education College. That autumn, at the Mid-Autumn Festival in mid-September, or the Eighth Month Full Moon by the Chinese calendar, I had my

head shaved. Immediately I moved into Nan Hua monastery as a resident novice and awaited the Ordination Ceremony which would take place in three months' time. And sure enough, I and two hundred other monks were ordained at the mid-December, 1937, Ordination Ceremony.

It was on this occasion that Master Xu Yun gave me the name Jy Din which means "to understand and achieve peace". He also gave me many of his old garments which I felt very privileged to wear.

Shortly after I became a monk, the Japanese invaded China and I began to suspect that Xu Yun had had a premonition - that he had deliberately discouraged me from attending Military School because he feared that if I became an Army officer I might also become an Army casualty. He had other work for me to accomplish. And Xu Yun was a man for whom the word "failure" did not exist. He had goals; and to him, I was one of the instruments he would use to achieve his goals.

Life at Nan Hua monastery was hard. The monks and nuns raised their own vegetables, did their own cooking and cleaning, and even sewed their own clothes. They slept on wooden planks that were covered only by a thin grass mat. Money was obtained from charitable donations and from rents received from tenant farmers who leased monastery land.

When Xu Yun arrived at Nan Hua in 1934, he knew that there could be no happiness there until discipline was restored. He therefore established strict rules and regulations. The first time someone broke a rule, he or she was punished. The second time that person broke a rule, he or she was dismissed.

Xu Yun departmentalized all of the various jobs and duties and established a hierarchy, an ascending order of responsibility, to oversee each department. Everybody had to do his job, and Xu Yun tolerated no laxity. He had a strong stick which he carried with him wherever he went, and he was not afraid to use it. Amazingly, all of the arguments and misbehavior ceased. Law and order brought peace.

It was not enough, however, to restore monastic discipline. Xu Yun knew that the monastery buildings also had to be restored. Although my father did not supply any of the building materials - another company received the contract - he did

donate money to support the rebuilding project. Fortunately, the dormitory buildings were the first to be restored and everyone who lived at Nan Hua was able to appreciate the improvement in accommodations.

In 1938, Master Xu Yun was invited to come to Hong Kong, where Cantonese is spoken, for a long series of instructional talks and services. Since Master spoke Hunan, a northern dialect, and I spoke both Hunan and Cantonese, it was necessary that I accompany him in order to act as interpreter.

While we were there, the Japanese attacked Shanghai, to the north, and Nanjing, to the south. The casualties in Shanghai were staggering and, as far as Nanjing was concerned, the attacks there were so terrible that to this day the attack is known as the infamous Rape of Nanjing because of the deliberate slaughter of so many innocent civilians.

Because there were so few roads out of Nanjing and these were all dangerous, many refugees tried to escape the Japanese invaders by taking river routes. Naturally, because the city of Shao Guan is located at the confluence of two rivers, many boatloads of refugees arrived there.

When Xu Yun learned of the attacks on Shanghai and Nanjing, he anticipated this refugee crisis and immediately concluded the talks in Hong Kong. He and I returned to Nan Hua and began a program of refugee assistance.

Xu Yun decreed that the monks of Nan Hua adopt the ancient Buddhist custom, still followed by Theravadin Orders, of eating only two meals a day, breakfast and lunch. No food of any kind could be taken after the noon hour. The food that would have been eaten was donated to the refugees and, when necessary, to Chinese soldiers. Because of the people's great distress, Xu Yun held many additional religious services for the dead and injured. These services helped to bring hope and consolation to many anguished souls.

But to Xu Yun, a goal was a goal, and not even the Japanese invasion would deter him from restoring Nan Hua Monastery. The rebuilding program, therefore, continued.

In 1939 the famous Directional King statues were created and the Temple for their housing was built. The official installation ceremony was held in 1940. The rebuilding effort

had a salutary effect on everyone's morale. It provided a sense of purpose and futurity.

Now I will tell you about the bombing of Nan Hua monastery to which I earlier referred:

After the Japanese attacked Nanjing and Shanghai, governors from fourteen Chinese provinces (states) held a series of meetings at Nan Hua Monastery in an attempt to develop a coordinated defensive policy and strategy for resisting the Japanese invaders. These meetings were supposed to be top secret; but the Japanese, who had established an air base at Guang Zhou (Canton City), quickly learned about them.

Of course, though later everyone tried to blame the security leak on spies within one or another governor's staff, the fact is that, in the way that politicians usually are, nobody took much trouble to conceal the meetings. The governors and their entourages arrived splendidly... in limousines. There was enough dazzling chromium in Nan Hua's parking lot to attract the attention of someone on Mars. The Japanese in Guang Zhou, certainly, had no trouble in targeting this secret political meeting place.

Therefore, in an effort to destroy so many important civilian leaders in one strike, the Japanese sent three fighter-bombers north to attack Nan Hua monastery.

When the planes began to bomb and strafe the monastery complex, Xu Yun immediately ordered everyone to take cover and to remain calm. He sent the governors into the Sixth Patriarch's Temple and the monks into the larger Ming Temple. He, himself, calmly went into the most obvious target, the Meditation Hall, to pray for everyone's safety.

In the first run, one of the two men who were assigned to guard the governors' cars, was killed. He had left his post and had taken cover in a large sewer pipe that was destined to be used in the rebuilding project, and one of the bombs fell on the sewer pipe, killing him. Ironically, the other guard remained at his post in the very visible guardhouse, and he escaped injury.

Another bomb whistled down to earth and struck just outside the monastery walls, destroying a large Joshu cedar tree and

creating a hole in the ground that is still there today, filled with water, like a small pond.

But then, after Xu Yun entered the Meditation Hall and began to pray, a miracle occurred. Two of the three bombers crashed into each other and fell to earth at Ma Ba Mountain. The remaining airplane immediately returned to its base in Guang Zhou.

Naturally, the midair crash was credited to Xu Yun's spiritual power. All the Chinese who knew him had no doubt about this; but what is more important, the Japanese evidently began to believe it, too. Governors or no governors, they never again attempted to bomb Nan Hua.

The Japanese pressed the war into the interior and at the end of 1944 they finally succeeded in taking the city of Shao Guan. But even then, despite being so close to Nan Hua, they did not attack it. We believed that they feared the spiritual power of Xu Yun. Throughout the occupation, they never permitted their occupation soldiers to disturb the sanctity of the monastery.

But to return to my story - in 1940, Wei Yin, the man who would one day succeed Xu Yun as Abbot of Nan Hua Monastery, became a monk. It was my honor to shave his head and to give him his name Wei Yin which means, the Dharma Seal of Cause and Effect. His secondary name was Zhi Gua which means know the results. In other words, determine an action's cause and its effect and you will obtain the desired results. Wei Yin stayed at Nan Hua monastery to assist Xu Yun with the additional burdens of helping the war victims. Also that year, knowing of the disrepair and disorder into which the once great Yun Men Monastery had fallen, Xu Yun sent me there to help restore order and to oversee the building restoration. For this task Xu Yun elevated me to the rank of Master.

It was necessary that I pass many Japanese soldiers during my two-day walk to Yun Men monastery. But again, Xu Yun's influence was so great that it extended even to me and no soldier dared to interfere with my passage. Having safely arrived, I took up residence at Yun Men.

At Dan Xia Shan, the third great monastery in the Shao Guan area, there were no problems with the Japanese. This

monastery's remote location discouraged military activity and Master Ben Wen was able to maintain monastic peace and discipline.

I remained at Yun Men monastery until 1944 when Xu Yun decided to establish a Buddhist College at Nan Hua in order to teach the ancient Vinaya Monastic Code to all those who would become monks and nuns. Now I could understand Xu Yun's goal and his advice to me to stay in college. My teaching degree qualified me to supervise the organization of this new Vinaya School and also to become one of the teachers.

Because Xu Yun believed in the necessity of providing children with a good education, he also decided to establish a primary school at Nan Hua. He wanted this school to be a first rate institution and, in short order, students from many parts of China came to Nan Hua to be educated. Naturally, rich parents donated money for their children's tuition, books, and school supplies and also for their room and board. But Xu Yun believed that all children, rich or poor, deserved to be educated and so poor children were permitted to attend this fine school without cost of any kind. Xu Yun provided them with books and school supplies and whatever food and lodging they required. I regarded my responsibilities at the school as sacred and did my best to perform my duties with great devotion and care. Everyone associated with the school felt the same way as I, and because of all our untiring efforts the school quickly gained its reputation for excellence.

While Master Wei Yin and I resided at Nan Hua, Xu Yun went to live at Yun Men Temple in order to continue the supervision of the Temple reconstruction.

Then the direction of my Dharma Path took another turn.

Many Chinese people had moved to Hawaii, especially during the war years. But though there were many Chinese Buddhists living in Hawaii, which was then only an American Territory, there was no Buddhist Temple or even any priests to teach and to conduct services. These Chinese-Hawaiians repeatedly sent delegations to Hong Kong asking that priests be sent to Hawaii to serve the people and also to supervise the construction of a temple. Naturally, they wanted Xu Yun to come to Honolulu to create the new temple, but Xu Yun had

dedicated himself to the restoration of Yun Men Monastery and so he decided to send me in his place.

In 1949, I completed the first stage of this mission when I arrived in Hong Kong and initiated the necessary immigration procedures. I would not arrive in Honolulu until 1956. Hawaii became a state in 1959; but our temple, which I named Hsu Yun (Xu Yun) Temple, was the first Buddhist Temple in Hawaii.

Not long after I arrived in Hong Kong in 1949, the Chinese Civil War ended, and the Communists took control of the government. Cadres of Communist thugs, supposing that Churches and Temples were repositories of hidden gold and other valuables, marched on the defenseless religious buildings and demanded that the clergymen turn over these nonexistent treasures to them.

In 1951, while I was in Hong Kong, a cadre of these thugs came to Yun Men Monastery and demanded that Xu Yun give them the temple's gold and valuables. Xu Yun tried to explain that there were no such valuables at Yun Men Monastery. But they refused to believe him and one by one, they beat the monks in an effort to force a disclosure of the treasure's location. One monk was actually beaten to death; several monks disappeared and their bodies were never found. Many suffered serious injuries such as broken arms and ribs. During the three months the thugs occupied the monastery, they would regularly interrogate and beat Xu Yun and then throw him into a small dark room for days, depriving him of food and water. Several times he was beaten into senselessness and left for dead. But despite the numerous internal injuries and broken bones this old man of ninety three had sustained, he exercised his enormous willpower and refused to relinquish his life until he had completed his mission. He knew that his living presence, if only to a small degree, was serving to restrain the attackers. He also knew that for so long as he remained alive, he could inspire his followers; and in those difficult times they needed all the inspiration they could get.

Determining that his will to survive must be greater than his attackers' will to destroy him, Xu Yun, though physically frail, was yet indomitable; and he recovered despite the tortures to which they had subjected him.

Though the thugs had tried to keep secret their treatment of this holy man, news of his torture soon reached the outside world, and Chinese people from around the globe complained bitterly to the Beijing government. It was unthinkable that Japanese invaders would respect the priesthood and the monasteries but that the Chinese militia would violate them.

The Beijing authorities sent a delegation immediately to Yun Men but because Xu Yun feared reprisals he refused to file any formal complaints. As soon as he had regained his strength, however, he made the difficult journey to Beijing and personally petitioned the government to restrain these cadres. He insisted that they order that all religious institutions be respected, that the clergy be left unmolested, and that the Chinese people be permitted to practice freedom of religion. The authorities, fearing perhaps the power of his now legendary reputation, relented; and for a time, at least during the remaining years of Xu Yun's life, the government's policy became more tolerant towards religion.

The government would not, however, tolerate further criticism of any kind from outside sources, and so all lines of communication were severed. In Hong Kong I desperately tried to get news about Xu Yun's fate, but it was impossible to learn anything. I wrote numerous letters, but none was answered.

However, as is customary, I continued to send Xu Yun copies of all of the essays and articles on Buddhism that I had written. In happier days, according to custom, I would have received comments from him. But in those unhappy days, none of my submissions to him were acknowledged.

Then in 1952, I wrote a dissertation on the Heart Sutra that was particularly well-received. The government in Beijing decided to permit its publication. I immediately wrote to the publisher in Beijing expressing my great desire to learn of my master's response to the dissertation. Miraculously, one of the clerks in the publisher's office decided to hand-carry my letter and dissertation directly to Xu Yun and to await his reply. Xu Yun read both, then he told the clerk that he approved of the dissertation and sent me his blessing. His words were relayed to me; and this indirect communication was the last I ever had with my beloved master.

On October 13, 1959, at the age of 101, Master Xu Yun entered final Nirvana. The news of his death saddened me beyond description. Publicly, I held special memorial services and wrote an epitaph for him; but privately, I was overwhelmed with sorrow. For days I wept and could not eat or sleep. I knew how very much I owed him. I knew that in his wisdom he foresaw the threat to our Chinese Buddhist Dharma, the Dharma of Hui Neng and Lin Ji and Han Shan. He wanted this Dharma transplanted to the United States where it would be safe, and he had given me the honor of doing this.

The manner of Xu Yun's death also caused me to appreciate even more the power of his great heart. I understood clearly that he was able to transcend physical existence and to postpone his entrance into final Nirvana until he was ready to make this last journey... until he had fulfilled his sacred obligation to use his influence to protect all clergymen in China.

I and other Buddhist clergy, along with many clergymen of other religious faiths, owe our lives to Xu Yun's devotion to the Buddha Amitabha and to his unshakable conviction that this Glorious Presence dwells within the hearts of all human beings.

Shanti. Shanti. Shanti. Amitofo! (Amitabha)

CHAPTER 1: INTRODUCTION

Dear Friends, let me tell you a little story a wise man once told me. He said:

"Once I found myself in an unfamiliar country, walking down a strange street. I looked around trying to get my bearings; and seeing two men who were standing nearby, I approached them. 'Where am I?' I asked. 'Who are you people?'

"The first man replied, 'This is the world of Samsara, and in this world I happen to be the very tallest dwarf there is!' And the other man replied, 'Yes, and I happen to be the shortest giant!'

"This encounter left me very confused because, you see, both men were exactly the same height."

I preface my remarks to you with this little story because I want to emphasize at the outset how important it is to consider the perception of things.

Hui Neng, the Sixth and last Patriarch of our Chan Path, once came upon two monks who were arguing about a banner that was waving in the wind.

The first monk said, "It is the banner that is moving." The other monk said, "No! It is the wind that is moving."

The Sixth Patriarch admonished them both. "Good Sirs," he said. "It is your mind that is doing all the moving!"

In the world of Samsara, Man is the measure of all things. Everything is relative. Everything is changing. Only in the real world, the world of Nirvana, is there constancy.

In Chan our task is to discriminate - not between the false and the false, but between the false and the real. Differences in outward appearance do not matter at all. The real world is inside us. It is even inside our mind.

Now it is my happy task to help you to gain entrance into the real world, the world in which there are no dwarfs and giants and meaningless arguments. In the real world there is only peace, and joy, and truth, and freedom from the nagging desire for troublesome illusions.

Dear friends, every human being possesses two self-natures: an apparent one and a real one. The apparent one is our small self or ego which is everywhere different from all other small selves; the real one is our Great Buddha Self which

is everywhere the same. Our small self exists in the apparent world, the world of Samsara. Our Buddha Self exists in the real world, the world of Nirvana.

Both worlds are located in the same place. In the Heart Sutra we read, "Form is not different from emptiness and emptiness is not different from form." Everyone wants to know, "How can Samsara and Nirvana be the same? How can illusion be the same as reality? How can I be me and the Buddha, too?" These are good questions. Every Buddhist needs to know the answer to them.

The answer lies in the way we perceive reality. If we perceive reality directly, we see it in its Nirvanic purity. If we perceive it indirectly - through our ego consciousness - we see it in its Samsaric distortion. Why is our view of reality flawed?

Samsara is the world our small self thinks it sees and apprehends with its senses. Sometimes we just make mistakes. If a man were walking in the woods and came upon a coil of rope on the path and he thought the rope was a snake, he'd quickly run away. To him that rope was a snake and he'd react accordingly. When he returned home he'd likely tell everyone about that dangerous snake that almost bit him in the woods. His fear was genuine. His reason for being afraid was not.

The small ego self also misperceives reality whenever it imposes arbitrary esthetic or moral judgments upon it. If one woman sees another woman who is wearing a green hat and says, "I see a woman who is wearing a green hat," there is no problem. But if she says, "I see a woman who is wearing an ugly green hat," she is making a Samsaric judgment. Somebody else might find that hat beautiful. But in reality, it is neither beautiful nor ugly. It merely is.

Likewise, when a fox kills a rabbit, this, to the bunnies who will starve to death because their mother has been killed, is a very evil act. But to the hungry fox cubs who eat the rabbit that their mother has brought them, this same event is decidedly good. In reality, the event is neither good nor evil. It merely is.

Reality is also misinterpreted because both the observer and that which is being observed are constantly changing.

There is no precise moment in which a bud becomes a bloom, or a bloom becomes a fruit, or a fruit becomes a seed, or a seed, a budding tree. All these changes are subtle and continuous.

We cannot step into the same river twice for the water is constantly flowing. We, also, are not the same person from one minute to the next. Constantly we acquire new information and new experiences as we simultaneously forget old information and old experiences. Yesterday we can recall what we had for dinner the evening before. Tomorrow, we will no longer be privileged to recall that menu, unless perhaps, it was a sumptuous feast of some kind... or else we always eat the same food and can say with certainty, "It was rice and bean curd."

The illusion of life is the opposite of the illusion of the cinema. In the cinema a series of individual images are run together to form the illusion of continuous movement. In life, we intercept continuous motion, isolate and freeze an image, and then name and fix it as though it were a concrete, individual object or event. We don't always agree on fixing the moment in time. What is a young woman? If a man is ninety years old, lots of women are young women.

Well, we may have a better idea of why our small self misperceives reality, but still we wonder, why do we have two selves in the first place?

The answer is simply because we are human beings.

Our small self provides us with that conscious sense of continuing identity that allows each of us to know, "I am today who I was yesterday and will be again tomorrow." Without it, we could not organize the sensory data that assail us. Without it, we would have no sense of belonging or of being connected to others. We would have no parents or family to call our own, no spouse or children, no teachers or friends to guide and encourage us. Our small self gives us our human nature.

As we grow we discover that our lifeline's thread is not a long continuous strand with each event separately strung on it like beads on a rosary. No, the thread weaves itself into a net, an interdependent array of knots. We cannot remove a single knot without affecting the others. We cannot pull out a single

line of our history without, perhaps, altering the entire course of it. This network of information and experience, of conditioning and association, of memory and misunderstanding soon becomes a complicated and bewildering tangle; and we become confused about our place in the scheme of things. When we are young, we see ourselves at the center of our universe, but as we get older, we are no longer certain of our position or our identity. We think, "I am not the person I was when I was ten years old, but neither am I anybody different." We soon wonder, "Who am I?" Our ego self has led us into this confusion.

Confusion leads to calamity, and then life, as the Buddha noted in his First Noble Truth, becomes bitter and painful.

How do we clear up this confusion? We turn our consciousness around. We reject the outward world's complexity in favor of the inward world's simplicity. Instead of trying to gain power and glory for our small ego self, we turn our consciousness inward to discover the glory of our Buddha Self. Instead of making ourselves wretched seeking to be a master of others, we find joy and contentment in being One with our Buddha Self and in serving others.

Dear friends, the purpose of Chan training is to clarify our vision so that we can gain insight into our true identities. Chan enables us to transcend our human nature and realize our Buddha Nature.

Centuries ago, our Chan Meditation sect was founded and formed by two great men: the First Patriarch, Bodhidharma, who came to China from the West, and Hui Neng, the Chinese-born Sixth Patriarch.

Because of these two men, Chan flourished, spreading throughout China and into many distant lands. Now, what were the most important teachings of Bodhidharma and Hui Neng? "Rid the mind of egotism! Free it of defiling thoughts!"

If these directives are not followed, there can be no success in Chan practice. The Chan Path lies before you! Follow it! It will deliver you to peace, joy, truth and freedom.

CHAPTER 2: CHAN TRAINING

Many people begin Chan training by thinking, "Well, since all is Maya or Samsaric illusion, it doesn't matter what I do or how I do it. The only thing that's important is gaining Nirvana. So, since there's no such thing as good or evil, I'll do what I want." It does matter what we do. Chan is a branch of the Buddhist religion and as Buddhists we must adhere to ethical precepts. Samsara or no Samsara, we obey the Precepts. And in addition to this, we also follow the strict rules of discipline which govern our training. Let's start with the training rules:

While there are many different methods that may be followed, before beginning any of them, a practitioner must meet four basic requirements:

He or she must:

1. Understand the Law of Causality.
2. Accept the rules of discipline.
3. Maintain an unshakable faith in the existence of the Buddha Self.
4. Be determined to succeed in whichever method he chooses.

I will explain each of these four prerequisites:

First, the Law of Causality simply states that evil produces evil and good produces good. A poison tree yields poison fruit while a healthy tree yields good.

Conceptually, this appears to be simple; but in actuality it is rather complex.

Evil deeds are a vile investment. They guarantee a return in pain, bitterness, anxiety and remorse. There is no profit to be had from actions that spring from greed, lust, anger, pride, laziness, or jealousy. All such motivations merely serve the ego's ambitions. Evil deeds can never promote spiritual fulfillment. They only guarantee spiritual penury.

On the other hand, good deeds, provided they are not done conditionally - as an investment that will yield some future reward, will bring to the doer of them peace and spiritual fulfillment.

An egoless good deed is very different from a contrived good deed. On the surface, the effect may seem the same;

help or kindness that is needed is given. But the person who helps another with the hidden expectation of receiving some future benefit, usually does evil, not good. Let me illustrate this point:

In China there was once a Prince who loved birds. Whenever he found an injured bird, he would feed and nurse it back to health; and then, when the bird had regained its strength, he would set it free with much rejoicing.

Naturally, he grew quite famous for his talent as a loving healer of wounded birds. Whenever an injured bird was found anywhere in his kingdom, the bird would quickly be brought to him, and he would express his gratitude to the thoughtful person who brought it.

But then, in order to curry the Prince's favor, people soon began to catch birds and to deliberately injure them so that they could take them to the palace.

So many birds were killed in the course of capture and maiming that his kingdom became a hell for birds.

When the Prince saw how much harm his goodness was causing, he decreed that no wounded bird should ever be helped.

When people saw that there was no profit to be gained from helping birds, they ceased harming them.

Sometimes it happens that our experiences are like this Prince's. Sometimes, when we think we're doing the most good, we learn to our chagrin that we're actually causing the most harm.

Perform a good deed in silence and anonymity! Forget about rejoicing. A good deed should have a very short life, and once dead, should be quickly buried. Let it rest in peace. Don't keep trying to resuscitate it. Too often, we try to turn a good deed into a ghost that haunts people, that keeps reminding them of our wonderful service - just in case they start to forget.

But what happens when we are the recipient of someone else's kindness? Well, then, we ought to let that good deed gain immortality. Letting someone else's good deeds live is much more difficult than letting our own good deeds die. Let me illustrate this, too.

There once was a grocer, a kind and decent man who valued all his customers. He cared for them and wanted them all to be healthy and well-fed. He kept his prices so low that he did not earn much money, not even enough to hire someone to help him in his little shop. He worked very hard in his honest poverty, but he was happy.

One day a customer came and told him a sad story. Her husband had been injured and would not be able to work for several months. She had no money to buy food for him and for their children. "Without food," she wept, "we will all die."

The grocer sympathized with her and agreed to extend credit to her. "Each week I'll provide you with rice for seven days and vegetables for four days," he said, "and that surely will be enough to sustain your family's health; and then, when your husband returns to work, you can keep to the same menu while paying off your account. Before you know it, you'll all be eating vegetables seven days a week."

The woman was so grateful. Every week she received rice for seven days and vegetables for four.

But when her husband returned to work she had to decide whether to pay off her old debt while continuing to eat vegetables only four days a week or to patronize a new grocer and eat vegetables seven days a week. She chose the latter and justified her failure to pay her debt by telling people that her former grocer had sold her rotten vegetables.

How often, when we want something badly, do we promise that if we are given what we desire, we will dedicate our lives to demonstrate our gratitude? But then, once we receive what we so ardently sought, our pledge weakens and dies, almost automatically. We quickly bury it, without ceremony. This is not the Chan way.

And so, just as a farmer who sows soy beans does not expect to harvest melons, we must not expect, whenever we commit selfish or immoral or injurious acts, to harvest spiritual purity. Neither can we hope to hide from our misdeeds by removing ourselves from the location in which we committed them, or to assume that time will expunge the record of them. Never may we suppose that if we just ignore our misdeeds long enough people whom we have injured will conveniently die,

taking to the grave with them our need to atone for the damage we have caused. It is our good deeds that we must bury... not our victims or broken promises.

We may not think that because there is no witness around to question us, we will not have to answer for our misdeeds. Many old Buddhist stories illustrate this principle. Let me tell you a few of my favorites:

During the generation that preceded Shakyamuni Buddha's life on earth, many of his Shakya clansmen were brutally massacred by the wicked king, Virudhaka, the so-called "Crystal King".

Why did this terrible event occur?

Well, it so happened that near Kapila, the Shakya city in which the Buddha was born, there was a large pond and, on the shore of that pond, there was a small village. Nobody remembers the name of the village.

One year a great drought occurred. The crops withered and the villagers couldn't think of anything else to do but kill and eat the fish that lived in the pond. They caught every fish except one. This last fish was captured by a boy who played with the wretched creature by bouncing it on its head. That's what he was doing when the villagers took it from him and killed it.

Then the rains came again and everywhere in the kingdom life returned to normal. People got married and had children. One of those children was Siddhartha, the Buddha, who was born in the city of Kapila, near that village and pond.

Siddhartha grew up and preached the Dharma, gaining many followers. Among these followers was the King of Shravasti, King Prasenajit. This King married a Shakya girl and the two of them produced a son: Prince Virudhaka, the "Crystal One". The royal couple decided to raise the Prince in Kapila, the Buddha's city.

At first, everything was fine. Prince Virudhaka was a healthy baby and before long he grew into a nice strong boy. But before he was even ready to start school, a momentous event occurred.

It happened that one day, during the Buddha's absence from Kapila, the young prince climbed up onto the Buddha's Honored Chair and began to play there. He meant no harm - he

was just a child playing. But Oh! - when the Buddha's clansmen saw the prince playing in this sacred place they became very angry and reprimanded the prince and dragged him down from the chair, humiliating and punishing him.

How can a child understand the foolishness of zealots? Adults can't figure it out. It's really quite mysterious. Their harsh treatment served only to embitter the prince and to cause him to hate all his Shakya clansmen. It was their harsh treatment that started him on his career of cruelty and vengeance.

Eventually, the prince, by killing his own father, it is said, was able to ascend the throne of Shravasti. Now, as King Virudhaka, the Crystal King, he was finally able to take revenge against the Shakya clan. Leading his own soldiers, he began to attack the city of Kapila.

When the Buddha's clansmen came to tell him about the impending massacre, they found him suffering from a terrible headache. They begged him to intervene and rescue the people of Kapila from the Crystal King's brutal attack, but the Buddha, groaning in pain, refused to help. "A fixed Karma cannot be changed," he said.

The clansmen then turned to Maudgalyayana, one of the Buddha's most powerful disciples, and begged for his assistance. He listened to their sad complaint, and moved to pity, decided to assist the besieged citizens of Kapila.

Using his supernatural abilities, Maudgalyayana extended his miraculous bowl to the threatened Shakya and allowed five hundred of them to climb into it. Then he raised the bowl high in the air, thinking that he had lifted them to safety. But when he again lowered the bowl, the five hundred men had turned into a pool of blood.

The dreadful sight so alarmed everyone that the Buddha decided to disclose the story of his ancestors, those villagers who had killed all the fish during the drought.

"This marauding army of soldiers that are now attacking Kapila had been those fish," he explained. "The people of Kapila who are now being massacred were the people who killed those fish. The Crystal King, himself, was that last big fish. And who, do you think," the Buddha asked, holding a cold

cloth against his forehead, "was the boy who bounced that fish on its head?"

So, for killing the fish, the people suffered death. And for hurting that fish's head, the Buddha was now plagued with an awful headache.

And what about Virudhaka, the Crystal King? Naturally, he was reborn in Hell.

And so, you see, there is no end to cause and effect. A cause produces an effect which itself becomes the cause of another effect. Action and reaction. Tribute and Retribution. This is the Law of Causality. Sooner or later our evil deeds catch up with us. The only way to prevent the effect is to prevent the cause. We must learn to be forgiving, to overlook injury and insult, and to never seek revenge or even harbor any grudges. We must never become zealots, self-righteous and proud in our vain notions of piety and duty, and above all, we must always be gentle, especially with children.

Let me tell you another cause and effect story. This one concerns Chan Master Bai Zhang who actually was able to liberate a wild fox-spirit. Very few people have been able to do that!

It seems that one evening, after a Chan meeting had ended and all his disciples had retired, Master Bai Zhang noticed that an elderly man was lingering outside the Meditation Hall.

Bai Zhang approached the man and asked, "Tell me, sir, who or what is it that you're seeking?"

The elderly man replied, "No, not 'sir'. I am not a human being at all. I am a wild fox who is merely inhabiting the body of a man."

Bai Zhang was naturally very surprised and curious. "How did you get into this condition?" he asked.

The elderly fox-man explained, "Five hundred years ago, I was the head monk of this monastery. One day, a junior monk came and asked me, 'When a man attains enlightenment is he still subject to the Law of Causality?' and I boldly answered him, 'No, he is exempt from the Law.' My punishment for this false and arrogant answer was that my spirit was changed into the spirit of a wild fox and so I ran off, into the mountains. As a fox-man I could not die, and, for so long as my ignorance

remains, I must continue to live in this wretched condition. For five hundred years I have been roaming the forests seeking the knowledge that will free me. Master, I beg you to be compassionate towards me and to enlighten me to the truth."

Master Bei Zhang spoke gently to the fox-man. "Ask me the same question that the junior monk asked you, and I will give you the correct answer."

The fox-man complied. "I wish to ask the master this: When a man attains enlightenment is he still subject to the Law of Causality?"

Bai Zhang answered, "Yes. He is never exempt from the Law. He may never close his eyes to the possibilities of cause and effect. He must remain aware of all his present and past actions."

Suddenly the old fox-man was enlightened and free. He prostrated himself before the master and thanked him profusely. "At last," he said, "I am liberated!" Then, as he started to leave, he turned and asked Bai Zhang, "Master, since I am a monk, would you kindly grant me the usual funeral rites for a monk? I live nearby, in a den on the mountain behind the monastery, and I will go there now to die."

Bai Zhang agreed, and the next day he went to the mountain and located the den. But instead of finding an old monk there, Bai Zhang saw only a disturbance in the den's earthen floor. He probed this disturbance with his stick and discovered a dead fox!

Well, a promise is a promise! Master Bai Zhang conducted the usual monk's funeral rites over the fox's body. Everyone thought Bai Zhang quite mad, especially when he led a solemn funeral procession... with a dead fox on the bier!

So you see, dear friends, even the attainment of Buddhahood does not exempt one from the Law of Causality. When even the Buddha can suffer a headache for having been unkind to a fish, how much more is our need to remain heedful of the principle that an injurious act, sooner or later, will bring us an injurious retribution. Be careful in what you say or do! Don't risk becoming a fox spirit!

As to the second requirement, the strict observance of the rules of discipline, I will tell you sincerely that there can be no

spiritual progress without morality and the fulfillment of religious duty.

Discipline is the foundation upon which enlightenment rests. Discipline regulates our behavior and makes it unchanging. Steadiness becomes steadfastness and it is this which produces wisdom.

The Surangama Sutra clearly teaches us that mere accomplishment in meditation will not erase our impurities. Even if we were able to demonstrate great proficiency in meditation, still, without adherence to discipline, we would easily fall into Mara's evil realm of demons and heretics.

A man or woman who is diligent in observing moral discipline and religious duty is protected and encouraged by sky dragons and angels, just as he is avoided and feared by demons from the underworld and heretics from everywhere.

It once happened that in the state of Kashmir, a poisonous earth dragon lived in a cave near a monastery of five hundred Theravadin arhats. This dragon terrorized the region and made people's lives miserable. Everyday the arhats would assemble, and together they would try to use the power of their collective meditation to drive away the dragon. But always they failed. The dragon simply would not leave.

Then one day a Mahayana Chan monk happened to stop at the monastery. The arhats complained about this terrible dragon and asked the monk to join them in meditation, to add the power of his meditation to theirs. "We must force this beast to leave!" they wailed. The Chan monk merely smiled at them and went directly to the poisonous dragon's cave.

Standing in the cave's entrance, the monk called to the dragon, "Wise and virtuous Sir, would you be kind enough to depart from your lair and find refuge in a more distant place?"

"Well," said the dragon, "since you have so politely asked, I will accede to your request and depart forthwith." The dragon, you see, had a fine sense of etiquette. So, away he went!

From their monastery, the arhats watched all this in absolute astonishment. Surely this monk possessed miraculous samadhi powers!

As soon as the monk returned, the arhats gathered around him and begged him to tell them about these wonderful powers.

"I did not use any special meditation or samadhi," said the monk. "I simply kept the rules of discipline and these rules stipulate that I must observe the minor requirements of courtesy as carefully as I observe the major requirements of morality."

So we can see that the collective power of five-hundred arhats' meditation-samadhi are sometimes not the equal of one monk's simple adherence to the rules of discipline.

And if you ask, "Why should strict attention to discipline be necessary if the mind has attained a non-judgmental state? Why should an honest and straightforward man even need to continue to practice Chan?" I would ask such a man, "Is your mind so secure that if the lovely Goddess of the Moon were to come down to you and embrace you with her naked body, would your heart remain undisturbed?" And you... If someone without having cause were to insult or to strike you, would you feel no anger and resentment? Can you be certain that you would always resist comparing yourself to others, or that you would always refrain from being judgmental? Can you be sure that you would always know right from wrong? Now, if you are absolutely certain that you would never yield to temptation, that you would never err at all, then, open your mouth and speak loud and clear! Otherwise, do not even whisper a lie.

As regards the third requirement of having a firm belief in one's Buddha Self, please know that faith is the mother, the nourishing source of our determination to submit to training and to perform our religious duties.

If we seek liberation from the travails of this world, we must have a firm faith in the Buddha's assurance that each living being on earth possesses Tathagata wisdom and, therefore, has the potential of attaining Buddhahood. What prevents us from realizing this wisdom and attaining this Buddhahood? The answer is that we simply do not have faith in his assurances. We prefer to remain in ignorance of this truth, to accept the false as genuine, and to dedicate our lives to satisfying all our foolish cravings.

Ignorance of the truth is a disease. Now, as the Buddha taught, the Dharma is like a hospital that has many doors. We can open any one of them and enter into a place of cure. But

we must have faith in our physicians and in the efficacy of the treatment.

Whenever he wanted to illustrate the problems which doubt and lack of faith cause, the Buddha would relate the parable of the physician. He would ask, "Suppose you were wounded by a poisoned arrow and a friend brought a physician to help you. Would you say to your friend, 'No! No! No! I'm not going to let this fellow touch me until I find out who shot me! I want to know the culprit's name, address, and so forth. That's important, isn't it? And I want to know more about this arrow. Is the tip stone or iron, bone or horn? And what about the wooden shaft? Is it oak or elm or pine? What kind of sinew has been used to secure the tip to the shaft? Is it the sinew of an ox, a monkey, or a ruru deer? And what kind of feathers are in the shaft? Are they from a heron or a hawk? And what about the poison that's been used? I want to know what kind it is. And who is this fellow, anyway? Are you sure he's a qualified doctor? After all, I don't want a quack to treat me. I think I have a right to know these things, don't you? So, please answer my questions or I'll not let the man touch me.' Well," said the Buddha, "before you could get your questions answered to your satisfaction, you would be dead."

So, dear friends, when you find yourself suffering from the ills of the world, trust in The Great Physician. He has cured millions of others. Which believer has ever perished in his care? Which believer has failed to be restored to eternal life and happiness by following his regimen? None. All have benefited. And so will you if you have faith in his methods.

Faith is a kind of skill that you can develop. If, for example, you wish to make bean curd, you begin by boiling and grinding the soybeans and then you add a solution of gypsum powder or lemon juice to the boiled beans. You know that you can stand there, if you wish, and watch the curds form. You have faith in your method because it always works. Thus you gain the feeling of certainty. Of course, the first time that you made bean curd, assuming that you were completely unfamiliar with its production, you may have lacked faith in the method. You might have been filled with doubt that gypsum or lemon water would cause the boiled beans to form curds. But once you

succeeded and saw with your own eyes that the recipe was correct and that the procedure worked, you accepted without reservation the prescribed method. Your faith in the method was established.

Therefore, we must all have faith that we each have a Buddha Nature and that we can encounter this Buddha Nature if we diligently follow a proper Dharma path.

If we are afraid, we should also remember Master Yong Jia's words recorded in his Song of Enlightenment;

"In the Tathagata's Real World neither egos, rules, nor hells exist. No samsaric evils may be found there. If I'm lying, you can pull my tongue out and stuff my mouth with sand, and leave it that way throughout eternity."

No one ever pulled Master Yong Jia's tongue out.

As regards the fourth prerequisite, being resolute in our determination to succeed in whichever method we have chosen, please let me warn you about the folly of jumping around from method to method. Think of the Dharma as a mountain you must climb. There are many paths which lead to the summit. Choose one and stay with it! It will lead you there! But you will never get to the top if you race around the mountain trying one path and then rejecting it in favor of another that looks easier. You will circle the mountain many times, but you will never climb it. Stay with your chosen method. Be absolutely faithful to it.

In Chan we always tell stories about purchased devils. One particular story is very appropriate here:

One day a fellow was strolling through the marketplace when he came to a stall that said, "For Sale: First Class Devils." Of course, the man was intrigued. Wouldn't you be? I would. "Let me see one of these devils," he said to the merchant.

The devil was a strange little creature... rather like a monkey. "He's really quite intelligent," said the merchant. "And all you have to do is tell him each morning what you want him to accomplish that day, and he will do it."

"Anything?" asked the man.

"Yes," said the merchant, "Anything. All your household chores will be finished by the time you get home from work."

Now the man happened to be a bachelor and so the devil sounded like a pretty good investment. "I'll take it," he said. And he paid the merchant.

"There's just one little thing," said the merchant - there's always just one little thing, isn't there? - "You must be faithful in telling him what to do each day. Never omit this! Give him his instructions every morning and all will be well. Remember to keep to this routine!"

The man agreed and took his devil home and every morning he told him to do the dishes and the laundry and to clean the house and prepare the dinner; and by the time he returned from work, everything was accomplished in the most wonderful manner.

But then the man's birthday came and his friends at work decided to give him a party. He got very drunk and stayed in town overnight at a friend's house and went directly to work the following morning. He never returned home to tell his devil what to do. And when he returned home that night he discovered that his devil had burned down his house and was dancing around the smoking ruins.

And isn't this what always happens? When we take up a practice we vow with our blood that we will hold to it faithfully. But then the first time we set it down and neglect it, we bring disaster to it. It's as though we never had a practice at all.

So, regardless of whether you choose the path of Mantra, or Yantra, or Breath Counting, or a Hua Tou, or repeating the Buddha's name, stay with your method! If it doesn't deliver you today, try again tomorrow. Tell yourself that you will be so determined that if you have to continue your practice in the next life, you will do so in order to succeed. Old Master Wei Shan used to say, "Stay with your chosen practice. Take as many reincarnations as you need to attain Buddhahood."

I know it's easy to become discouraged when we think we're not making progress. We try and try but when enlightenment doesn't come we want to give up the struggle. Perseverance is itself an accomplishment.

Be steadfast and patient. You're not alone in your struggle. According to ancient wisdom, "We train for dreary eons - for enlightenment that occurs in a flashing instant."

CHAPTER 3: GAINING ENLIGHTENMENT

Chan has two famous Masters named Han Shan: a 9th Century recluse whose name means Cold Mountain and a 16th Century teacher whose name means Silly Mountain. Cold Mountain is Chan Buddhism's greatest poet. Silly Mountain was a pretty good poet, too. He's probably Chan's second best poet.

Cold Mountain appealed to nature to lead him to peace and understanding. In finding beauty in the natural world he found beauty in himself. That's the way hermits operate. They look; they ponder; they convert loneliness into solitude.

Silly Mountain transcended himself by working for others. He strove to help ordinary folks gain enlightenment. That's a little harder than surviving frost and hunger.

Han Shan, Cold mountain, said:
High on the mountain's peak
Infinity in all directions!
The solitary moon looks down
From its midnight loft
Admires its reflection in the icy pond.
Shivering, I serenade the moon.
No Chan in the verse.
Plenty in the melody.

Han Shan, Silly Mountain, tried to put what couldn't be said into words everybody could understand: Put a fish on land and he will remember the ocean until he dies. Put a bird in a cage, yet he will not forget the sky. Each remains homesick for his true home, the place where his nature has decreed that he should be. Man is born in the state of innocence. His original nature is love and grace and purity. Yet he emigrates so casually, without even a thought of his old home. Is this not sadder than the fishes and the birds?

We would all like to reflect the Moon of Enlightenment. We would all like to get home to Innocence. How do we accomplish this? We follow the Dharma.

The Buddha saw the unenlightened life's ignorance as a diseased condition. His Four Noble Truths have a medical connotation: One, life in Samsara is bitter and painful. Two,

craving is the cause of this bitterness and pain. Three, there is a cure for this malady. Four, the cure is to follow the Eightfold Path.

First, we need to recognize that we are ill. Second, we need a diagnosis. Third, we need to be assured that what's wrong with us will respond to treatment. Fourth, we require a therapeutic regimen.

Samsara is the world seen through the ego. It is a troubled and sick world because of the ego's unceasing cravings.

Trying to satisfy the demands of the ego is like trying to name the highest number. No matter how large a number we can think of, one more can always be added to it to make an even higher number. There is no way to attain the ultimate.

Dear friends, is it not true that no matter how much money a person has, he always thinks he needs a little more, that no matter how comfortable a person's home is, he always wants a place that's a little more palatial, that no matter how many admirers he has, he always needs to hear a little more applause?

Constant striving results in constant strife.

So what are we to do? First we must understand that the problems which the ego creates cannot be solved in Samsara's world of ever changing illusions. Why? Because the ego is itself an ever changing, fictional character that merely acts and reacts in response to life's fluctuating conditions - conditions which it can never quite comprehend.

It's like trying to play football when the length of the field keeps changing; and instead of one ball in play, there are twenty; and the players are either running on and off the field or sleeping on the grass. Nobody is really sure which game is being played and everybody plays by different rules. Now, anyone who was expected to be both player and referee could never find pleasure in such a game. He'd find his life on the field to be an endless exercise in fear, confusion, frustration and exhaustion.

The Eightfold Path guides, delimits, and establishes rules which are clear. Everyone can follow them.

The first step is Right Understanding.

Understanding requires both study and consultation with a Master.

Information acquired only through reading is never sufficient. Is the book accurate? If it is, do we truly comprehend what we've read? We cannot test ourselves. Think of what would happen if students devised their own tests and graded them, too. Everyone of them would get an A! But how many of them would really know their subject?

Many students of Chan read a book and then, by way of testing their comprehension, engage their friends in sophomoric arguments or regale them with lordly pronouncements. Teachers say of these discussions, "In the land of the blind the one-eyed man is king."

A good teacher is indispensable. A good teacher engages us and determines if we understand what we've studied.

If we are unclear about a passage in a book, we cannot question the book. If we disagree with certain views of a teacher, we cannot skip over his instruction the way we can skip over troublesome paragraphs. It's often necessary to consult with a good teacher. There is no substitute for regular, face to face interactions.

You know, there was once a sailor who, while on leave, met the girl of his dreams. He fell madly in love with her. Unfortunately, he had to return to his ship to finish the two years of his enlistment. So he thought, "I'll not let her forget me. Every day I'll write to her. If nothing else, she'll love me for my fidelity."

Everyday, wherever he was, he wrote to her; and when he returned two years later, he learned that along about his two hundredth letter, she had married the mailman!

Dear Friends, don't be like that poor sailor who relied on the written word to achieve an understanding. Find a master who will meet regularly with you. Open your heart to him. The better he gets to know you, the better he will be able to advise and instruct you.

The second step is Right Thought.

Right Thought requires us to become aware of our motivations. Always we must inquire why we want to have something or why we want to do something, and we must be ruthless in our inquiry. If a friend wanted to purchase something he couldn't afford or to do something that was bad for him, we would give him sound advice, cautioning him, helping him to see the likely outcome of his foolish desires. Can we not be that kind of friend to ourselves? Can we not apply ordinary common sense to our own desires?

Careful investigation will illuminate our situation:

The Warlord T'ien Chi and the King of Ch'i enjoyed the sport of horse racing. Regularly they met to race their horses.

Now, each had three classes of horses. The third class was the draft horse. These are the horses that pull wagons. They are big and strong but very slow.

The second class was the cavalry horse, these are the horses upon which lancers, archers, and swordsmen are mounted. These horses are strong and reasonably fast; but they are older because they require years of training.

The first class of horse was the young thoroughbred upon which noblemen and high officers would be mounted. This class of horse was light and very fast.

So, whenever the King and the Warlord held a racing contest, they would race all their 3rd classes horses against each other, then they'd race their second class horses, and last, they'd race their first class thoroughbreds.

Now, the King was very rich and possessed much better horses than the warlord. So naturally he won all the races.

In his frustration, Warlord T'ien Chi appealed to Sun Ping, a wise descendant of Sun Tzu - Sun Tzu wrote the famous "Art of War". T'ien Chi asked Sun Pin, "Please advise me. How can I win against the King?"

The wise man thought for a moment. Then he said, "Sir, I suggest that when the King sends his third class horses into competition, you send in your second class horses to race against them. When the King sends in his second class horses, you send in your first class horses; and when the King sends in

his first class horses, you send in your third class. You will win two out of three races."

The answer was simple, but why couldn't the warlord figure it out for himself? Because his ego had gotten him too emotionally involved in the competition. He didn't step back from his situation and look at it objectively. He didn't apply Right Thought.

Dear Friends, be ruthless in your examination of your desires. Apply to yourself the same common sense you would use to counsel a friend.

The third step is Right Speech.

How often do we impress words into the ego's service. To gain some advantage, we gossip, or we exaggerate, or we neglect to tell the whole story, or we insinuate the probable guilt of others while protesting our own inviolable innocence. Sometimes, just to be the center of attention, many of us will tell sordid tales or smutty jokes.

We think that words are not deeds, that they have little power and a short life, that somehow words just evaporate with the breath that speaks them. But words do have power and they can live forever; and, furthermore, they can heal as well as harm.

Just as Right Speech discourages us from uttering falsehoods, insults, accusations, or from bragging about our own accomplishments, it also encourages us to speak words of comfort, to utter words of forgiveness, to express acknowledgment and appreciation for the accomplishments of others.

Never underestimate the power of words. Let me tell you an old story which illustrates their power:

It was a beautiful day in Spring and many people had come to the park to see the green grass and the flowering trees and plants. Among the people who came were two blind beggars.

The first beggar had a sign that read, "I am blind." Most people just walked past him and kept on admiring the view.

The second beggar did much better. Nearly everyone who passed him put a coin in his cup. Some people who had walked

past him without giving actually turned around to go back and give him a coin.

His sign read, "It is May - and I am Blind!"

Dear Friends, when deciding to speak or not to speak, think about that blind man who saw how much difference one little phrase can make!

The fourth step is Right Action.

Right action contains the Precepts.

1. The Buddhist vows to be nonviolent. This does not mean that he cannot defend his life or the lives of those persons who are in his care but that he cannot initiate hostile actions against others.

But what about himself? He, also, is one of the people against whom he may take no hostile action.

Peace is not merely the absence of war. Anxiety is not an aggressive state, but it isn't peaceful, either. The fellow who's in a coma is not at war, but he's not at peace, either. Peace is a state that is deliberately achieved and maintained.

It is not enough merely to be nonviolent; we must also act to promote harmony, well-being, and good health.

Smoking, for example, is inimical not only to the smoker's health but to the health of all around him. On both counts, then, smoking is forbidden by the precept against violence.

Whenever possible, a Buddhist should abstain from eating meat. I say 'whenever possible' because this rule is not absolute. Many people, for example, live in arctic regions where they have no choice but to eat fish and other marine creatures. They cannot grow gardens in the tundra; and we cannot deny the Dharma to human beings because their environment does not conduce to vegetarian diets. But where vegetables are plentiful, there is no reason to eat meat.

On the positive side, a vegetarian diet promotes good health and for this reason, also, it should be followed.

Exercise, particularly Tai Ji Quan or Qi Gong, releases aggression and anger and also has a salubrious effect on the body. Yoga is also very beneficial.

2. The Buddhist vows to be truthful, not only in his social life, but in his business life as well. All forms of cheating and chicanery are included in this Precept. Whenever we sacrifice truth in order to gain some imagined advantage, we enter a tangled, convoluted world:

In Tokyo there were two merchants who after years of competitive conniving and deceit thoroughly distrusted each other.

One day they met at the railroad station. The first merchant asked, "Where are you going?"

The second merchant thought for a moment and answered, "To Kobe."

The first merchant gasped, "You liar! You tell me you are going to Kobe because you want me to think you are going to Osaka; but I have made inquiries, and I know you ARE going to Kobe!"

Dear Friends, this is the destination of even the smallest deceit. Our reputations are like the label on a shipping box. Once we are known as liars and cheaters, we consign our intentions, no matter how innocent, to the place of doubt and mistrust.

3. The Buddhist vows not to appropriate property which is not his own. This is the Precept against stealing.

Some people think that this Precept involves only cat-burglars and pickpockets. So long as they are not "breaking and entering" or purse-snatching, they think they needn't worry about this Precept. And for this reason, they feel no twinge of remorse about acts of petty theft or other misappropriations of property.

But what is an unpaid debt? Is this not stealing? What is borrowing something and not returning it? Is this also not stealing? What is using another person's property and damaging it without compensating him for the damage? Is this not stealing?

Sometimes we act as if we are entitled to appropriate the property of one person because another person has appropriated our property. The Golden Rule says that we should do to others what we would want them to do to us. It

doesn't say that we may do to others what others have done to us.

It is because we excuse or overlook our own larcenies that we feel no need to repent of them.

According to ancient wisdom, "The thief is sorry he is to be hanged - not that he is a thief."

If, before we committed any act, we examined its ethics and its possible results, we would never need to worry about the gallows.

4. The Buddhist vows to be sexually moral, modest, and responsible.

In this one Precept we can see how easy it is to break all the others. In the cause of his lust, a man will steal. In the cause of his lust, he will ply the woman he desires with alcohol and deceive her with false promises. And when he uses and abuses her body in such a way, is he not harming her?

And as greatly as we condemn immorality, so greatly do we praise morality. Much honor attends the virtuous person, the person who is chaste in his single life or faithful to his sacred marriage vows!

It is in the failure to observe the Precept of morality that we find the worst hypocrites. How often do we encounter a man who ferociously guards his own daughters, while conniving to debauch other men's daughters? Or, who strictly guards his own wife, while casually seducing another man's wife? If he were to kill a man who defiled his daughters or wife, he would expect the Courts to see him as a victim and to absolve him of guilt. Yet, when it is he who debauches and seduces, he regards himself as heroic. Is this not a sad and terrible truth?

It is not easy for a man to overcome lust. The temptations are ubiquitous and infinite in variety. Yet, if any man were to divert some of the energy he squanders on sexual conquests into conquering his own lust, he would make true spiritual progress.

All honorable men concur on the struggle's severity. Even the Buddha said, "If I had had another obstacle as difficult to overcome as my sexuality, I never would have made it."

The Buddha's good humor and self-deprecating candor should give us all encouragement.

5. The Buddhist vows to abstain from the use of alcohol or other intoxicants.

There are those who say, "An occasional drink won't hurt anyone." But an occasional drinker is still a drinker. It is rather like the state of being "a little pregnant." Either there is a pregnancy or there isn't.

The description "occasional" is an unlocked door which any thief can enter. Either sobriety's door is locked or it isn't. Experience tells us that the best way to solve a problem is to avoid it. Complete abstention is the best way to observe and guard this Precept.

The occasional drinker can remain sober when he's not beset by problems; but as soon as he's under serious stress, he may easily succumb to the dead-end escape of alcohol. Once he is captured by drink, he discovers that one drink is too many and a hundred drinks are not enough.

Alcohol relaxes our inhibitions so that we may indulge our egos. It allows us to override the rules of decorum and decency and then to blame our misconduct on the drink - not on our having taken the drink in the first place. Of course, we tell ourselves that we took that drink in order to enjoy ourselves; but when we drink and dull our senses, how can we enjoy a pleasure? And even if we could, what value is there in experiencing a pleasure that we cannot later remember or savor?

We often find that an intoxicated man who commits an immoral act will afterwards, when sober, regard himself with disgust; but then this same man will use that self-disgust as an excuse to drink again.

Let him instead become aware of his true nature, his Glorious Buddha Self. Let him instead learn that within himself he will find truth, peace, joy and freedom. Assure him that if it were possible to grow these on a vine and put them in a bottle, we should all be vintners and sots.

Dear friends, there is an old saying, "In Vino Veritas" which means "In wine there is truth" providing we drink enough of it. But the only truth we ever find when we overindulge in wine is that life in Samsara is bitter and painful.

The fifth step is Right Livelihood.

Obviously, if we can't participate in illegal activities for fun, we certainly can't participate in them for profit.

But any livelihood that is honest is honorable. Honest work is honest work. There are no noble occupations and no ignoble occupations. But for some reason this isn't so elementary a concept as it seems.

In India, for example, there has traditionally been a caste system. There's a priest class, and a warrior class, and a merchant class, and a worker class, and, down at the very bottom, a class of untouchables or social outcasts. In whatever caste a person is born, he remains. He can't jump around from job to job. No matter how talented or intelligent he is, if he's born into a family of farm laborers, that's the only work he's permitted to do. He's not even allowed to socialize outside his caste. The system's not so rigid today, but in the Buddha's time the rules were inviolable.

Despite this, the Buddha refused to participate in such an unjust system. He wouldn't follow the rules at all. People liked that about him. He was a prince, but he wouldn't discriminate against others who were more lowly born. And actually, most everyone he met was more lowly born. When you're a prince you don't have too many social superiors.

So the Buddha wasn't influenced at all by a person's occupation or social rank. The Buddha, you see, possessed the "Eye of Discernment". No pious fraud could fool him. He only had to look at a person to see just how holy that person was. Not too many people have this gift.

It so happened that near Shravasti there was an outcast named Sunita, a man so low on the social scale that he was not permitted to work for a living. He was an untouchable and nobody would dare break the caste rules to hire him. So Sunita earned money for food by being a flower scavenger. Every day, he'd go to the town dump and rummage through discarded flower bouquets searching for that occasional flower which inexplicably manages to stay fresh while all the others have wilted.

Sunita would arrange all the scavenged flowers into a bouquet and sell it to people who passed on the road.

There may have been other people in Shravasti who were just as poor as Sunita, but certainly there was no one who was poorer. Yet despite his poverty, Sunita had attained enlightenment. He was a gentle and loving man. Needless to say, he had heard the Buddha preach and was a devout believer.

One day, in a procession, the Buddha came down the road near the dump where Sunita was picking through the trash.

As soon as Sunita saw the procession approach, he quickly crouched behind a rock. But the Buddha had already seen Sunita, and with his Eye of Discernment he recognized an enlightened being.

"Hello, there!" he called to the crouched man. "Please, stand up and let me see you."

Abashed, Sunita slowly stood up, keeping his head bowed and his hands prayerfully pressed together before his face.

"Why were you crouched behind that rock?" the Buddha asked.

"Blessed One," said Sunita, "I didn't want the sight of me to offend your eyes. I am unworthy of your glance."

Many people in the Buddha's procession agreed. They tugged at his sleeve, trying to get him to continue walking away from the outcast. "He's unclean," they said. "He's just a trash picker, an untouchable!"

"Is he?" said the Buddha stepping across some refuse to put his arm around Sunita's shoulder. "Look! I have touched him, and still he lives."

Then the Buddha asked Sunita, "Good Sir, if you are not too fond of this labor, could I induce you to come to assist me in my ministry? I could use a good worker like you."

With tears streaming down his face, Sunita agreed. And it is said that for the rest of his life, in accordance with the Buddha's wishes, Sunita always stayed close to the Buddha's side, where the Buddha could reach out and touch him.

The sixth step is Right Effort.

We exert Right Effort when we discontinue bad habits and practices and develop good ones. This is easier to say than to do.

We know that skill comes with practice, but in order to practice the spiritual lessons we have learned, we need to find opportunities. In Chan we must become aware that every breath we take provides us with an opportunity for practice.

People think the world intrudes on them. They do not understand that they are the gatekeepers of their own minds, that they can easily shut and lock the doors to their minds. If people intrude, it is because the gatekeeper has left the doors open.

Some people who cannot control their own minds strive instead to control the minds of others. They find it less daunting to try to direct the thoughts of hundreds of other people than to direct their own thoughts. This situation is what the Buddha had in mind when he said that the man who conquers ten thousand men in battle is not so great a hero as the man who conquers himself.

Everyday, in all our interactions, we must act to further our goal of enlightenment and self-awareness. If we have acquaintances whose company leads us easily into error, we should avoid contact with those acquaintances. If we have insufficient time to meditate because we're too busy with clubs or hobbies or sports, we should cut back these activities.

It takes conscious effort to gain Chan tranquillity. Spiritual composure is gained by practice. A very wise man once noted that the mind of a true Man of Chan cannot be distressed or intimidated because, whether in good times or bad, it simply continues at its own steady pace, like a clock ticking in a thunderstorm. I like that. We should all try to be like clocks that even in thunderstorms just keep on ticking.

The seventh step is Right Mindfulness.

In addition to keeping our minds focused on our mantra whenever we have undertaken to follow this method and in observing the disciplined thoughts required to discriminate the real from the false should we have chosen this method, we

must also remain mindful of the causes and effects of all our actions.

Dear friends, we should never allow a day to pass without reflecting upon our conduct. Have we done all we could to be kind and helpful to others and to put them at their ease? Have we acted in ways that are contrary to the Buddha Dharma? Have we been petty or mean? proud or lazy? gluttonous or greedy? jealous or angry? Have we sullied ourselves or others with lascivious thoughts or words or actions?

It is not easy to see our own faults. Sometimes we strain to detect them but can see nothing.

At night, if we stand in a brightly lit room and try to look out a window at the dark landscape, all we'll see is our reflection in the glass. We'll see nothing more than what we already know - the image of ourselves and that small confined space in which we are enclosed. If we want to see beyond ourselves, we have to turn off the lights. We have to dim our egos or shut them off entirely. Only then will we be able to see through the glass.

The eighth step is Right Meditation.

1. The Hua Tou

Dear Friends, according to ancient wisdom: If a man wishes to be happy for an hour, he eats a good meal; If he wishes to be happy for a year, he marries; If he wishes to be happy for a lifetime, he grows a garden; If he wishes to be happy for eternity, he examines a Hua Tou.

What then is a Hua Tou?

Hua Tou means "head word" and we may contrast Hua Tou with Hua Wei which means "tail word". If a dog were to walk past us, then, before we saw the dog's body we would see its head; and after we saw the body we would see its tail. So far, so good. So the head word or Hua Tou is the point at which the thought originates - the point before it enters the "body" of ego-consciousness. The tail is a subsequent thought. We'll get to the tail word later.

In ancient times, it was regarded as sufficient merely to point to the stilled mind in order to realize Buddha Nature. Bodhidharma spoke of "quieting the mind" and the Sixth

Patriarch talked about "perceiving Self-Nature". Both advocated a simple recognition of the mind's true state of undefiled purity. But pointing wasn't as simple as it sounded.

As the years passed and Chan became popular, people with differing degrees of ability were attracted to it. Many practitioners claimed to have found easy ways to reach exalted states of enlightenment. They boasted of possessing the Dharma's precious jewels, but the jewels they described they had merely seen in the possession of others.

True Chan masters could, of course, see right through such false claims; but beginners couldn't always tell a lie from the truth. The masters, worried about the confusing effect such bad information was having on new practitioners, decided to devise methods of authenticating and standardizing accomplishments.

One of the methods they devised was the Hua Tou.

So, what is a Hua Tou? It is a statement designed to concentrate our thoughts upon a single point, a point that exists in the Original Mind's "head", a point immediately before the thought enters our ego consciousness. It is a "source" thought.

Let us examine the Hua Tou, "Who is it who now repeats the Buddha's name?" Of all the Hua Tou questions, this is the most powerful. Now, this Hua Tou may be stated in many different ways, but all the ways indicate one basic question, "Who am I?" Regardless of how the question is stated, the answer must be found in the same place that it originated: in the source, the Buddha Self. The ego cannot answer it.

Obviously, quick and facile answers are worthless. When asked, "Who is it who now repeats the Buddha's name?" we may not retort, "It is I, the Buddha Self!" and let it go at that. For we must then ask, "Who is this I?" We continue our interrogations and our confrontations. A civil war goes on inside our mind. The ego fights the ego. Sometimes the ego wins and sometimes the ego loses. On and on we battle. What is it that makes my mind conscious of being me? What is my mind, anyway? What is consciousness?

Our questions become more and more subtle and soon begin to obsess us. Who am I? How do I know who I am? These questions go round and round in our minds like tired and angry boxers. Sometimes, we may want to quit thinking about

the Hua Tou, but we find we can't get it out of our mind. The bell won't ring and let us rest. If you don't like pugilistic metaphors you could say that the Hua Tou begins to haunt us like a melody that we just can't stop humming.

So there we are - always challenged, always sparring. Needless to say, a Hua Tou should never degenerate into an empty expression. Many people think they can shadowbox with their Hua Tou and just go through the motions of engagement. While their minds are elsewhere, their lips say, "Who is repeating the Buddha's name? Who is repeating the Buddha's name? Who is repeating the Buddha's name?" This is the way of feisty parrots, not of Chan practitioners.

The Hua Tou has meaning. It is a question that has an answer and we must be determined to find that answer.

I know that "Who am I?" sounds like a simple question, one we ought to be able to answer without difficulty. But it is not an easy question to answer. Often it is extremely puzzling.

In fact, many people reach a point in life when, apart from any Chan technique, they really do begin to wonder who they are.

Let's, for example, consider a middle aged woman who might have reached the point where she's no longer sure of who she is. She's having what psychologists nowadays call "an identity crisis". Perhaps her children have grown up and moved away and her husband no longer finds her attractive. She is depressed and confused.

Suddenly she realizes that for her entire life she has identified herself in terms of her relationship to other people. She has always been somebody's daughter or sister or employee or friend or wife or mother. This woman now begins to wonder, Who am I when I'm not being someone's daughter, wife, mother and so on? Who exactly am I?

Perhaps she reviews her life and sees that when she was attending to the needs of one person, she wasn't available to satisfy the needs of another and that those who felt neglected by her, criticized her, while those who received her help, just accepted it as if they were somehow entitled to it. Being criticized on one hand, and being taken for granted on the other, has caused her much suffering.

Worse, she may realize that in satisfying the demands of these external social relationships, she neglected the requirements of her internal spiritual life. Now she feels spiritually bankrupt and wonders why she invested so much of herself in others, why she saved nothing for her Buddha Self.

But a bond holds two parties together. It is not a one-way ligature. Is it not because we desire to be loved or respected, feared or admired that we allow or encourage these attachments? Is it not our desires for the people, places, and things of Samsaric existence that ultimately cause us bitterness and pain? Of course it is.

There was once a man who worked at a food market. Every day he would steal food and bring it home to his family. His wife and children grew strong and healthy and used the money they would otherwise have spent on food to purchase clothing and other objects. They told him he was the best husband and father anyone could have.

Soon, the man's brother, seeing this prosperity, asked him to steal food for him also; and the man complied. His brother praised him. "You are the best brother a man could have," he said.

Next, a friendly neighbor who was having financial problems begged him for help; and the man stole even more food. His neighbor was so grateful. "You are the best friend a man could have," he said.

The man felt important and appreciated. In his desire to be loved and respected, he did not realize that he had become a common thief.

Before long he was caught, tried, and convicted for the thefts. He was sentenced to spend years in jail.

Which of the people he had helped volunteered to take his place in jail for even one night of his sentence? None.

Which volunteered to make restitution for even half of what he had provided? None.

Sadly the man learned that his family was embarrassed to admit being related to a thief. Sadly the man learned that his friend was voicing relief that a neighbor of such low character was now safely in jail.

And so, as we wonder who we really are we must reflect upon our ego's foolish desires and the pathetic ways it will grovel for affection.

When we ask, "Who am I?" we must also wonder whether we identify ourselves in terms of our wealth or social positions. What would happen if we lost our money or were cast out of society because of a flaw in our pedigree? Are we our bank accounts, our social circle, our lineage?

What about our jobs? Are we our occupations? If a musician injures his hand and can no longer play his instrument, does he cease to exist? Is he deprived of his humanity because he has been deprived of his identity as a musician?

Do we identify ourselves in terms of our nationalities, our cities, our neighborhoods, the language we speak, or the sports team we support? Do we lose part of ourselves if we move to a new locale?

Are we our bodies? If a man has a head, trunk, and four limbs, what happens if he loses two limbs? Is he only two thirds of a man? Think of how foolish this would be if he and his brother were equally to share an inheritance and his brother claimed that because he was missing an arm and a leg he was entitled to only two-thirds of his share!

May we define ourselves as our egos, our conscious sense of "I" or "me" or "mine"? What happens when we sleep? Do we cease to exist? What happens when our attention is completely focused on a problem or a drama or on some beautiful music? When happens when we meditate and completely lose our sense of I-ness? Do saints who attain a selfless state cease to exist? And Shakyamuni Buddha, who was so bereft of Siddhartha's personality that he could only be called "Tathagata" - the Suchness of Reality, Itself - did he cease to exist because he had no ego nature?

In trying to answer the Hua Tou, "Who am I?" or "Who is repeating the Buddha's name?" we must examine our illusive identities, our shifting, conditional, samsaric identities. The Hua Tou will then reveal much to us.

Dear friends, break old attachments! Dissolve prideful self-images and special relationships and create instead humble, generic varieties!

Don't require friends. Try merely to be someone who is friendly, someone who respects all people and treats them all with kindness and consideration.

Don't confine filial affection to just parents but be solicitous towards all elderly persons, and so on.

Once we detach ourselves from specific emotional relationships and extend ourselves to all humankind, a new strength of character begins to emerge.

The Hua Tou, "Who am I" is a Vajra Sword which, when wielded properly, will cut away the troublesome ego.

A Hua Wei or tail word traces a thought back to its origin. This, too, can be very useful. For example, a child, in the company of his friends, asks his father a question, let's say, "Can we go to the seashore this weekend?" and his father answers roughly, "Don't bother me!" and pushes the child away causing him to feel embarrassment and the pain of rejection.

That answer can be a Hua Wei. The man must ask himself, Why did I answer my child in this way? Why was I suddenly so upset? He knows that before his child approached him, he was in a good mood. So what was there in the question that upset him?

He begins to retrace each of the words. Was it the word "weekend"? What does he associate with that word? If he can find nothing, he tries the word "seashore". He begins to recall his experiences at the seashore. He thinks of many events and suddenly he recalls one that disturbs him. He doesn't want to think about it, yet the Hua Wei discipline requires that he examine that event. Why does the memory disturb him? What was so unpleasant about it? He continues to investigate this event until he gets to the root cause of his distress.

Dear friends, that root cause will surely involve damage to his pride, his self-esteem. And so the man recalls and, in a way, relives the experience, only now he is able to see it from a different, more mature perspective. Perhaps that bitter experience actually involved harsh treatment he received from his own father! At any rate, he will surely see that he transferred the pain of his childhood seashore experience onto his innocent son. He will be able to make amends for his unkind rebuff, and in this way, his character will grow.

It occasionally happens that if the man concentrates on the Hua Wei enough, the dog may bite its own tail; and he may actually go from tail to head in one gulp.

Sometimes a Hua Tou functions as an instruction, a kind of guide that helps us to deal with life's problems. Such a Hua Tou sustains us and directs us as we travel the hard road to enlightenment.

You know, long ago Chan Master Hui Jue of Lang Ye Mountain had a woman disciple who came to him for instruction. The master gave her the Hua Tou, "Let it be." He told her that if she faithfully used this Hua Tou as a scythe, she would cut down illusions and reap enlightenment.

The woman had faith in her master and, being resolute in her determination to succeed, she sharpened and honed this Hua Tou. Let it be. Let what be? Who let's it be? What is being? On and on she honed the blade. Her house burned down and when people came running to tell her she gently closed her eyes and whispered, "Let it be." Her son drowned and when people came running to tell her she gently closed her eyes and whispered, "Let it be."

One day she started to prepare fritters for dinner. She got the batter ready and the oil hot. Then, when she poured a ladle of the batter into the hot oil, it sizzled. And this little sizzling noise reverberated in her mind, and she attained enlightenment! Right away she threw the pan of hot oil on the ground and began jumping up and down, clapping her hands, laughing and laughing. Her husband naturally thought that she had lost her mind. "What a calamity!" he shouted. "Whatever shall I do?" And his wife turned to him and said, "Let it be. Just let it be." Then she went to Master Hui Jue and he verified that she had indeed harvested the Holy Fruit.

Keep your mind on your Hua Tou whenever you are doing anything that does not require your undivided attention. Naturally, if you're flying an airplane you don't want to start thinking about your Hua Tou. Discovering whether or not a dog has Buddha Nature will not be of much use to you if you crash your plane. Driving an automobile is also something that requires your full attention. You may not risk killing other

people's small selves just because you are trying to dispatch your own.

But there are many times during a day in which you can safely work on your Hua Tou. Usually we try to stuff these times with frivolous activity. We play silly games or do puzzles or listen to the radio or gossip or become spectators at some sporting event. These are the times that we should rivet our minds to our Hua Tou. No one can ever tell when the magical moment will arrive.

In China we call a cut of meat "pure meat". It is not mixed up with other ingredients as, for example, a sausage is. Sometimes "pure meat" means the best cut of meat. People always tell the butcher that's what they want. Pure or prime meat.

There was once a man who was considering the Hua Tou, "Who has Buddha Nature?" Everyday he had to pass a butcher shop on his way to work. He always heard people clamoring for "pure meat" but he never paid them much attention.

One day a woman was buying meat and, according to custom, she insisted that the butcher give her only pure meat. That was what she cried out. "Give me only pure meat." Her insistence particularly irritated the butcher and he shouted, "Which piece is not pure?"

The man heard this angry shout and he suddenly realized that all the meat is pure meat, that is to say, everyone contains the pure Buddha Nature. Who has Buddha Nature? Hah! Who does not have Buddha Nature?

The man attained enlightenment in that very instant! He got so excited he hopped and jumped and kept on saying, "Which piece is not pure? Ah, hah! Which piece is not pure?" over and over again. "Which piece is not pure?" This craziness we call Chan Disease. It doesn't last very long, maybe only a few days before the victim calms down; but it is a wonderful disease to catch. Fortunately, there is no medicine to cure it.

A monk once asked Master Zhao Zhou, "What happens after a person finally grasps the nonsensory state?" Master Zhao Zhou replied, "He lays it down." The monk did not understand. So this quandary became his Hua Tou. "How can one lay down the absence of something?" He worked on this

and worked on this and still he could not understand. So he returned to Master Zhao Zhou and asked, "How can one lay down the absence of something?" Master Zhao Zhou answered simply, "What you can't lay down, carry away." Instantly the monk was enlightened.

You see, Master Zhao Zhou knew that the only thing we can't lay down is our Buddha Self. This and this alone is all that we can truly carry with us. Sometimes you hear the expression, "You can't take it with you." Usually people mean that you must leave money or fame or power behind when you go to your grave. The ego, too, cannot be taken with you when you enter Nirvana.

Master Zhao Zhou was also telling the monk that the attainment of enlightenment is nothing a person can brag about. Nobody can say, "I am enlightened" because the experience of enlightenment is precisely an egoless experience. The ego is extinguished and the pure Buddha Self is experienced. There is no "I" there who can claim to be enlightened. This is a most exhilarating and salutary experience. Anyone who suffers from any of the ego's ills should try one dose of enlightenment. The cure is permanent.

2. Meditation on Sound

Before beginning this instruction, it is important, I think, to understand the difference between Host and Guest.

In the Surangama Sutra, Arya Ajnatakaundinya asks, "What is the difference between settled and transient?" He answers by giving the example of a traveler who stops at an inn. The traveler dines and sleeps and then continues on his way. He doesn't stop and settle there at the inn, he just pays his bill and departs, resuming his journey. But what about the innkeeper? He doesn't go anywhere. He continues to reside at the inn because that is where he lives.

"I say, therefore, that the transient is the guest and the innkeeper is the host," says Arya Ajnatakaundinya.

And so we identify the ego's myriad thoughts which rise and fall in the stream of consciousness as transients, travelers who come and go and who should not be detained with discursive examinations. Our Buddha Self is the host who lets the

travelers pass without hindrance. A good host does not detain his guests with idle chatter when they are ready to depart.

Therefore, just as the host does not pack up and leave with his guests, we should not follow our transient thoughts. We should simply let them pass, unobstructed.

Many people strive to empty their mind of all thoughts. This is their meditation practice. They try not to think. They think and think, "I will not think." This is a very difficult technique and one that is not recommended for beginners. Actually, the state of "no-mind" that they seek is an advanced spiritual state. There are many spiritual states that must precede it.

Progress in Chan is rather like trying to climb a high mountain. We start at the bottom. What is our destination? Not the summit but merely our base camp, Camp 1. After we have rested there, we resume our ascent. But again, our destination is not the summit, but merely Camp 2. We attempt the summit only from our final Camp.

Nobody would dream of trying to scale Mount Everest in one quick ascent. And the summit of Chan is higher than Everest's! Yet in Chan, everybody wants to start at the end. Nobody wants to start at the beginning. If beginners could take an airplane to the top they would, but then this would not be mountain climbing, would it? Enthusiasm for the achievement is what makes people try to take shortcuts. But the journey is the real achievement.

A better way than deliberately trying to blank the mind by preventing thoughts from arising is to meditate on sound. In this method we calmly sit and let whatever sounds we hear pass in one ear and out the other, so to speak. We are like good innkeepers who do not hinder guest-thoughts with discursive chatter. If we hear a car honk its horn, we merely record that noise without saying to ourselves, "That horn sounds like Mr. Wang's Bentley! I wonder where he's going!" Or, if we hear a child shouting outside, we just let the shout pass through our mind without saying, "Oh, that noisy boy! I wish his mother would teach him better manners."

You know, in some styles of Chan, it is the custom to strike someone with a stick if he begins to show signs of sleepiness. Up and down the aisles patrols a fellow with a stick. No one is

allowed to move or make any breathing noises or, heaven forbid!, to nod sleepily. The fellow with the stick will strike him! This is foolish and, in truth, violates the First Precept of nonviolence.

What shall we do when an elderly nun or priest begins to slumber in the Meditation Hall? Should we strike him with a stick? Are we confusing laziness with sleepiness? Perhaps the sleepy person has been up most of the night tending to the sick. Should we punish him if, in his exhaustion, he begins to drift into sleep? No. We should offer him some strong tea. If he wants to perk up, he drinks the tea. But if he takes a little catnap we should let him rest. Perhaps a person's noisy breathing or restlessness is actually a symptom of illness. Should we punish the sick person and add to his discomfort? No. This is not the Chan way.

What should we do once, of course, we are sure that his noisiness has not arisen from fatigue or illness? We should use the sound of his breathing or his movements as we would use the sound of an auto's horn or a child's shout. We should just register the noise without thinking about it at all. We should not let our ego get involved in the noise. Just let it pass through our minds unhindered, like a guest at an inn. A guest enters and departs. We don't rummage through the guest's belongings. We don't detain it with gossip or idle chatter.

You know, the Buddha once asked Manjushri to choose between the different methods of attaining enlightenment. "Which was the best?" he asked. Manjushri easily chose Avalokiteshvara Bodhisattva's method of using the faculty of hearing as the best.

Always remember that when meditating on sound it is essential to remove the ego from the listening process and to let the non-judgmental Buddha Self record the sounds that enter our ears. In whatever place we do this, we make that place a Bodhimandala, a sacred place in which enlightenment may be obtained.

We do not need to be in a meditation hall to practice this technique. Every day, in all of our ordinary activities, wherever we happen to be, we can practice it. We shouldn't try to limit our practice of Chan to those times in which we are in a Chan

Meditation Hall. In fact, the function of a meditation hall is really only to provide a place of minimal distraction for those people who have difficulty in keeping their attention focused on what they are doing.

Sometimes people like to go to meditation halls because they need to be forced to meditate. They won't practice at home alone. Why should a person have to be forced to have a beautiful experience? How foolish this is!

Sometimes people go to meditation halls because they want to meet friends there. This is a misuse of Chan. It is converting Chan from a Path to Enlightenment into just another dead-end, Samsaric trail; and isn't that a pity?

3. Meditation on a Specific Object

Sometimes a guest is not a transient. Sometimes a guest comes to the inn with the intention of staying awhile. Well, then the host must pay him special attention.

The innkeeper does not investigate the guest-object before he lets him sign the register. This is another way of saying that before sitting down to meditate we do not go and study the object that we will be meditating on.

Suppose we pick as our object a rose. This is a particularly nice object for Chan meditation because, after all, roses are one of China's gifts to world horticulture.

A rose can engage our senses in many ways.

After we have attained calmness and regulated our breathing, we begin by gently closing our eyes and trying to construct a rose in our mind. We do not allow ourselves to digress into personal recollections about roses.

We see a stem - how long it is, how thick, how green, and so on. We see thorns, their shape, their points, their arrangements on the stem. Again, we don't digress into thinking about specific occasions when we were stuck by thorns. Perhaps we gingerly feel the thorn, but only in our mind. Then we come to the various parts of the flower. Depending on our knowledge of botany we assemble the flower... pistil, stamen, petals, and so on. The petals are so soft. What color are they? The pollen is so yellow and powdery. We see the yellow dust on nearby petals. A rose has fragrance. What is the specific scent of our rose? We actually begin to smell it.

This is how to meditate on a rose or on any object. Remember, we never allow ourselves to digress into "Roses I have known..." or instances in the past when roses were given or received. No thinking at all! We just become aware of a rose in all its parts and sensations.

Soon, the rose will glow in our mind. The rose will be of such exquisite beauty that we will know we have seen the Ideal Rose of Heaven, itself. Afterwards, we may squeal with delight. Not many people are permitted to view one of Heaven's treasures.

4. Meditation on the Buddha's Name

In Mahayana Buddhism, the Buddha Amitabha, the Buddha of the West, is very important. Chinese people pronounce Amitabha Amitofo. And so, repeating the name Amitofo is an excellent practice.

First, we keep in our mind an image of the Buddha Amitabha. We also acknowledge our great debt to him. Did not the Bodhisattva Avalokitesvara-Guan Yin spring from his brow? Where would Mahayana salvation be without our beloved Guan Yin? So we keep the Buddha in our mind as we repeat his sacred name.

What is the wrong way to repeat the Buddha's name? That's easy to describe. Think of a sick person who is given a bottle of penicillin pills. Think of him sitting there holding the unopened bottle repeating "penicillin, penicillin, penicillin". Will that cure him? No. He must take the penicillin into himself. He must swallow and assimilate it. Merely repeating the name of the medicine will not cure him.

CHAPTER 4: THE BUDDHA'S FLOWER SERMON

A good teacher is better than the most sacred books. Books contain words, and Chan cannot be transmitted by mere words. I suppose you will think, "Well, if this old man says that words are useless, why does he talk so much?" Religion has many mysteries and why teachers say that words can never suffice and then talk and talk until their students' ears turn to stone is perhaps the greatest mystery of them all.

The Buddha stood beside a lake on Mount Grdhakuta and prepared to give a sermon to his disciples who were gathering there to hear him speak.

As the Holy One waited for his students to settle down, he noticed a golden lotus blooming in the muddy water nearby. He pulled the plant out of the water - flower, long stem, and root. Then he held it up high for all his students to see. For a long time he stood there, saying nothing, just holding up the lotus and looking into the blank faces of his audience.

Suddenly his disciple, Mahakashyapa, smiled. He understood!

What did Mahakashyapa understand? Everybody wants to know. For centuries everybody's been asking, "What message did the Buddha give to Mahakashyapa?"

Some people say that the root, stem, and flower represented the Three Worlds: underworld, earth, and sky, and that the Buddha was saying that he could hold all existence in the palm of his hand. Maybe.

Some people say he was reversing the Great Mantra, "Mani Padme hum." The Jewel is in the Lotus. When the Buddha held the flower in his hand, the Lotus was in the Jewel. Hmmm.

Some people say that the root, stem, and flower stood for the base, spine, and thousand-petaled lotus crown of the Chakra Yoga system and that by raising the plant he was advocating that discipline. Other people say it could just as easily indicate a result of that discipline, the Trinitarian fulfillment: as the Buddha was Father and Mother, he was also Son - the Lotus Born and Lotus Holding Maitreya, Future Buddha, the Julai! Hmmm. That's certainly something to think about!

In Chan we're not sure of too many things. We only really know one: Enlightenment doesn't come with a dictionary! The bridge to Nirvana is not composed of phrases. As old Master Lao Zi wrote, "The Dao that we can talk about is not the Dao we mean."

So the Buddha spoke in silence, but what did he say?

Perhaps he was saying, "From out of the muck of Samsara the Lotus rises pure and undefiled. Transcend ego-consciousness! Be One with the flower!"

There! The Buddha gave a lecture and nobody had to take any notes.

CHAPTER 5 : STAGES OF DEVELOPMENT

What stages do we pass through as we progress towards enlightenment?

First, as we meditate, we may experience a moment of utter purity and lightness. We may even feel that our body is beginning to levitate or that our mind is rising up right out of our body so that we can look down and see ourself sitting below. These experiences are very strange to learn about, and stranger still to experience. What is strangest of all is that so many people experience them.

Second, we may experience a state of egoless purity in which we merely witness the objects and events of our environment, without being in any way affected by them. Sensory data do not reach us. We remain as unaffected by events around us as a stone resting in water. Whenever we reach this state we should strive to remain aware and alert and conscious of the experience.

Third, we may hear a great clap of thunder which nobody else hears, yet we could swear it shook the entire house. Or the sound we alone hear may be like the buzzing of a bee or the note of a distant trumpet. These auditory experiences would be very unusual to the average person, but to the person who practices Chan, they're quite ordinary.

Whenever we have a strange, inexplicable experience - a vision, perhaps, we should discuss it with a master and not with others who may mislead out of ignorance or malice. Too often a Chan practitioner who hasn't been able to get anywhere in his own program will denigrate the experience of someone else.

What should we do when we can't meditate at all, when we sit down and experience only restlessness? We should approach ourselves gently as if we were children. If a child were learning to play a musical instrument, he would not be taught musical theory and notation and the particulars of his instrument and an entire composition all at once. No, a child would be taught incrementally, with short instruction sessions and short practice sessions. This is the best way. An accomplished musician can easily practice eight hours each

day, but not a beginner. A beginner needs to achieve a continuing series of small successes. In that way he cultivates patience, confidence and enthusiasm. A long series of small successes is better than a short series of failures. We should set small goals for ourselves; and we shouldn't task ourselves with larger goals until we have mastered all the little ones.

Beyond meditation practice, there is attitude. A beginner must learn to cultivate what is called, "the poise of a dying man". What is this poise? It is the poise of knowing what is important and what is not, and of being accepting and forgiving. Anyone who has ever been at the bedside of a dying man will understand this poise. What would the dying man do if someone were to insult him? Nothing. What would the dying man do if someone were to strike him? Nothing. As he lay there, would he scheme to become famous or wealthy? No. If someone who had once offended him were to ask him for his forgiveness would he not give it? Of course he would. A dying man knows the pointlessness of enmity. Hatred is always such a wretched feeling. Who wishes to die feeling hatred in his heart? No one. The dying seek love and peace.

There was a time when that dying man indulged himself with feelings of pride, greed, lust and anger, but now such feelings are gone. There was a time when he indulged his bad habits, but now he is free of them. He carries nothing. He has laid his burdens down. He is at peace.

Dear friends, when we have breathed our last, this physical body of ours will become a corpse. If we strive now to regard this physical body as a corpse, that peace will come to us sooner.

If we regarded each day of our life as if it were our last day, we wouldn't waste one precious minute in frivolous pursuits or in grudging, injurious anger. We wouldn't neglect to show love and gratitude to those who had been kind to us. We wouldn't withhold our forgiveness for any offense, small or great. And if we had erred, wouldn't we ask for forgiveness, even with our dying breath?

Well then, if this is the great difficulty for a beginner, what obstacle does an intermediate practitioner face? Results! After he cultivates the discipline of the Buddha Dharma, he must

continue to tend his garden as he awaits the ripening of the Holy Fruit! However, his waiting must be passive waiting. He cannot expect or schedule the harvest season. In farming, it is possible to estimate how long beans will take to mature or apples to ripen. But Enlightenment will come when it will come.

When it comes, the meditator will suddenly experience his True Nature. He will also understand that his ego truly is a creature of fiction, a harmful illusion. Now, with confusion eliminated, he will become imperturbable. He will develop a singleness of mind, a oneness that will shine in purity and be absolute in tranquillity. Naturally, when he reaches this stage, he must act to preserve this Diamond Eye of Wisdom. He must be vigilant in not allowing his ego to reassert itself since to do so would be a foolish attempt to graft a second useless head onto his neck.

Whenever we reach the egoless state of perfect awareness, we find it impossible to describe. The situation's rather like an observer who watches a fellow drink a glass of water. Was the water warm or cool? The observer can't tell but the fellow who's done the drinking does know. If the observer disagrees, can they argue about it? No. Can we debate enlightenment with the unenlightened? No. Such discussions would be futile. Chan Master Lin Ji used to say, "Fence with fencing masters. Discuss poetry with poets." A person who has reached the egoless state can communicate this experience only to someone else who has reached it.

But after Enlightenment, then what?

After Enlightenment, we experience the Great Bodhisattva adventure. In our meditations we enter Guan Yin's realm. This is the most wonderful world of all.

But after this, the accomplished practitioner must separate himself from Chan, graduate, so to speak, and be what he has studied to become: a person who seems to be quite ordinary, just another face in the crowd. Who would guess that this face is an Original Face? Who would guess that this person has been one person and two persons and then three persons and now is one person again, a person who is living out the life of the Buddha Self? No one could guess from merely looking.

And so the final problem the practitioner faces is actually to enter the Void that beginning students like to theorize about. He must attain "no-mind". Instead of proceeding in any one direction, he has to expand in all directions, or as Han Shan (Cold Mountain) would say, "into infinity". In Chan we also call this "letting go of the hundred-foot pole".

Chan is a slippery hundred-foot pole. It is difficult to climb. But once a practitioner does find himself sitting on top of it, what does he do next? He lets go. He steps off into empty space. He cannot cling to Chan. He has discovered what it means to be egoless, but now he must live out the results of that discovery. His actions can't be deliberate and contrived. And so he achieves spontaneity and becomes one with reality. No need to struggle further.

So, gaining Chan is the difficult task when we begin; and letting go of Chan is the difficult task when we end.

The woman or man of Chan doesn't sit atop the hundredfoot pole and stare at his Enlightenment diploma. He reads the diploma, shouts "Kwatz!", and tosses the diploma to the four winds. Then he jumps off the pole into infinity.

Dear friends, although enlightenment may be reached by entering many different Dharma doors, the Buddha, the Six Patriarchs, and all the Chan Ancestors are in agreement that the most wonderful of all portals is the Door of Chan.

CHAPTER 6: DIFFICULTIES

Sometimes the teaching of Chan can be as frustrating as the learning of it:

There was once a Chan Master who undertook the instruction of three novices. He explained to them the need for spiritual discipline and ordered that, starting from that very moment, they observe the rule of absolute silence. Then, holding his finger to his lips, he ordered them to go to their rooms.

The first novice said, "Oh, Master, please let me tell you how grateful I am to receive your instruction!"

Whereupon the second novice said, "You fool! Don't you realize that by saying that you broke the rule of silence?"

And the third novice threw his hands up and wailed, "Lord! Am I the only person around here who can follow orders?"

Sometimes we look around and suppose that nobody else measures up to our standards. We are like those three novices. Often, like that first novice, we say we want to learn but then we don't really pay attention to what our books or teachers tell us. Or, like the second novice, we understand the rules but think that they apply only to others. Or like the third novice, we clamor for praise every time we do what we're supposed to do.

Sometimes we share the frustration of that Chan master.

Perhaps we see inattention, laziness, frivolity, or intellectual smugness. Worse, we may see people who are accomplished hypocrites - people who pretend that their interests are purely spiritual while in fact they are a ninety nine percent amalgam of pride, greed and lust. And then we throw up our hands in dismay and conclude that the Golden Age of Chan is over. We're too late. There is no hope for Chan. We came just in time for the funeral. Every age thinks that it has just missed being included in the Golden Age of Enlightenment.

Master Yong Jia, who studied under Sixth Patriarch Hui Neng, worried about the future of Chan. He despaired of the profusion of worldly men and the scarcity of sincere followers of the Buddha Dharma. "Alas!" he cried in his Song of Enlightenment, "In this time of decadence and worldly evil, no

one cares to submit to discipline. The Holy Period's over and the Era of Perversion has begun."

Now, Master Yong Jia, for all his worries about being in an era of darkness, managed to attain enlightenment in a very short time. He was what you'd call an "Overnight Sensation." In fact that's how Hui Neng referred to him. "The Overnight Enlightened One!" Master Yong Jia's lamp burned for a long time in what was supposed to be a dark era.

Master Wei Shan who was born in 771 and died in 863 saw his earthly life end just as the Tang Dynasty's Golden Age of Chan was ending. Master Wei Shan used to lament, "Isn't it regrettable that we were born at the end of the Enlightenment Period?" He despaired of the profusion of worldly men and the scarcity of sincere followers of the Buddha Dharma. How he wished that he had been born earlier! He truly feared that there would be no one to take his place.

But let's take a moment to recall how Wei Shan got to be called Wei Shan.

Wei Shan's original name was Ling You and he was from Fujian Province. He studied Chan under Master Bai Zhang Huai Hai.

Now, Master Bai Zhang Huai Hai had been born back in the middle of the Tang Dynasty; but he also despaired of the profusion of worldly men and the scarcity of sincere followers of the Buddha Dharma.

Bai Zhang Huai Hai was so upset about the state of Chan that he decided to solve the problem by starting a new monastery on Mount Wei, Wei Shan, which is in Hunan Province. Naturally, since he thought that there were so few enlightened men available, he supposed that he'd have to go there and do the job himself.

One day while he was trying to figure out just how he would accomplish this feat, the old ascetic soothsayer Si Ma happened to pay him a visit.

"Give me your advice," asked Bai Zhang Huai Hai. "First, what do you think about building a new monastery on Mount Wei?"

"Excellent idea," said Si Ma. "It's an ideal location and can easily support a community of fifteen hundred monks."

Bai Zhang Huai Hai was delighted to hear this. But then Si Ma added, "Don't get any ideas about going there yourself. The mountain is young and strong and you're old and weak. You'll have to send somebody else."

But who? Bai Zhang Huai Hai couldn't imagine that anyone around could replace him.

Si Ma tried to help. "Let's see who you've got available," he said.

So, one by one Bai Zhang Huai Hai summoned all his monks. Naturally, he started with his head monk.

Si Ma took one look at the head monk and shook his head, rejecting him. He continued to reject each of the various candidates until finally it was Ling You's turn to be interviewed. When Si Ma saw Ling You, he nodded his approval. "This is the man!" he said. "Send him to Wei Shan."

The head monk didn't like this judgment very much and asked Master Bai Zhang Huai Hai to affirm the decision by examination, that is, to let each candidate actively demonstrate the depth of his Chan.

So Bai Zhang Huai Hai held a contest. He put a pitcher in the middle of the floor and one by one invited his monks to come into the room and answer the question: "Without calling this object a pitcher, what should it be called?"

His head monk came in, looked at the pitcher, thought for a minute and then answered, "Well, it can't be called a wedge." Bai Zhang Huai Hai was disappointed. This obviously contrived answer showed that the head monk was approaching the problem too intellectually. He was still too involved with names and forms.

Every candidate gave an unsatisfactory answer until, finally, it was Ling You's turn. Ling You came into the room and when Bai Zhang Huai Hai asked, "Without calling this object a pitcher, what should it be called?" Ling You spontaneously gave the pitcher such a kick it shattered against the wall. Bai Zhang Huai Hai threw back his head and laughed. Si Ma was right. Ling You was indeed the man. A pitcher? So much for name! So much for form!

So you see, teachers, too, sometimes need to learn a lesson. Bai Zhang Huai Hai thought that the glorious days of

Chan were all in the past. He was wrong. Ling You went to the mountain and founded a monastery and that is how he came to be known as the great Master Wei Shan.

Over a thousand years have passed since that contest and Chan masters are still despairing of the profusion of worldly men and the scarcity of sincere followers of the Buddha Dharma.

Take my own case. When I was young, most of the monasteries in the area south of the three rivers were destroyed during various rebellions. Many monks of the Zhong Nan mountains came south, on foot, to help rebuild these monasteries. What did they have? Nothing. They carried a gourd and a little basket and the clothes on their backs. That was all. Everybody wondered what on earth they could possibly accomplish. But they did the job. They rebuilt the monasteries.

Later as these monasteries flourished and more monks were needed, new monks began to arrive. They came in carts, needing yokes and poles to carry all their possessions. And everybody thought, "Oh, they are too worldly. They won't get anything done." But they did, didn't they?

And now, when I travel someplace and I see monks getting on trains and airplanes with their matched sets of leather luggage, I find myself saying, "Oh, they are too worldly. They won't accomplish anything." But they will, won't they?

You will, won't you?

CHAPTER 7: BREATHING AND POSTURE

Although we may perform many meditations while walking or working, when we do formally sit to meditate, we should be careful to maintain a reverent attitude and to sit and breathe correctly.

Dear friends, however many benefits we may derive from our efforts, meditation is a spiritual exercise, not a therapeutic regimen. We do not practice in order to counter psychological disturbances or to help us cope with the ego's frustrations. We meditate in order to transcend ego-consciousness and to realize our Buddha Self. Our intention is to enter Nirvana, not to make life in Samsara more tolerable.

This instruction can be confusing, I know. Many people think that they are meditating when they achieve a peaceful and quiet state. They look forward to practicing because they enjoy the hour or so of peace and quiet it gives them. But quietism is not meditation. Corralling a wild horse doesn't make him tame or responsive to the reins. He may rest for awhile and look tranquil. He may even begin to graze. But when the gate is opened he will escape - as wild as he ever was.

You know, at Nan Hua Si, the Sixth Patriarch's monastery, there was once a monk who spent hours each day sitting quietly on his cushion enjoying the peace and tranquillity it brought him. He thought that he was meditating. Hui Neng, the Sixth Patriarch, noticing the monk's error, approached him. "Why do you devote so much time to your cushion each day?" he asked.

The monk looked up, surprised. "Because I want to become a Buddha," he answered.

Hui Neng smiled. "My son," he said, "you can make a mirror polishing a brick sooner than you can make a Buddha sitting on a cushion!"

We should always remember this exchange between a great master and an erring monk.

Before we enter the meditative state we are always awake and alert. Our minds, freed from external cares, are focused on our meditation exercise. After we succeed in entering the meditative state we are usually quite euphoric. This joyful

giddiness is experienced by practitioners in every religion. It is called Chan Disease or God Intoxication or Divine Madness. Quietism doesn't produce euphoria. It produces a zombie-like dullness that has nothing whatsoever to do with Chan Buddhism or any other religion except, perhaps, voodoo.

We should never begin a meditation exercise if we are excited or agitated. The mind and body must come to a relaxed state. If we are angry, introspection and an application of Buddhist principles, particularly of forgiveness and acceptance, may help us to regain our composure; but if our distress persists we should pray for guidance or seek counsel in order to resolve our problems before sitting down to meditate.

If our agitation is merely a temporary condition, due perhaps to being rushed or fatigued, we should follow the "one-half inch incense stick" method. We simply sit quietly and watch an incense stick burn down for half an inch. If by that time our composure has not been restored, we should end the meditation session. We can always try again later.

Likewise, our breathing must be gentle and rhythmical. Occasionally, while we are practicing meditation, thoughts may arise which disturb us or we may gasp for air because we've incorrectly performed a breathing technique. Again, we should follow the "one-half inch incense stick" method and allow our mind and breath to settle down before resuming our practice.

Posture

A natural, relaxed but upright posture is the best posture. We sit without rigidity or pain. This is very important. Pain initiates a panic-response, a perceived emergency which causes the body's blood pressure and heart rate to rise; and under such conditions, meditation is impossible. However, anyone who is easily able to sit in a more formal meditation posture such as the lotus position, may use this posture to good advantage.

Of course, we must sit erectly so that our lungs can fully expand. We may not slump forward or sideways. If we find ourselves drifting into sleep, we should rouse ourselves with a few swallows of tea and by rocking from side to side a few times and taking a few deep breaths.

Failure to control body, mind, and breath may result in small harms, such as emotional or physical discomfort, or in great harms, such as strained muscles or fearful encounters with hallucinated demons which, I think we can all agree, are most distressing events.

Breathing Exercises

Before beginning any formal meditation technique it is absolutely necessary to gain control of the breath.

There are two basic approaches to breath control: unstructured and structured. In both methods the lungs are compared to a bellows. When we wish to fill a bellows with air, we pull the handles apart. In like manner, when we desire to inflate the chest, we begin by extending the abdomen, pushing it outward, away from the spine as though we were pulling apart the handles of a bellows. When we exhale, we first let the air seep out and then slowly contract the abdomen, squeezing the remaining air out of the lungs as if we were closing the bellows.

Always, our aim should be to make our breathing so fine and unstrained that if someone were to place an ostrich plume in front of our nose, we would not ruffle it when breathing in or out.

1. In unstructured breathing, we lower our gaze and simply follow the breath, counting ten successive breaths. If we lose count, we simply start again. When we complete ten counts or breath-cycles, we simply start a new ten-count.

We begin by focusing our attention on the inhalation, noticing the air as it enters the nose, descends down the throat and fills the lungs. We mentally watch the chest expand and the shoulders rise.

As we prepare to exhale, we take note of the count; and then we watch the air as it seeps out of our lungs through the nose. We note our shoulders as they relax and fall as our lungs are emptying. As we complete the exhalation, we observe our abdominal muscles contract. With practice, all of the muscles of our abdomen, groin and buttocks will contract to force out the residual air in the lungs.

For some reason, it is easier to count breath cycles when beginning to exhale than when beginning to inhale. But each of

us is different. Counting inhalations or counting exhalations is a matter of personal choice.

2. In structured breathing, we inhale, retain the breath, exhale, and either begin a new cycle or else we hold the lungs empty before beginning another breath-cycle. The amount of time we allot to each part of the cycle, depends on the particular formula we follow. Because lung capacity varies from individual to individual, no single formula can suffice. The practitioners may select from several ratios:

a. The ratio, 4:16:8, requires that the inhalation take four counts, the retention take sixteen counts, and the exhalation take eight counts. The ratio, 4:16:8:4 requires an additional period in which the lungs are left empty for four counts. This is more difficult, but many practitioners find it more conducive to attaining deep meditative states.

Usually, one second per count is the prescribed cadence. However, some people have great difficulty in holding their breath, for example, for sixteen seconds. These individuals should then simply hold their breath for twelve seconds. With practice they will quickly achieve the count of sixteen. If twelve is also too difficult, then they may try eight and work up to twelve and then to sixteen.

b. The ratio, 5:5:5:5 or other similar equalized counts are also very effective. Beginners may find it easier to eliminate the final count of holding the lungs empty.

The aim of all breathing exercises is to establish a rhythmic, controlled breath.

Resisting the Impulse to Flee

For a reason no one has yet been able to determine, we often find that when we sit down to meditate our cushion turns into an ant hill. Chan beginners most frequently experience this mysterious cushion transformation but sooner or later it happens to us all. We begin to squirm and the only thing we can think about is getting away from that itchy place.

When we first sit down, we're full of good intentions. We plan to do a complete program - at least twenty breath-cycles. But then, after four or five cycles, we discover that we're sitting on an ant hill and have to cut our program short.

Sometimes there are no ants there. But all of a sudden we remember many important things that we've forgotten to do: straighten the books on the library shelf; purchase noodles for tomorrow's dinner; read yesterday's newspaper. Clearly, these things must be attended to and so, with great regret, we get up from our cushion.

Dear friends, how do we maintain our good intentions? How do we prevent our resolve from diminishing so drastically?

First we have to recognize how we are deceiving ourselves. You know, there is an old story in Chan about a rich man who contracted a disease and was in great jeopardy of dying. So he made a bargain with the Buddha Amitabha. "Spare my life, Lord" he said, "and I will sell my house and give the poor all the proceeds from the sale." All of his family and friends heard him make this pledge. Then, miraculously, he began to recover. But as his condition improved, his resolve began to diminish; and by the time he was completely cured, he wondered why he had made such a pledge in the first place. But since everyone expected him to sell his house, he put it up for sale. In addition to the house, however, he sold his house-cat. He sold the house and cat for a total of ten thousand and one gold coins. But a promise is a promise, and so he gave one gold coin to the poor. That was what he sold the house for. The cat, you see, was a very valuable cat. When we don't want to do something, trivial things become very important. A house cat is worth ten thousand times as much as a house.

We should all remember this man whenever we get the urge to jump up from our cushion. We should all remember him whenever we suddenly decide to cut short our program. But if we do not excuse ourselves from performing our practice, neither should we remain on our cushion because of sense of duty.

Sometimes people act as if they are making a great sacrifice when they perform their meditation practice. "I'll do it and get it over with," they think. But this is not the proper attitude. The time we spend in meditation should be the most beautiful time of our day. We must cherish this time.

Dear friends, be grateful for the Buddha Dharma. Be grateful for the Three Treasures. Never forget that eternal refuge that

exists for is all in the Buddha, the Dharma, and the Sangha. Be thankful for the Lamp that leads us out of darkness and into the light.

CHAPTER 8: PERSEVERANCE AND RESOURCEFULNESS

A warlord once stopped at a monastery on his way home from a successful military campaign. He came to visit the abbot who was an old teacher of his.

As the abbot and the warlord sat in the courtyard pleasantly chatting and drinking tea, they were distracted by an argument between a novice and a senior monk. The novice was complaining that the meditation technique given him by the senior monk was ineffective and worthless. "It cannot teach me how to concentrate much less meditate," shouted the novice. "Give me a more reliable technique."

Observing that the argument was distressing his old master, the warlord stood and said, "Please, Master, allow me to help this young man." When the master nodded his assent, the warlord summoned six of his archers.

The warlord then filled his teacup to the brim and carefully handed it to the novice. "Take this cup of tea," he ordered, "and without spilling a single drop, carry it around the entire periphery of this courtyard."

As the novice took the cup the warlord commanded his archers, "Follow him! If he spills a single drop, shoot him!" The archers drew their bows and began to walk beside the novice who, in the next twenty minutes, learned how to concentrate.

Dear Friends, there is no substitute for determination. Enlightenment is a serious matter. It can never be attained with a casual or lax attitude. You must be determined to succeed and you must be resourceful in your determination.

Strange to say, success in meditation has the same requirements as being a suspect in a crime: a person has to have motive, means and opportunity. It is not enough to have only one or two of these to be considered a criminal suspect. You must have all three: motive, means, and opportunity.

To help you understand this, I'll tell you several stories. The first story I personally witnessed:

In the year nineteen hundred, following the famous Boxer Rebellion against foreigners, eight foreign powers, provoked by the attack on their consulates, sent expeditionary forces to

Beijing. The Manchu Emperor Guang Sui and Dowager Empress Zi Xi had supported the Boxers in their attacks on the foreigners, and so they naturally feared for their lives. In disguise, they fled from Beijing, seeking the safety of Shanxi Province. I was a member of their retinue.

Nobody was prepared for the journey. We had departed so suddenly and under such emergency conditions, that there had been no time to provision the trip. We had no food at all. We also had no horses or money.

As you can imagine, the situation was particularly difficult for the Imperial family. Not only had they never experienced hunger, but their every whim of appetite had always been satisfied by the finest delicacies. And of course, they never had to walk anywhere. Sedan chairs and carriages always kept their feet a good distance above the ground. And there they were... trying to pass for ordinary citizens!

The first day, we walked and walked and grew hungrier and hungrier, but the Imperial stables and kitchens were only a nagging memory.

Finally, exhausted and famished, we begged for food; and a peasant obliged us by giving us sweet potato vines and leaves, fare which normally is reserved for pigs.

Now, the Emperor, who was completely soft and spoiled, had never actually eaten pig food before; but because he was so hungry, he truly thought the vines and leaves were delicious. "What is this excellent food?" he asked; and he was certainly surprised to learn its identity. "More, more," he said, and he ate all he could with gusto.

We could not linger over this pleasant meal because, unfortunately, we were escaping from eight different armies. We had to "eat and run", as they say. Hurriedly we walked on.

So there was the mighty Emperor of China, who previously was carried everywhere he went and who never ate anything but the finest of gourmet dishes, jogging down the road and dining on animal fodder. I guess you could say he was getting in shape... mentally, too, because he lost all his Imperial airs and seemed to thrive in the simplicity and humility of the situation.

But what was it that motivated the Emperor to walk so fast and to enjoy eating such common food? And why did he discard his Imperial demeanor? I'll tell you: Eight foreign armies wanted to kill him and he knew it. He was running for his life and he suddenly developed a rather keen sense of what was important to that effort and what was not.

Later on, when peace was restored and the foreigners left and the Emperor and Dowager Empress were able at last to return to Beijing, he reverted to his old ways. He became the high and mighty lord again. Whenever he felt the slightest pang of hunger, he stuffed himself with delicacies; and of course he never walked anywhere at all. When he was fleeing for his life, he was made of steel. But now he once again was soft and spoiled.

If he had applied the same determination to fleeing from the enemies of his spirit as he had shown when fleeing from the enemies of his flesh, was there anything in this world that he could not accomplish? Well, we all know what happened to the Manchu Dynasty.

Dear friends, the demons of sloth and pride and gluttony never negotiate peace. They are always at war. Only a fierce determination can subdue them. And subdued, they lie and wait for us to slacken in our resolve when, you may be sure, they will reappear at the earliest opportunity.

Determination and resourcefulness. These are indispensable. Never become slaves to convenience and comfort. Learn to adapt to whatever situation you find yourself in. Welcome hardship more than you welcome ease. Hardship will present you with challenges... and it is in overcoming these obstacles, that you will develop character and skill. Challenges are our greatest teachers.

Don't be afraid to fail. Just try and try again. There is an old saying that is worth remembering: Good judgment comes from experience, and experience comes from bad judgment.

If you don't let failures defeat you, they will become the foundation upon which your success will securely rest.

Let me tell you about a humble man who acquired the unusual name, "Imperial Master Dragon Trousers".

Once upon a time - actually in the latter half of the Sixteenth Century - there was a poor and illiterate man who devoutly wished to be enlightened. He believed himself too wretched and unworthy to become a Buddhist monk but nevertheless he went to a monastery and asked to be permitted to work in the fields there.

Every day this humble man cheerfully worked from dawn to dusk. He was too shy to come forward and directly ask anyone for help. He simply hoped that by observing the monks, he would discover a method by which he could achieve enlightenment.

One day a visiting monk came to the monastery. This monk had reached a low-point in his spiritual life and was going around to various monasteries trying to find a way to renew his faith. He happened to notice the man working so cheerfully in the fields, and he marveled at the man's enthusiasm for hard work. Why did the man so enjoy life? What could his secret be?

And so the monk went to the man and with humility and admiration asked, "Sir, would you be kind enough to tell me your method? What practice do you follow?"

"I have no practice," said the man, "but I certainly would like to learn one. Venerable Master, would you be kind enough to give me some small instruction?"

The visiting monk saw the man's sincerity and humility and was quite moved by it. "You have done for me what many masters could not do," he said. And being truly inspired, he renewed his vow and his determination to gain enlightenment right there on the spot. Then he said to the man, "Although no instruction I could give you could ever be so valuable as the instruction you've given me by your own example, I'm delighted to offer you whatever advice I can. I suggest, Good Sir, that you strive to grasp the Hua Tou, "Amitabha! Who is it who now repeats the Buddha's name?"

All day long as he worked, the man pondered this Hua Tou. And then, when winter came and there was no more farm work for him to do, he retired to a mountain cave and continued to work on his Hua Tou. He made a bed of fragrant pine needles. For food, he gathered pine nuts and dug roots out of the earth.

From clay he made himself a pot and after baking it in the fire, he was able to boil snow to make tea and soup.

Near his mountain cave there was a small village and as the winter wore on and the people used up their stores of food they began to come to him, begging for food. He gave them what he could and showed them where the best pine trees and roots were located, but many of them were too weak to look for food. Worse, in their hunger they had all become mean and selfish and uncooperative.

The man knew what to do. He made a large pot of clay and took it into the center of the village. Then he filled the pot with snow and lit a fire under it. Naturally all the villagers came out to see what he was doing.

"Today," he announced, "I will teach you how to make stone soup." Everyone laughed. It was not possible to make soup from stones. But the man selected several stones from the mountainside and after washing them carefully, he threw them in the pot. Then, from the pocket of his threadbare coat, he withdrew a few pine nuts and some dried roots.

One of the villagers said, "You'll need some salt for that soup."

"Ah," said the man, "I have no salt."

"I do," said the villager. "I'll run home and get it."

Another villager said, "You know, I just happen to have an old cabbage in my cellar. Would you like to include it in the soup?"

"Of course," said the man. "That would be wonderful!" And that villager ran home to fetch his old cabbage.

Another villager offered two shriveled carrots while yet another remembered an onion he had stored away. Handfuls of rice came from many households. A few more old vegetables, a little wild celery, a pinch of pepper, and then, to everyone's delight, the delicious smell of soup filled the air. People brought their bowls and ate with such joy! There was plenty of soup for everyone. "What a clever fellow," they all agreed, "to be able to make such fine soup from stones."

They thanked the man for his recipe, the main ingredients of which were love and generosity. Again the man returned to his

cave and continued his work on the Hua Tou, "Amitabha! Who is it who now repeats the Buddha's name?"

He grew famous for being a sort of "stone soup chef"; and when his mother and sister heard about his marvelous power, they came to visit him, bringing an offering of a bolt of fine silk. But when they entered his cave, he was in deep samadhi, and he neither responded to their flattering remarks nor acknowledged their gift. Disappointed and angry, his mother and sister propped the bolt against the wall and departed.

For thirteen years he lived in that cave and at the end of that time, his mother died and his sister came alone to call on him. She was agitated and depressed and felt that life had no real meaning.

When she entered the cave she was astonished to find the bolt of silk propped up against the wall exactly where she had left it. "What secret power do you have that makes you so independent of the things of the world?" his sister asked.

"I have no secret power," he said. "I strive to live the life of the Buddha Self. I strive to live the Dharma."

That didn't seem to her to be much of an answer, and so she got up to leave. "Take this bolt of silk with you," he said. "Take also something which is far more valuable." And he gave her the precious Hua Tou instruction. "Every day, from morning to night, say to yourself, 'Amitabha! Who is repeating the Buddha's name?'"

The Hua Tou immediately captured her attention. Even before she left she had begun to make spiritual progress with it. Her thoughts, instead of being scattered and agitated, suddenly settled down to focus on the Hua Tou. Instead of being depressed and aimless, she became actively involved in solving the problem. She was concentrating on something besides her troubles.

The man, seeing how this method had so fascinated and delighted his sister, realized it was time for him to return to the world and to try to help people. He returned to the monastery where he had first worked in the fields and received ordination in the Dharma. But he declined to live at the monastery. Instead, he proceeded to Xia Men, a town on the south coast of Fujian Province, where he built himself a roadside hut.

Everyday he gathered roots and wild vegetables and brewed a tea which he offered, without charge, to pilgrims and other travelers.

Whenever someone asked his advice about spiritual matters, he repeated the advice that had been given him by the visiting monk: he recommended that Hua Tou! Then, during the reign of Emperor Wan Li, the Empress Mother died, and the Emperor, grief stricken, planned a magnificent funeral ceremony, one that was worthy of her memory. But which priest was worthy of conducting the service? That was a problem! There is an old saying, "Familiarity breeds contempt," and the Emperor evidently knew the Buddhist priests in the capital too well. He didn't think that any of them was sufficiently saintly to conduct such a sacred service. Day after day he struggled with the problem of finding a suitable priest, and then, one night in a dream, his mother spoke to him. "In Chang Zhou prefecture of Fujian Province," she said, "there is a monk who is qualified to lead my funeral service." She gave him no other information.

Immediately, the Emperor dispatched government officials to Fujian Province to seek out the most holy monks. And the officials, being no better judge of holiness than they are now, simply picked the most eminent monks they could find. Naturally, these monks were delighted to be selected for the honor and, naturally, the officials were delighted to have completed their assignment; and so a large group of very happy officials and monks started back for the capital. On the way, they stopped at the monk's hut for tea.

"Venerable Masters," said the monk, "Please tell me the reason you are all so happy."

One of the eminent priests couldn't resist bragging, "We're on our way to the capital to conduct funeral services for the Empress Mother."

This didn't seem like an occasion for joy to the monk. He respected the Emperor and the Empress Mother who were both devout Buddhists. "I would like to help you," he said, asking, "May I accompany you to the capital?"

All the officials and priests laughed at him for being such a rude fellow. Then the bragging priest asked incredulously, "Do you actually hope to help us conduct the services?"

"Oh, no," said the monk. "I merely wish to carry your luggage."

"That's better," said the priest. "Very well, you may come as our porter."

Meanwhile, the Emperor had devised a test for determining which priest of the many who had been summoned was worthy of leading the ceremony. He had the Diamond Sutra carved into a stone, and when he heard that the officials and priests were approaching the palace, he had that stone placed in the threshold of the Palace Gate.

Sadly the Emperor watched as, one by one, the officials and priests walked across the stone, chatting with each other about the different things they would do to make the ceremony more impressive.

The porter monk was the last monk to approach the stone. When he saw it, even though he could not read, he sensed that it was Holy Writ. He stopped and called to one of the priests, "What do these characters say?"

The priest turned around, looked down and read. "Why, it's the Diamond Sutra!" he said, surprised; but he kept on walking and chatting with the others. The monk, however, would not cross the threshold. Instead, he knelt before the stone, and remained outside the Palace gate.

The Emperor watched all this and then commanded the monk to enter.

"Sire," said the monk, "I am sorry to disobey you, but I cannot dishonor these sacred words by walking on them." "If you were reading the sutra, you could hold it in your hands without dishonoring it, couldn't you?" asked the Emperor.

"If I could read, Sire, I would not then be dishonoring the words by holding them in my hands."

The Emperor smiled. "Then cross the threshold by walking on your hands."

So the monk did a somersault and entered the Palace by having only his hands touch the stone.

The Emperor then decreed that this humble monk should lead the funeral ceremony. But when the Emperor asked the monk how he intended to proceed, the monk merely replied, "I will conduct the ceremony tomorrow morning. I will require one small altar, one processional banner, some incense, candles and offertory fruit."

This was not the grand ceremony the Emperor had in mind. So, prompted by the grumblings of the eminent priests, he began to doubt his decision to allow the monk to conduct the services. Immediately he devised another test. He ordered two of his most beautiful and experienced concubines to go to the monk's chambers and assist him in his ablutions for the ceremony.

And that evening, by Imperial command, these two women came to the monk and proceeded to bathe and massage him; but though they used the most sensuous unguents and perfumes and did everything they knew how to do to arouse him sexually, he remained unmoved by their efforts. When they were finished, he politely thanked them for their kind assistance and bid them good night. The women reported this to the Emperor who was much relieved. He ordered that the ceremony be held in accordance with the monk's design.

During the ceremony, the monk went to the coffin of the Empress Mother and said, "See me, dear Lady, as your own Original Face. Know that in reality there are not two of us but only one. Though there is naught to lead and naught to follow, please accept my direction and take one step forward to enter Paradise."

The Emperor overheard this and was again dismayed by the simplicity of the address. "Is that enough to liberate Her Majesty, the Empress Mother?" he asked. But before the monk could answer, the Empress Mother's voice, sounding a little annoyed, resounded throughout the Palace. "I am now liberated, my son! Bow your head and give thanks to this holy master!"

The Emperor was stunned, but so happy to hear his mother's voice that he beamed with joy. Immediately he ordered a banquet to be held in the monk's honor.

At that banquet something strange occurred. The Emperor appeared in magnificent attire and when the monk saw the Emperor's trousers, which were richly embroidered with golden sky dragons, he was struck by their beauty. The Emperor saw him staring at his trousers and said, "Virtuous One! Do you like these trousers?"

"Yes, Sire," answered the monk. "I think they are very bright and very beautiful. They shine like lamps."

"The better for people to follow you," said the Emperor; and right on the spot he took off his pants and gave them to the monk! Thereafter, the monk was known as "Imperial Master Dragon Trousers".

I tell you this wonderful story because I want you always to remember those Dragon Trousers and the persevering monk who received them. Dear friends, imagine that you, too, are wearing those bright trousers and be a lamp unto the feet of others, a gleaming light which they may follow. Always remember, that just as that monk so quickly noticed the Emperor's trousers, others will be noticing you. Do not yield to temptation or distraction. Always keep your Hua Tou in your mind. Never be parted from it. It will become the source of your resourcefulness. And, just as you should always help others, you should never allow yourself to become helpless.

Remember: motive, means, and opportunity. Retain your motivation! Seek the means of enlightenment! Find the opportunity to practice! Then, when someone asks, "Who is guilty of success in Chan?" you can say, "I am."

CHAPTER 9: WORDLESS TRANSMISSION

Stay with Chan! This is the most efficient way to attain enlightenment. Don't allow yourself to be tempted into adopting other methods.

Even Yong Jia, by his own admission, wasted a lot of time with intellectual philosophizing before he tried the Chan method with Patriarch Hui Neng. "In my youth," he said, "I studied sutras and shastras and commentaries trying endlessly to discriminate between name and form. I might as well have tried to count sand grains in the ocean. I had forgotten the Buddha's question, 'Does a man who counts other men's gems get any richer?'"

The Chan method is truly like the Vajra King's sword. In one stroke it can cut through illusion to reach Buddhahood.

Whenever I think about the years of practice that often precede enlightenment's momentary experience, I think about Chan Master Shen Zan. We can all learn a lot from him.

Shen Zan had a master who unfortunately was not enlightened. One cannot give what one does not own; and so, empty handed, Shen Zan left his old master in order to go and study with Master Bai Zhang.

Now, under Master Bai Zhang's guidance, Shen Zan attained enlightenment and then, with fond respect, he went back to visit his old teacher.

The old man asked him, "What did you learn after you left me?" And because he was enlightened, Shen Zan was able to reply kindly, "Nothing, absolutely nothing." To the old man, this was bittersweet news. He was sorry that his student hadn't learned anything, but he was happy to have him back. "If you want, you can stay here," he said.

So Shen Zan stayed and served his old master.

One day, while taking a bath, the old man asked Shen Zan to scrub his back which was very dirty. As Shen Zan began to scrub he said, "Such funny crystal windows in your Buddha Hall." His master didn't know what he meant. "Please explain your remark," he asked.

As Shen Zan continued to scrub away the dirt, he said, "Although you can't see in, your Buddha Self sends out such illuminating rays." This answer puzzled the master.

A few days later, as the old master sat under a waxed-paper window studying a sutra, a bee began to buzz around the room; and the bee, drawn to the outside light, kept crashing into the window paper, trying to get out of the room. Shen Zan watched the frustrated bee and said, "So you want to get out and enter the infinity of space! Well, you won't do it by penetrating old paper..." Then he said simply, "The door stands open but the bee refuses to go through it. See how it knocks its head against the shut window. Foolish Bee! When will it understand that the Way is blocked by paper?"

Now a glimmer of light began to penetrate the teacher's mind. He sensed the deeper meaning of Shen Zan's words. Slyly he asked, "You were gone for a long time. Are you sure you didn't learn anything while you were away?"

Shen Zan laughed and confessed, "After I left you, I studied under master Bai Zhang. Through him I learned how to halt my discriminating mind... to cease being judgmental... to transcend the ego's world. Through him I attained the Holy Fruit of enlightenment."

Now, when the old master heard this wonderful news, he assembled all the monks and ordered that a banquet be prepared in Shen Zan's honor. He was so happy. "Please allow your old master to become your student," he asked Shen Zan. "Please expound the Dharma to me... especially that business about the baths and bees."

Shen Zan laughed. "Your Buddha Self shines out from you even though you can't see it for yourself. It is always pure and no amount of dirt can ever soil it. Also, your eyes are always turned outwards, fixed on printed pages; but Infinity cannot be captured in words. Books only engage us in debates. If you want to be free from illusion, you must look inwards. The Way into Infinity is on the other side of your gaze. Look inward to see your shining Buddha Self!"

Suddenly the old teacher understood! Suddenly he saw into his own Buddha Nature! He got so excited that he declared that Shen Zan would be the Abbot of the monastery. "Who would

have believed that in my old age I finally would have made it across?" he shouted.

But that's what's so nice about the Eternal Moment, isn't it? Step outside of time just once, and all the years you spent in ignorance and suffering recede into vagueness. They're only something you seem to remember. Your old small self is gone and all his old enemies and friends and relatives and all his old experiences, bitter or sweet, have lost their power over him. They were like a cinema show... believable while he was in the theater, but not when he came out into the daylight. Reality dispelled the illusion.

In Nirvana you're neither young nor old. You just are. And who are you? That's easy.

The Buddha.

CHAPTER 10: LAYMAN PANG

Sometimes ordinary folks get the idea that the meaning of Chan is so profound that only men and women who've been ordained in the Dharma can possibly fathom it. But that's just not so. Actually, we priests often feel that we're in way over our heads. And every now and then, while we splash about, trying to look good treading water in our nice uniforms, along comes a civilian who zips by us, swimming like an Olympic champion. Such a civilian was Layman Pang. He would have won Chan's gold medal. He's been a hero not only to centuries worth of other laymen, but also, I confess, to every priest who's ever studied his winning style.

Layman Pang lived during the latter half of the Eighth Century, a golden age for Chan. He was an educated family man - he had a wife and a son and daughter - and was well-enough off financially to be able to devote his time to Buddhist studies.

He got the idea that a person needed solitude in order to meditate and ponder the Dharma, so he built himself a little one-room monastery near his family home. Every day he went there to study and practice.

His wife, son and daughter studied the Dharma, too; but they stayed in the family house, conducting their business and doing their chores, incorporating Buddhism into their daily lives.

Layman Pang had submerged himself in the sutras and one day he found that he, too, was in over his head. He hadn't learned to swim yet. On that day, he stormed out of his monastery-hut and, in abject frustration, complained to his wife, "Difficult! Difficult! Difficult! Trying to grasp so many facts is like trying to store sesame seeds in the leaves of a tree top!"

His wife retorted, "Easy! Easy! Easy! You've been studying words, but I study the grass and find the Buddha Self reflected in every drop of dew."

Now, Layman Pang's daughter, Ling Zhao, was listening to this verbal splashing, so she went swimming by. "Two old people foolishly chattering!" she called.

"Just a minute!" shouted Layman Pang. "If you're so smart, tell us your method."

Ling Zhao returned to her parents and said gently, "It's not difficult, and it's not easy. When I'm hungry, I eat. When I'm tired, I sleep."

Ling Zhao had mastered Natural Chan.

Layman Pang learned a lot that day. He understood so much that he put away his books, locked his little monastery-hut, and decided to visit different Chan masters to test his understanding. He still couldn't compete against his own daughter, but he was getting pretty good.

Eventually he wound up at Nan Yue Mountain where Master Shi Tou had a monastic retreat. Layman Pang went directly to the master and asked, "Where can I find a man who's unattached to material things?" Master Shi Tou slowly raised his hand and closed Pang's mouth. In that one gesture, Pang's Chan really deepened. He stayed at Nan Yueh for many months.

All the monks there watched him and became quite curious about his Natural Chan, his perfect equanimity. Even Master Shi Tou was moved to ask him what his secret was. "Everyone marvels at your methods," said Shi Tou. "Tell me. Do you have any special powers?"

Layman Pang just smiled and said, "No, no special powers. My day is filled with humble activities and I just keep my mind in harmony with my tasks. I accept what comes without desire or aversion. When encountering other people, I maintain an uncritical attitude, never admiring, never condemning. To me, red is red and not crimson or scarlet. So, what marvelous method do I use? Well, when I chop wood, I chop wood; and when I carry water, I carry water."

Master Shi Tou was understandably impressed by this response. He wanted Pang to join his Sangha. "A fellow like you shouldn't remain a layman," said Shi Tou. "Why don't you shave your head and become a monk?"

The proposition signaled the end of Pang's sojourn with Shi Tou. Clearly, he could learn no more from this master. Pang responded with a simple remark. "I'll do what I'll do," and what he did was leave.

He next showed up at the doorstep of the formidable Master Ma Zu. Again he asked the master, "Where can I find a man

who's unattached to material things?" Ma Tzu frowned and replied, "I'll tell you after you've swallowed West River in one gulp."

In grasping that one remark, Pang was able to complete his enlightenment. He saw that Uncritical Mind was not enough. His mind had to become as immense as Buddha Mind; it had to encompass all Samsara and Nirvana, to expand into Infinity's Void. Such a mind could swallow the Pacific.

Layman Pang stayed with Master Ma Zu until he discovered one day that he had no more to learn from him, either. On that particular occasion, Pang approached Ma Zu and, standing over him, said, "An enlightened fellow asks you to look up." Ma Zu deliberately looked straight down. Layman Pang sighed, "How beautifully you play the stringless lute!"

At this point, Ma Zu had confirmed that there was no difference between human beings, that they were truly one and the same individual. As Pang had looked down, Ma Zu would look down. There was no one else to look up. But then, unaccountably, Ma Zu looked straight up and broke the spell, so to speak. So Layman Pang bowed low and remained in that obeisance of finality as Ma Zu rose and began to walk away. As the Master brushed past him, the Layman whispered, "Bungled it, didn't you... trying to be clever."

Layman Pang had attained mastery and every master he encountered acknowledged this. But what is evident to a master is not always evident to an ordinary monk. One winter day, while Pang was leaving the monastery of Master Yao Shan, some young monks, who were disdainful of his status as a mere layman, accompanied him to the front door. When Pang looked outside, he saw that it was snowing. "Good snow!" he said. "The flakes do not fall elsewhere." A monk named Quan, who was as impudent as he was stupid, completely missed the wit in Pang's remark. He mocked the Layman, asking sarcastically, "Where did you expect the flakes to fall?"

Now, Pang was good naturedly complimenting the snow for not falling in the kitchen or the meditation hall, that is to say, for falling where snow was supposed to fall - in the courtyard and fields, on the trees and roads. Pang knew that he would have

to walk a long distance in that bitterly cold snow, and he had accepted that fact without distress.

But Pang not only had the wisdom of a master, he had the temper, too. When he saw the sneer on the young monk's face, he struck him.

"How dare you!" said the monk.

"And you're an ordained monk?" asked Pang incredulously.

"Why, you'd be rejected at Hell's gates!"

"Just what do you mean by that?" demanded the monk.

Pang struck him again. "I mean that though you have eyes, ears and tongue, you're absolutely blind, deaf, and dumb." Then he calmly went out into the snow as if it were just so much sunshine. He had given the monk quite a lesson.

But usually he was extremely kind and patient with those he instructed.

One day, as he listened to a man who was trying to explain the Diamond Sutra, he noticed that the fellow was struggling with the meaning of a line that dealt with the nonexistence of the ego personality. "Perhaps I can help you," Pang said. "Do you understand that that which is conditional and changing is not real and that which is unconditional and immutable is real?"

"Yes," replied the commentator.

"Then is it not true that egos are conditional and changing, that no ego is the same from one minute to the next? Is it not true that with each passing minute, depending on circumstances and conditions, we acquire new information and new experiences just as we forget old information and experiences?"

"Yes," agreed the commentator.

"But what is there about us that is unconditional and unchanging?" asked Pang.

"Our common Buddha Nature!" replied the commentator, suddenly smiling, suddenly understanding. "That alone is real! The rest is mere illusion!" He was so happy that he inspired Pang to write him a poem: Since there is neither ego nor personality Who is distant and who is close? Take my advice and quit talking about reality. Experience it directly, for yourself. The nature of the Diamond Wisdom Is truth in all its singular purity. Fictitious egos can't divide or soil it. The expressions, "I

hear," "I believe," "I understand," Are simply expedient expressions Tools in the diamond-cutter's hands. When the work's done, he puts them down.

Layman Pang and his daughter Ling Zhao traveled around China meeting their expenses by selling bamboo articles they made. They grew old together, becoming legends of enlightenment. Their last residence was a mountain cave.

Pang knew that it was time for him to lay his burden down. He was very tired and could not go on. Inside the cave there was one particular rock that he always sat on when meditating; so he took his seat and, intending to pass away when the sun was directly overhead, he sent Ling Zhao outside to watch for the moment that noon had come. In a few minutes, however, Ling Zhao returned to the cave breathless with excitement. "Oh, Father," she shouted, "you must come outside and see this! There's been an eclipse of the sun!"

Well, this was an extraordinary occurrence if ever there was one. Pang could not resist having a look at it. So he rose from his meditation rock and went outside. He looked and looked but there was no eclipse. Noon had come, that was all. But where was Ling Zhao? Pang returned to the cave and found her dead, her body sitting upright on his meditation rock. "Oh, that girl!" cried Pang. "She always was ahead of me."

He buried her and then, a week later, he, too, entered Nirvana. His body was cremated and the ashes scattered on the waters of a nearby lake.

CHAPTER 11: THE DAO IMMORTAL

Forty-three generations of Chan masters have passed since the Sixth Patriarch held high the Dharma Lamp. Forty-three generations of seekers have found the Way, guided by his Light.

No matter how confirmed a person is in another Path, he can be guided by Chan. When sunlight comes through the window, it does not illuminate some sections of the room while leaving other parts in darkness. The entire room is lit by the Sun's Truth. So, any person, no matter which Path he has chosen, can receive the benefits of Chan's Lamp.

Take the famous case of the Dao Immortal Lu Dong Bin.

Lu Dong Bin was the youngest and most unrestrained of all the Dao Immortals. Actually, you could say that he was pretty wild. At least that's how he started out.

In his mortal days, he was called Chun Yang... a native of Jing Chuan who lived at the end of the T'ang Dynasty. That was more than a thousand years ago, but those days weren't so different from ours. If a young man wanted to get ahead, he needed an education. In our time, he'd get a college degree. But in those days, he had to pass the dreaded Scholar's Examination. If a fellow couldn't pass this exam, he had to give some serious thought to farming.

Well, Chun Yang tried three times to pass the Scholar's Examination, and three times he failed. He was frustrated and depressed. He knew he had let his family down, and that he hadn't done much for himself, either. It was his own professional future that he had doomed.

So Chun Yang did what a lot of desperate young people do, he started hanging out in wine-shops trying to drink himself to death.

The path that alcohol takes went in the same direction for Chun Yang as it does for anyone else: it went straight down. As the old saying goes, first Shun Yung was drinking the wine, then the wine was drinking the wine, and then the wine was drinking Shun Yung. He was in pretty bad shape by the time the Dao Immortal, Zhong Li Quan, chanced to meet him in one of those saloons.

The Dao Immortal took an interest in the young man. "Instead of trying to shorten your life with wine," he said, "why don't you try to lengthen your life with Dao."

Instead of a short, miserable life, Zhong Li Quan offered Chun Yang a long, happy life. It sounded like a good deal. Chun Yang might not have had what it took to be a government bureaucrat, but he certainly had everything required to try spiritual alchemy.

Chun Yang had nothing else to do with his time so he had plenty of opportunity to practice. He was definitely motivated. I suppose that he had become aware of how far down he had gone, that he'd hit bottom, so to speak. When a person realizes that he doesn't have anything to lose by looking at life from another point of view, he's more open to new ideas.

So Chun Yang had the motivation and the opportunity. It only remained to acquire the means. And that was what Zhong Li Quan was offering to supply. He'd teach him the necessary techniques.

Chun Yang threw his heart and soul into the mastery of what is called the Small Cosmic Orbit, a powerful yoga practice that uses sexual energy to transmute the dross of human nature into the Gold of Immortality. He got so good at it he could make himself invisible or appear in two places at once.... That's pretty good.

One day he decided to fly over Chan Monastery Hai Hui which was situated on Lu Shan mountain. Saints and Immortals can do that, you know. They're like pilots without airplanes... or parachutes.

While he was flying around up there, he saw and heard the Buddhist monks chanting and working hard doing all the ordinary things that Buddhist monks do. So, to show off his powers and mock the monks' industry, he wrote a little poem on the wall of the monastery's bell tower:

With Jewel inside my Hara's treasure,
Every truth becomes my pleasure.
When day is done I can relax
My Mind's without a care to tax.
Your mindless Chan a purpose lacks.

Some such bad poetry like that. Then he flew away. Every day that the Abbot, Chan Master Huang Lung, looked up at the bell tower he had to read that awful poetry.

One day while the former Chun Yang - he was now known as the Immortal Lu Dong Bin - was flying around the vicinity of the monastery he saw a purple umbrella-shaped cloud rising over the monastery. This was a clear indication that something very spiritual was going on and so Lu Dong Bin thought he'd come down and take a look.

All the monks were going into the Dharma Hall so he just disguised himself as a monk and followed them in. But he couldn't fool old Abbot Huang Lung.

"I don't think I'll expound the Dharma, today," growled Huang Lung. "We seem to have a Dharma Thief in our midst."

Lu Dong Bin stepped forward and arrogantly bowed to the Master. "Would you be kind enough," he challenged sarcastically, "to enlighten me to the meaning of the expression, 'A grain of wheat can contain the universe and mountains and rivers can fit into a small cooking pot.'" Lu Dong Bin didn't believe in the empty, egoless state. He accepted the false view that the ego somehow survives death.

Huang Lung laughed at him. "Look! A devil guards a corpse!"

"A corpse?" Lu Tun Pin retorted. "Hah! My gourd is filled with the Elixir of Immortality!"

"You can drag your corpse throughout eternity for all I care," said Huang Lung. "But for now, get it out of here!"

"Can't you answer my question?" taunted Lu Dong Bin.

"I thought you had all the answers you needed," Huang Lung scoffed. He remembered the poem.

Lu Dong Bin responded with fury. He hurled his dreaded sword, the "Devil Slayer", at Huang Lung; but the Master merely pointed his finger at the flying sword and it stopped in mid-flight and dropped harmlessly to the floor. The Immortal was awestruck! He had never imagined a Chan master could be so powerful. Contrite, he dropped to his knees in a show of respect. "Please, master," he said, "I truly do wish to understand."

Huang Lung softened towards him. "Let's forget the second part about the cooking pot," he said generously. "Instead, concentrate on the first part. The same mind that gives form to an arrangement of matter which it names 'a grain of wheat' is the same mind that gives form to an arrangement of matter which it names 'a universe'. Concepts are in the mind. 'Mindless Chan,' as you previously put it, is actually the practice of emptying the mind of concepts, of judgments, of opinions, of ego." Then he added, remembering the poem probably, "Especially the concept of ego!"

Lu Dong Bin brooded about the answer until he suddenly understood it. As long as he discriminated between himself and others, between desirable and undesirable, between insignificant and important, he was enslaved to the conceptual world, he was merely an Arbiter of Illusions. Nobody in his right mind wants to be that! And certainly no Dao Immortal wants to spend his life, or all eternity, either, judging between lies, deciding which ones are more convincing than others.

Overjoyed, Lu Dong Bin flew up to the tower, erased his old poem and substituted another:

I thought I'd mastered my small mind,
But t'was the other way around.
I sought for gold in mercury
But illusion's all I found.
My sword came crashing to the floor
When Huang Lung pointed at the moon;
I saw the light, his truth broke through
And saved me none too soon.

Unfortunately, Enlightenment didn't make him a better poet.

The point, however, is that Lu Dong Bin, despite being a Dao Immortal, was able to benefit from Chan. He so appreciated the Three Jewels - Buddha, Dharma, Sangha - that he actually acquired the title of Guardian of the Dharma. Of course, it wasn't necessary for him to convert and call himself a Chan Man. The whole lesson of his Enlightenment was that names are meaningless, so he continued being a Dao Immortal. Only now, because he understood so much more, he immediately rose through the ranks of the Immortals; and though he was the youngest of them all, he became the most

prominent. Under his inspired leadership, the Daoist Sect in the North really began to thrive. Lu Dong Bin was called the Fifth Dao Patriarch of the North.

Down South, another great Daoist, Zi Yang, also attained Enlightenment after reading Buddhist sutras. He became known as the Fifth Dao Patriarch of the South... but that's another story.

CHAPTER 12: MO SHAN

Many women have excelled in the practice of Chan. Many have attained mastery and some of these have, in fact, succeeded where eminent male masters have failed.

Take the case of Master Mo Shan. In the habit of many masters, Mo Shan took her name from the mountain on which her monastery was situated. She became quite famous for the depth of her understanding of Chan and her ability to lead students to enlightenment.

The monk Quan Xi, who would later become Chan Master Quan Xi, had heard about the success of her methods; and after having spent a few years with none other than Master Lin Ji - years in which he learned much but was not delivered to enlightenment, Quan Xi decided to visit Mo Shan to see if her methods could help him.

I suppose that Quan Xi had fallen victim to the kind of pride that infects many students of great masters. They think that it is better to be an unenlightened disciple of a famous master than it is to be an enlightened disciple of an unknown one. Some feel the same way about gender. They suppose that an unenlightened male student is superior to an enlightened female master. You could call this Chan Machismo.

At any rate, student monk Quan Xi showed up at Mo Shan's monastery with a chip on his shoulder. He was cavalier and condescending and very mindful that he was a superior male Chan practitioner. He didn't rear up and beat his chest and bellow in the manner of male apes, but he came close to it.

Quan Xi entered the hall just as Mo Shan was taking her customary high seat of authority. He should have kowtowed to her as a suppliant and begged her to take him on as a student; but he just couldn't humble himself before a woman.

Mo Shan studied him for a moment, then she called to an attendant, "Is this fellow a sightseer or a student applicant?"

Quan Xi spoke up: "I am not a tourist. I am a follower of the Buddha Dharma."

"Ah," said Mo Shan, trying to look surprised. "You follow the Dharma! Tell me, how did you get here?"

"I walked in, from the main road."

"Did you think you left the Dharma back there on the road, that it couldn't be followed here or found here?"

Quan Xi didn't know what to say. He made a halfway sort of kneeling obeisance, more to cover his confusion than to show his respect.

Mo Shan was hardly satisfied by this compromised arrogance. "The Dharmakaya doesn't have boundaries that you can draw to suit your conceits," she said. "As the Dharmakaya is everywhere, so also are the rules, the Law, the Buddha Dharma. You shall conform your demeanor to accepted standards. You shall meet this condition."

Grudgingly Quan Xi kowtowed to Mo Shan. But when he rose, he couldn't resist asking, "What is the condition of the head of Mo Shan?" He was sparring with her verbally. What he wanted to know was whether or not she was enlightened.

Mo Shan smiled at his impertinence. "Which of the Buddha's disciples could see his usnisa, the sacred bulge at the top of his head?" She meant, of course, that it takes one to know one; and if Quan Xi could not see that she was enlightened it was because he, himself, was not.

"Where can I find the man who's in charge of Mo Shan?" he retorted condescendingly, with the double meaning "woman" and "mountain monastery".

"The One in charge of Mo Shan is neither man nor woman," she replied, giving him a little more rope.

"The person in charge ought to be powerful enough to complete the transformation," he challenged, his machismo again getting the better of his brain.

Mo Shan looked intently at Quan Xi. Slowly and gently she said, "The One in charge of Mo Shan is neither a ghost nor a demon nor a person. Into what should that One transform?"

Quan Xi suddenly got the message! For a moment he stood there horror struck by his own audacious ignorance. Then he dropped to his knees and really kowtowed to Mo Shan. This time he meant it.

He stayed on at Mo Shan Monastery for three years working as a gardener. Under Master Mo Shan's guidance, he attained enlightenment.

Years later, when he had become a master and had his own disciples, he used to tell them, "Enlightenment requires a full measure from the Great Dipper. From my spiritual father, Lin Ji, I received only half a ladle. It was my spiritual mother, Mo Shan, who gave me the other half; and from the time that she gave it to me, I have never been thirsty."

CHAPTER 13: CONCLUSION

The ancients had the same problems with time that we have. They said, "Days pass like a shuttle in a loom." First one way, then the other way. Back and forth, side to side. Sometimes they said, "Days pass like arrows overhead." We stand there and watch them fly by, wondering where they're all going.

In a Chan teaching session, the instruction period passes quickly. Like time, ideas and opinions go this way and that. On which side will the thread end? Arrows of insight fly overhead. Will any strike its target? We won't know until the great reckoning at the end of the teaching session.

In Chan, as in most things in life, we're never sure we understand something we've just been taught until we've been tested. Teachers call this testing, "Paying the check." On the last day of the teaching session, all of the students are assembled and the teacher randomly calls on this person, then that person, on and on, asking all sorts of pointed questions. That's what we call presenting a student with the check. He has to get up in front of the entire class and submit to the interrogation. "How much did you learn? Pay up!" Teachers get paid with good answers.

Of course, in any session, if even one person manages to attain Enlightenment, he pays the check for everybody. All share the joy when someone succeeds in attaining Truth.

So what did you learn from these lessons? Maybe you paid the check for everybody and attained Enlightenment. Maybe you're not sure and need a little time to think about it, to mull these Chan ideas over in your mind, to let the thoughts settle a bit before you see what you've got. Take all the time you need - just don't cease the mulling process. Keep Chan in your mind. Redefine your priorities. Cultivate patience.

One summer day the Buddha decided to take a long walk. He strolled down the road alone, just enjoying the earth's beauty. Then, at a crossroad, he came upon a man who was praying.

The man, recognizing the Tathagata, knelt before him and cried, "Lord, life is indeed bitter and painful! I was once happy

and prosperous, but through trickery and deceit those I loved took everything from me. I am rejected and scorned. Tell me, Lord," he asked, "how many times must I be reborn into such wretched existence before I finally know the bliss of Nirvana?"

The Buddha looked around and saw a mango tree. "Do you see that tree?" he asked. The man nodded. Then the Buddha said, "Before you know freedom from sorrow you must be reborn as many times as there are mangoes on that tree."

Now, the mango tree was in full fruit and dozens of mangoes hung from it. The man gasped. "But Lord," he protested, "I have kept your Precepts! I have lived righteously! Why must I be condemned to suffer so much longer?"

The Buddha sighed. "Because that is how it must be." And he continued his walk.

He came to another crossroad and found another man praying; and this man, too, knelt before him. "Lord, life is indeed bitter and painful," the man said. "I have known such anguish. As a boy, I lost my parents; as a man, I lost my wife and pretty children. How many times must I be reborn into such wretched existence before I come finally to know the refuge of your love?"

The Buddha looked around and saw a field of wild flowers. "Do you see that field of wild flowers?" he asked. The man nodded. Then the Buddha said, "Before you know freedom from sorrow, you must be reborn as many times as there are blossoms in that field."

Seeing so many hundreds of flowers, the man cried, "But Lord! I have been a good person. I have always been honest and fair, never harming anyone! Why must I be made to endure so much more suffering?"

The Buddha sighed. "Because that is how it must be," and he continued on his way.

At the next crossroad, he met yet another man who knelt before him in supplication. "Lord, life is indeed bitter and painful!" the man said. "Days toiling under the burning sun, nights lying on the cold, wet earth. So much hunger and thirst and loneliness! How many more times must I be reborn into such wretched existence before I may walk with you in Paradise?"

The Buddha looked around and saw a tamarind tree. Now, each branch of the tamarind has many stems and each stem has dozens of little leaves. "Do you see that tamarind tree?" the Buddha asked. The man nodded. Then the Buddha said, "Before you know freedom from sorrow you must be reborn as many times as there are leaves on that tamarind tree."

The man looked at the tamarind and its thousands of leaves, and his eyes filled with tears of gratitude. "How merciful is my Lord!" he said, and he pressed his forehead to the ground before the Buddha's feet.

And the Buddha said, "Arise, my good friend. Come with me now."

And to this day the tamarind's seeds are the symbol of faithfulness and forbearance.

We cannot enter into contracts with the universe. We cannot say, "I obeyed the rules and therefore I'm entitled to receive benefits." or "I've put up with more than my share of hard luck. I'm due some good luck, now." The universe doesn't recognize our petty claims for justice. There are heroes who laid down their lives for the benefit of others. They have no voice to complain. Yet we know that because they were selfless, they walk in Paradise.

And isn't this the way to happiness? Isn't this how we enter Nirvana? By losing our individual egos and gaining the universal Buddha Self? Paradise comes when we surrender ourselves to it.

So when you are asked, "How much did you learn?" even if you can't come up with specific answers, you'll pay your check if you just say, "However long it takes, I'll stick with Chan. I'll keep trying to rid myself of selfishness and to never forget to keep my forehead pressed to the ground before the Buddha's feet."

Humility and patience are golden coins.

And here's a tip: Try to find a Buddha in every man you meet and you may pay the check for thousands.

When it comes to love, be a big spender! ♥

**Danh Sách Các Thành Viên Hoa Lư Và Thân Hữu
Phát Tâm Ân Tổng.**

Tên	Nơi Cư Ngụ	Số Tiền
Ân Danh 1	California	50
Ân Danh 2	California	50
Ân Danh 3	Florida	100
Ân Danh 4	California	50
Ân Danh 5	Dallas	50
Bà Xưa	New Orleans	25
Đại Gia Đình Kim Sơn	Houston	500
Đặng Duy Đề	Lincoln	50
Francois Phan	France	100
HP	Lincoln	100
Huỳnh Hương	Lincoln	100
Huỳnh Thy	Lincoln	100
Huỳnh Văn Thương	Lincoln	50
Lâm Anh Tuấn	Dallas	25
Lê Bá Tâm	Omaha	50
Lê Phú	California	100
Lê Tâm	California	100
Minh Tâm	California	50
Mỹ Linh Diêu Bông	Australia	100
Nguyễn Long & Gia Đình và Bạn Hữu	Washington DC	200
Nguyễn Thanh	Omaha	50
G/Đ Hội Hướng Công Đức Ân Tổng Cho Hương Linh Phật Tử Nguyễn Thị Lý - Pháp Danh Tịnh Nguyên	Houston	500
Nguyễn Xuân Đầu	Lincoln	100
Phan thị Ngọc Diện	New Orleans	25
25ers - Nguyễn Hoàng Việt		300
Hội Phật Học Tịnh Tâm	Lincoln	100
Quỳnh Hương	Florida	100
Thiên Hải & Hồng Ngân	Houston	100
Thu Hằng	Dallas	50
Trần Đông Đức	New Jersey	100
Trần Sera	New Jersey	100
Trịnh Toàn	Austin	100
Võ Minh	Florida	500

Toàn bộ cuốn sách này có thể download xuống từ các website dưới đây:

<http://www.hsuyun.org>

<http://www.tinh tam.org>

<http://www.hoalu.org>

Địa chỉ phân phối sách, xin liên lạc về:

Mr. Nguyễn Xuân Đầu
Hội Phật Học Tịnh Tâm
842 West Q St.
Lincoln, NE 68528

Hoặc:

Hoa Lư
7617 Boone Road
Houston, Texas 77072

Hình Bìa:
Hoàng Vi Kha

Nhóm Hoa Lư Phát Hành - 2003

Nhà Xuất Bản Hoa Lư:
7617 Boone Road
Houston, Texas 77072
Telephone: 281-495-6161